

(Các văn bản pháp luật)

QUY ĐỊNH

QUY ĐỊNH (EU) 2018/848 CỦA NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU VÀ CỦA HỘI ĐỒNG

ngày 30 tháng 5 năm 2018

về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC)
Số 834/2007

NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU VÀ HỘI ĐỒNG LIÊN MINH CHÂU ÂU,

Xét Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu, và đặc biệt là Điều 43(2) của Hiệp ước,

Xét đề nghị của Ủy ban Châu Âu,

Sau khi chuyển dự thảo luật tới quốc hội các nước,

Xét theo ý kiến của Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu (1),

Xét theo ý kiến của Ủy ban khu vực (2),

Hành động theo thủ tục lập pháp thông thường (3),

Trong khi:

- (1) Sản xuất hữu cơ là một hệ thống tổng thể về quản lý trang trại và sản xuất thực phẩm kết hợp các biện pháp hành động vì môi trường và khí hậu tốt nhất, mức độ đa dạng sinh học cao, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và áp dụng các tiêu chuẩn cao về phúc lợi động vật và tiêu chuẩn sản xuất cao trong phù hợp với nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với các sản phẩm được sản xuất bằng cách sử dụng các chất và quy trình tự nhiên. Do đó, sản xuất hữu cơ đóng một vai trò xã hội kép, trong đó, một mặt, nó cung cấp một thị trường cụ thể đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm hữu cơ, mặt khác, nó cung cấp hàng hóa có sẵn rộng rãi góp phần bảo vệ môi trường và phúc lợi động vật cũng như phát triển nông thôn.
- (2) Việc tuân thủ các tiêu chuẩn cao về sức khỏe, môi trường và phúc lợi động vật trong quá trình sản xuất các sản phẩm hữu cơ là bản chất của chất lượng cao của các sản phẩm đó. Như đã nhấn mạnh trong thông báo của Ủy ban về chính sách chất lượng sản phẩm nông nghiệp ngày 28 tháng 5 năm 2009, sản xuất hữu cơ là một phần của kế hoạch chất lượng sản phẩm nông nghiệp của Liên minh, cùng với các chỉ dẫn địa lý và đặc sản truyền thống được đảm bảo theo Quy định (EU) số 1151/2012 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (4) và các sản phẩm của các khu vực xa nhất của Liên minh theo Quy định (EU) số 228/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (5). Theo nghĩa này, sản xuất hữu cơ theo đuổi các mục tiêu tương tự trong chính sách nông nghiệp chung ('CAP'), vốn có trong tất cả các chương trình chất lượng sản phẩm nông nghiệp của Liên minh.
- (3) Đặc biệt, các mục tiêu của chính sách sản xuất hữu cơ được lồng ghép vào các mục tiêu của CAP bằng cách đảm bảo rằng nông dân nhận được lợi nhuận công bằng khi tuân thủ các quy tắc sản xuất hữu cơ. Ngoài ra, nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với các sản phẩm hữu cơ tạo điều kiện cho sự phát triển và mở rộng thị trường cho các sản phẩm đó và do đó làm tăng lợi nhuận của nông dân tham gia sản xuất hữu cơ.

(1) OJ C 12, 15.1.2015, tr. 75.

(2) OJ C 19, 21.1.2015, tr. 84.

(3) Quan điểm của Nghị viện Châu Âu ngày 19 tháng 4 năm 2018 (chưa được đăng trên Tạp chí Chính thức) và quyết định của Hội đồng

Ngày 22 tháng 5 năm 2018

(4) Quy định (EU) số 1151/2012 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 21 tháng 11 năm 2012 về chương trình chất lượng đối với nông sản và thực phẩm (OJ L 343, 14.12.2012, trang 1).

(5) Quy định (EU) số 228/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 13 tháng 3 năm 2013 đặt ra các biện pháp cụ thể cho nông nghiệp ở các khu vực xa nhất của Liên minh và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 247/2006 (OJ L 78, 20.3.2013, tr. 23).

- (4) Hơn nữa, sản xuất hữu cơ là một hệ thống góp phần lồng ghép các yêu cầu bảo vệ môi trường vào CAP và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững. Đây là lý do tại sao các biện pháp hỗ trợ tài chính cho sản xuất hữu cơ đã được đưa ra theo CAP, đặc biệt là theo Quy định (EU) Số 1307/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1), và đặc biệt được tăng cường trong việc cải cách khung pháp lý cho chính sách phát triển nông thôn được thiết lập theo Quy định (EU) số 1305/2013 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng (2).
- (5) Sản xuất hữu cơ cũng góp phần đạt được các mục tiêu trong chính sách môi trường của Liên minh, đặc biệt là những mục tiêu đặt ra trong thông báo của Ủy ban ngày 22 tháng 9 năm 2006 với tựa đề 'Chiến lược chuyên đề về bảo vệ đất', ngày 3 tháng 5 năm 2011 với tựa đề 'Chúng ta bảo hiểm nhân thọ, vốn tự nhiên của chúng ta: chiến lược đa dạng sinh học của EU đến năm 2020' và ngày 6 tháng 5 năm 2013 có tựa đề 'Cơ sở hạ tầng xanh (GI) - Tăng cường vốn tự nhiên của Châu Âu' và trong luật môi trường như Chỉ thị 2000/60/EC (3), 2001/81/EC (4), 2009/128/EC (5) và 2009/147/EC (6) của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng và Chỉ thị của Hội đồng 91/676/EEC (7) và 92/43/EEC (số 8).
- (6) Theo quan điểm của các mục tiêu về chính sách sản xuất hữu cơ của Liên minh, khung pháp lý được thiết lập để thực hiện chính sách đó phải nhằm mục đích đảm bảo cạnh tranh công bằng và hoạt động đúng đắn của thị trường nội địa đối với các sản phẩm hữu cơ, nhằm duy trì và chứng minh niềm tin của người tiêu dùng đối với các sản phẩm được dán nhãn là hữu cơ và cung cấp các điều kiện để chính sách có thể tiến triển phù hợp với sự phát triển của sản xuất và thị trường.
- (7) Các ưu tiên chính sách của chiến lược Châu Âu 2020, được nêu trong thông báo của Ủy ban ngày 3 tháng 3 năm 2010 với tựa đề 'Châu Âu 2020: Chiến lược tăng trưởng thông minh, bền vững và toàn diện', bao gồm việc đạt được một nền kinh tế cạnh tranh dựa trên kiến thức và đổi mới, thúc đẩy nền kinh tế có việc làm cao, mang lại sự gắn kết xã hội và lãnh thổ, đồng thời hỗ trợ chuyển đổi sang nền kinh tế sử dụng tài nguyên hiệu quả và ít carbon. Do đó, chính sách sản xuất hữu cơ phải cung cấp cho các nhà sản xuất những công cụ phù hợp để xác định và quảng bá sản phẩm của họ tốt hơn đồng thời bảo vệ chúng khỏi các hành vi không công bằng.
- (8) Lĩnh vực canh tác hữu cơ của Liên minh đã phát triển nhanh chóng trong những năm qua, không chỉ về diện tích sử dụng cho canh tác hữu cơ mà còn về số lượng cổ phần và tổng số nhà khai thác hữu cơ đã đăng ký trong Liên minh.
- (9) Do sự phát triển năng động của ngành hữu cơ, Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 (9) đã xác định nhu cầu xem xét lại các quy định của Liên minh về sản xuất hữu cơ trong tương lai, có tính đến kinh nghiệm thu được từ việc áp dụng những quy định đó. quy tắc. Kết quả đánh giá do Ủy ban thực hiện cho thấy khung pháp lý của Liên minh quản lý sản xuất hữu cơ cần được cải thiện để đưa ra các quy tắc đáp ứng kỳ vọng cao của người tiêu dùng và đảm bảo đủ sự rõ ràng cho những người được giải quyết. Do đó, Quy định (EC) số 834/2007 phải được bãi bỏ và thay thế bằng Quy định mới.
- (10) Kinh nghiệm thu được cho đến nay trong việc áp dụng Quy định (EC) số 834/2007 cho thấy cần phải làm rõ Quy định này áp dụng cho những sản phẩm nào. Về cơ bản, nó phải bao gồm các sản phẩm có nguồn gốc từ nông nghiệp, bao gồm nuôi trồng thủy sản và nuôi ong, như được liệt kê trong Phụ lục I của Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu (TFEU). Hơn nữa, nó phải bao gồm các sản phẩm nông nghiệp đã qua chế biến để sử dụng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi vì việc đưa các sản phẩm đó ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ sẽ tạo ra một lối thoát chính cho các sản phẩm nông nghiệp và đảm bảo rằng bản chất hữu cơ của các sản phẩm nông nghiệp mà chúng được chế biến được nhìn thấy rõ ràng. tới người tiêu dùng. Tương tự, điều này

- (1) Quy định (EU) số 1307/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 17 tháng 12 năm 2013 thiết lập các quy tắc thanh toán trực tiếp cho nông dân theo các chương trình hỗ trợ trong khuôn khổ chính sách nông nghiệp chung và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 637/2008 và Quy định của Hội đồng (EC) số 73/2009 (OJ L 347, 20.12.2013, trang 608).
- (2) Quy định (EU) số 1305/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 17 tháng 12 năm 2013 về hỗ trợ phát triển nông thôn của Quỹ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Châu Âu (EAFRD) và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) Số 1698/2005 (OJ L 347, 20.12.2013, trang 487).
- (3) Chỉ thị 2000/60/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 23 tháng 10 năm 2000 thiết lập khuôn khổ cho hành động của Cộng đồng trong lĩnh vực chính sách nước (OJ L 327, 22.12.2000, trang 1).
- (4) Chỉ thị 2001/81/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 23 tháng 10 năm 2001 về trần phát thải quốc gia đối với một số các chất gây ô nhiễm khí quyển (OJ L 309, 27.11.2001, p. 22).
- (5) Chỉ thị 2009/128/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 21 tháng 10 năm 2009 về thiết lập khuôn khổ cho Cộng đồng hành động nhằm đạt được việc sử dụng bền vững thuốc trừ sâu (OJ L 309, 24.11.2009, trang 71).
- (6) Chỉ thị 2009/147/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 30 tháng 11 năm 2009 về bảo tồn các loài chim hoang dã (OJ L 20, 26.1.2010, tr. 7).
- (7) Chỉ thị của Hội đồng 91/676/EEC ngày 12 tháng 12 năm 1991 liên quan đến việc bảo vệ nước khỏi ô nhiễm do nitrat từ nguồn nông nghiệp (OJ L 375, 31.12.1991, p. 1).
- (8) Chỉ thị của Hội đồng 92/43/EEC ngày 21 tháng 5 năm 1992 về bảo tồn môi trường sống tự nhiên và hệ động thực vật hoang dã (OJ L 206, 22.7.1992, tr. 7).
- (9) Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ngày 28 tháng 6 năm 2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định (EEC) số 2092/91 (OJ L 189, 20.7.2007, trang 1).

Quy định nên bao gồm một số sản phẩm khác có liên quan đến sản phẩm nông nghiệp theo cách tương tự như các sản phẩm nông nghiệp đã qua chế biến để sử dụng làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi vì những sản phẩm khác đó hoặc là đầu ra chính cho các sản phẩm nông nghiệp hoặc là một phần không thể thiếu của quá trình sản xuất. Cuối cùng, muối biển và các loại muối khác dùng làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi phải nằm trong phạm vi của Quy định này vì chúng có thể được sản xuất bằng cách áp dụng các kỹ thuật sản xuất tự nhiên và vì việc sản xuất chúng góp phần vào sự phát triển của khu vực nông thôn và do đó nằm trong phạm vi mục tiêu của Quy định này. Vì lý do rõ ràng, những sản phẩm khác không được liệt kê trong Phụ lục I của TFEU sẽ được liệt kê trong Phụ lục của Quy định này.

- (11) Để bổ sung hoặc sửa đổi một số yếu tố không thiết yếu của Quy định này, quyền thông qua các đạo luật theo Điều 290 TFEU phải được giao cho Ủy ban. Điều đặc biệt quan trọng là Ủy ban phải tiến hành các cuộc tham vấn phù hợp trong quá trình chuẩn bị, kể cả ở cấp độ chuyên gia, và những cuộc tham vấn đó phải được tiến hành theo các nguyên tắc được đặt ra trong Thỏa thuận liên thể chế ngày 13 tháng 4 năm 2016 về Xây dựng luật tốt hơn (1). Đặc biệt, để đảm bảo sự tham gia bình đẳng trong quá trình chuẩn bị các đạo luật được ủy quyền, Nghị viện và Hội đồng Châu Âu nhận tất cả các tài liệu cùng lúc với các chuyên gia của các Quốc gia Thành viên và các chuyên gia của họ có quyền tham dự các cuộc họp của các nhóm chuyên gia của Ủy ban liên quan đến việc chuẩn bị các đạo luật được ủy quyền một cách có hệ thống. hành vi được ủy quyền.
- (12) Để tính đến các phương pháp sản xuất mới, vật liệu mới hoặc các cam kết quốc tế, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban về việc mở rộng danh sách các sản phẩm khác có liên quan chặt chẽ đến nông nghiệp thuộc phạm vi của điều này Quy định.
- (13) Các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này nhưng có nguồn gốc từ việc săn bắt hoặc đánh bắt động vật hoang dã sẽ không được được coi là hữu cơ vì quá trình sản xuất của chúng không thể được kiểm soát hoàn toàn.
- (14) Do tính chất địa phương của các hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống đại chúng, các biện pháp do các Quốc gia Thành viên và các chương trình tư nhân thực hiện trong lĩnh vực này được coi là phù hợp để đảm bảo hoạt động của thị trường chung. Do đó, thực phẩm được chế biến bởi các nhà cung cấp dịch vụ ăn uống đại chúng tại cơ sở của họ không phải tuân theo Quy định này và do đó không được dán nhãn hoặc quảng cáo có biểu tượng sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu.
- (15) Các dự án nghiên cứu đã chứng minh rằng niềm tin của người tiêu dùng là rất quan trọng trên thị trường thực phẩm hữu cơ. Về lâu dài, các quy định không đáng tin cậy có thể gây nguy hiểm cho niềm tin của công chúng và dẫn đến thất bại thị trường. Do đó, sự phát triển bền vững của sản xuất hữu cơ trong Liên minh phải dựa trên các quy tắc sản xuất hợp lý được hài hòa ở cấp Liên minh và đáp ứng mong đợi của người điều hành và người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm hữu cơ và tuân thủ các nguyên tắc và quy tắc đặt ra trong này. Quy định.
- (16) Quy định này phải được áp dụng mà không ảnh hưởng đến pháp luật liên quan, đặc biệt là trong các lĩnh vực an toàn của chuỗi thực phẩm, sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật, vật liệu sinh sản thực vật, ghi nhãn và môi trường.
- (17) Quy định này phải tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của sản xuất hữu cơ và những tác động tích cực của nó đối với môi trường, đồng thời đảm bảo hoạt động hiệu quả của thị trường nội địa đối với các sản phẩm hữu cơ và cạnh tranh công bằng, từ đó giúp nông dân đạt được thu nhập công bằng, đảm bảo niềm tin của người tiêu dùng, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng và khuyến khích các kênh phân phối ngắn và sản xuất tại địa phương. Những mục tiêu đó phải đạt được thông qua việc tuân thủ các nguyên tắc chung và cụ thể cũng như các quy tắc sản xuất chung và chi tiết áp dụng cho sản xuất hữu cơ.
- (18) Xét đến đặc thù của hệ thống sản xuất hữu cơ, việc lựa chọn giống cây trồng cần tập trung vào hiệu quả nông học, đa dạng di truyền, khả năng kháng bệnh, tuổi thọ và khả năng thích ứng với các điều kiện đất đai và khí hậu đa dạng của địa phương, đồng thời phải tôn trọng các rào cản giao thoa tự nhiên.
- (19) Nguy cơ không tuân thủ các quy tắc sản xuất hữu cơ được coi là cao hơn ở các cơ sở nông nghiệp bao gồm các đơn vị không được quản lý theo các quy tắc đó. Vì vậy, sau một thời gian chuyển đổi thích hợp, tất cả

(1) OJ L 123, 5.12.2016, tr. 1.

các cơ sở nông nghiệp trong Liên minh nhằm mục đích trở thành hữu cơ phải được quản lý hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu áp dụng cho sản xuất hữu cơ. Tuy nhiên, việc sở hữu bao gồm cả các đơn vị được quản lý theo quy tắc sản xuất hữu cơ và các đơn vị được quản lý theo quy tắc sản xuất phi hữu cơ phải được cho phép theo một số điều kiện nhất định, đặc biệt là điều kiện phân tách rõ ràng và hiệu quả giữa các đơn vị sản xuất hữu cơ, chuyển đổi và phi hữu cơ và giữa các sản phẩm do đơn vị đó sản xuất ra.

- (20) Do việc sử dụng đầu vào bên ngoài cần được hạn chế trong sản xuất hữu cơ nên cần xác định một số mục tiêu nhất định về sản phẩm và chất nào thường được sử dụng trong sản xuất nông sản hoặc nông sản chế biến. Khi thường được sử dụng cho những mục đích đó, việc sử dụng các sản phẩm hoặc chất chỉ được phép khi chúng được cho phép theo Quy định này. Tuy nhiên, sự cho phép đó chỉ có hiệu lực miễn là việc sử dụng các đầu vào bên ngoài đó trong sản xuất phi hữu cơ không bị luật Liên minh hoặc luật quốc gia dựa trên luật Liên minh cấm. Việc sử dụng các sản phẩm hoặc chất chứa hoặc bao gồm các sản phẩm bảo vệ thực vật không phải là hoạt chất nên được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ miễn là việc sử dụng chúng được cho phép phù hợp với Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng (1) và miễn là việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật đó ra thị trường cũng như việc sử dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật đó không bị các Quốc gia Thành viên cấm theo Quy định đó.
- (21) Khi toàn bộ hoặc một phần diện tích nằm giữ nhằm mục đích sản xuất các sản phẩm hữu cơ thì chúng phải trải qua một giai đoạn chuyển đổi trong đó chúng được quản lý theo các quy tắc sản xuất hữu cơ, nhưng không thể sản xuất các sản phẩm hữu cơ. Sản phẩm chỉ được phép đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ sau khi hết thời gian chuyển đổi. Khoảng thời gian đó không nên bắt đầu trước khi người nông dân hoặc nhà điều hành sản xuất tảo hoặc động vật nuôi trồng thủy sản thông báo rằng việc chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ cho cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên nơi có cơ sở nuôi trồng và do đó phải tuân theo hệ thống kiểm soát sẽ được thiết lập. bởi các Quốc gia Thành viên theo Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (2) và Quy định này. Cơ quan có thẩm quyền chỉ có thể công nhận hồi tố các khoảng thời gian trước ngày thông báo là khoảng thời gian chuyển đổi khi khu đất nắm giữ hoặc các phần liên quan của nó đã phải áp dụng các biện pháp môi trường nông nghiệp do quỹ Liên minh hỗ trợ hoặc là các khu vực tự nhiên hoặc nông nghiệp trong khoảng thời gian ở ít nhất ba năm không được xử lý bằng sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ.
- (22) Để đảm bảo chất lượng, truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này liên quan đến sản xuất hữu cơ và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền thông qua một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với các quy định tiếp theo về việc chia cổ phần thành hữu cơ, chuyển đổi và sản xuất phi hữu cơ
- các đơn vị.
- (23) Việc sử dụng bức xạ ion hóa, nhân bản động vật và động vật đa bội nhân tạo hoặc sinh vật biến đổi gen ('GMO'), cũng như các sản phẩm được sản xuất từ hoặc bởi GMO, là không phù hợp với khái niệm sản xuất hữu cơ và nhận thức của người tiêu dùng về hữu cơ các sản phẩm. Do đó, việc sử dụng như vậy nên bị cấm trong sản xuất hữu cơ.
- (24) Để hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuân thủ Quy định này, người vận hành phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối, khi thích hợp, để đảm bảo bảo tồn đa dạng sinh học và chất lượng đất, ngăn ngừa và kiểm soát sâu bệnh và tránh các tác động tiêu cực đến môi trường, sức khỏe động vật và thực vật. Họ cũng nên thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi thích hợp.

(1) Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 21 tháng 10 năm 2009 liên quan đến việc đặt nhà máy sản phẩm bảo vệ trên thị trường và bãi bỏ các Chỉ thị của Hội đồng 79/117/EEC và 91/414/EEC (OJ L 309, 24.11.2009, trang 1).

(2) Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 15 tháng 3 năm 2017 về kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác được thực hiện để đảm bảo áp dụng luật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các quy định về sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và thực vật sản phẩm bảo hộ, sửa đổi Quy định (EC) Số 999/2001, (EC) Số 396/2005, (EC) Số 1069/2009, (EC) Số 1107/2009, (EU) Số 1151/2012, (EU) Số 652/2014, (EU) 2016/429 và (EU) 2016/2031 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu, Quy định của Hội đồng (EC) Số 1/2005 và (EC) Số 1099 /2009 và Chỉ thị của Hội đồng 98/58/EC, 1999/74/EC, 2007/43/EC, 2008/119/EC và 2008/120/EC, đồng thời bãi bỏ Quy định (EC) Số 854/2004 và (EC) Số 882/2004 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu, Chỉ thị của Hội đồng 89/608/EEC, 89/662/EEC, 90/425/EEC, 91/496/EEC, 96/23/EC, 96/93/EC và 97/78/EC và Quyết định của Hội đồng 92/438/EEC (Quy định kiểm soát chính thức) (OJ L 95, 7.4.2017, trang 1).

nằm dưới sự kiểm soát của họ để tránh ô nhiễm với các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Quy định này và để tránh trộn lẫn các sản phẩm hữu cơ, không chuyển đổi và phi hữu cơ.

- (25) Sản phẩm được sản xuất trong thời gian chuyển đổi không được đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ. Để tránh nguy cơ gây nhầm lẫn và gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, những sản phẩm đó cũng không được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm chuyển đổi, ngoại trừ trường hợp nguyên liệu nhân giống thực vật, sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc thực vật và sản phẩm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật chỉ có một thành phần cây trồng nông nghiệp. , trong mọi trường hợp với điều kiện phải tuân thủ thời gian chuyển đổi ít nhất 12 tháng trước khi thu hoạch.
- (26) Để đảm bảo chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số hành vi nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với các quy tắc chuyển đổi đối với các loài động vật tiếp theo.
- (27) Cần thiết lập các quy tắc sản xuất chi tiết liên quan đến sản xuất cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản, bao gồm các quy định về thu hái thực vật hoang dã và tảo, cũng như liên quan đến sản xuất thực phẩm chế biến và thức ăn chăn nuôi cũng như rượu và men được sử dụng. như thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi, để đảm bảo sự hài hòa và tuân thủ các mục tiêu và nguyên tắc sản xuất hữu cơ.
- (28) Vì sản xuất thực vật hữu cơ dựa trên việc nuôi dưỡng thực vật chủ yếu thông qua hệ sinh thái đất, nên thực vật phải được sản xuất trên và trong đất sống liên quan đến lòng đất và đá gốc. Do đó, không được phép sản xuất thủy canh hoặc trồng cây trong thùng, túi hoặc luống nơi rễ cây không tiếp xúc với đất sống.
- (29) Tuy nhiên, một số hoạt động trồng trọt nhất định không liên quan đến đất, chẳng hạn như sản xuất hạt nảy mầm hoặc đầu rau diếp xoắn và sản xuất cây cảnh và thảo mộc trong chậu để bán trong chậu cho người tiêu dùng, theo nguyên tắc đất- nên cho phép việc canh tác cây trồng liên quan không được điều chỉnh hoặc không có rủi ro khiến người tiêu dùng bị lừa dối về phương pháp sản xuất. Để tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất hữu cơ ở giai đoạn phát triển sớm hơn của cây trồng, việc trồng cây con hoặc cấy ghép trong các thùng chứa để cấy tiếp cũng phải được cho phép.
- (30) Nguyên tắc canh tác cây trồng trên đất liền và nuôi dưỡng cây trồng chủ yếu thông qua hệ sinh thái đất được thiết lập theo Quy định (EC) số 834/2007. Tuy nhiên, một số nhà khai thác đã phát triển hoạt động kinh tế bằng cách trồng cây trên 'các luống được phân định ranh giới' và đã được chính quyền quốc gia của họ chứng nhận là hữu cơ theo Quy định (EC) số 834/2007. Một thỏa thuận đã đạt được trong thủ tục lập pháp thông thường vào ngày 28 tháng 6 năm 2017 rằng sản xuất hữu cơ phải dựa trên việc nuôi dưỡng cây trồng chủ yếu thông qua hệ sinh thái đất và liên quan đến đất, và không được phép trồng cây trên các luống được phân định nữa từ đó. ngày. Để mang lại cho các nhà khai thác đã phát triển hoạt động kinh tế đó khả năng thích ứng, họ phải được phép duy trì bề mặt sản xuất của mình nếu họ được chứng nhận là hữu cơ theo Quy định (EC) Số 834/2007 trước ngày đó bởi chính quyền quốc gia của họ, trong 10 năm tiếp theo sau ngày áp dụng Quy định này. Trên cơ sở thông tin do các Quốc gia Thành viên cung cấp cho Ủy ban, hoạt động đó chỉ được phép ở Liên minh trước ngày 28 tháng 6 năm 2017 tại Phần Lan, Thụy Điển và Đan Mạch. Việc sử dụng các luống được phân định ranh giới trong nông nghiệp hữu cơ phải tuân theo báo cáo của Ủy ban, báo cáo này sẽ được công bố 5 năm sau ngày áp dụng Quy định này.
- (31) Sản xuất thực vật hữu cơ phải bao gồm việc sử dụng các kỹ thuật sản xuất nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu bất kỳ góp phần gây ô nhiễm môi trường.
- (32) Trong khi nông nghiệp phi hữu cơ có nhiều phương tiện bên ngoài hơn để thích ứng với môi trường nhằm đạt được mức tăng trưởng cây trồng tối ưu, thì các hệ thống sản xuất cây trồng hữu cơ cần vật liệu sinh sản thực vật có khả năng thích ứng với khả năng kháng bệnh, điều kiện đất đai và khí hậu địa phương đa dạng cũng như các điều kiện cụ thể thực hành canh tác nông nghiệp hữu cơ góp phần phát triển ngành hữu cơ. Vì vậy, việc phát triển vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ phù hợp với nông nghiệp hữu cơ là rất quan trọng.
- (33) Liên quan đến quản lý đất và bón phân, cần phải xác định rõ các biện pháp canh tác được phép trong sản xuất cây trồng hữu cơ và đặt ra các điều kiện cho việc sử dụng phân bón và chất điều hòa.

- (34) Cần hạn chế đáng kể việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Cần ưu tiên các biện pháp ngăn ngừa thiệt hại do sâu bệnh và cỏ dại gây ra thông qua các kỹ thuật không liên quan đến việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, chẳng hạn như luân canh cây trồng. Sự hiện diện của sâu bệnh và cỏ dại cần được theo dõi để quyết định xem liệu bất kỳ biện pháp can thiệp nào có hợp lý về mặt kinh tế và sinh thái hay không. Tuy nhiên, nên cho phép sử dụng một số sản phẩm bảo vệ thực vật nhất định nếu các kỹ thuật đó không mang lại sự bảo vệ đầy đủ và chỉ khi những sản phẩm bảo vệ thực vật đó đã được cấp phép theo Quy định (EC) số 1107/2009, sau khi đã được đánh giá và phát hiện là có hại. Tương thích với các mục tiêu và nguyên tắc sản xuất hữu cơ, bao gồm cả trường hợp các sản phẩm đó đã được cấp phép với các điều kiện sử dụng hạn chế và do đó đã được cấp phép theo Quy định này.
- (35) Để đảm bảo chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số hành vi nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với một số vi phạm nhất định, việc sử dụng thực vật chuyển đổi hoặc thực vật phi hữu cơ. vật liệu tái sản xuất, thỏa thuận giữa những người điều hành các cơ sở nông nghiệp, các biện pháp quản lý sâu bệnh và cỏ dại sâu hơn, cũng như các quy định chi tiết hơn và thực hành canh tác đối với các loại cây trồng và sản xuất cây trồng cụ thể.
- (36) Nghiên cứu của Liên minh về vật liệu sinh sản thực vật không đáp ứng được định nghĩa về giống liên quan đến tính đồng nhất cho thấy rằng có thể có lợi ích khi sử dụng vật liệu đa dạng đó, đặc biệt là đối với sản xuất hữu cơ, chẳng hạn như để giảm sự lây lan của bệnh tật, để cải thiện khả năng phục hồi và tăng đa dạng sinh học.
- (37) Do đó, vật liệu sinh sản thực vật không thuộc về một giống mà thuộc về một nhóm thực vật trong một đơn vị phân loại thực vật duy nhất có mức độ đa dạng di truyền và kiểu hình cao giữa các đơn vị sinh sản riêng lẻ nên sẵn có để sử dụng trong sản xuất hữu cơ.

Vì lý do đó, các nhà điều hành phải được phép đưa ra thị trường vật liệu sinh sản thực vật bằng vật liệu không đồng nhất hữu cơ mà không cần phải tuân thủ các yêu cầu đăng ký và không phải tuân thủ các loại chứng nhận của vật liệu cơ bản, cơ bản và được chứng nhận hoặc các yêu cầu đối với các loại vật liệu khác. các danh mục được quy định trong Chỉ thị của Hội đồng 66/401/EEC (1), 66/402/EEC (2), 68/193/EEC (3), 98/56/EC (4), 2002/53/EC (5), 2002/54/EC (6), 2002/55/EC (7), 2002/56/EC (8), 2002/57/EC (9), 2008/72/EC (10) và 2008/90/EC (11), hoặc trong các đạo luật được thông qua theo các Chỉ thị đó.

Việc tiếp thị đó phải diễn ra sau khi thông báo cho các cơ quan chịu trách nhiệm được đề cập trong các Chỉ thị đó và sau khi Ủy ban đã thông qua các yêu cầu hài hòa đối với tài liệu đó, miễn là tài liệu đó tuân thủ các yêu cầu đó.

- (38) Để đảm bảo chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban trong việc đặt ra các quy tắc nhất định cho việc sản xuất và tiếp thị nguyên liệu sinh sản thực vật của vật liệu hữu cơ không đồng nhất của các chi hoặc loài cụ thể.
- (39) Để đáp ứng nhu cầu của các nhà sản xuất hữu cơ, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển các giống hữu cơ phù hợp cho sản xuất hữu cơ, có tính đến các nhu cầu và mục tiêu cụ thể của nông nghiệp hữu cơ như tăng cường đa dạng di truyền, khả năng kháng bệnh hoặc khả năng chống chịu và thích ứng với điều kiện đất đai và khí hậu địa phương đa dạng,

- (1) Chỉ thị của Hội đồng 66/401/EEC ngày 14 tháng 6 năm 1966 về tiếp thị hạt giống cây trồng làm thức ăn gia súc (OJ L 125, 11.7.1966, trang 2298).
- (2) Chỉ thị của Hội đồng 66/402/EEC ngày 14 tháng 6 năm 1966 về tiếp thị hạt ngũ cốc (OJ L 125, 11.7.1966, trang 2309).
- (3) Chỉ thị của Hội đồng số 68/193/EEC ngày 9 tháng 4 năm 1968 về tiếp thị vật liệu để nhân giống sinh dưỡng cây nho (OJ L 93, 17.4.1968, tr. 15).
- (4) Chỉ thị của Hội đồng 98/56/EC ngày 20 tháng 7 năm 1998 về tiếp thị vật liệu nhân giống cây cảnh (OJ L 226, 13.8.1998, P. 16).
- (5) Chỉ thị của Hội đồng 2002/53/EC ngày 13 tháng 6 năm 2002 về Danh mục chung các giống cây trồng nông nghiệp (OJ L 193, 20.7.2002, tr. 1).
- (6) Chỉ thị của Hội đồng 2002/54/EC ngày 13 tháng 6 năm 2002 về tiếp thị hạt củ cải (OJ L 193, 20.7.2002, trang 12).
- (7) Chỉ thị của Hội đồng 2002/55/EC ngày 13 tháng 6 năm 2002 về tiếp thị hạt giống rau (OJ L 193, 20.7.2002, trang 33).
- (8) Chỉ thị của Hội đồng 2002/56/EC ngày 13 tháng 6 năm 2002 về tiếp thị khoai tây giống (OJ L 193, 20.7.2002, trang 60).
- (9) Chỉ thị của Hội đồng 2002/57/EC ngày 13 tháng 6 năm 2002 về tiếp thị hạt giống cây lấy dầu và cây lấy sợi (OJ L 193, 20.7.2002, trang 74).
- (10) Chỉ thị của Hội đồng 2008/72/EC ngày 15 tháng 7 năm 2008 về tiếp thị vật liệu nhân giống và trồng rau, trừ hạt giống (OJ L 205, 1.8.2008, tr. 28).
- (11) Chỉ thị của Hội đồng 2008/90/EC ngày 29 tháng 9 năm 2008 về tiếp thị vật liệu nhân giống cây ăn quả và cây ăn quả dự kiến cho sản xuất trái cây (OJ L 267, 8.10.2008, p. 8).

thí nghiệm tạm thời phải được tổ chức theo Chỉ thị 66/401/EEC, 66/402/EEC, 68/193/EEC, 2002/53/EC, 2002/54/EC, 2002/55/EC, 2002/56/EC, 2002/57/EC, 2008/72/EC và 2008/90/EC. Thí nghiệm tạm thời đó sẽ kéo dài trong thời hạn bảy năm, cần có đủ số lượng nguyên liệu sinh sản thực vật và phải được báo cáo hàng năm. Nó sẽ giúp thiết lập các tiêu chí mô tả các đặc tính của nguyên liệu đó và xác định các điều kiện sản xuất và tiếp thị cho nguyên liệu đó.

- (40) Vì chăn nuôi đường nhiên liên quan đến việc quản lý đất nông nghiệp, nơi phân được sử dụng để nuôi trồng cây trồng, nên cấm chăn nuôi không có đất, ngoại trừ trường hợp nuôi ong. Trong việc lựa chọn giống, cần khuyến khích lựa chọn các đặc điểm quan trọng đối với nông nghiệp hữu cơ, chẳng hạn như mức độ đa dạng di truyền cao, khả năng thích ứng với điều kiện địa phương và khả năng kháng bệnh.
- (41) Động vật hữu cơ không phải lúc nào cũng có đủ số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu của những người nông dân lần đầu tiên muốn tạo thành một đàn hoặc một đàn hoặc để tăng hoặc đổi mới vật nuôi của họ. Do đó, trong những điều kiện nhất định, có thể đưa động vật được nuôi không hữu cơ đến đơn vị sản xuất hữu cơ.
- (42) Vật nuôi phải được cho ăn bằng nguyên liệu thức ăn được sản xuất theo quy tắc sản xuất hữu cơ, tốt nhất là do người chăn nuôi tự sản xuất, có tính đến nhu cầu sinh lý của vật nuôi. Tuy nhiên, nông dân cũng nên được trao cơ hội sử dụng thức ăn chuyển đổi từ trang trại của chính họ, với những điều kiện nhất định. Ngoài ra, để cung cấp các yêu cầu dinh dưỡng cơ bản cho vật nuôi, người chăn nuôi phải được phép sử dụng một số nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất hoặc một số chất phụ gia thức ăn và chất hỗ trợ chế biến trong các điều kiện được xác định rõ ràng.
- (43) Quản lý sức khỏe động vật chủ yếu phải dựa trên việc phòng bệnh. Ngoài ra, cần áp dụng các biện pháp vệ sinh, khử trùng cụ thể. Việc sử dụng phòng ngừa các sản phẩm thuốc đối chứng tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, không được phép trong sản xuất hữu cơ. Trong trường hợp động vật bị ốm hoặc bị thương cần được điều trị ngay lập tức, việc sử dụng các sản phẩm đó phải được hạn chế ở mức tối thiểu cần thiết để khôi phục sức khỏe cho động vật. Trong những trường hợp như vậy, để đảm bảo tính toàn vẹn của sản xuất hữu cơ cho người tiêu dùng, thời gian ngừng sử dụng chính thức sau khi sử dụng các sản phẩm thuốc đó theo quy định trong luật Liên minh liên quan phải gấp đôi thời gian ngừng sử dụng thông thường và có thời gian tối thiểu là 48 giờ.
- (44) Các điều kiện chuồng trại và phương pháp chăn nuôi hữu cơ phải đáp ứng nhu cầu hành vi của động vật và phải đảm bảo phúc lợi động vật ở mức độ cao, một số khía cạnh trong đó phải vượt xa các tiêu chuẩn phúc lợi động vật của Liên minh áp dụng cho chăn nuôi nói chung. Trong hầu hết các trường hợp, vật nuôi phải được tiếp cận thường xuyên với các khu vực ngoài trời để tập thể dục. Cần tránh bất kỳ sự đau đớn, đau đớn hoặc đau khổ nào hoặc nên giữ ở mức tối thiểu ở tất cả các giai đoạn trong cuộc đời của động vật. Việc buộc và cắt xén, chẳng hạn như cắt đuôi cho cừu, cắt mỏ trong ba ngày đầu đời và tách chồi, chỉ được thực hiện nếu được cơ quan có thẩm quyền cho phép và chỉ trong một số điều kiện nhất định.
- (45) Vì sản xuất hữu cơ phát triển nhất đối với động vật bò, động vật đẻ trứng, động vật đẻ, động vật ngựa, động vật cỏ tử cung và động vật lợn, cũng như đối với gia cầm, thỏ và ong, nên các quy tắc sản xuất chi tiết bổ sung nên áp dụng cho các loài đó. Đối với những loài này, Ủy ban cần đặt ra một số yêu cầu quan trọng đối với việc sản xuất những loài động vật đó, chẳng hạn như yêu cầu về mật độ thả giống, bề mặt và đặc điểm tối thiểu cũng như các yêu cầu kỹ thuật về chuồng nuôi. Đối với các loài khác, những yêu cầu như vậy phải được đặt ra sau khi áp dụng các quy tắc sản xuất chi tiết bổ sung cho các loài đó.
- (46) Để đảm bảo chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban về việc giảm bớt các vi phạm liên quan đến nguồn gốc động vật, các giới hạn đối với sản phẩm hữu cơ. nitor liên quan đến tổng mật độ thả giống, việc cho đàn ong ăn, phương pháp xử lý được chấp nhận để khử trùng đàn ong, phương pháp và phương pháp xử lý để chống lại loài phá hoại Varroa và các quy tắc chăn nuôi chi tiết cho các loài tiếp theo.
- (47) Quy định này phản ánh các mục tiêu của Chính sách Thủy sản chung mới liên quan đến nuôi trồng thủy sản, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực lâu dài, bền vững cũng như tăng trưởng và việc làm, đồng thời giảm áp lực lên trữ lượng cá tự nhiên, trong bối cảnh nhu cầu thực phẩm thủy sản toàn cầu ngày càng tăng. Thông báo của Ủy ban ngày 29 tháng 4 năm 2013 về Hướng dẫn Chiến lược cho sự phát triển bền vững của nuôi trồng thủy sản của EU nêu bật những thách thức chính mà nuôi trồng thủy sản trong Liên minh phải đối mặt và tiềm năng tăng trưởng của nó. Truyền thông đó xác định nuôi trồng thủy sản hữu cơ là một lĩnh vực đặc biệt hứa hẹn và nêu bật những lợi thế cạnh tranh có được từ chứng nhận hữu cơ.

- (48) Nuôi trồng thủy sản hữu cơ là một lĩnh vực sản xuất hữu cơ tương đối mới so với nông nghiệp hữu cơ, nơi có kinh nghiệm lâu năm ở cấp độ trang trại. Do sự quan tâm ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với các sản phẩm nuôi trồng thủy sản hữu cơ, tỷ lệ chuyển đổi các đơn vị nuôi trồng thủy sản sang sản xuất hữu cơ có thể sẽ tiếp tục tăng trưởng. Điều này sẽ dẫn đến tăng cường kinh nghiệm, kiến thức kỹ thuật và phát triển, cùng với những cải tiến trong nuôi trồng thủy sản hữu cơ cần được phản ánh trong các quy tắc sản xuất.
- (49) Nuôi trồng thủy sản hữu cơ phải dựa trên việc nuôi đàn con có nguồn gốc từ các đơn vị sản xuất hữu cơ. Động vật nuôi trồng thủy sản hữu cơ cho mục đích nhân giống hoặc nuôi trồng không phải lúc nào cũng có đủ số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu của các nhà sản xuất động vật nuôi trồng thủy sản. Trong những điều kiện nhất định, có thể đưa động vật nuôi trồng thủy sản đánh bắt tự nhiên hoặc phi hữu cơ đến đơn vị sản xuất hữu cơ.
- (50) Để đảm bảo chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban liên quan đến thức ăn cho động vật nuôi trồng thủy sản và việc điều trị thú y cho những động vật đó, và trong tôn trọng các điều kiện chi tiết về quản lý tôm bố mẹ, chăn nuôi và sản xuất cá con.
- (51) Các nhà hoạt động sản xuất thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi hữu cơ phải tuân theo các quy trình thích hợp dựa trên việc xác định có hệ thống các bước chế biến quan trọng để đảm bảo rằng các sản phẩm chế biến tuân thủ các quy tắc sản xuất hữu cơ. Các sản phẩm hữu cơ đã qua chế biến phải được sản xuất bằng các phương pháp chế biến đảm bảo rằng các đặc tính và chất lượng hữu cơ của sản phẩm được duy trì qua tất cả các giai đoạn sản xuất hữu cơ.
- (52) Nên đưa ra các quy định liên quan đến thành phần của thực phẩm và thức ăn chăn nuôi hữu cơ đã qua chế biến. Đặc biệt, thực phẩm đó phải được sản xuất chủ yếu từ các thành phần nông nghiệp hữu cơ hoặc từ các thành phần hữu cơ khác thuộc phạm vi của Quy định này, với khả năng sử dụng hạn chế một số thành phần nông nghiệp phi hữu cơ nhất định được quy định trong Quy định này. Ngoài ra, chỉ một số sản phẩm và chất được cho phép theo Quy định này mới được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm và thức ăn chăn nuôi hữu cơ đã qua chế biến.
- (53) Để đảm bảo chất lượng, truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số hành vi nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với các biện pháp phòng ngừa và phòng ngừa mà các nhà hoạt động sản xuất thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến phải thực hiện, về loại và thành phần của các sản phẩm và chất được phép sử dụng trong thực phẩm đã qua chế biến, cũng như các điều kiện sử dụng chúng và về việc tính tỷ lệ phần trăm các thành phần nông nghiệp, bao gồm cả yêu cầu kỹ thuật của các chất phụ gia được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ được coi là nguyên liệu nông nghiệp nhằm mục đích tính toán tỷ lệ phần trăm cần đạt được nhằm mô tả sản phẩm là hữu cơ trong mô tả bán hàng.
- (54) Rượu hữu cơ phải tuân theo các quy định liên quan về thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến. Tuy nhiên, vì rượu vang là một loại sản phẩm hữu cơ cụ thể và quan trọng nên cần đặt ra các quy tắc sản xuất chi tiết bổ sung dành riêng cho rượu vang hữu cơ. Rượu hữu cơ phải được sản xuất hoàn toàn từ nguyên liệu thô hữu cơ và chỉ được phép thêm một số sản phẩm và chất nhất định được phép theo Quy định này. Việc sử dụng một số phương pháp, quy trình và phương pháp xử lý rượu vang nhất định trong sản xuất rượu vang hữu cơ nên bị cấm. Các thực hành, quy trình và biện pháp xử lý khác phải được cho phép trong các điều kiện được xác định rõ ràng.
- (55) Để đảm bảo chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban về việc chỉ định các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị bị cấm bổ sung cũng như về việc sửa đổi danh sách các phương pháp thực hành, quy trình và phương pháp điều trị được phép.
- (56) Ban đầu, men không được coi là thành phần nông nghiệp theo Quy định (EC) số 834/2007 và do đó nó không được tính vào thành phần nông nghiệp của các sản phẩm hữu cơ. Tuy nhiên, Quy định của Ủy ban (EC) Số 889/2008 (1) đưa ra nghĩa vụ coi men và các sản phẩm men là nguyên liệu nông nghiệp cho

(1) Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ngày 5 tháng 9 năm 2008 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất, ghi nhãn và kiểm soát hữu cơ (OJ L 250, 18.9.2008, trang 1).

mục đích sản xuất hữu cơ từ ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo đó, từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, chỉ được sử dụng chất nền được sản xuất hữu cơ trong sản xuất men hữu cơ để sử dụng làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Ngoài ra, chỉ được phép sử dụng một số sản phẩm và chất nhất định trong quá trình sản xuất, làm bánh kẹo và xây dựng công thức.

- (57) Để đảm bảo chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với các quy tắc sản xuất men chi tiết bổ sung.
- (58) Mặc dù Quy định này sẽ hài hòa các quy tắc sản xuất hữu cơ trong Liên minh cho tất cả các sản phẩm nằm trong phạm vi của nó và nên đặt ra các quy tắc sản xuất chi tiết cho các loại sản phẩm khác nhau, nhưng chỉ ở giai đoạn sau mới có thể áp dụng một số quy tắc sản xuất nhất định, chẳng hạn như quy tắc sản xuất chi tiết bổ sung cho các loài động vật tiếp theo hoặc đối với các sản phẩm không thuộc các danh mục mà quy tắc sản xuất chi tiết đã được đặt ra trong Quy định này. Trong trường hợp không có các quy tắc sản xuất như vậy ở cấp Liên minh, các Quốc gia Thành viên vẫn có khả năng đặt ra các quy tắc quốc gia cho hoạt động sản xuất trong nước của mình, miễn là các quy tắc đó không trái với Quy định này. Tuy nhiên, các Quốc gia Thành viên không nên áp dụng các quy tắc quốc gia đó cho các sản phẩm được sản xuất hoặc tiếp thị ở các Quốc gia Thành viên khác nơi các sản phẩm đó tuân thủ Quy định này. Trong trường hợp không có các quy tắc sản xuất chi tiết quốc gia như vậy, các nhà sản xuất ít nhất phải tuân thủ các quy tắc sản xuất chung và các nguyên tắc sản xuất hữu cơ, trong chừng mực các quy tắc và nguyên tắc đó có thể áp dụng cho các sản phẩm liên quan, khi đưa sản phẩm đó ra thị trường với các điều khoản. đề cập đến sản xuất hữu cơ.
- (59) Để tính đến bất kỳ nhu cầu nào trong tương lai về việc có các quy tắc sản xuất cụ thể cho các sản phẩm mà việc sản xuất không thuộc bất kỳ loại quy tắc sản xuất cụ thể nào được nêu trong Quy định này, cũng như để đảm bảo chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc, tuân thủ Quy định này và sau đó là thích ứng với các phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban về việc đặt ra các quy tắc sản xuất chi tiết cũng như các quy tắc về nghĩa vụ chuyển đổi đối với các sản phẩm đó.
- (60) Chỉ nên đưa ra các ngoại lệ đối với các quy tắc sản xuất hữu cơ trong trường hợp có thảm họa. Để cho phép sản xuất hữu cơ tiếp tục hoặc bắt đầu lại trong những trường hợp như vậy, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban trong việc đặt ra các tiêu chí để xác định xem một tình huống có đủ tiêu chuẩn là hoàn cảnh thảm khốc hay không cũng như các quy tắc cụ thể, bao gồm cả các quy định có thể áp dụng. Vì phạm Quy định này, về cách các Quốc gia Thành viên phải đối phó với những tình huống thảm khốc như vậy và về các yêu cầu giám sát và báo cáo cần thiết trong những trường hợp đó.
- (61) Trong những điều kiện nhất định, các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển đổi và sản phẩm phi hữu cơ có thể được thu gom và vận chuyển đồng thời. Để phân tách hợp lý các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm không chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ trong quá trình xử lý và tránh bất kỳ sự trộn lẫn nào, cần phải đưa ra các quy định cụ thể.
- (62) Để đảm bảo tính toàn vẹn của sản xuất hữu cơ và thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền thông qua một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban liên quan đến các quy định về đóng gói và vận chuyển các sản phẩm hữu cơ.
- (63) Việc sử dụng trong sản xuất hữu cơ một số sản phẩm hoặc chất làm hoạt chất được sử dụng trong các sản phẩm bảo vệ thực vật thuộc phạm vi của Quy định (EC) số 1107/2009, phân bón, chất điều hòa đất, chất dinh dưỡng, các thành phần phi hữu cơ của động vật dinh dưỡng có nguồn gốc khác nhau, phụ gia thức ăn, chất hỗ trợ chế biến và các sản phẩm làm sạch và khử trùng phải được giới hạn ở mức tối thiểu và phải tuân theo các điều kiện cụ thể được nêu trong Quy định này. Cần áp dụng cách tiếp cận tương tự đối với việc sử dụng các sản phẩm và chất làm phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến cũng như đối với việc sử dụng các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ trong sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến. Do đó, bất kỳ việc sử dụng nào có thể có của các sản phẩm và chất đó trong sản xuất hữu cơ nói chung và trong sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến nói riêng đều phải được xác định theo các nguyên tắc đặt ra trong Quy định này và các tiêu chí nhất định.
- (64) Để đảm bảo chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc và tuân thủ Quy định này liên quan đến sản xuất hữu cơ nói chung và sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến nói riêng, cũng như để đảm bảo thích ứng với sự phát triển kỹ thuật, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được ủy quyền cho Ủy ban về các tiêu chí bổ sung cho việc cấp phép các sản phẩm và chất sử dụng trong sản xuất hữu cơ nói chung và trong sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến nói riêng, cũng như các tiêu chí để thu hồi các giấy phép đó.

- (65) Để đảm bảo khả năng tiếp cận các nguyên liệu nông nghiệp, khi những nguyên liệu đó không có sẵn ở dạng hữu cơ với số lượng đủ để sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến, các Quốc gia Thành viên cũng nên có khả năng cho phép sử dụng các nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ theo những điều kiện nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định.
- (66) Để thúc đẩy sản xuất hữu cơ và giải quyết nhu cầu về dữ liệu đáng tin cậy, thông tin và dữ liệu về sự sẵn có trên thị trường đối với vật liệu sinh sản hữu cơ và thực vật chuyển đổi, đối với động vật hữu cơ và đối với cá con nuôi trồng thủy sản hữu cơ cần phải được thu thập và phổ biến cho nông dân và người vận hành. Vì mục đích đó, các Quốc gia Thành viên phải đảm bảo rằng các cơ sở dữ liệu và hệ thống được cập nhật thường xuyên với những thông tin đó được thiết lập trên lãnh thổ của họ và Ủy ban nên công khai những thông tin đó.
- (67) Để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu đối với sản xuất hữu cơ và để đảm bảo sự tin tưởng của người tiêu dùng đối với phương pháp sản xuất này, điều cần thiết là người thực hiện phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền, hoặc, nếu thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, về các trường hợp nghi ngờ không có chất hữu cơ. -tuân thủ Quy định này, được chứng minh hoặc không thể loại bỏ, liên quan đến các sản phẩm họ sản xuất, chuẩn bị, nhập khẩu hoặc nhận từ các nhà khai thác khác. Sự nghi ngờ như vậy có thể phát sinh, trong một số trường hợp khác, do sự hiện diện của một sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong quá trình sản xuất một sản phẩm được dự định sử dụng hoặc tiếp thị dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi. Người điều hành phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về việc họ có thể chứng minh nghi ngờ về việc không tuân thủ hoặc khi họ không thể loại bỏ nghi ngờ đó. Trong những trường hợp như vậy, các sản phẩm liên quan không được đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi miễn là không thể loại bỏ được sự nghi ngờ. Người vận hành nên hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền và khi thích hợp với các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát để xác định và xác minh lý do của việc không tuân thủ đó.
- (68) Để tránh ô nhiễm trong sản xuất hữu cơ với các sản phẩm hoặc chất chưa được Ủy ban cho phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ cho các mục đích nhất định, các nhà điều hành nên thực hiện các biện pháp phù hợp và phù hợp trong tầm kiểm soát của họ để xác định và tránh nguy cơ ô nhiễm như vậy. Các biện pháp này cần được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nếu cần thiết.
- (69) Để đảm bảo cách tiếp cận hài hòa trong toàn Liên minh liên quan đến các biện pháp được thực hiện trong trường hợp có nghi ngờ về việc không tuân thủ, đặc biệt khi sự nghi ngờ đó nảy sinh do sự hiện diện của các sản phẩm và chất không được cấp phép ở dạng hữu cơ hoặc trong -các sản phẩm chuyển đổi và để tránh những điều không chắc chắn đối với các nhà vận hành, cơ quan có thẩm quyền hoặc, khi thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, nên tiến hành một cuộc điều tra chính thức theo Quy định (EU) 2017/625 để xác minh việc tuân thủ các yêu cầu đối với sản xuất hữu cơ. Trong trường hợp cụ thể có nghi ngờ về việc không tuân thủ do có sản phẩm hoặc chất không được phép, cuộc điều tra phải xác định nguồn và nguyên nhân dẫn đến sự có mặt của sản phẩm hoặc chất đó để đảm bảo rằng nhà điều hành tuân thủ các yêu cầu. Đối với sản xuất hữu cơ và đặc biệt là không sử dụng các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ và đảm bảo rằng những người thực hiện đó đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa tương ứng và thích hợp để tránh ô nhiễm trong sản xuất hữu cơ với các sản phẩm và chất đó. Các cuộc điều tra như vậy phải tương ứng với trường hợp nghi ngờ không tuân thủ và do đó phải được hoàn thành càng sớm càng tốt trong khoảng thời gian hợp lý, có tính đến độ bền của sản phẩm và mức độ phức tạp của vụ việc. Chúng có thể bao gồm bất kỳ phương pháp và kỹ thuật nào để kiểm soát chính thức được coi là phù hợp để loại bỏ hoặc xác nhận một cách hiệu quả, mà không có bất kỳ sự chậm trễ không cần thiết nào, bất kỳ nghi ngờ nào về việc không tuân thủ Quy định này, bao gồm cả việc sử dụng bất kỳ thông tin liên quan nào có thể cho phép loại bỏ hoặc xác nhận bất kỳ nghi ngờ nào về việc không tuân thủ mà không có sự kiểm tra tại chỗ.
- (70) Sự xuất hiện của các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ trong các sản phẩm được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi, cũng như các biện pháp được thực hiện về mặt đó, phải được giám sát thêm. bởi các nước thành viên và Ủy ban. Do đó, Ủy ban phải trình báo cáo lên Nghị viện và Hội đồng Châu Âu bốn năm sau ngày áp dụng Quy định này, dựa trên thông tin được các Quốc gia Thành viên thu thập về các trường hợp sản phẩm và chất không được cấp phép trong sản xuất hữu cơ đã được điều tra. Báo cáo như vậy có thể được kèm theo, nếu thích hợp, bằng một đề xuất pháp lý để hài hòa hơn nữa.

- (71) Trong trường hợp không có sự hài hòa hơn nữa, các Quốc gia Thành viên đã phát triển các phương pháp tiếp cận để tránh các sản phẩm có chứa một lượng sản phẩm nhất định hoặc các chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ cho các mục đích nhất định được tiếp thị dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi phải có khả năng tiếp tục áp dụng những cách tiếp cận đó. Tuy nhiên, để đảm bảo sự di chuyển tự do của các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm chuyển đổi trong thị trường nội địa của Liên minh, các cách tiếp cận đó không được cấm, hạn chế hoặc cản trở việc đưa các sản phẩm được sản xuất tại các Quốc gia Thành viên khác tuân thủ Quy định này ra thị trường. Do đó, những cách tiếp cận như vậy chỉ nên được áp dụng cho các sản phẩm được sản xuất trên lãnh thổ của Quốc gia Thành viên đã chọn tiếp tục áp dụng cách tiếp cận đó. Các quốc gia thành viên quyết định sử dụng khả năng này phải thông báo ngay cho Ủy ban.
- (72) Ngoài các nghĩa vụ liên quan đến các biện pháp phải được thực hiện bởi các nhà sản xuất, chuẩn bị, nhập khẩu hoặc sử dụng các sản phẩm hữu cơ và đang chuyển đổi và bởi các cơ quan có thẩm quyền, hoặc, nếu thích hợp, bởi các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, được quy định trong Quy định này để tránh ô nhiễm các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi với các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, các Quốc gia Thành viên cũng nên có khả năng thực hiện các biện pháp thích hợp khác trên lãnh thổ của mình để tránh sự hiện diện ngoài ý muốn của các sản phẩm không được cấp phép, và các chất trong nông nghiệp hữu cơ. Các quốc gia thành viên quyết định sử dụng khả năng này phải thông báo ngay cho Ủy ban và các quốc gia thành viên khác.
- (73) Việc ghi nhãn nông sản và thực phẩm phải tuân theo các quy tắc chung nêu trong Quy định (EU) số 1169/2011 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1), và đặc biệt là các quy định nhằm ngăn chặn việc ghi nhãn có thể gây nhầm lẫn hoặc đánh lừa người tiêu dùng. Ngoài ra, các quy định cụ thể liên quan đến việc ghi nhãn sản phẩm hữu cơ và sản phẩm chuyển hóa cũng cần được quy định trong Quy định này. Họ phải bảo vệ cả lợi ích của các nhà kinh doanh trong việc đưa sản phẩm của họ được xác định chính xác trên thị trường và được hưởng các điều kiện cạnh tranh công bằng, cũng như lợi ích của người tiêu dùng trong việc có thể đưa ra những lựa chọn sáng suốt.
- (74) Theo đó, các thuật ngữ được sử dụng để chỉ các sản phẩm hữu cơ phải được bảo vệ trên toàn Liên minh khỏi việc sử dụng chúng để ghi nhãn các sản phẩm phi hữu cơ, độc lập với ngôn ngữ được sử dụng. Sự bảo hộ đó cũng nên áp dụng cho các từ phái sinh hoặc từ nhỏ thông thường của các thuật ngữ đó, cho dù chúng được sử dụng riêng lẻ hay kết hợp.
- (75) Thực phẩm đã qua chế biến chỉ nên được dán nhãn là hữu cơ khi tất cả hoặc gần như tất cả các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp là hữu cơ. Để khuyến khích việc sử dụng các thành phần hữu cơ, cũng có thể chỉ đề cập đến sản xuất hữu cơ trong danh sách các thành phần của thực phẩm chế biến đáp ứng một số điều kiện nhất định, đặc biệt là thực phẩm được đề cập tuân thủ các quy tắc sản xuất hữu cơ nhất định. Các quy định ghi nhãn đặc biệt cũng cần được đưa ra để cho phép người vận hành xác định các thành phần hữu cơ được sử dụng trong các sản phẩm chủ yếu bao gồm thành phần có nguồn gốc từ săn bắn hoặc đánh cá.
- (76) Thức ăn đã qua chế biến chỉ nên được dán nhãn là hữu cơ khi tất cả hoặc gần như tất cả các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp đều có hữu cơ.
- (77) Để tạo sự rõ ràng cho người tiêu dùng trên toàn thị trường Liên minh, việc sử dụng logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu là bắt buộc đối với tất cả thực phẩm đóng gói sẵn hữu cơ được sản xuất trong Liên minh. Ngoài ra, có thể sử dụng logo đó một cách tự nguyện trong trường hợp các sản phẩm hữu cơ không đóng gói sẵn được sản xuất trong Liên minh và trong trường hợp bất kỳ sản phẩm hữu cơ nào được nhập khẩu từ nước thứ ba, cũng như để cung cấp thông tin và giáo dục. mục đích. Nên đặt ra mẫu logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu.
- (78) Tuy nhiên, để không đánh lừa người tiêu dùng về bản chất hữu cơ của toàn bộ sản phẩm, việc hạn chế sử dụng logo đó đối với các sản phẩm chỉ chứa hoặc gần như chỉ chứa các thành phần hữu cơ là phù hợp. Do đó, không được phép sử dụng nó trong việc ghi nhãn các sản phẩm đang chuyển đổi hoặc các sản phẩm chế biến có ít hơn 95% trọng lượng thành phần có nguồn gốc nông nghiệp là hữu cơ.

(1) Quy định (EU) số 1169/2011 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 25 tháng 10 năm 2011 về việc cung cấp thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng, sửa đổi Quy định (EC) số 1924/2006 và (EC) số 1925/2006 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu, và bãi bỏ Chỉ thị 87/250/EEC của Ủy ban, Chỉ thị của Hội đồng 90/496/EEC, Chỉ thị của Ủy ban 1999/10/EC, Chỉ thị 2000/13/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu, Ủy ban Chỉ thị 2002/67/EC và 2008/5/EC và Quy định của Ủy ban (EC) số 608/2004 (OJ L 304, 22.11.2011, trang 18).

- (79) Để tránh bất kỳ sự nhầm lẫn nào có thể xảy ra giữa người tiêu dùng về nguồn gốc Liên minh hoặc không thuộc Liên minh của sản phẩm, bất cứ khi nào sử dụng logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu, người tiêu dùng phải được thông báo về nơi chứa nguyên liệu nông nghiệp của sản phẩm đó. Được sáng tác đã được nuôi. Trong bối cảnh đó, nên cho phép đề cập đến nuôi trồng thủy sản trong nhãn sản phẩm từ nuôi trồng thủy sản hữu cơ thay vì đề cập đến nông nghiệp.
- (80) Để cung cấp sự rõ ràng cho người tiêu dùng và đảm bảo rằng thông tin phù hợp được truyền đạt tới họ, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban về việc đặt ra các quy tắc bổ sung về ghi nhãn sản phẩm hữu cơ và sửa đổi danh sách các thuật ngữ đề cập đến sản xuất hữu cơ được nêu trong Quy định này, biểu tượng sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu và các quy tắc liên quan.
- (81) Một số sản phẩm hoặc chất được sử dụng trong thuốc bảo vệ thực vật hoặc làm phân bón không thuộc phạm vi của Quy định này và do đó, về nguyên tắc, không phải tuân theo các quy định của Quy định này, bao gồm cả các quy định về ghi nhãn. Tuy nhiên, vì các sản phẩm và chất đó đóng vai trò quan trọng trong nông nghiệp hữu cơ và việc sử dụng chúng trong sản xuất hữu cơ phải được cấp phép theo Quy định này và vì một số điểm không chắc chắn nhất định liên quan đến việc ghi nhãn của chúng xuất hiện trong thực tế, đặc biệt là liên quan đến việc sử dụng các thuật ngữ đề cập đến sản xuất hữu cơ, cần phải làm rõ ràng nếu các sản phẩm hoặc chất đó được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Quy định này thì chúng có thể được dán nhãn tương ứng.
- (82) Sản xuất hữu cơ chỉ đáng tin cậy nếu đi kèm với việc xác minh và kiểm soát hiệu quả ở tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất sản xuất, chế biến và phân phối.
- (83) Cần đặt ra các yêu cầu cụ thể đối với người vận hành để đảm bảo tuân thủ Quy định này. Đặc biệt, cần có quy định về việc thông báo hoạt động của người thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền và có hệ thống chứng nhận để xác định người thực hiện tuân thủ các quy tắc quản lý sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ. Về nguyên tắc, các quy định đó cũng phải áp dụng cho bất kỳ nhà thầu phụ nào của nhà điều hành có liên quan, trừ khi hoạt động thầu phụ hoàn toàn được tích hợp trong hoạt động chính của nhà điều hành thầu phụ và được kiểm soát trong bối cảnh đó. Tính minh bạch của hệ thống chứng nhận cần được đảm bảo bằng cách yêu cầu các Quốc gia Thành viên công bố danh sách các nhà điều hành đã thông báo về hoạt động của họ và mọi khoản phí có thể được thu liên quan đến các biện pháp kiểm soát được thực hiện để xác minh việc tuân thủ các quy tắc quản lý sản xuất hữu cơ. .
- (84) Các cửa hàng bán lẻ nhỏ không bán sản phẩm hữu cơ ngoài sản phẩm hữu cơ đóng gói sẵn có nguy cơ không tuân thủ các quy tắc sản xuất hữu cơ tương đối thấp và họ không phải đối mặt với gánh nặng quá lớn khi bán sản phẩm hữu cơ. Do đó, họ không phải tuân theo nghĩa vụ thông báo và chứng nhận mà vẫn phải chịu sự kiểm soát chính thức được thực hiện để xác minh việc tuân thủ các quy tắc quản lý sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ. Tương tự, các cửa hàng bán lẻ nhỏ bán sản phẩm hữu cơ không đóng gói phải chịu sự kiểm soát chính thức, nhưng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thị các sản phẩm hữu cơ, các Quốc gia Thành viên nên có khả năng miễn cho các cửa hàng đó khỏi nghĩa vụ chứng nhận hoạt động của họ.
- (85) Nông dân nhỏ và các nhà điều hành sản xuất tạo hoặc động vật nuôi trồng thủy sản trong Liên minh phải đối mặt với chi phí kiểm tra tương đối cao và gánh nặng hành chính liên quan đến chứng nhận hữu cơ. Nên cho phép áp dụng hệ thống chứng nhận nhóm để giảm chi phí kiểm tra và chứng nhận cũng như gánh nặng hành chính liên quan, củng cố mạng lưới địa phương, góp phần tạo ra các đầu ra thị trường tốt hơn và đảm bảo một sân chơi bình đẳng với các nhà khai thác ở các nước thứ ba. Vì lý do đó, khái niệm 'nhóm người điều hành' cần được giới thiệu và xác định, đồng thời cần thiết lập các quy tắc phản ánh nhu cầu và năng lực nguồn lực của nông dân và người điều hành quy mô nhỏ.
- (86) Để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của quá trình sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với các yêu cầu lưu giữ hồ sơ của các nhà điều hành hoặc nhóm các nhà sản xuất, người vận hành và mẫu giấy chứng nhận tuân thủ.
- (87) Để đảm bảo rằng việc chứng nhận của các nhóm nhà khai thác được thực hiện một cách hiệu quả và hiệu quả, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban về trách nhiệm của từng thành viên trong các nhóm nhà khai thác, các tiêu chí để xác định sự gắn bó về mặt địa lý của các thành viên cũng như việc thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ của họ.

- (88) Sản xuất hữu cơ phải chịu sự kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác được thực hiện theo Quy định (EU) 2017/625 để xác minh việc tuân thủ các quy định về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ. Tuy nhiên, trừ khi có quy định khác trong Quy định này, các quy tắc nên áp dụng cho sản xuất hữu cơ ngoài những quy định được nêu trong Quy định đó liên quan đến các biện pháp kiểm soát và hành động chính thức của cơ quan có thẩm quyền và, khi thích hợp, của các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát, liên quan đến các hành động do nhà điều hành và nhóm nhà điều hành thực hiện, liên quan đến việc ủy quyền các nhiệm vụ kiểm soát chính thức nhất định hoặc các nhiệm vụ nhất định liên quan đến các hoạt động chính thức khác và sự giám sát của họ, cũng như liên quan đến các hành động trong trường hợp nghi ngờ hoặc xác định có hành vi không tuân thủ, bao gồm cả việc cấm tiếp thị các sản phẩm dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi khi việc không tuân thủ được xác định ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm đó.
- (89) Để đảm bảo một cách tiếp cận thống nhất trên lãnh thổ của họ, các cơ quan có thẩm quyền phải tự mình thực hiện cung cấp một danh mục các biện pháp được thực hiện trong trường hợp nghi ngờ hoặc xác định có sự không tuân thủ.
- (90) Cần đưa ra các quy định về trao đổi một số thông tin liên quan giữa các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát, cơ quan kiểm soát và một số cơ quan khác cũng như về hành động của các cơ quan và cơ quan đó, bổ sung cho các quy định của Quy định (EU) 2017/625 trong Quy định này.
- (91) Để hỗ trợ việc thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác nhằm xác minh việc tuân thủ Quy định này, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với các tiêu chí và điều kiện cụ thể để thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức được tiến hành cho đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối cũng như tuân thủ Quy định này và về các yếu tố bổ sung cần được tính đến khi xác định, dựa trên kinh nghiệm thực tế, về khả năng không tuân thủ.
- (92) Để hỗ trợ việc thực hiện các hoạt động kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác nhằm xác minh việc tuân thủ Quy định này, quyền thông qua một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với các điều kiện để ủy quyền các nhiệm vụ kiểm soát chính thức và các nhiệm vụ liên quan các hoạt động chính thức khác của cơ quan kiểm soát, ngoài các điều kiện quy định tại Quy định này.
- (93) Kinh nghiệm về việc thu xếp nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ vào Liên minh theo Quy định (EC) Số 834/2007 đã chỉ ra rằng cần phải sửa đổi các thỏa thuận đó để đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng rằng các sản phẩm hữu cơ nhập khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn cao như của Liên minh, cũng như để đảm bảo tốt hơn khả năng tiếp cận các sản phẩm hữu cơ của Liên minh. ra thị trường quốc tế. Ngoài ra, cần làm rõ các quy định áp dụng cho xuất khẩu sản phẩm hữu cơ, đặc biệt bằng cách cấp giấy chứng nhận xuất khẩu hữu cơ.
- (94) Các điều khoản quản lý việc nhập khẩu các sản phẩm tuân thủ các quy định về sản xuất và ghi nhãn của Liên minh, trong đó các nhà khai thác phải chịu sự kiểm soát của các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được Ủy ban công nhận để thực hiện kiểm soát và chứng nhận ở nước thứ ba trong lĩnh vực sản xuất hữu cơ cần được tăng cường hơn nữa. Đặc biệt, cần đặt ra các yêu cầu liên quan đến các cơ quan công nhận công nhận các cơ quan kiểm soát nhằm mục đích nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ tuân thủ vào Liên minh nhằm đảm bảo một sân chơi bình đẳng cho sự giám sát của các cơ quan kiểm soát của Ủy ban. Hơn nữa, cần tạo cơ hội cho Ủy ban liên hệ trực tiếp với các cơ quan công nhận và cơ quan có thẩm quyền ở các nước thứ ba để giúp việc giám sát của các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát tương ứng hiệu quả hơn. Trong trường hợp các sản phẩm được nhập khẩu từ các nước thứ ba hoặc các khu vực ngoài cùng của Liên minh với các điều kiện khí hậu và địa phương cụ thể, việc cung cấp khả năng cho Ủy ban cấp giấy phép cụ thể cho việc sử dụng các sản phẩm và chất trong sản xuất hữu cơ là phù hợp.
- (95) Các sản phẩm hữu cơ vẫn có thể tiếp cận thị trường Liên minh khi các sản phẩm đó không tuân thủ các quy định của Liên minh về sản xuất hữu cơ nhưng đến từ các nước thứ ba có hệ thống kiểm soát và sản xuất hữu cơ đã được công nhận tương đương với Liên minh. Tuy nhiên, việc công nhận tính tương đương của các nước thứ ba, như được nêu trong Quy định (EC) số 834/2007, chỉ nên được thực hiện thông qua các thỏa thuận quốc tế giữa Liên minh và các nước thứ ba đó, trong đó việc công nhận lẫn nhau về tính tương đương cũng sẽ được theo đuổi đối với Liên hiệp.
- (96) Các nước thứ ba được công nhận vì mục đích tương đương theo Quy định (EC) số 834/2007 phải tiếp tục được công nhận như vậy theo Quy định này, trong một khoảng thời gian giới hạn cần thiết để đảm bảo quá trình chuyển đổi suôn sẻ sang cơ chế công nhận thông qua một thỏa thuận quốc tế, miễn là họ tiếp tục đảm bảo rằng chất hữu cơ của họ

các quy tắc sản xuất và kiểm soát tương đương với các quy định hiện hành của Liên minh có liên quan và chúng đáp ứng mọi yêu cầu liên quan đến việc Ủy ban giám sát việc công nhận chúng. Việc giám sát đó đặc biệt phải dựa trên các báo cáo hàng năm mà các nước thứ ba được công nhận gửi tới Ủy ban.

- (97) Kinh nghiệm về cơ chế của các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được Ủy ban công nhận để thực hiện kiểm soát và cấp giấy chứng nhận ở nước thứ ba nhằm mục đích nhập khẩu sản phẩm, cung cấp sự đảm bảo tương đương, cho thấy rằng các quy tắc được áp dụng bởi các cơ quan đó và các cơ quan khác nhau và có thể khó coi các quy tắc đó tương đương với các quy tắc tương ứng của Liên minh. Hơn nữa, việc áp dụng nhiều tiêu chuẩn cho cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát đã cản trở sự giám sát đầy đủ của Ủy ban. Vì vậy, cơ chế công nhận sự tương đương đó cần phải bị bãi bỏ. Tuy nhiên, các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát đó cần có đủ thời gian để họ có thể tự chuẩn bị để được công nhận cho mục đích nhập khẩu các sản phẩm tuân thủ các quy định của Liên minh. Hơn nữa, các quy định mới về công nhận cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát nhằm mục đích nhập khẩu các sản phẩm tuân thủ phải được áp dụng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, để cho phép Ủy ban chuẩn bị cho việc công nhận các cơ quan kiểm soát đó. và cơ quan kiểm soát kể từ ngày Quy định này được áp dụng.
- (98) Việc đưa bất kỳ sản phẩm nào ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ, khi sản phẩm đó đã được nhập khẩu vào Liên minh theo bất kỳ thỏa thuận nhập khẩu nào được quy định trong Quy định này, phải tùy thuộc vào sự sẵn có của thông tin cần thiết để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm trên chuỗi thực phẩm.
- (99) Để đảm bảo cạnh tranh công bằng giữa các nhà khai thác, quyền áp dụng một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với các tài liệu dành cho cơ quan hải quan ở nước thứ ba, đặc biệt là giấy chứng nhận xuất khẩu hữu cơ.
- (100) Để đảm bảo tính minh bạch của thủ tục công nhận và giám sát đối với các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát trong bối cảnh nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ tuân thủ và tính hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của việc kiểm soát các sản phẩm nhập khẩu, thẩm quyền áp dụng một số hành vi nhất định nên được giao cho Ủy ban về các tiêu chí bổ sung để công nhận cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát trong bối cảnh nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ tuân thủ Quy định này, cũng như các tiêu chí bổ sung về việc rút lại sự công nhận đó, đối với việc thực hiện về sự giám sát của các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được Ủy ban công nhận và đối với các biện pháp kiểm soát cũng như các hành động khác do các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát thực hiện vì mục đích đó.
- (101) Khi phát hiện thấy các vi phạm nghiêm trọng hoặc lặp đi lặp lại liên quan đến chứng nhận hoặc biện pháp kiểm soát và hành động theo Quy định này và khi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát liên quan không thực hiện hành động khắc phục phù hợp và kịp thời theo yêu cầu của Ủy ban, việc công nhận cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đó phải được rút lại ngay lập tức.
- (102) Để đảm bảo việc quản lý danh sách các nước thứ ba được công nhận vì mục đích tương đương theo Quy định (EC) số 834/2007, quyền thông qua một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với thông tin được cung cấp. được gửi bởi các nước thứ ba được công nhận cần thiết cho việc giám sát việc công nhận của họ và việc Ủy ban thực hiện sự giám sát đó.
- (103) Cần đưa ra điều khoản để đảm bảo rằng việc vận chuyển các sản phẩm hữu cơ tuân thủ Quy định này và đã được kiểm soát ở một Quốc gia Thành viên không thể bị hạn chế ở một Quốc gia Thành viên khác.
- (104) Với mục đích thu thập thông tin đáng tin cậy cho việc thực hiện Quy định này, các Quốc gia Thành viên nên thường xuyên cung cấp cho Ủy ban những thông tin cần thiết. Vì lý do rõ ràng và minh bạch, các Quốc gia Thành viên nên cập nhật danh sách các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát. Danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát phải được các Quốc gia Thành viên công bố và được Ủy ban công bố.
- (105) Do việc loại bỏ dần các vi phạm liên quan đến việc sử dụng vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ, gia cầm nuôi phi hữu cơ và vật nuôi phi hữu cơ cho mục đích chăn nuôi, Ủy ban nên xem xét sự sẵn có của vật liệu đó ở dạng hữu cơ trên thị trường ở Liên minh. Vì mục đích đó, và trên cơ sở dữ liệu về tính sẵn có của vật liệu hữu cơ được thu thập thông qua cơ sở dữ liệu và hệ thống do các Quốc gia Thành viên thiết lập, 5 năm sau ngày áp dụng Quy định này, Ủy ban phải trình báo cáo lên Nghị viện Châu Âu. và Hội đồng về sự sẵn có và lý do khả năng tiếp cận hạn chế của các nhà khai thác hữu cơ đối với vật liệu đó.

- (106) Xét về việc loại bỏ dần các hạn chế liên quan đến việc sử dụng thức ăn chứa protein phi hữu cơ cho gia cầm và lợn, và trên cơ sở dữ liệu được các Quốc gia Thành viên cung cấp hàng năm về sự sẵn có của thức ăn chứa protein đó ở dạng hữu cơ trên thị trường trong Liên minh, năm năm sau ngày áp dụng Quy định này, Ủy ban phải trình báo cáo lên Nghị viện Châu Âu và Hội đồng về sự sẵn có và lý do cho khả năng tiếp cận hạn chế của các nhà khai thác hữu cơ đối với protein hữu cơ đó cho ăn.
- (107) Để tính đến sự thay đổi về mức độ sẵn có trên thị trường nguyên liệu sinh sản thực vật hữu cơ, động vật hữu cơ và thức ăn protein hữu cơ cho gia cầm và động vật nuôi lợn, quyền thông qua một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban về việc chấm dứt hoặc mở rộng các hạn chế và cấp phép liên quan đến việc sử dụng nguyên liệu tái tạo thực vật phi hữu cơ, động vật phi hữu cơ và thức ăn chứa protein phi hữu cơ cho gia cầm và động vật lợn.
- (108) Cần đưa ra các biện pháp để đảm bảo quá trình chuyển đổi suôn sẻ sang khung pháp lý quản lý việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm chuyển đổi vào Liên minh như được sửa đổi bởi Quy định này.
- (109) Hơn nữa, nên đặt ra thời hạn hết hạn công nhận của các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát nhằm mục đích tương đương được cấp theo Quy định (EC) số 834/2007 và các quy định để giải quyết tình huống này cho đến khi hết hạn của sự công nhận của họ nên được đặt ra. Cũng nên đặt ra các điều khoản đối với đơn đăng ký từ các nước thứ ba để được công nhận vì mục đích tương đương đã được nộp theo Quy định (EC) số 834/2007 và đang chờ xử lý vào ngày Quy định này có hiệu lực.
- (110) Để đảm bảo việc quản lý danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận vì mục đích tương đương theo Quy định (EC) số 834/2007, quyền thông qua một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban về thông tin mà các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát đó phải gửi nhằm mục đích giám sát việc công nhận của họ và liên quan đến việc thực hiện giám sát đó của Cơ quan Nhiệm vụ.
- (111) Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành việc xem xét đơn đăng ký từ các nước thứ ba nhằm mục đích công nhận vì mục đích tương đương đang chờ xử lý vào ngày Quy định này có hiệu lực, quyền thông qua một số đạo luật nhất định phải được giao cho Ủy ban đối với các quy tắc thủ tục cần thiết cho việc thẩm định các đơn đăng ký đang chờ xử lý từ các nước thứ ba.
- (112) Để đảm bảo các điều kiện thống nhất cho việc thực hiện Quy định này, Ủy ban phải trao quyền thực thi đối với các tài liệu được cung cấp nhằm mục đích công nhận giai đoạn trước đó là một phần của giai đoạn chuyển đổi, như liên quan đến thời gian tối thiểu cho động vật đang bú bằng sữa mẹ và các quy tắc kỹ thuật nhất định về chuồng trại và thực hành chăn nuôi, liên quan đến các quy tắc chi tiết cho từng loài hoặc từng nhóm loài tảo và động vật nuôi trồng thủy sản về mật độ thả giống và các đặc tính sản xuất cụ thể hệ thống và hệ thống ngăn chặn, liên quan đến các kỹ thuật được cấp phép trong chế biến thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, liên quan đến việc cấp phép các sản phẩm và chất có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ nói chung và trong sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến nói riêng như việc thu hồi các giấy phép đó, cũng như liên quan đến các thủ tục cấp phép và danh sách các sản phẩm và chất đó, cũng như mô tả, yêu cầu về thành phần và điều kiện sử dụng các sản phẩm đó, khi thích hợp.
- (113) Để đảm bảo các điều kiện thống nhất cho việc thực hiện Quy định này, Ủy ban nên trao quyền thực thi liên quan đến các chi tiết kỹ thuật để thiết lập và duy trì cơ sở dữ liệu liệt kê các vật liệu nhân giống thực vật hữu cơ hoặc đang chuyển đổi có sẵn do Cơ quan quản lý thu được. Phương pháp sản xuất hữu cơ, liên quan đến các chi tiết kỹ thuật để thiết lập và duy trì hệ thống cung cấp dữ liệu sẵn có về vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ hoặc đang chuyển đổi hoặc động vật hữu cơ hoặc cá giống nuôi trồng thủy sản hữu cơ và các thông số kỹ thuật để thu thập dữ liệu cho mục đích đó, như liên quan đến các thỏa thuận cho phép các nhà điều hành tham gia vào các hệ thống đó và liên quan đến các chi tiết liên quan đến thông tin do Quốc gia Thành viên cung cấp liên quan đến việc vi phạm việc sử dụng nguyên liệu sinh sản thực vật hữu cơ, động vật hữu cơ và thức ăn hữu cơ cũng như liên quan đến sự sẵn có trên thị trường của một số sản phẩm hữu cơ.
- (114) Để đảm bảo các điều kiện thống nhất cho việc thực hiện Quy định này, quyền thực thi cần được trao cho Ủy ban liên quan đến các biện pháp được các nhà điều hành áp dụng và xem xét để xác định và tránh nguy cơ ô nhiễm sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm không chứa chất độc hại. Các sản phẩm và chất được phép, liên quan đến các bước thủ tục được thực hiện trong trường hợp nghi ngờ không tuân thủ và các tài liệu liên quan, liên quan đến phương pháp phát hiện và đánh giá sự hiện diện của các sản phẩm và chất không được phép, và liên quan đến chi tiết và định dạng của thông tin được các Quốc gia Thành viên chuyển đến Ủy ban và các Quốc gia Thành viên khác liên quan đến kết quả điều tra về sự hiện diện của các sản phẩm hoặc chất không được cấp phép.

- (115) Để đảm bảo các điều kiện thống nhất cho việc thực hiện Quy định này, quyền thực thi phải được trao cho Ủy ban liên quan đến các yêu cầu chi tiết đối với việc ghi nhãn và quảng cáo một số sản phẩm chuyển đổi nhất định, liên quan đến các sắp xếp thực tế cho việc sử dụng, trình bày, thành phần và kích thước của các chỉ dẫn đề cập đến mã số của cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát cũng như cách sử dụng, cách trình bày, thành phần và kích thước của chỉ dẫn nơi trồng nguyên liệu nông nghiệp, liên quan đến việc ấn định mã số cho cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát cũng như chỉ dẫn về nơi trồng nguyên liệu nông nghiệp thô.
- (116) Để đảm bảo các điều kiện thống nhất cho việc thực hiện Quy định này, quyền thực thi phải được trao cho Ủy ban về các chi tiết và thông số kỹ thuật liên quan đến hình thức và phương tiện kỹ thuật mà người vận hành và nhóm người điều hành sử dụng để thông báo hoạt động của họ cho Cơ quan quản lý. Các cơ quan có thẩm quyền, về việc sắp xếp công bố danh sách các nhà khai thác và nhóm nhà khai thác đó, về các thủ tục và sắp xếp để công bố các khoản phí có thể được thu liên quan đến các biện pháp kiểm soát, về các chi tiết và thông số kỹ thuật liên quan đến mẫu giấy chứng nhận dành cho người vận hành và nhóm người vận hành và phương tiện kỹ thuật để cấp giấy chứng nhận đó, liên quan đến thành phần và quy mô của nhóm người vận hành, liên quan đến các tài liệu liên quan và hệ thống lưu trữ hồ sơ, liên quan đến hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ và danh sách các nhà khai thác, cũng như việc trao đổi thông tin giữa các nhóm nhà khai thác và cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát và việc trao đổi thông tin giữa các Quốc gia Thành viên và Nhiệm vụ.
- (117) Để đảm bảo các điều kiện thống nhất cho việc thực hiện Quy định này, các quyền thực thi cần được trao cho Ủy ban liên quan đến tỷ lệ phần trăm tối thiểu của tất cả các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện mà không cần thông báo trước cũng như tỷ lệ phần trăm tối thiểu của các biện pháp kiểm soát bổ sung. Là số lượng mẫu tối thiểu cần lấy và số lượng người thực hiện phải được kiểm soát trong một nhóm người thực hiện, liên quan đến hồ sơ chứng minh sự tuân thủ, liên quan đến các tuyên bố và thông tin liên lạc khác cần thiết cho việc kiểm soát chính thức, liên quan đến các biện pháp thực tế liên quan để đảm bảo sự tuân thủ, liên quan đến các thỏa thuận thống nhất cho các trường hợp trong đó cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện các biện pháp liên quan đến việc nghi ngờ hoặc xác định có sự không tuân thủ, liên quan đến thông tin được cung cấp trong trường hợp nghi ngờ hoặc xác định có hành vi không tuân thủ, liên quan đến người nhận những thông tin đó và liên quan đến các thủ tục cung cấp thông tin đó, bao gồm cả các chức năng của hệ thống máy tính được sử dụng.
- (118) Để đảm bảo các điều kiện thống nhất cho việc thực hiện Quy định này, quyền thực thi cần được trao cho Ủy ban liên quan đến nội dung giấy chứng nhận kiểm tra do nước thứ ba cấp, liên quan đến thủ tục phải tuân theo để cấp và xác minh các giấy chứng nhận đó, liên quan đến phương tiện kỹ thuật mà các giấy chứng nhận đó được cấp, liên quan đến việc công nhận cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát có thẩm quyền thực hiện kiểm soát và cấp giấy chứng nhận hữu cơ ở nước thứ ba, cũng như việc thu hồi sự công nhận đó, liên quan đến thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát đó, liên quan đến các quy tắc đảm bảo áp dụng các biện pháp liên quan đến các trường hợp nghi ngờ hoặc xác định không tuân thủ, đặc biệt là những trường hợp ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu cơ nhập khẩu hoặc sản phẩm đang chuyển đổi, liên quan đến việc thiết lập danh sách các nước thứ ba được công nhận theo Điều 33(2) của Quy định (EC) số 834/2007 và việc sửa đổi danh sách đó, cũng như liên quan đến các quy tắc đảm bảo áp dụng các biện pháp liên quan đến các trường hợp bị nghi ngờ hoặc có hành vi không tuân thủ, đặc biệt là những trường hợp ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi được nhập khẩu từ các quốc gia đó.
- (119) Để đảm bảo các điều kiện thống nhất cho việc thực hiện Quy định này, Ủy ban phải trao quyền thực thi đối với hệ thống được sử dụng để truyền tải thông tin cần thiết cho việc thực hiện và giám sát Quy định này, liên quan đến các chi tiết của thông tin được truyền đi và ngày truyền thông tin đó cũng như việc thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 33(3) của Quy định (EC) số 834/2007 và bản sửa đổi của danh sách đó.
- (120) Quyền thực thi được trao cho Ủy ban phải được thực hiện theo Quy định (EU) Số 182/2011 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1).
- (121) Ủy ban nên được trao quyền để thông qua các đạo luật triển khai có thể áp dụng ngay lập tức, trong đó, trong các trường hợp được chứng minh hợp lý liên quan đến các hoạt động không công bằng hoặc các hoạt động không phù hợp với các nguyên tắc và quy định về sản xuất hữu cơ, việc bảo vệ niềm tin của người tiêu dùng hoặc bảo vệ sự công bằng cạnh tranh giữa các nhà khai thác, vì lý do cấp bách bắt buộc phải đảm bảo áp dụng các biện pháp liên quan đến các trường hợp nghi ngờ hoặc xác định có hành vi không tuân thủ dưới sự kiểm soát của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận.

(1) Quy định (EU) số 182/2011 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 16 tháng 2 năm 2011 đặt ra các quy tắc và nguyên tắc chung liên quan đến cơ chế kiểm soát việc thực thi quyền thực thi của các Quốc gia Thành viên trong Ủy ban (OJ L 55, 28.2. 2011, trang 13).

(122) Cần đưa ra điều khoản cho phép sử dụng hết sau ngày áp dụng Quy định này đối với các sản phẩm tồn kho đã được sản xuất theo Quy định (EC) số 834/2007 trước ngày đó.

(123) Vì các mục tiêu của Quy định này, đặc biệt là cạnh tranh công bằng và hoạt động đúng đắn của thị trường nội địa đối với các sản phẩm hữu cơ, cũng như đảm bảo niềm tin của người tiêu dùng đối với các sản phẩm đó và biểu tượng sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu, không thể đạt được đầy đủ bởi chính các Quốc gia Thành viên nhưng có thể, do yêu cầu hài hòa các quy định về sản xuất hữu cơ, đạt được hiệu quả tốt hơn ở cấp Liên minh, Liên minh có thể áp dụng các biện pháp phù hợp với nguyên tắc hỗ trợ như quy định tại Điều 5 của Hiệp định Hiệp ước về Liên minh châu Âu. Theo nguyên tắc tương xứng, như được quy định tại Điều đó, Quy định này không vượt quá những gì cần thiết để đạt được các mục tiêu đó.

(124) Sẽ phù hợp nếu quy định ngày áp dụng Quy định này để các nhà khai thác có cơ hội để thích ứng với yêu cầu mới,

ĐÃ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH NÀY:

CHƯƠNG I

CHỦ ĐỀ, PHẠM VI VÀ ĐỊNH NGHĨA

Điều 1

Chủ đề

Quy định này thiết lập các nguyên tắc sản xuất hữu cơ và đặt ra các quy tắc liên quan đến sản xuất hữu cơ, chứng nhận liên quan và việc sử dụng các chỉ dẫn đề cập đến sản xuất hữu cơ trong ghi nhãn và quảng cáo, cũng như các quy tắc về các biện pháp kiểm soát bổ sung cho những quy định trong Quy định (EU) 2017/625.

Điều 2

Phạm vi

1. Quy định này áp dụng cho các sản phẩm sau có nguồn gốc từ nông nghiệp, bao gồm nuôi trồng thủy sản và nuôi ong, như được liệt kê trong Phụ lục I của TFEU và các sản phẩm có nguồn gốc từ những sản phẩm đó, trong đó các sản phẩm đó được hoặc dự kiến được sản xuất, chế biến, dán nhãn, phân phối, đưa ra thị trường, nhập khẩu hoặc xuất khẩu từ Liên hiệp:

(a) các sản phẩm nông nghiệp sống hoặc chưa qua chế biến, bao gồm hạt giống và các vật liệu sinh sản thực vật khác;

(b) nông sản đã qua chế biến dùng làm thực phẩm;

(c) thức ăn.

Quy định này cũng áp dụng cho một số sản phẩm khác có liên quan chặt chẽ đến nông nghiệp được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định này, khi chúng được hoặc dự định sản xuất, sơ chế, dán nhãn, phân phối, đưa ra thị trường, nhập khẩu vào hoặc xuất khẩu từ Liên minh.

2. Quy định này áp dụng cho bất kỳ người thực hiện nào có liên quan, ở bất kỳ giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối nào, vào các hoạt động liên quan đến các sản phẩm nêu tại khoản 1.

3. Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống đại chúng được thực hiện bởi một nhà cung cấp dịch vụ ăn uống đại chúng như được định nghĩa tại điểm (d) Điều 2(2) của Quy định (EU) Số 1169/2011 không phải tuân theo Quy định này ngoại trừ trường hợp được nêu trong đoạn này.

Các Quốc gia Thành viên có thể áp dụng các quy tắc quốc gia hoặc, nếu không có các quy định đó, các tiêu chuẩn riêng về sản xuất, ghi nhãn và kiểm soát các sản phẩm có nguồn gốc từ các hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống đại chúng. Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu sẽ không được sử dụng trong ghi nhãn, trình bày hoặc quảng cáo các sản phẩm đó và không được sử dụng để quảng cáo

người cung cấp thực phẩm đại chúng.

4. Trừ khi có quy định khác, Quy định này áp dụng mà không ảnh hưởng đến luật pháp liên quan của Liên minh, đặc biệt là luật pháp trong lĩnh vực an toàn chuỗi thực phẩm, sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và vật liệu sinh sản thực vật.

5. Quy định này áp dụng mà không ảnh hưởng đến luật cụ thể khác của Liên minh liên quan đến việc đưa sản phẩm ra thị trường và đặc biệt là Quy định (EU) số 1308/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1) và Quy định (EU) số 1169/2011.

(1) Quy định (EU) số 1308/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 17 tháng 12 năm 2013 về việc thiết lập một tổ chức chung của thị trường nông sản và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EEC) số 922/72, (EEC) số 234/79, (EC) số 1037/2001 và (EC) số 1234/2007 (OJ L 347, 20.12.2013, trang 671).

6. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi danh sách các sản phẩm nêu tại Phụ lục I bằng cách bổ sung thêm các sản phẩm vào danh sách hoặc bằng cách sửa đổi các mục đã thêm đó. Chỉ những sản phẩm gắn liền với nông sản mới được đưa vào danh mục đó.

Điều 3

Các định nghĩa

Vì mục đích của Quy định này, các định nghĩa sau được áp dụng:

- (1) 'sản xuất hữu cơ' nghĩa là việc sử dụng, kể cả trong thời gian chuyển đổi nêu tại Điều 10, các phương pháp sản xuất tuân thủ Quy định này ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối;
- (2) 'sản phẩm hữu cơ' là sản phẩm được tạo ra từ quá trình sản xuất hữu cơ, không phải là sản phẩm được sản xuất trong thời gian chuyển đổi được nêu tại Điều 10. Các sản phẩm săn bắt hoặc đánh bắt động vật hoang dã không được coi là sản phẩm hữu cơ;
- (3) 'nguyên liệu nông nghiệp' có nghĩa là một sản phẩm nông nghiệp chưa qua bất kỳ hoạt động bảo quản nào. vận chuyển hoặc xử lý;
- (4) 'các biện pháp phòng ngừa' là các biện pháp được người thực hiện thực hiện ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối nhằm đảm bảo bảo tồn đa dạng sinh học và chất lượng đất, các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát sâu bệnh và các biện pháp ngăn ngừa được thực hiện để tránh những tác động tiêu cực đến môi trường, sức khỏe động vật và thực vật;
- (5) 'các biện pháp phòng ngừa' là các biện pháp được người thực hiện thực hiện ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối để tránh ô nhiễm với các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Quy định này, và để tránh nhầm lẫn sản phẩm hữu cơ với sản phẩm phi hữu cơ;
- (6) 'chuyển đổi' nghĩa là quá trình chuyển đổi từ sản xuất phi hữu cơ sang sản xuất hữu cơ trong một khoảng thời gian nhất định, trong đó áp dụng các quy định của Quy chuẩn này liên quan đến sản xuất hữu cơ;
- (7) 'sản phẩm đang chuyển đổi' nghĩa là sản phẩm được sản xuất trong thời gian chuyển đổi được đề cập tại Điều 10;
- (8) 'năm giữ' có nghĩa là tất cả các đơn vị sản xuất được vận hành dưới sự quản lý chung nhằm mục đích sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sống hoặc chưa qua chế biến, bao gồm các sản phẩm có nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản và nuôi ong, được đề cập tại điểm (a) của Điều 2(1) hoặc các sản phẩm được liệt kê thuộc Phụ lục I trừ tinh dầu và men;
- (9) 'đơn vị sản xuất' có nghĩa là tất cả tài sản của một tổ chức, chẳng hạn như cơ sở sản xuất ban đầu, thửa đất, đồng cỏ, khu vực ngoài trời, chuồng trại chăn nuôi hoặc các bộ phận của chúng, tổ ong, ao cá, hệ thống ngăn chặn và địa điểm nuôi tảo hoặc động vật nuôi trồng thủy sản, các đơn vị nuôi trồng, khu nhượng quyền trên bờ hoặc dưới đáy biển và cơ sở lưu trữ cây trồng, sản phẩm cây trồng, sản phẩm tảo, sản phẩm động vật, nguyên liệu thô và bất kỳ đầu vào liên quan nào khác được quản lý như mô tả tại điểm (10), điểm (11) hoặc điểm (12);
- (10) 'đơn vị sản xuất hữu cơ' nghĩa là đơn vị sản xuất, ngoại trừ trong thời gian chuyển đổi được đề cập tại Điều 10, được quản lý tuân thủ các yêu cầu áp dụng cho sản xuất hữu cơ;
- (11) 'đơn vị sản xuất đang chuyển đổi' nghĩa là một đơn vị sản xuất, trong thời gian chuyển đổi được đề cập tại Điều 10, được quản lý tuân thủ các yêu cầu áp dụng cho sản xuất hữu cơ; nó có thể được hình thành từ thửa đất hoặc tài sản khác mà thời gian chuyển đổi nêu tại Điều 10 bắt đầu vào những thời điểm khác nhau;
- (12) 'đơn vị sản xuất phi hữu cơ' nghĩa là đơn vị sản xuất không được quản lý tuân thủ các yêu cầu áp dụng cho sản xuất hữu cơ;
- (13) 'nhà điều hành' nghĩa là cá nhân hoặc pháp nhân chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Quy định này được tuân thủ ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối dưới sự kiểm soát của người đó;
- (14) 'nông dân' có nghĩa là một thể nhân hoặc pháp nhân, hoặc một nhóm thể nhân hoặc pháp nhân, bất kể địa vị pháp lý của họ nhóm và các thành viên của nhóm theo luật pháp quốc gia, những người thực hiện hoạt động nông nghiệp;
- (15) 'khu vực nông nghiệp' có nghĩa là khu vực nông nghiệp như được định nghĩa tại điểm (e) của Điều 4(1) của Quy định (EU) số 1307/2013;
- (16) 'thực vật' là thực vật được định nghĩa tại điểm (5) Điều 3 của Quy định (EC) số 1107/2009;

- (17) 'vật liệu sinh sản thực vật' có nghĩa là thực vật và tất cả các bộ phận của thực vật, kể cả hạt, ở bất kỳ giai đoạn phát triển nào có khả năng và nhằm mục đích tạo ra toàn bộ cây;
- (18) 'vật liệu hữu cơ không đồng nhất' có nghĩa là một nhóm thực vật trong một đơn vị phân loại thực vật có cấp độ thấp nhất được biết đến cái mà:
- (a) trình bày các đặc điểm kiểu hình chung;
 - (b) được đặc trưng bởi mức độ đa dạng cao về di truyền và kiểu hình giữa các đơn vị sinh sản riêng lẻ, do đó nhóm thực vật đó được thể hiện bằng toàn bộ vật liệu chứ không phải bằng một số lượng nhỏ các đơn vị;
 - (c) không phải là giống theo nghĩa của Điều 5(2) của Quy định của Hội đồng (EC) số 2100/94 (1);
 - (d) không phải là sự pha trộn của nhiều loại; và
 - (e) đã được sản xuất theo Quy định này;
- (19) 'giống hữu cơ phù hợp cho sản xuất hữu cơ' nghĩa là giống được định nghĩa tại Điều 5(2) của Quy định (EC) Số 2100/94 trong đó:
- (a) được đặc trưng bởi mức độ đa dạng cao về di truyền và kiểu hình giữa các đơn vị sinh sản riêng lẻ; và
 - (b) kết quả từ hoạt động chăn nuôi hữu cơ nêu tại điểm 1.8.4 Phần I Phụ lục II của Quy chế này;
- (20) 'cây mẹ' có nghĩa là một cây được xác định mà từ đó vật liệu sinh sản của cây được lấy để nhân giống cây mới;
- (21) 'thế hệ' có nghĩa là một nhóm thực vật tạo thành một bước duy nhất trong dòng dõi thực vật;
- (22) 'sản xuất thực vật' có nghĩa là sản xuất các sản phẩm cây trồng nông nghiệp bao gồm cả việc thu hoạch các sản phẩm thực vật hoang dã để mục đích thương mại;
- (23) 'sản phẩm thực vật' nghĩa là các sản phẩm thực vật như được định nghĩa tại điểm (6) của Điều 3 của Quy định (EC) số 1107/2009;
- (24) 'sâu bệnh' có nghĩa là loài gây hại như được định nghĩa tại Điều 1(1) của Quy định (EU) 2016/2031 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng (2);
- (25) 'các chế phẩm sinh học' có nghĩa là các hỗn hợp được sử dụng truyền thống trong canh tác sinh học;
- (26) 'sản phẩm bảo vệ thực vật' nghĩa là các sản phẩm được đề cập tại Điều 2 của Quy định (EC) số 1107/2009;
- (27) 'sản xuất chăn nuôi' có nghĩa là sản xuất động vật trên cạn hoặc được thuần hóa, bao gồm cả côn trùng;
- (28) 'Hiên' có nghĩa là phần ngoài trời bổ sung, có mái che, không cách nhiệt của tòa nhà dành cho gia cầm, mặt dài nhất thường được trang bị hàng rào dây hoặc lưới, với khí hậu ngoài trời, tự nhiên và, khi cần thiết, chiếu sáng nhân tạo, và một sàn nhà bừa bộn;
- (29) 'gà mái' có nghĩa là động vật non thuộc loài Gallus gallus có độ tuổi dưới 18 tuần;
- (30) 'gà đẻ' có nghĩa là động vật thuộc loài Gallus gallus được dùng để sản xuất trứng để tiêu thụ và có độ tuổi ít nhất là 18 tuần;
- (31) 'diện tích sử dụng' nghĩa là diện tích sử dụng được xác định tại điểm (d) Điều 2(2) của Chỉ thị Hội đồng 1999/74/EC (3);
- (32) 'nuôi trồng thủy sản' có nghĩa là nuôi trồng thủy sản như được định nghĩa tại điểm (25) của Điều 4(1) của Quy định (EU) số 1380/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (4);
- (33) 'sản phẩm nuôi trồng thủy sản' là sản phẩm nuôi trồng thủy sản như được định nghĩa tại điểm (34) của Điều 4(1) của Quy định (EU) số 1380/2013;

(1) Quy định của Hội đồng (EC) số 2100/94 ngày 27 tháng 7 năm 1994 về quyền giống cây trồng của Cộng đồng (OJ L 227, 1.9.1994, p. 1).

(2) Quy định (EU) 2016/2031 của Hội đồng Nghị viện Châu Âu ngày 26 tháng 10 năm 2016 về các biện pháp bảo vệ chống lại sâu bệnh thực vật, sửa đổi Quy định (EU) số 228/2013, (EU) số 652/2014 và (EU) Số 1143/2014 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu và bãi bỏ Chỉ thị của Hội đồng 69/464/EEC, 74/647/EEC, 93/85/EEC, 98/57/EC, 2000/29/EC, 2006/91/EC và 2007/33/EC (OJ L 317, 23.11.2016, trang 4).

(3) Chỉ thị của Hội đồng 1999/74/EC ngày 19 tháng 7 năm 1999 đặt ra các tiêu chuẩn tối thiểu để bảo vệ gà đẻ (OJ L 203, 8.3.1999, tr. 53).

(4) Quy định (EU) số 1380/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 11 tháng 12 năm 2013 về Chính sách thủy sản chung, sửa đổi Quy định của Hội đồng (EC) số 1954/2003 và (EC) số 1224/2009 và bãi bỏ Hội đồng Quy định (EC) Số 2371/2002 và (EC) Số 639/2004 và Quyết định của Hội đồng 2004/585/EC (OJ L 354, 28.12.2013, trang 22).

- (34) 'cơ sở nuôi trồng thủy sản tuần hoàn khép kín' có nghĩa là cơ sở trên đất liền hoặc trên tàu nơi việc nuôi trồng thủy sản diễn ra trong một môi trường khép kín liên quan đến sự tuần hoàn của nước và phụ thuộc vào năng lượng đầu vào thường xuyên từ bên ngoài để ổn định môi trường cho động vật nuôi trồng thủy sản;
- (35) 'năng lượng từ các nguồn tái tạo' có nghĩa là năng lượng từ các nguồn phi hóa thạch tái tạo như gió, mặt trời, địa nhiệt, sóng, thủy triều, thủy điện, khí bãi rác, khí nhà máy xử lý nước thải và khí sinh học;
- (36) 'trại giống' có nghĩa là nơi sinh sản, ấp trứng và nuôi dưỡng qua các giai đoạn đầu đời của động vật nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là cá có vây và động vật có vỏ;
- (37) 'Vườn ươm' có nghĩa là nơi áp dụng hệ thống sản xuất nuôi trồng thủy sản trung gian giữa giai đoạn sản xuất giống và nuôi thương phẩm. Giai đoạn ương dưỡng được hoàn thành trong một phần ba đầu tiên của chu kỳ sản xuất, ngoại trừ các loài đang trải qua quá trình lột xác;
- (38) 'ô nhiễm nước' có nghĩa là ô nhiễm như được định nghĩa tại điểm (33) Điều 2 của Chỉ thị 2000/60/EC và tại điểm (8) của Điều 3 của Chỉ thị 2008/56/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1), tại các vùng biển mà mỗi Chỉ thị đó áp dụng;
- (39) 'nuôi ghép' có nghĩa là nuôi trồng thủy sản hai hoặc nhiều loài, thường từ các bậc dinh dưỡng khác nhau, trong cùng một đơn vị văn hóa;
- (40) 'chu kỳ sản xuất' nghĩa là vòng đời của động vật nuôi trồng thủy sản hoặc tảo, từ giai đoạn sống sớm nhất (trứng được thụ tinh, trong trường hợp động vật nuôi trồng thủy sản) đến khi thu hoạch;
- (41) 'các loài được trồng tại địa phương' có nghĩa là các loài nuôi trồng thủy sản không phải là loài ngoại lai hoặc không có mặt tại địa phương theo nghĩa tương ứng của điểm (6) và (7), của Điều 3 của Quy định Hội đồng (EC) số 708/2007 (2), cũng như các loài được liệt kê trong Phụ lục IV của Quy định đó;
- (42) 'điều trị thú y' có nghĩa là tất cả các biện pháp điều trị chữa bệnh hoặc phòng ngừa đối với một trường hợp cụ thể bệnh;
- (43) 'sản phẩm thuốc thú y' có nghĩa là sản phẩm thuốc thú y như được định nghĩa tại điểm (2) của Điều 1 của Chỉ thị 2001/82/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (3);
- (44) 'chuẩn bị' nghĩa là các hoạt động bảo quản hoặc chế biến các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển hóa, hoặc bất kỳ hoạt động nào khác được thực hiện trên một sản phẩm chưa qua chế biến mà không làm thay đổi sản phẩm ban đầu, chẳng hạn như giết mổ, cắt, làm sạch hoặc xay xát, như cũng như việc đóng gói, dán nhãn hoặc thay đổi nhãn mác liên quan đến sản xuất hữu cơ;
- (45) 'thực phẩm' có nghĩa là thực phẩm được định nghĩa tại Điều 2 của Quy định (EC) số 178/2002 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng (4);
- (46) 'thức ăn' có nghĩa là thức ăn được định nghĩa tại điểm (4) của Điều 3 của Quy định (EC) số 178/2002;
- (47) 'nguyên liệu thức ăn chăn nuôi' nghĩa là nguyên liệu thức ăn chăn nuôi như được định nghĩa tại điểm (g) của Điều 3(2) của Quy định (EC) số 767/2009 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (5);
- (48) 'đưa ra thị trường' có nghĩa là đưa ra thị trường như được định nghĩa tại điểm (8) của Điều 3 của Quy định (EC) số 178/2002;
- (49) 'truy xuất nguồn gốc' nghĩa là khả năng truy tìm và theo dõi thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hoặc bất kỳ sản phẩm nào được đề cập tại Điều 2(1), và bất kỳ chất nào được dự định hoặc dự kiến đưa vào thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hoặc bất kỳ sản phẩm nào được đề cập tại Điều 2(1), qua tất cả các giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối;
- (50) 'giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối' có nghĩa là bất kỳ giai đoạn nào từ quá trình sản xuất ban đầu của một sản phẩm hữu cơ thông qua việc bảo quản, chế biến, vận chuyển và bán hoặc cung cấp cho người tiêu dùng cuối cùng, bao gồm, nếu có liên quan, ghi nhãn, quảng cáo, nhập khẩu, hoạt động xuất khẩu và thầu phụ;

(1) Chỉ thị 2008/56/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 17 tháng 6 năm 2008 thiết lập khuôn khổ hành động cộng đồng trong lĩnh vực chính sách môi trường biển (Chỉ thị Khung Chiến lược Biển) (OJ L 164, 25.6.2008, p. 19).

(2) Quy định của Hội đồng (EC) số 708/2007 ngày 11 tháng 6 năm 2007 liên quan đến việc sử dụng các loài ngoại lai và không có ở địa phương trong nuôi trồng thủy sản (OJ L 168, 28.6.2007, tr. 1).

(3) Chỉ thị 2001/82/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 6 tháng 11 năm 2001 về Bộ luật Cộng đồng liên quan đến các sản phẩm thuốc thú y (OJ L 311, 28.11.2001, trang 1).

(4) Quy định (EC) số 178/2002 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 28 tháng 1 năm 2002 đặt ra các nguyên tắc và yêu cầu chung của luật thực phẩm, thành lập Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu và đặt ra các thủ tục trong các vấn đề an toàn thực phẩm (OJ L 31, 1.2.2002, trang 1).

(5) Quy định (EC) số 767/2009 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 13 tháng 7 năm 2009 về việc đưa ra thị trường và sử dụng thức ăn chăn nuôi, sửa đổi Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu và việc bãi bỏ Hội đồng Chỉ thị 79/373/EEC, Chỉ thị 80/511/EEC của Ủy ban, Chỉ thị của Hội đồng 82/471/EEC, 83/228/EEC, 93/74/EEC, 93/113/EC và 96/25/EC và Quyết định của Ủy ban 2004 /217/EC (OJ L 229, 1.9.2009, tr. 1).

- (51) 'thành phần' có nghĩa là thành phần như được định nghĩa tại điểm (f) của Điều 2(2) của Quy định (EU) số 1169/2011 hoặc, đối với các sản phẩm không phải thực phẩm, bất kỳ chất hoặc sản phẩm nào được sử dụng trong sản xuất hoặc chế biến thực phẩm các sản phẩm vẫn còn tồn tại trong thành phẩm, ngay cả ở dạng đã thay đổi;
- (52) 'ghi nhãn' có nghĩa là bất kỳ từ ngữ, chi tiết, nhãn hiệu thương mại, tên thương hiệu, hình ảnh hoặc biểu tượng liên quan đến sản phẩm được đặt trên bất kỳ bao bì, tài liệu, thông báo, nhãn, vòng hoặc vòng cổ nào đi kèm hoặc đề cập đến sản phẩm đó;
- (53) 'quảng cáo' có nghĩa là bất kỳ sự giới thiệu sản phẩm nào tới công chúng, bằng bất kỳ phương tiện nào khác ngoài nhãn hiệu, nhằm mục đích hoặc có khả năng gây ảnh hưởng và hình thành thái độ, niềm tin và hành vi nhằm trực tiếp hoặc gián tiếp thúc đẩy việc bán sản phẩm;
- (54) 'cơ quan có thẩm quyền' nghĩa là cơ quan có thẩm quyền như được định nghĩa tại điểm (3) của Điều 3 của Quy định (EU) 2017/625;
- (55) 'cơ quan kiểm soát' nghĩa là cơ quan kiểm soát hữu cơ như được định nghĩa tại điểm (4) Điều 3 của Quy định (EU) 2017/625 hoặc cơ quan được Ủy ban hoặc nước thứ ba công nhận vì mục đích thực hiện kiểm soát ở các nước thứ ba đối với việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm chuyển hóa vào Liên minh;
- (56) 'cơ quan kiểm soát' nghĩa là cơ quan được ủy quyền như định nghĩa tại điểm (5) Điều 3 của Quy định (EU) 2017/625, hoặc cơ quan được Ủy ban hoặc nước thứ ba công nhận vì mục đích thực hiện kiểm soát ở các nước thứ ba đối với việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm chuyển đổi vào Liên minh;
- (57) 'không tuân thủ' có nghĩa là không tuân thủ Quy định này hoặc không tuân thủ người được ủy quyền hoặc thực hiện các đạo luật được thông qua theo Quy chế này;
- (58) 'sinh vật biến đổi gen' hoặc 'GMO' có nghĩa là sinh vật biến đổi gen như được định nghĩa tại điểm (2) của Điều 2 của Chỉ thị 2001/18/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1) không có được thông qua các kỹ thuật biến đổi gen được liệt kê trong Phụ lục IB của Chỉ thị đó;
- (59) 'được sản xuất từ GMO' có nghĩa là có nguồn gốc toàn bộ hoặc một phần từ GMO nhưng không chứa hoặc bao gồm GMO;
- (60) 'được sản xuất bởi GMO' có nghĩa là bắt nguồn từ việc sử dụng GMO làm sinh vật sống cuối cùng trong quá trình sản xuất, nhưng không phải chứa hoặc bao gồm GMO cũng như không được sản xuất từ GMO;
- (61) 'phụ gia thực phẩm' có nghĩa là phụ gia thực phẩm được định nghĩa tại điểm (a) của Điều 3(2) của Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (2);
- (62) 'phụ gia thức ăn chăn nuôi' có nghĩa là phụ gia thức ăn chăn nuôi như được định nghĩa tại điểm (a) của Điều 2(2) của Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (3);
- (63) 'vật liệu nano được chế tạo' nghĩa là vật liệu nano được chế tạo như được định nghĩa tại điểm (f) của Điều 3(2) của Quy định (EU) 2015/2283 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (4);
- (64) 'sự tương đương' có nghĩa là đáp ứng các mục tiêu và nguyên tắc giống nhau bằng cách áp dụng các quy tắc đảm bảo mức độ đảm bảo tuân thủ như nhau;
- (65) 'hỗ trợ xử lý' có nghĩa là hỗ trợ xử lý như được định nghĩa tại điểm (b) của Điều 3(2) của Quy định (EC) số 1333/2008 đối với thực phẩm và điểm (h) của Điều 2(2) của Quy định (EC) số 1831/2003 đối với thức ăn chăn nuôi;
- (66) 'enzym thực phẩm' có nghĩa là enzym thực phẩm được định nghĩa tại điểm (a) của Điều 3(2) của Quy định (EC) số 1332/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (5);
- (67) 'bức xạ ion hóa' có nghĩa là bức xạ ion hóa như được định nghĩa tại điểm (46) của Điều 4 của Chỉ thị Hội đồng 2013/59/Euratom (6);

- (1) Chỉ thị 2001/18/EC của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 12 tháng 3 năm 2001 về việc cố tình thả các sinh vật biến đổi gen vào môi trường và bãi bỏ Chỉ thị 90/220/EEC của Hội đồng (OJ L 106, 17.4.2001, trang 1).
- (2) Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 16 tháng 12 năm 2008 về phụ gia thực phẩm (OJ L 354, 31.12.2008, tr. 16).
- (3) Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 22 tháng 9 năm 2003 về chất phụ gia sử dụng trong dinh dưỡng động vật (OJ L 268, 18.10.2003, trang 29).
- (4) Quy định (EU) 2015/2283 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 25 tháng 11 năm 2015 về thực phẩm mới, sửa đổi Quy định (EU) số 1169/2011 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu và bãi bỏ Quy định (EC) Không 258/97 của Nghị viện Châu Âu và Quy định của Hội đồng và Ủy ban (EC) số 1852/2001 (OJ L 327, 12.11.2015, trang 1).
- (5) Quy định (EC) số 1332/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 16 tháng 12 năm 2008 về enzym thực phẩm và Chỉ thị sửa đổi của Hội đồng số 83/417/EEC, Quy định của Hội đồng (EC) số 1493/1999, Chỉ thị 2000/13 /EC, Chỉ thị của Hội đồng 2001/112/EC và Quy định (EC) số 258/97 (OJ L 354, 31.12.2008, trang 7).
- (6) Chỉ thị của Hội đồng 2013/59/Euratom ngày 5 tháng 12 năm 2013 đặt ra các tiêu chuẩn an toàn cơ bản để bảo vệ chống lại những nguy hiểm phát sinh từ việc tiếp xúc với bức xạ ion hóa và bãi bỏ Chỉ thị 89/618/Euratom, 90/641/Euratom, 96/29/ Euratom, 97/43/Euratom và 2003/122/Euratom (OJ L 13, 17.1.2014, trang 1).

- (68) 'thực phẩm đóng gói sẵn' nghĩa là thực phẩm đóng gói sẵn như được định nghĩa tại điểm (e) của Điều 2(2) của Quy định (EU) số 1169/2011;
- (69) 'nhà nuôi gia cầm' có nghĩa là một tòa nhà cố định hoặc di động để nuôi các đàn gia cầm, bao gồm tất cả các bề mặt có mái che, bao gồm cả hiên; chuồng có thể được chia thành nhiều ngăn riêng biệt, mỗi ngăn nuôi một đàn;
- (70) 'trồng trọt liên quan đến đất' nghĩa là sản xuất trên đất sống hoặc đất được trộn lẫn hoặc bón phân với các vật liệu và sản phẩm được phép sản xuất hữu cơ liên quan đến lòng đất và đá gốc;
- (71) 'sản phẩm chưa qua chế biến' nghĩa là các sản phẩm chưa qua chế biến như được định nghĩa tại điểm (n) của Điều 2(1) của Quy định (EC) Số 852/2004 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1), không phân biệt hoạt động đóng gói hoặc dán nhãn;
- (72) 'sản phẩm đã qua chế biến' nghĩa là các sản phẩm đã qua chế biến như được định nghĩa tại điểm (o) của Điều 2(1) của Quy định (EC) Số 852/2004, không phân biệt hoạt động đóng gói hoặc dán nhãn;
- (73) 'xử lý' nghĩa là xử lý như được định nghĩa tại điểm (m) của Điều 2(1) của Quy định (EC) số 852/2004; điều này bao gồm việc sử dụng các chất được đề cập tại Điều 24 và 25 của Quy định này nhưng không bao gồm các hoạt động đóng gói hoặc dán nhãn;
- (74) 'tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc đang chuyển đổi' có nghĩa là thực tế là sản phẩm không thể hiện sự không tuân thủ cái mà:
- (a) trong bất kỳ giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối nào đều ảnh hưởng đến đặc tính hữu cơ hoặc đặc tính chuyển hóa của sản phẩm; hoặc
- (b) lặp đi lặp lại hoặc cố ý;
- (75) 'chuồng' có nghĩa là một khu chuồng bao gồm một phần trong đó động vật được bảo vệ khỏi thời tiết bất lợi điều kiện.

CHƯƠNG II

MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC SẢN XUẤT HỮU CƠ

Điều 4

Mục tiêu

Sản xuất hữu cơ phải theo đuổi các mục tiêu chung sau:

- (a) góp phần bảo vệ môi trường và khí hậu;
- (b) duy trì độ phì lâu dài của đất;
- (c) đóng góp vào mức độ đa dạng sinh học cao;
- (d) đóng góp đáng kể vào một môi trường không độc hại;
- (e) góp phần nâng cao tiêu chuẩn phúc lợi động vật và đặc biệt là đáp ứng nhu cầu về hành vi của từng loài cụ thể động vật;
- (f) khuyến khích các kênh phân phối ngắn và sản xuất địa phương ở các khu vực khác nhau của Liên minh;
- (g) khuyến khích việc bảo tồn các giống cây bản địa quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng;
- (h) góp phần phát triển việc cung cấp vật liệu di truyền thực vật phù hợp với nhu cầu và mục tiêu cụ thể nông nghiệp hữu cơ;
- (i) góp phần nâng cao đa dạng sinh học, đặc biệt bằng cách sử dụng vật liệu di truyền thực vật đa dạng, chẳng hạn như vật liệu hữu cơ không đồng nhất và các giống hữu cơ phù hợp cho sản xuất hữu cơ;
- (j) thúc đẩy phát triển các hoạt động nhân giống cây trồng hữu cơ nhằm góp phần mang lại triển vọng kinh tế thuận lợi cho ngành hữu cơ.

Điều 5

Nguyên tắc chung

Sản xuất hữu cơ là một hệ thống quản lý bền vững dựa trên các nguyên tắc chung sau:

- (a) tôn trọng các hệ thống và chu kỳ của thiên nhiên cũng như việc duy trì và nâng cao trạng thái của đất, nước và không khí, sức khỏe của thực vật và động vật, và sự cân bằng giữa chúng;
- (b) bảo tồn các yếu tố cảnh quan thiên nhiên, chẳng hạn như các di sản thiên nhiên;

(1) Quy định (EC) số 852/2004 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 29 tháng 4 năm 2004 về vệ sinh thực phẩm (OJ L 139, 30.4.2004, trang 1).

- (c) sử dụng có trách nhiệm năng lượng và tài nguyên thiên nhiên như nước, đất, chất hữu cơ và không khí;
- (d) sản xuất nhiều loại thực phẩm chất lượng cao cũng như các sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản khác đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về hàng hóa được sản xuất bằng cách sử dụng các quy trình không gây hại cho môi trường, sức khỏe con người, sức khỏe thực vật hoặc động vật sức khỏe và phúc lợi;
- (e) đảm bảo tính toàn vẹn của sản xuất hữu cơ ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối thực phẩm và cho ăn;
- (f) thiết kế và quản lý phù hợp các quá trình sinh học, dựa trên các hệ sinh thái và sử dụng tài nguyên thiên nhiên nằm trong hệ thống quản lý, sử dụng các phương pháp:
- (i) sử dụng sinh vật sống và phương pháp sản xuất cơ giới;
 - (ii) trồng trọt, chăn nuôi trên đất liền hoặc nuôi trồng thủy sản theo nguyên tắc khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản;
 - (iii) loại trừ việc sử dụng GMO, các sản phẩm được sản xuất từ GMO và các sản phẩm được sản xuất bởi GMO, ngoại trừ sản phẩm thuốc thú y;
 - (iv) dựa trên đánh giá rủi ro và việc sử dụng các biện pháp phòng ngừa cũng như biện pháp phòng ngừa khi thích hợp;
- (g) hạn chế sử dụng đầu vào bên ngoài; khi cần có đầu vào từ bên ngoài hoặc không có các biện pháp và phương pháp quản lý phù hợp nêu tại điểm (f), thì đầu vào bên ngoài sẽ được giới hạn ở:
- (i) đầu vào từ sản xuất hữu cơ; đối với vật liệu nhân giống cây trồng thì ưu tiên giống được lựa chọn vì khả năng đáp ứng các nhu cầu và mục tiêu cụ thể của nông nghiệp hữu cơ;
 - (ii) các chất tự nhiên hoặc có nguồn gốc tự nhiên;
 - (iii) phân khoáng có độ hòa tan thấp;
- (h) điều chỉnh quy trình sản xuất, khi cần thiết và trong khuôn khổ Quy định này, có tính đến tình trạng vệ sinh, sự khác biệt giữa các vùng về cân bằng sinh thái, điều kiện khí hậu và địa phương, các giai đoạn phát triển và các biện pháp chăn nuôi cụ thể;
- (i) loại trừ khỏi toàn bộ chuỗi thức ăn hữu cơ việc nhân bản động vật, nuôi động vật đa bội nhân tạo và bức xạ ion hóa;
- (j) việc tuân thủ mức độ phúc lợi động vật cao, tôn trọng nhu cầu cụ thể của loài.

Điều 6

Nguyên tắc cụ thể áp dụng trong hoạt động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

Đối với hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, đặc biệt sản xuất hữu cơ phải dựa trên các nguyên tắc cụ thể sau:

- (a) duy trì và nâng cao tuổi thọ của đất và độ phì tự nhiên của đất, độ ổn định của đất, khả năng giữ nước trong đất và đa dạng sinh học của đất, ngăn ngừa và chống mất chất hữu cơ trong đất, nén đất và xói mòn đất, và nuôi dưỡng thực vật chủ yếu thông qua hệ sinh thái đất ;
- (b) hạn chế tối đa việc sử dụng các nguồn tài nguyên không tái tạo và đầu vào bên ngoài;
- (c) tái chế chất thải và các sản phẩm phụ có nguồn gốc thực vật và động vật làm đầu vào trong sản xuất cây trồng và vật nuôi;
- (d) duy trì sức khỏe thực vật bằng các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là lựa chọn loài, giống hoặc vật liệu không đồng nhất thích hợp có khả năng kháng sâu bệnh, luân canh cây trồng thích hợp, các phương pháp cơ học và vật lý và bảo vệ thiên địch của sâu bệnh;
- (e) việc sử dụng hạt giống và động vật có mức độ đa dạng di truyền, khả năng kháng bệnh và tuổi thọ cao;
- (f) trong việc lựa chọn giống cây trồng, có tính đến đặc điểm của các hệ thống sản xuất hữu cơ cụ thể, tập trung vào hiệu quả nông học, khả năng kháng bệnh, thích ứng với các điều kiện đất đai và khí hậu địa phương đa dạng và tôn trọng các rào cản vượt qua tự nhiên;

- (g) việc sử dụng vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ, chẳng hạn như vật liệu sinh sản thực vật bằng vật liệu hữu cơ không đồng nhất và các giống hữu cơ phù hợp cho sản xuất hữu cơ;
- (h) sản xuất các giống hữu cơ thông qua khả năng sinh sản tự nhiên và tập trung vào việc ngăn chặn trong môi trường tự nhiên vượt qua rào cản;
- (i) không ảnh hưởng đến Điều 14 của Quy định (EC) số 2100/94 và quyền đối với giống cây trồng quốc gia được cấp theo Luật quốc gia của các Quốc gia Thành viên, khả năng nông dân sử dụng vật liệu nhân giống thực vật thu được từ trang trại của họ để nuôi dưỡng nguồn gen thích nghi với các điều kiện đặc biệt của sản xuất hữu cơ;
- (j) trong việc lựa chọn giống vật nuôi, có tính đến mức độ đa dạng di truyền cao, khả năng thích ứng với điều kiện địa phương, giá trị giống, tuổi thọ, sức sống và khả năng chống lại bệnh tật hoặc các vấn đề sức khỏe của chúng;
- (k) thực hành chăn nuôi phù hợp với địa điểm và liên quan đến đất đai;
- (l) việc áp dụng các biện pháp chăn nuôi nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch và tăng cường khả năng phòng vệ tự nhiên chống lại bệnh tật, bao gồm tập thể dục thường xuyên và tiếp cận các khu vực ngoài trời và đồng cỏ;
- (m) cho vật nuôi ăn thức ăn hữu cơ bao gồm các thành phần nông nghiệp từ quá trình sản xuất hữu cơ và các chất phi nông nghiệp tự nhiên;
- (n) sản xuất các sản phẩm chăn nuôi hữu cơ có nguồn gốc từ động vật được nuôi trên cơ sở hữu cơ trong suốt cuộc đời của chúng kể từ khi sinh ra hoặc nở ra;
- (o) sức khỏe liên tục của môi trường nước và chất lượng của các hệ sinh thái dưới nước và trên cạn xung quanh;
- (p) cho sinh vật thủy sinh ăn thức ăn từ nghề cá khai thác bền vững theo Quy định (EU) Số 1380/2013 hoặc với thức ăn hữu cơ bao gồm các thành phần nông nghiệp thu được từ sản xuất hữu cơ, bao gồm nuôi trồng thủy sản hữu cơ và các chất phi nông nghiệp tự nhiên;
- (q) tránh mọi nguy cơ gây nguy hiểm cho các loài được quan tâm bảo tồn có thể phát sinh từ sản xuất hữu cơ.

Điều 7

Nguyên tắc cụ thể áp dụng trong chế biến thực phẩm hữu cơ

Việc sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến phải đặc biệt dựa trên các nguyên tắc cụ thể sau:

- (a) sản xuất thực phẩm hữu cơ từ các nguyên liệu nông nghiệp hữu cơ;
- (b) hạn chế sử dụng các chất phụ gia thực phẩm, các thành phần phi hữu cơ có chức năng chủ yếu về mặt công nghệ và cảm quan, cũng như các chất dinh dưỡng vi lượng và chất hỗ trợ chế biến để chúng chỉ được sử dụng ở mức tối thiểu và chỉ trong trường hợp có nhu cầu công nghệ thiết yếu hoặc vì mục đích mục đích dinh dưỡng cụ thể;
- (c) loại trừ các chất và phương pháp chế biến có thể gây hiểu nhầm về bản chất thực sự của sản phẩm sản phẩm;
- (d) chế biến thực phẩm hữu cơ một cách cẩn thận, tốt nhất là thông qua việc sử dụng các phương pháp sinh học, cơ học và vật lý;
- (e) loại trừ thực phẩm có chứa hoặc bao gồm các vật liệu nano được chế tạo.

Điều 8

Nguyên tắc cụ thể áp dụng trong chế biến thức ăn hữu cơ

Việc sản xuất thức ăn hữu cơ đã qua chế biến phải đặc biệt dựa trên các nguyên tắc cụ thể sau:

- (a) sản xuất thức ăn hữu cơ từ nguyên liệu thức ăn hữu cơ;
- (b) hạn chế sử dụng phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến để chúng chỉ được sử dụng ở mức độ tối thiểu và chỉ trong các trường hợp có nhu cầu thiết yếu về công nghệ hoặc kỹ thuật chăn nuôi hoặc cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể;

(c) loại trừ các chất và phương pháp chế biến có thể gây hiểu nhầm về bản chất thực sự của sản phẩm sản phẩm;

(d) chế biến thức ăn hữu cơ một cách cẩn thận, tốt nhất là thông qua việc sử dụng các phương pháp sinh học, cơ học và vật lý.

CHƯƠNG III

QUY TẮC SẢN XUẤT

Điều 9

Quy định chung về sản xuất

1. Người vận hành phải tuân thủ các nguyên tắc sản xuất chung quy định tại Điều này.

2. Toàn bộ vùng nuôi phải được quản lý tuân thủ các yêu cầu của Quy định này áp dụng cho sản xuất hữu cơ.

3. Đối với các mục đích và cách sử dụng nêu tại Điều 24 và 25 và trong Phụ lục II, chỉ những sản phẩm và chất đã được cấp phép theo các quy định đó mới có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ, với điều kiện là việc sử dụng chúng trong sản xuất phi hữu cơ cũng phải được chấp thuận. Được ủy quyền theo các quy định liên quan của luật Liên minh và, nếu có, phù hợp với các quy định quốc gia dựa trên luật Liên minh.

Các sản phẩm và chất sau đây được đề cập tại Điều 2(3) của Quy định (EC) số 1107/2009 sẽ được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, miễn là chúng được cấp phép theo Quy định đó:

(a) chất an toàn, chất hiệp đồng và chất đồng công thức là thành phần của thuốc bảo vệ thực vật;

(b) chất bổ trợ được trộn với thuốc bảo vệ thực vật.

Việc sử dụng trong sản xuất hữu cơ các sản phẩm và chất cho các mục đích khác với những mục đích được nêu trong Quy định này sẽ được phép, miễn là việc sử dụng chúng tuân thủ các nguyên tắc đặt ra trong Chương II.

4. Không được sử dụng bức xạ ion hóa trong xử lý thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hữu cơ và xử lý nguyên liệu thô dùng trong thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hữu cơ.

5. Nghiêm cấm việc nhân bản động vật và nuôi động vật đa bội nhân tạo.

6. Các biện pháp phòng ngừa và phòng ngừa phải được thực hiện khi thích hợp ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối.

7. Bất kể đoạn 2, một cơ sở sản xuất có thể được chia thành các đơn vị sản xuất được tách biệt rõ ràng và hiệu quả để sản xuất hữu cơ, chuyển đổi và phi hữu cơ, với điều kiện là đối với các đơn vị sản xuất phi hữu cơ:

(a) liên quan đến vật nuôi, có nhiều loài khác nhau tham gia;

(b) đối với thực vật, có liên quan đến nhiều giống khác nhau có thể dễ dàng phân biệt.

Đối với tảo và động vật nuôi trồng thủy sản, các loài giống nhau có thể được tham gia, miễn là có sự tách biệt rõ ràng và hiệu quả giữa các địa điểm hoặc đơn vị sản xuất.

8. Bằng cách vi phạm điểm (b) của khoản 7, trong trường hợp cây trồng lâu năm cần thời gian canh tác ít nhất ba năm, các giống khác nhau không thể dễ dàng phân biệt hoặc các giống giống nhau có thể được sử dụng với điều kiện là rằng hoạt động sản xuất được đề cập nằm trong bối cảnh của kế hoạch chuyển đổi và với điều kiện là việc chuyển đổi phần cuối cùng của diện tích liên quan đến sản xuất được đề cập sang sản xuất hữu cơ phải bắt đầu càng sớm càng tốt và hoàn thành trong vòng tối đa 5 năm.

Trong trường hợp này:

(a) người nông dân phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khi thích hợp về việc bắt đầu thu hoạch từng sản phẩm liên quan trước ít nhất 48 giờ;

(b) sau khi thu hoạch xong, người nông dân phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khi thích hợp về số lượng chính xác được thu hoạch từ các đơn vị liên quan và các biện pháp được thực hiện để phân loại sản phẩm;

(c) kế hoạch chuyển đổi và các biện pháp được thực hiện để đảm bảo việc phân tách hiệu quả và rõ ràng phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hàng năm hoặc, nếu thích hợp, bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, sau khi bắt đầu kế hoạch chuyển đổi. .

9. Các yêu cầu liên quan đến các loài và giống khác nhau nêu tại điểm (a) và (b) của khoản 7 sẽ không áp dụng trong trường hợp các trung tâm nghiên cứu và giáo dục, vườn ươm cây trồng, cơ sở nhân giống và hoạt động nhân giống.

10. Trong trường hợp, trong các trường hợp nêu tại các khoản 7, 8 và 9, không phải tất cả các đơn vị sản xuất của một cơ sở đều được quản lý theo các quy tắc sản xuất hữu cơ thì người điều hành phải:

- (a) tách biệt các sản phẩm được sử dụng cho các đơn vị sản xuất hữu cơ và đang chuyển đổi với các sản phẩm được sử dụng cho các đơn vị sản xuất phi hữu cơ;
- (b) tách biệt các sản phẩm được sản xuất bởi các đơn vị sản xuất hữu cơ, chuyển đổi và phi hữu cơ với nhau khác;
- (c) lưu giữ đầy đủ hồ sơ để chứng minh sự tách biệt hiệu quả giữa các đơn vị sản xuất và sản phẩm.

11. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi khoản 7 Điều này bằng cách bổ sung thêm các quy định về việc chia cổ phần thành các đơn vị sản xuất hữu cơ, chuyển đổi và phi hữu cơ, đặc biệt liên quan đến sản phẩm liệt kê trong Phụ lục I, hoặc bằng cách sửa đổi các quy tắc bổ sung đó.

Điều 10

chuyển đổi

1. Người nuôi trồng, khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản phải thực hiện quy định về thời gian chuyển đổi. Trong toàn bộ thời gian chuyển đổi, họ phải áp dụng tất cả các quy định về sản xuất hữu cơ nêu trong Quy định này, đặc biệt là các quy định hiện hành về chuyển đổi nêu tại Điều này và Phụ lục II.
2. Giai đoạn chuyển đổi sẽ bắt đầu sớm nhất khi người nông dân hoặc người điều hành sản xuất tảo hoặc động vật nuôi trồng thủy sản đã thông báo hoạt động này cho cơ quan có thẩm quyền, theo Điều 34(1), tại Quốc gia Thành viên nơi hoạt động được thực hiện ra ngoài và nơi mà người nông dân hoặc người điều hành nắm giữ phải chịu sự kiểm soát của hệ thống.

3. Không có kỳ trước nào được coi là một phần của thời kỳ chuyển đổi, trừ khi:

- (a) thửa đất của nhà điều hành phải tuân theo các biện pháp được xác định trong chương trình được thực hiện theo Quy định (EU) số 1305/2013 nhằm mục đích đảm bảo rằng không có sản phẩm hoặc chất nào khác ngoài những sản phẩm được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ được sử dụng trên các thửa đất đó; hoặc
 - (b) nhà điều hành có thể cung cấp bằng chứng rằng thửa đất là đất tự nhiên hoặc đất nông nghiệp, trong thời gian ít nhất ba năm, chưa được xử lý bằng các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ.
4. Sản phẩm được sản xuất trong thời gian chuyển đổi không được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi.

Tuy nhiên, các sản phẩm sau được sản xuất trong thời gian chuyển đổi và tuân thủ đoạn 1 có thể được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm đang trong quá trình chuyển đổi:

- (a) vật liệu nhân giống thực vật, với điều kiện phải tuân thủ thời gian chuyển đổi ít nhất là 12 tháng;
- (b) các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc thực vật và sản phẩm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật, với điều kiện sản phẩm đó chỉ chứa một thành phần cây trồng nông nghiệp và phải tuân thủ thời gian chuyển đổi ít nhất 12 tháng trước khi thu hoạch.

5. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi điểm 1.2.2 Phần II của Phụ lục II bằng cách bổ sung các quy tắc chuyển đổi đối với các loài không thuộc quy định tại Phần II của Phụ lục II vào ngày 17 tháng 6 năm 2018 hoặc bằng cách sửa đổi những quy tắc bổ sung đó.

6. Khi thích hợp, Ủy ban sẽ thông qua các đạo luật thực thi quy định cụ thể các tài liệu được cung cấp nhằm mục đích công nhận hồi tố giai đoạn trước theo khoản 3 của Điều này.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 11

Cấm sử dụng GMO

1. Sinh vật biến đổi gen, sản phẩm được sản xuất từ sinh vật biến đổi gen và sản phẩm do sinh vật biến đổi gen sản xuất không được sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hoặc làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, chất hỗ trợ chế biến, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chất điều hòa đất, vật liệu sinh sản thực vật, vi sinh vật hoặc động vật. trong sản xuất hữu cơ.

2. Vì mục đích của lệnh cấm nêu tại đoạn 1, đối với GMO và các sản phẩm được sản xuất từ GMO để làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các nhà kinh doanh có thể dựa vào nhãn của sản phẩm đã được dán hoặc cung cấp theo Chỉ thị 2001/18/EC, Quy định (EC) số 1829/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1) hoặc Quy định (EC) số 1830/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (2) hoặc bất kỳ tài liệu đi kèm nào được cung cấp theo đó.

3. Các nhà điều hành có thể cho rằng không có GMO và không có sản phẩm nào được sản xuất từ GMO được sử dụng trong sản xuất thực phẩm và thức ăn chăn nuôi đã mua mà các sản phẩm đó không được dán hoặc cung cấp nhãn hoặc không kèm theo tài liệu được cung cấp, theo quy định pháp luật. hành vi nêu tại khoản 2, trừ khi họ có được thông tin khác chỉ ra rằng việc ghi nhãn sản phẩm liên quan không phù hợp với các hành vi pháp lý đó.

4. Vì mục đích của lệnh cấm nêu tại khoản 1, đối với các sản phẩm không được đề cập trong khoản 2 và 3, người kinh doanh sử dụng các sản phẩm phi hữu cơ mua từ bên thứ ba phải yêu cầu nhà cung cấp xác nhận rằng những sản phẩm đó không được sản xuất từ GMO hoặc được sản xuất bởi GMO.

Điều 12

Quy chế sản xuất cây trồng

1. Người điều hành sản xuất thực vật hoặc sản phẩm thực vật phải tuân thủ các quy định chi tiết nêu tại Phần I của Phụ lục II.
2. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi:
 - (a) điểm 1.3 và 1.4 Phần I Phụ lục II về các vi phạm;
 - (b) điểm 1.8.5 của Phần I của Phụ lục II liên quan đến việc sử dụng vật liệu nhân giống thực vật phi hữu cơ và chuyển hóa;
 - (c) điểm 1.9.5 Phần I của Phụ lục II bằng cách bổ sung thêm các điều khoản liên quan đến thỏa thuận giữa các nhà hoạt động nông nghiệp tài sản văn hóa hoặc bằng cách sửa đổi các điều khoản bổ sung đó;
 - (d) điểm 1.10.1 Phần I của Phụ lục II bằng cách bổ sung thêm các biện pháp quản lý sâu bệnh và cỏ dại hoặc sửa đổi các biện pháp đó bổ sung;
 - (e) Phần I của Phụ lục II bằng cách bổ sung thêm các quy định chi tiết và biện pháp canh tác đối với các loại thực vật và sản phẩm thực vật cụ thể, bao gồm các quy tắc đối với hạt nảy mầm hoặc bằng cách sửa đổi các quy tắc bổ sung đó.

Điều 13

Các quy định cụ thể về tiếp thị vật liệu sinh sản thực vật từ vật liệu hữu cơ không đồng nhất

1. Vật liệu nhân giống cây trồng từ vật liệu hữu cơ không đồng nhất có thể được đưa ra thị trường mà không tuân thủ các yêu cầu đăng ký và không tuân thủ các hạng mục chứng nhận của vật liệu tiền cơ bản, cơ bản và được chứng nhận hoặc các yêu cầu đối với các hạng mục khác được quy định trong Chỉ thị 66/401/EEC, 66/402/EEC, 68/193/EEC, 98/56/EC, 2002/53/EC, 2002/54/EC, 2002/55/EC, 2002/56/EC, 2002/57/EC, 2008/72/EC và 2008/90/EC hoặc các đạo luật được thông qua theo các Chỉ thị đó.
2. Vật liệu sinh sản thực vật làm từ vật liệu hữu cơ không đồng nhất như đã đề cập tại đoạn 1 có thể được đưa ra thị trường sau khi nhà cung cấp thông báo về vật liệu không đồng nhất hữu cơ đó cho các cơ quan chính thức có trách nhiệm được nêu trong Chỉ thị 66/401/EEC, 66/402/EEC, 68/193/EEC, 98/56/EC, 2002/53/EC, 2002/54/EC, 2002/55/EC, 2002/56/EC, 2002/57/EC, 2008/72/EC và 2008/90/EC, được lập bằng hồ sơ bao gồm:
 - (a) chi tiết liên lạc của người nộp đơn;
 - (b) loài và tên của vật liệu hữu cơ không đồng nhất;
 - (c) mô tả các đặc điểm nông học và kiểu hình chính phổ biến cho nhóm thực vật đó, bao gồm các phương pháp nhân giống, mọi kết quả sẵn có từ các thử nghiệm về các đặc điểm đó, quốc gia sản xuất và vật liệu bố mẹ được sử dụng;
 - (d) lời khai của người nộp đơn về tính trung thực của các yếu tố tại điểm (a), (b) và (c); Và
 - (e) một mẫu đại diện.

(1) Quy định (EC) số 1829/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 22 tháng 9 năm 2003 về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi biến đổi gen (OJ L 268, 18.10.2003, trang 1).

(2) Quy định (EC) số 1830/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 22 tháng 9 năm 2003 liên quan đến việc truy xuất nguồn gốc và ghi nhãn các sinh vật biến đổi gen và khả năng truy xuất nguồn gốc của các sản phẩm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi được sản xuất từ các sinh vật biến đổi gen và Chỉ thị sửa đổi 2001/18/EC (OJ L 268, 18.10.2003, tr. 24).

Thông báo đó phải được gửi bằng thư bảo đảm hoặc bằng bất kỳ phương tiện liên lạc nào khác được các cơ quan chính thức chấp nhận, kèm theo yêu cầu xác nhận đã nhận.

Ba tháng sau ngày ghi trên biên nhận trả lại, với điều kiện là không có yêu cầu bổ sung thông tin hoặc không có sự từ chối chính thức vì lý do hồ sơ không đầy đủ hoặc không tuân thủ như quy định tại Điều 3(57) đã được thông báo cho nhà cung cấp, người chịu trách nhiệm cơ quan chính thức sẽ được coi là đã thừa nhận thông báo và nội dung của nó.

Sau khi xác nhận rõ ràng hoặc ngầm thông báo, cơ quan chính thức có trách nhiệm có thể tiến hành liệt kê các vật liệu không đồng nhất hữu cơ được thông báo. Danh sách đó sẽ miễn phí cho nhà cung cấp.

Việc liệt kê bất kỳ vật liệu hữu cơ không đồng nhất nào sẽ được thông báo tới cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên khác và tới Ủy ban.

Vật liệu hữu cơ không đồng nhất như vậy phải đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong các đạo luật được ủy quyền được thông qua theo đoạn 3.

3. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền theo Điều 54 bổ sung Quy định này bằng cách đặt ra các quy tắc quản lý việc sản xuất và tiếp thị vật liệu sinh sản thực vật từ vật liệu hữu cơ dị thể của các chi hoặc loài cụ thể, liên quan đến:

- (a) mô tả vật liệu hữu cơ không đồng nhất, bao gồm các phương pháp nhân giống và sản xuất có liên quan và tài liệu của cha mẹ được sử dụng;
- (b) các yêu cầu chất lượng tối thiểu đối với lô hạt giống, bao gồm nhận dạng, độ tinh khiết cụ thể, tỷ lệ nảy mầm và vệ sinh. chất lượng;
- (c) ghi nhãn và đóng gói;
- (d) thông tin và mẫu sản xuất do người điều hành chuyên nghiệp lưu giữ;
- (e) nếu có thể, việc duy trì vật liệu hữu cơ không đồng nhất.

Điều 14

Quy chế chăn nuôi

1. Đặc biệt, người chăn nuôi phải tuân thủ các quy tắc sản xuất chi tiết được nêu tại Phần II của Phụ lục II và trong mọi văn bản triển khai nêu tại khoản 3 của Điều này.

2. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi:

- (a) các điểm 1.3.4.2, 1.3.4.4.2 và 1.3.4.4.3 của Phần II của Phụ lục II bằng cách giảm tỷ lệ phần trăm liên quan đến nguồn gốc của động vật, khi đã có đủ lượng động vật hữu cơ sẵn có trên thị trường Liên minh;
- (b) điểm 1.6.6 Phần II Phụ lục II về giới hạn nitơ hữu cơ liên quan đến tổng mật độ thả giống;
- (c) điểm 1.9.6.2(b) Phần II của Phụ lục II liên quan đến việc cho đàn ong ăn;
- (d) các điểm 1.9.6.3(b) và (e) của Phần II của Phụ lục II liên quan đến các phương pháp xử lý được chấp nhận để khử trùng các nhà nuôi ong và các phương pháp và biện pháp đấu tranh chống lại kẻ hủy diệt Varroa;
- (e) Phần II của Phụ lục II bằng cách bổ sung các quy định chi tiết về chăn nuôi đối với các loài không phải là loài được quy định tại đó. Phần vào ngày 17 tháng 6 năm 2018 hoặc bằng cách sửa đổi các quy tắc bổ sung đó, liên quan đến:

(i) vi phạm nguồn gốc động vật;

(ii) dinh dưỡng;

(iii) các tập quán về nhà ở và chăn nuôi;

(iv) chăm sóc sức khỏe;

(v) phúc lợi động vật.

3. Ủy ban sẽ, khi thích hợp, thông qua các đạo luật thực thi liên quan đến Phần II của Phụ lục II cung cấp các quy tắc về:

- (a) thời gian tối thiểu phải tuân thủ đối với việc cho động vật đang bú bằng sữa mẹ, được đề cập tại điểm 1.4.1(g);
- (b) mật độ thả giống và bề mặt tối thiểu cho khu vực trong nhà và ngoài trời phải tuân thủ đối với các loài vật nuôi cụ thể để đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển, sinh lý và tập tính của động vật theo các điểm 1.6.3, 1.6.4 và 1.7.2,

- (c) đặc điểm và yêu cầu kỹ thuật về bề mặt tối thiểu của khu vực trong nhà và ngoài trời;
- (d) các đặc điểm và yêu cầu kỹ thuật đối với chuồng trại và chuồng dành cho tất cả các loài vật nuôi trừ ong, để đảm bảo đáp ứng các nhu cầu phát triển, sinh lý và tập tính của động vật theo điểm 1.7.2;
- (e) các yêu cầu về thảm thực vật và đặc điểm của các cơ sở được bảo vệ và các khu vực ngoài trời.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 15

Quy định sản xuất tảo và thủy sản

1. Các nhà hoạt động sản xuất tảo và thủy sản phải tuân thủ các quy định sản xuất chi tiết nêu tại Phần III của Phụ lục II và trong mọi văn bản triển khai nêu tại khoản 3 Điều này.
2. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi:
 - (a) điểm 3.1.3.3 Phần III Phụ lục II về thức ăn cho động vật nuôi trồng thủy sản ăn thịt;
 - (b) điểm 3.1.3.4 Phần III của Phụ lục II bằng cách bổ sung thêm các quy định cụ thể về thức ăn cho một số động vật nuôi trồng thủy sản hoặc bằng cách sửa đổi những quy định bổ sung đó;
 - (c) điểm 3.1.4.2 Phần III Phụ lục II về xử lý thú y đối với động vật thủy sản;
 - (d) Phần III của Phụ lục II bằng cách bổ sung thêm các điều kiện chi tiết cho từng loài để quản lý đàn bố mẹ, nhân giống và sản xuất chưa thành niên, hoặc bằng cách sửa đổi các điều kiện chi tiết bổ sung.
3. Ủy ban sẽ, khi thích hợp, thông qua các đạo luật triển khai đặt ra các quy tắc chi tiết cho từng loài hoặc từng nhóm loài về mật độ thả giống và các đặc điểm cụ thể cho hệ thống sản xuất và hệ thống ngăn chặn, nhằm đảm bảo rằng các nhu cầu cụ thể của loài được đáp ứng.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

4. Vì mục đích của Điều này và Phần III của Phụ lục II, 'mật độ thả giống' có nghĩa là trọng lượng sống của động vật nuôi trồng thủy sản trên một mét khối nước tại bất kỳ thời điểm nào trong giai đoạn nuôi thương phẩm và, trong trường hợp cá dẹt và tôm, trọng lượng trên mét vuông bề mặt.

Điều 16

Quy định sản xuất thực phẩm chế biến

1. Đặc biệt, các nhà kinh doanh sản xuất thực phẩm đã qua chế biến phải tuân thủ các quy tắc sản xuất chi tiết nêu tại Phần IV của Phụ lục II và trong mọi hành vi thực hiện nêu tại khoản 3 Điều này.
 2. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi:
 - (a) điểm 1.4 của Phần IV Phụ lục II liên quan đến các biện pháp phòng ngừa và phòng ngừa mà người vận hành phải thực hiện;
 - (b) điểm 2.2.2 Phần IV Phụ lục II về chủng loại và thành phần của sản phẩm, chất được phép để sử dụng trong thực phẩm đã qua chế biến cũng như các điều kiện sử dụng chúng;
 - (c) điểm 2.2.4 Phần IV của Phụ lục II về việc tính tỷ lệ thành phần nông nghiệp nêu tại điểm (a)(ii) và (b)(i) của Điều 30(5), bao gồm cả thực phẩm các chất phụ gia được cho phép theo Điều 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ được coi là thành phần nông nghiệp cho mục đích tính toán đó.
- Các đạo luật được ủy quyền đó sẽ không bao gồm khả năng sử dụng các chất tạo hương hoặc các chế phẩm tạo hương không có nguồn gốc tự nhiên, theo nghĩa của Điều 16(2), (3) và (4) của Quy định (EC) số 1334/2008 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng (1), cũng không phải hữu cơ.
3. Ủy ban có thể áp dụng các đạo luật thực thi quy định các kỹ thuật được phép trong chế biến sản phẩm thực phẩm.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

(1) Quy định (EC) số 1334/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 16 tháng 12 năm 2008 về hương liệu và một số thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương vị để sử dụng trong và trên thực phẩm và sửa đổi Quy định của Hội đồng (EEC) số 1601/91, Quy định (EC) số 2232/96 và (EC) số 110/2008 và Chỉ thị 2000/13/EC (OJ L 354, 31.12.2008, trang 34).

Điều 17

Quy định sản xuất thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến

1. Các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến phải tuân thủ đặc biệt các quy tắc sản xuất chi tiết nêu tại Phần V của Phụ lục II và trong mọi văn bản triển khai nêu tại khoản 3 Điều này.
2. Ủy ban được trao quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi điểm 1.4 Phần V của Phụ lục II bằng cách bổ sung thêm các biện pháp phòng ngừa và phòng ngừa mà các nhà điều hành phải thực hiện hoặc bằng cách sửa đổi các biện pháp bổ sung đó.
3. Ủy ban có thể thông qua các đạo luật triển khai quy định các kỹ thuật được phép sử dụng trong chế biến sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 18

Quy định sản xuất rượu vang

1. Các nhà kinh doanh sản xuất sản phẩm của ngành rượu phải tuân thủ các quy định sản xuất chi tiết tại Phần VI của Phụ lục II.
2. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi:
 - (a) điểm 3.2 của Phần VI của Phụ lục II bằng cách bổ sung thêm các phương pháp, quy trình và phương pháp xử lý bị cấm, hoặc bằng cách sửa đổi những yếu tố được bổ sung đó;
 - (b) điểm 3.3 của Phần VI Phụ lục II.

Điều 19

Quy tắc sản xuất men dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi

1. Cơ sở sản xuất men dùng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi phải tuân thủ nội quy sản xuất chi tiết tại Phần VII Phụ lục II.
2. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi điểm 1.3 Phần VII của Phụ lục II bằng cách bổ sung thêm các quy tắc chi tiết về sản xuất men hoặc bằng cách sửa đổi các quy tắc đã bổ sung đó.

Điều 20

Thiếu các quy tắc sản xuất nhất định đối với các loài vật nuôi cụ thể và các loài động vật nuôi trồng thủy sản

Đang chờ thông qua:

- (a) Bổ sung các quy định chung đối với các loài vật nuôi khác ngoài quy định tại điểm 1.9 Phần II Phụ lục II tại theo điểm (e) Điều 14(2);
- (b) các văn bản thực hiện nêu tại Điều 14(3) đối với các loài vật nuôi; hoặc
- (c) các văn bản thực hiện nêu tại Điều 15(3) đối với các loài hoặc nhóm loài động vật nuôi trồng thủy sản;

Quốc gia Thành viên có thể áp dụng các quy tắc sản xuất quốc gia chi tiết đối với các loài hoặc nhóm loài động vật cụ thể liên quan đến các yếu tố được điều chỉnh bởi các biện pháp nêu tại điểm (a), (b) và (c), với điều kiện là các quy tắc quốc gia đó phù hợp với Quy định này và với điều kiện là họ không cấm, hạn chế hoặc cản trở việc đưa ra thị trường các sản phẩm được sản xuất bên ngoài lãnh thổ của mình và tuân thủ Quy định này.

Điều 21

Quy tắc sản xuất đối với sản phẩm không thuộc chủng loại sản phẩm nêu tại Điều 12 đến Điều 19

1. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi Phụ lục II bằng cách bổ sung các quy tắc sản xuất chi tiết cũng như các quy định về nghĩa vụ chuyển đổi đối với các sản phẩm không thuộc các loại sản phẩm được đề cập tại Điều 12 thành 19, hoặc bằng cách sửa đổi các quy tắc bổ sung đó.

Các đạo luật được ủy quyền đó phải dựa trên các mục tiêu và nguyên tắc sản xuất hữu cơ nêu tại Chương II và phải tuân thủ các quy tắc sản xuất chung nêu tại Điều 9, 10 và 11 cũng như các quy tắc sản xuất chi tiết hiện hành được đặt ra cho các sản phẩm tương tự trong Phụ lục II. Họ phải đặt ra các yêu cầu liên quan, đặc biệt là các biện pháp xử lý, thực hành và đầu vào được phép hoặc bị cấm hoặc thời gian chuyển đổi đối với các sản phẩm liên quan.

2. Trong trường hợp không có quy tắc sản xuất chi tiết nêu tại khoản 1:

- (a) đối với các sản phẩm nêu tại khoản 1, các nhà khai thác phải tuân thủ các nguyên tắc nêu tại Điều 5 và 6, với những sửa đổi phù hợp với các nguyên tắc nêu tại Điều 7, và với các quy tắc sản xuất chung nêu tại Điều 9 đến Điều 11;
- (b) Quốc gia Thành viên có thể, đối với các sản phẩm nêu tại khoản 1, áp dụng các quy tắc sản xuất chi tiết trong nước, với điều kiện là các quy tắc đó phù hợp với Quy định này và với điều kiện là chúng không cấm, hạn chế hoặc cản trở việc đưa sản phẩm ra thị trường của các sản phẩm được sản xuất bên ngoài lãnh thổ của mình và tuân thủ Quy định này.

Điều 22

Áp dụng các quy tắc sản xuất đặc biệt

1. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 bổ sung Quy định này bằng cách quy định:

- (a) các tiêu chí để xác định liệu một tình huống có đủ tiêu chuẩn là hoàn cảnh thảm khốc xuất phát từ 'sự kiện khí hậu bất lợi', 'bệnh động vật', 'sự cố môi trường', 'thảm họa tự nhiên' hay 'sự kiện thảm khốc', như được định nghĩa ở các điểm (h), (i), (j), (k) và (l) lần lượt của Điều 2(1) của Quy định (EU) số 1305/2013, cũng như mọi tình huống tương đương;
- (b) các quy tắc cụ thể, bao gồm cả những vi phạm có thể có đối với Quy định này, về cách các Quốc gia Thành viên giải quyết các vấn đề đó hoàn cảnh thảm khốc nếu họ quyết định áp dụng Điều này; Và
- (c) các quy định cụ thể về giám sát và báo cáo trong những trường hợp như vậy.

Các tiêu chí và quy định đó phải tuân theo các nguyên tắc sản xuất hữu cơ nêu tại Chương II.

2. Khi một Quốc gia Thành viên đã chính thức công nhận một sự kiện là thảm họa thiên nhiên như được đề cập tại Điều 18(3) hoặc Điều 24(3) của Quy định (EU) số 1305/2013, và sự kiện đó khiến việc tuân thủ các quy định các quy tắc sản xuất được quy định trong Quy định này, Quốc gia Thành viên đó có thể cho phép vi phạm các quy tắc sản xuất trong một thời gian giới hạn cho đến khi sản xuất hữu cơ có thể được tái lập, tuân theo các nguyên tắc được nêu trong Chương II và theo bất kỳ đạo luật được ủy quyền nào được thông qua theo đoạn 1.

3. Các Quốc gia Thành viên có thể áp dụng các biện pháp phù hợp với đạo luật được ủy quyền nêu tại khoản 1 để cho phép tiếp tục hoặc bắt đầu sản xuất hữu cơ trong trường hợp có thảm họa.

Điều 23

Thu gom, đóng gói, vận chuyển và bảo quản

1. Cơ sở sản xuất phải đảm bảo các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm chuyển hóa được thu gom, đóng gói, vận chuyển và bảo quản theo đúng nguyên tắc quy định tại Phụ lục III.

2. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi:

- (a) Mục 2 Phụ lục III;
- (b) Mục 3, 4 và 6 của Phụ lục III bằng cách bổ sung thêm các quy định đặc biệt về vận chuyển và tiếp nhận sản phẩm liên quan hoặc bằng cách sửa đổi các quy tắc bổ sung đó.

Điều 24

Cấp phép sản phẩm, chất sử dụng trong sản xuất hữu cơ

1. Ủy ban có thể cấp phép cho một số sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất hữu cơ và sẽ đưa bất kỳ sản phẩm và chất được cấp phép nào vào danh sách hạn chế, nhằm các mục đích sau:

- (a) là hoạt chất được sử dụng trong thuốc bảo vệ thực vật;
- (b) làm phân bón, chất điều hòa đất và chất dinh dưỡng;
- (c) là nguyên liệu thức ăn chăn nuôi phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men hoặc là nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất;
- (d) làm chất phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến;
- (e) là các sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng ao, lồng, bể, mương, nhà hoặc các công trình lắp đặt dùng cho sản phẩm dành cho thú vật;
- (f) là các sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng các tòa nhà và cơ sở sử dụng cho sản xuất thực vật, bao gồm cả việc bảo quản nông sản;

(g) là sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng tại các cơ sở chế biến và bảo quản.

2. Ngoài các sản phẩm và chất được cấp phép theo khoản 1, Ủy ban có thể cấp phép cho một số sản phẩm và chất được sử dụng trong sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến và men dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi, đồng thời phải bao gồm bất kỳ sản phẩm và chất được cấp phép nào như vậy trong các quy định hạn chế, danh sách, nhằm mục đích sau:

(a) làm phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến;

(b) là nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ được sử dụng để sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến;

(c) làm chất hỗ trợ chế biến để sản xuất men và các sản phẩm từ men.

3. Việc cấp phép sử dụng các sản phẩm và chất nêu tại khoản 1 trong sản xuất hữu cơ phải tuân theo các nguyên tắc nêu tại Chương II và các tiêu chí sau, được đánh giá tổng thể:

(a) chúng cần thiết cho quá trình sản xuất bền vững và cho mục đích sử dụng đã định;

(b) tất cả các sản phẩm và chất liên quan đều có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật, vi sinh vật hoặc khoáng chất, trừ trường hợp sản phẩm hoặc chất từ những nguồn đó không có đủ số lượng hoặc chất lượng hoặc không có lựa chọn thay thế;

(c) trong trường hợp các sản phẩm nêu tại điểm (a) của khoản 1:

(i) việc sử dụng chúng là cần thiết để kiểm soát loài gây hại mà các biện pháp thay thế sinh học, vật lý hoặc nhân giống khác có thể thay thế được, chưa có biện pháp canh tác hoặc biện pháp quản lý hiệu quả khác;

(ii) nếu các sản phẩm đó không có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật, vi sinh vật hoặc khoáng chất và không giống với sản phẩm tự nhiên của chúng dạng, điều kiện sử dụng của chúng loại trừ mọi tiếp xúc trực tiếp với các phần ăn được của cây trồng;

(d) trong trường hợp các sản phẩm nêu tại điểm (b) của khoản 1, việc sử dụng chúng là cần thiết để xây dựng hoặc duy trì độ phì nhiêu của đất hoặc để đáp ứng các yêu cầu dinh dưỡng cụ thể của cây trồng hoặc cho các mục đích cải tạo đất cụ thể;

(e) trong trường hợp các sản phẩm nêu tại điểm (c) và (d) của khoản 1:

(i) việc sử dụng chúng là cần thiết để duy trì sức khỏe, phúc lợi và sức sống của động vật và góp phần tạo ra một chế độ ăn thích hợp đáp ứng nhu cầu sinh lý và hành vi của các loài liên quan hoặc việc sử dụng chúng là cần thiết để sản xuất hoặc bảo quản thức ăn vì việc sản xuất hoặc bảo quản thức ăn là cần thiết. Không thể thực hiện được nếu không sử dụng các chất đó;

(ii) thức ăn có nguồn gốc khoáng chất, nguyên tố vi lượng, vitamin hoặc tiền vitamin có nguồn gốc tự nhiên, trừ trường hợp sản phẩm hoặc chất từ các nguồn đó không có đủ số lượng hoặc chất lượng hoặc không có nguồn nguyên liệu thay thế;

(iii) việc sử dụng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật hoặc động vật là cần thiết vì nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật hoặc động vật được sản xuất theo quy tắc sản xuất hữu cơ không có đủ số lượng;

(iv) việc sử dụng các loại gia vị, thảo mộc và mật đường phi hữu cơ là cần thiết vì những sản phẩm đó không có sẵn ở dạng hữu cơ; chúng phải được sản xuất hoặc chuẩn bị mà không có dung môi hóa học và việc sử dụng chúng được giới hạn ở mức 1% khẩu phần thức ăn cho một loài nhất định, được tính hàng năm theo phần trăm chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp.

4. Việc cấp phép sử dụng các sản phẩm và chất nêu tại khoản 2 trong sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến hoặc để sản xuất men dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi phải tuân theo các nguyên tắc nêu tại Chương II và các tiêu chí sau đây, sẽ được đánh giá một cách tổng thể:

(a) các sản phẩm hoặc chất thay thế được cấp phép theo Điều này hoặc các kỹ thuật phù hợp với Điều này Quy định không có sẵn;

(b) sẽ không thể sản xuất hoặc bảo quản thực phẩm hoặc đáp ứng các yêu cầu về chế độ ăn uống nhất định được quy định trên cơ sở Luật pháp của Liên minh nếu không sử dụng các sản phẩm và chất đó;

(c) chúng được tìm thấy trong tự nhiên và chỉ có thể trải qua các quá trình cơ học, vật lý, sinh học, enzyme hoặc vi sinh vật, trừ trường hợp sản phẩm hoặc chất từ các nguồn đó không có đủ số lượng hoặc chất lượng;

(d) thành phần hữu cơ không có đủ số lượng.

5. Việc cho phép sử dụng các sản phẩm và chất tổng hợp về mặt hóa học theo khoản 1 và 2 Điều này bị hạn chế nghiêm ngặt trong trường hợp việc sử dụng các yếu tố đầu vào bên ngoài nêu tại điểm (g) Điều 5 sẽ góp phần gây ra những tác động không thể chấp nhận được đối với môi trường.

6. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi khoản 3 và 4 Điều này bằng cách bổ sung thêm các tiêu chí cho phép các sản phẩm và chất nêu tại khoản 1 và 2 Điều này được sử dụng trong sản xuất hữu cơ ở nói chung và trong sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến nói riêng, cũng như các tiêu chí bổ sung về việc thu hồi các giấy phép đó hoặc bằng cách sửa đổi các tiêu chí bổ sung đó.

7. Khi một Quốc gia Thành viên cho rằng một sản phẩm hoặc chất cần được thêm vào hoặc rút khỏi danh sách các sản phẩm và chất được cấp phép nêu tại khoản 1 và 2, hoặc cần sửa đổi các yêu cầu sử dụng được đề cập trong quy tắc sản xuất, phải đảm bảo rằng hồ sơ nêu lý do đưa vào, rút bỏ hoặc các sửa đổi khác được gửi chính thức tới Ủy ban và các Quốc gia Thành viên khác và được công bố công khai, tuân theo luật pháp của Liên minh và quốc gia về bảo vệ dữ liệu.

Ủy ban sẽ công bố bất kỳ yêu cầu nào được đề cập trong đoạn này.

8. Ủy ban sẽ thường xuyên xem xét các danh sách được đề cập tại Điều này.

Danh sách các thành phần phi hữu cơ nêu tại điểm (b) khoản 2 phải được xem xét lại ít nhất mỗi năm một lần.

9. Ủy ban sẽ thông qua các đạo luật thực thi liên quan đến việc cấp phép hoặc thu hồi giấy phép đối với các sản phẩm và chất theo khoản 1 và 2 có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ nói chung và trong sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến nói riêng, đồng thời thiết lập các thủ tục phải được tuân thủ đối với các giấy phép đó cũng như danh sách các sản phẩm và chất đó và, khi thích hợp, mô tả, yêu cầu về thành phần và điều kiện sử dụng của chúng.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 25

Các quốc gia thành viên cấp phép sử dụng nguyên liệu nông nghiệp phi hữu cơ cho thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến

1. Trong trường hợp cần thiết để đảm bảo khả năng tiếp cận một số thành phần nông nghiệp nhất định và khi các thành phần đó không có đủ số lượng ở dạng hữu cơ, Quốc gia Thành viên có thể, theo yêu cầu của nhà điều hành, cho phép tạm thời việc sử dụng các thành phần phi hữu cơ nguyên liệu nông nghiệp để sản xuất thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến trên lãnh thổ của mình trong thời gian tối đa sáu tháng. Việc ủy quyền đó sẽ áp dụng cho tất cả các nhà khai thác tại Quốc gia Thành viên đó.

2. Quốc gia Thành viên sẽ thông báo ngay cho Ủy ban và các Quốc gia Thành viên khác, thông qua hệ thống máy tính cho phép trao đổi điện tử các tài liệu và thông tin do Ủy ban cung cấp, về bất kỳ giấy phép nào được cấp cho lãnh thổ của mình theo khoản 1.

3. Quốc gia Thành viên có thể gia hạn giấy phép quy định tại khoản 1 hai lần, mỗi lần tối đa sáu tháng, với điều kiện là không có Quốc gia Thành viên nào khác phản đối bằng cách chỉ ra, thông qua hệ thống nêu tại khoản 2, rằng các thành phần đó có sẵn ở dạng hữu cơ với số lượng vừa đủ.

4. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46(1) có thể cấp giấy phép tạm thời, như được đề cập tại khoản 1 của Điều này, trong thời hạn tối đa sáu tháng cho các nhà khai thác ở các nước thứ ba có yêu cầu như vậy. Được ủy quyền và chịu sự kiểm soát của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đó, với điều kiện là các điều kiện của khoản đó được đáp ứng ở nước thứ ba liên quan. Việc ủy quyền có thể được gia hạn tối đa hai lần, mỗi lần sáu tháng.

5. Trường hợp, sau hai lần gia hạn giấy phép tạm thời, trên cơ sở thông tin khách quan, một Quốc gia Thành viên cho rằng sự sẵn có của các thành phần đó ở dạng hữu cơ vẫn không đủ để đáp ứng nhu cầu về chất lượng và số lượng của các nhà sản xuất, Quốc gia Thành viên đó có thể đưa ra yêu cầu lên Ủy ban theo Điều 24(7).

Điều 26

Thu thập dữ liệu liên quan đến sự sẵn có trên thị trường vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ và chuyển đổi, động vật hữu cơ và cá giống nuôi trồng thủy sản hữu cơ

1. Mỗi Quốc gia Thành viên phải đảm bảo rằng một cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên được thiết lập để liệt kê các vật liệu nhân giống thực vật hữu cơ và đang chuyển đổi, không bao gồm cây giống nhưng bao gồm cả khoai tây giống, có sẵn trên lãnh thổ của mình.

2. Các Quốc gia Thành viên phải có sẵn các hệ thống cho phép các nhà hoạt động tiếp thị vật liệu sinh sản hữu cơ hoặc thực vật đang chuyển đổi, động vật hữu cơ hoặc cá giống nuôi trồng thủy sản hữu cơ và có thể cung cấp đủ số lượng và trong thời gian hợp lý để thực hiện công khai trên cơ sở tự nguyện, miễn phí, cùng với tên và thông tin liên hệ của họ, thông tin sau:

- (a) vật liệu sinh sản hữu cơ và cây trồng chuyển đổi, chẳng hạn như vật liệu sinh sản thực vật bằng vật liệu hữu cơ dị chủng hoặc các giống hữu cơ thích hợp cho sản xuất hữu cơ, không bao gồm cây giống nhưng bao gồm cả khoai tây giống, có sẵn; số lượng về trọng lượng của vật liệu đó; và khoảng thời gian trong năm có sẵn của nó; tài liệu đó phải được liệt kê ít nhất bằng tên khoa học Latinh;
- (b) các động vật hữu cơ có thể bị vi phạm theo điểm 1.3.4.4 của Phần II của Phụ lục II; số lượng động vật có sẵn được phân loại theo giới tính; thông tin, nếu phù hợp, liên quan đến các loài động vật khác nhau về giống và chủng hiện có; chủng tộc của động vật; tuổi của động vật; và bất kỳ thông tin liên quan nào khác;
- (c) cá giống nuôi trồng thủy sản hữu cơ có sẵn trong trại nuôi và tình trạng sức khỏe của chúng phù hợp với Chỉ thị của Hội đồng 2006/88/EC (1) và năng lực sản xuất của từng loài nuôi trồng thủy sản.

3. Các Quốc gia Thành viên cũng có thể thiết lập các hệ thống cho phép các nhà kinh doanh tiếp thị các giống và chủng thích nghi với sản xuất hữu cơ theo điểm 1.3.3 của Phần II của Phụ lục II hoặc gà mái tơ hữu cơ và có thể cung cấp đủ số lượng và trong phạm vi cho những động vật đó. một khoảng thời gian hợp lý để công khai các thông tin liên quan trên cơ sở tự nguyện, miễn phí, cùng với tên và chi tiết liên hệ.

4. Các nhà điều hành lựa chọn đưa thông tin về vật liệu sinh sản thực vật, động vật hoặc cá giống thủy sản vào các hệ thống nêu tại khoản 2 và 3 phải đảm bảo rằng thông tin được cập nhật thường xuyên và phải đảm bảo rằng thông tin đó được rút khỏi danh sách sau khi thực vật vật liệu sinh sản, động vật hoặc cá con nuôi trồng thủy sản không còn nữa.

5. Vì mục đích của khoản 1, 2 và 3, các Quốc gia Thành viên có thể tiếp tục sử dụng các hệ thống thông tin liên quan đã tồn tại.

6. Ủy ban sẽ công khai đường liên kết tới từng cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống quốc gia trên trang web chuyên dụng của Ủy ban, để cho phép người dùng có quyền truy cập vào các cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống đó trên toàn Liên minh.

7. Ủy ban có thể áp dụng các đạo luật thực thi nhằm:

- (a) chi tiết kỹ thuật để thiết lập và duy trì cơ sở dữ liệu nêu tại khoản 1 và các hệ thống được đề cập ở đoạn 2;
- (b) các yêu cầu kỹ thuật liên quan đến việc thu thập thông tin nêu tại khoản 1 và 2;
- (c) các thông số kỹ thuật liên quan đến việc sắp xếp tham gia vào cơ sở dữ liệu nêu tại khoản 1 và trong các hệ thống nêu tại khoản 2 và 3; và
- (d) chi tiết về thông tin do các Quốc gia Thành viên cung cấp theo Điều 53(6).

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 27

Nghĩa vụ và hành động trong trường hợp nghi ngờ không tuân thủ

Khi nhà điều hành nghi ngờ rằng sản phẩm mà mình sản xuất, chuẩn bị, nhập khẩu hoặc nhận từ nhà điều hành khác không tuân thủ Quy định này, thì nhà điều hành đó phải tuân theo Điều 28(2):

- (a) xác định và tách biệt sản phẩm liên quan;
- (b) kiểm tra xem liệu nghi ngờ có được chứng minh hay không;
- (c) không đưa sản phẩm liên quan ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi và không sử dụng sản phẩm đó trong sản xuất hữu cơ, trừ khi có thể loại bỏ được sự nghi ngờ;
- (d) trong trường hợp nghi ngờ đã được chứng minh hoặc không thể loại bỏ được thì phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền liên quan hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có liên quan, và cung cấp cho họ các yếu tố sẵn có nếu thích hợp;
- (e) hợp tác đầy đủ với cơ quan có thẩm quyền liên quan, hoặc, khi thích hợp, với cơ quan kiểm soát liên quan hoặc cơ quan kiểm soát trong việc xác minh và xác định lý do nghi ngờ có sự không tuân thủ.

(1) Chỉ thị của Hội đồng 2006/88/EC ngày 24 tháng 10 năm 2006 về các yêu cầu sức khỏe động vật đối với động vật nuôi trồng thủy sản và các sản phẩm của chúng, và về phòng ngừa và kiểm soát một số bệnh ở động vật thủy sản (OJ L 328, 24.11.2006, p. 14).

Điều 28

Các biện pháp phòng ngừa để tránh sự hiện diện của các sản phẩm và chất không được phép

1. Để tránh ô nhiễm bởi các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo đoạn đầu tiên của Điều 9(3), người vận hành phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau đây ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối:

- (a) áp dụng và duy trì các biện pháp tương xứng và phù hợp để xác định nguy cơ ô nhiễm trong sản xuất và sản phẩm hữu cơ do các sản phẩm hoặc chất không được phép, bao gồm việc xác định một cách có hệ thống các bước thủ tục quan trọng;
- (b) áp dụng và duy trì các biện pháp tương xứng và thích hợp để tránh nguy cơ ô nhiễm chất hữu cơ sản xuất và sản phẩm có sản phẩm, chất không được phép;
- (c) thường xuyên xem xét và điều chỉnh các biện pháp đó; Và
- (d) tuân thủ các yêu cầu liên quan khác của Quy định này để đảm bảo phân tách các chất hữu cơ, chất khó chuyển hóa và chất hữu cơ sản phẩm phi hữu cơ.

2. Khi người điều hành nghi ngờ, do có sản phẩm hoặc chất không được cấp phép theo đoạn đầu tiên của Điều 9(3) để sử dụng trong sản xuất hữu cơ trong một sản phẩm được dự định sử dụng hoặc tiếp thị dưới dạng hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi, nếu sản phẩm sau không tuân thủ Quy định này thì nhà điều hành phải:

- (a) xác định và tách biệt sản phẩm liên quan;
- (b) kiểm tra xem liệu nghi ngờ có được chứng minh hay không;
- (c) không đưa sản phẩm liên quan ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi và không sử dụng sản phẩm đó trong sản xuất hữu cơ trừ khi có thể loại bỏ được sự nghi ngờ;
- (d) trong trường hợp nghi ngờ đã được chứng minh hoặc không thể loại bỏ được thì phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền liên quan hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có liên quan, và cung cấp cho họ các yếu tố sẵn có nếu thích hợp;
- (e) hợp tác đầy đủ với cơ quan có thẩm quyền liên quan, hoặc, khi thích hợp, với cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát liên quan để xác định và xác minh lý do xuất hiện các sản phẩm hoặc chất không được cấp phép.

3. Ủy ban có thể thông qua các đạo luật thực thi đặt ra các quy tắc thống nhất để xác định:

- (a) các bước thủ tục mà người khai thác phải tuân theo theo các điểm (a) đến (e) của khoản 2 và các tài liệu liên quan mà họ phải cung cấp;
- (b) các biện pháp tương ứng và thích hợp được các nhà điều hành áp dụng và xem xét để xác định và tránh rủi ro ô nhiễm theo các điểm (a), (b) và (c) của đoạn 1.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 29

Các biện pháp được thực hiện trong trường hợp có sản phẩm hoặc chất không được phép

1. Khi cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, khi thích hợp, nhận được thông tin chứng minh về sự hiện diện của các sản phẩm hoặc chất không được cấp phép theo tiểu đoạn đầu tiên của Điều 9(3) để sử dụng trong sản xuất hữu cơ, hoặc đã được nhà điều hành thông báo theo điểm (d) của Điều 28(2), hoặc phát hiện các sản phẩm hoặc chất đó trong sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi:

- (a) phải ngay lập tức tiến hành một cuộc điều tra chính thức theo Quy định (EU) 2017/625 nhằm xác định nguồn gốc và nguyên nhân nhằm xác minh việc tuân thủ đoạn đầu tiên của Điều 9(3) và Điều 28 (1); việc điều tra đó phải được hoàn thành càng sớm càng tốt, trong khoảng thời gian hợp lý và phải tính đến độ bền của sản phẩm cũng như mức độ phức tạp của vụ việc;
- (b) sẽ tạm thời cấm cả việc đưa ra thị trường các sản phẩm liên quan dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi và việc sử dụng chúng trong sản xuất hữu cơ trong khi chờ kết quả điều tra nêu tại điểm (a).

2. Sản phẩm liên quan sẽ không được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi hoặc được sử dụng trong sản xuất hữu cơ khi cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, khi thích hợp, đã xác định rằng nhà điều hành có liên quan:

- (a) đã sử dụng các sản phẩm hoặc chất không được phép theo đoạn đầu tiên của Điều 9(3) để sử dụng trong sản xuất hữu cơ sản xuất;
- (b) chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa nêu tại Điều 28(1); hoặc
- (c) chưa thực hiện các biện pháp đáp ứng các yêu cầu liên quan trước đó của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát.

3. Nhà điều hành liên quan sẽ có cơ hội bình luận về kết quả điều tra nêu tại điểm (a) của khoản 1. Cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, nếu thích hợp, phải lưu giữ hồ sơ về hoạt động điều tra. Cuộc điều tra nó đã thực hiện.

Khi được yêu cầu, người vận hành có liên quan phải thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết để tránh ô nhiễm trong tương lai.

4. Trước ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ủy ban sẽ trình báo cáo lên Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về việc thực hiện Điều này, về sự hiện diện của các sản phẩm và chất không được cấp phép theo tiểu đoạn đầu tiên của Điều 9(3) để sử dụng trong sản xuất hữu cơ và đánh giá các quy định quốc gia nêu tại khoản 5 của Điều này. Báo cáo đó có thể kèm theo, nếu thích hợp, bằng một đề xuất pháp lý để hài hòa hơn nữa.

5. Các Quốc gia Thành viên hiện có các quy định quy định các sản phẩm có chứa nhiều hơn một mức nhất định các sản phẩm hoặc các chất không được cấp phép theo tiểu đoạn đầu tiên của Điều 9(3) để sử dụng trong sản xuất hữu cơ nhưng không được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ thì có thể tiếp tục áp dụng các quy tắc đó, miễn là các quy tắc đó không cấm, hạn chế hoặc cản trở việc đưa ra thị trường các sản phẩm được sản xuất ở các Quốc gia Thành viên khác dưới dạng sản phẩm hữu cơ, nơi các sản phẩm đó được sản xuất tuân thủ Quy định này. Các Quốc gia thành viên sử dụng khoản này phải thông báo ngay cho Ủy ban.

6. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ ghi lại kết quả điều tra nêu tại khoản 1, cũng như bất kỳ biện pháp nào họ đã thực hiện nhằm mục đích xây dựng các phương pháp thực hành tốt nhất và các biện pháp tiếp theo để tránh sự hiện diện của các sản phẩm và chất không được cấp phép theo quy định tại khoản 1. đoạn của Điều 9(3) để sử dụng trong sản xuất hữu cơ.

Các Quốc gia Thành viên sẽ cung cấp những thông tin đó cho các Quốc gia Thành viên khác và cho Ủy ban thông qua một hệ thống máy tính cho phép Ủy ban trao đổi điện tử các tài liệu và thông tin.

7. Các Quốc gia Thành viên có thể thực hiện các biện pháp thích hợp trên lãnh thổ của mình để tránh sự xuất hiện ngoài ý muốn của các sản phẩm và chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo tiểu đoạn đầu tiên của Điều 9(3) trong nông nghiệp hữu cơ. Các biện pháp đó sẽ không cấm, hạn chế hoặc cản trở việc đưa ra thị trường các sản phẩm được sản xuất tại các Quốc gia Thành viên khác dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi, nơi các sản phẩm đó được sản xuất tuân thủ Quy định này. Các Quốc gia Thành viên sử dụng khoản này phải thông báo ngay cho Ủy ban và các Quốc gia Thành viên khác.

8. Ủy ban sẽ thông qua các đạo luật thực thi đặt ra các quy tắc thống nhất để chỉ rõ:

- (a) phương pháp được cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát áp dụng khi thích hợp để phát hiện và đánh giá sự hiện diện của các sản phẩm và chất không được cấp phép theo tiểu đoạn đầu tiên của Điều 9(3) đối với sử dụng trong sản xuất hữu cơ;
- (b) chi tiết và định dạng của thông tin được các Quốc gia Thành viên cung cấp cho Ủy ban và các cơ quan khác các Quốc gia Thành viên theo khoản 6 của Điều này.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

9. Trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, các Quốc gia Thành viên sẽ gửi điện tử tới Ủy ban thông tin liên quan về các trường hợp liên quan đến ô nhiễm với các sản phẩm hoặc chất không được phép trong năm trước, bao gồm thông tin được thu thập tại các trạm kiểm soát biên giới, liên quan đến bản chất của ô nhiễm được phát hiện, và đặc biệt là nguyên nhân, nguồn và mức độ ô nhiễm cũng như khối lượng và tính chất của sản phẩm bị ô nhiễm. Thông tin này sẽ được Ủy ban thu thập thông qua hệ thống máy tính do Ủy ban cung cấp và sẽ được sử dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các biện pháp thực hành tốt nhất nhằm tránh ô nhiễm.

CHƯƠNG IV

GHI NHÃ N

Điều 30

Sử dụng các thuật ngữ liên quan đến sản xuất hữu cơ

1. Vì mục đích của Quy định này, một sản phẩm sẽ được coi là các thuật ngữ đề cập đến sản xuất hữu cơ trong đó, trên nhãn, tài liệu quảng cáo hoặc tài liệu thương mại, sản phẩm đó, các thành phần hoặc nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được sử dụng để sản xuất sản phẩm đó được mô tả bằng các thuật ngữ đề nghị với người mua rằng sản phẩm, nguyên liệu hoặc nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đã được sản xuất phù hợp với Quy định này. Đặc biệt, các thuật ngữ được liệt kê trong Phụ lục IV và các từ phái sinh cũng như từ viết tắt của chúng, chẳng hạn như 'sinh học' và 'sinh thái', dù đơn lẻ hay kết hợp, đều có thể được sử dụng trên toàn Liên minh và bằng bất kỳ ngôn ngữ nào được liệt kê trong Phụ lục đó để ghi nhãn và quảng cáo của các sản phẩm nêu tại Điều 2(1) tuân thủ Quy định này.

2. Đối với các sản phẩm được đề cập tại Điều 2(1), các thuật ngữ nêu tại khoản 1 của Điều này sẽ không được sử dụng ở bất kỳ đâu trong Liên minh, bằng bất kỳ ngôn ngữ nào được liệt kê trong Phụ lục IV, đối với nhãn mác, tài liệu quảng cáo hoặc tài liệu thương mại của sản phẩm không tuân thủ Quy định này.

Hơn nữa, không được sử dụng thuật ngữ nào, bao gồm cả thuật ngữ được sử dụng trong nhãn hiệu hoặc tên công ty hoặc thông lệ trong ghi nhãn hoặc quảng cáo nếu chúng có thể gây hiểu lầm cho người tiêu dùng hoặc người dùng bằng cách gợi ý rằng sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm đó tuân thủ Quy định này.

3. Sản phẩm được sản xuất trong thời gian chuyển đổi không được dán nhãn, quảng cáo là sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi.

Tuy nhiên, vật liệu sinh sản thực vật, sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc thực vật và sản phẩm thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật đã được sản xuất trong thời gian chuyển đổi, tuân thủ Điều 10(4), có thể được dán nhãn và quảng cáo là sản phẩm đang chuyển đổi bằng cách sử dụng thuật ngữ 'đang chuyển đổi' hoặc một thuật ngữ tương ứng, cùng với các thuật ngữ được đề cập tại đoạn 1.

4. Các thuật ngữ được đề cập tại khoản 1 và 3 sẽ không được sử dụng cho sản phẩm mà luật Liên minh yêu cầu ghi nhãn hoặc quảng cáo để tuyên bố rằng sản phẩm có chứa GMO, bao gồm GMO hoặc được sản xuất từ GMO.

5. Đối với thực phẩm đã qua chế biến, có thể sử dụng các thuật ngữ nêu tại khoản 1:

(a) trong mô tả bán hàng và trong danh sách các thành phần mà danh sách đó là bắt buộc theo luật của Liên minh, với điều kiện là:

(i) thực phẩm đã qua chế biến tuân thủ các quy tắc sản xuất nêu tại Phần IV của Phụ lục II và các quy tắc được đặt ra theo Điều 16(3);

(ii) ít nhất 95% thành phần nông nghiệp của sản phẩm tính theo trọng lượng là hữu cơ; Và

(iii) đối với hương liệu, chúng chỉ được sử dụng cho các chất tạo hương tự nhiên và các chế phẩm tạo hương tự nhiên được dán nhãn theo Điều 16(2), (3) và (4) của Quy định (EC) số 1334/2008 và tất cả các thành phần hương liệu và chất mang các thành phần hương liệu trong hương liệu liên quan đều là hữu cơ;

(b) chỉ trong danh sách các thành phần, với điều kiện là:

(i) dưới 95% thành phần nông nghiệp của sản phẩm tính theo trọng lượng là hữu cơ và với điều kiện là những thành phần đó thành phần tuân thủ nguyên tắc sản xuất quy định tại Quy chuẩn này; Và

(ii) thực phẩm đã qua chế biến tuân thủ các quy tắc sản xuất quy định tại các điểm 1.5, 2.1(a), 2.1(b) và 2.2.1 Phần IV của Phụ lục II và các quy tắc quy định tại Điều 16(3) ;

(c) trong mô tả bán hàng và trong danh sách các thành phần, với điều kiện là:

(i) thành phần chính là sản phẩm săn bắn hoặc đánh cá;

(ii) thuật ngữ nêu tại đoạn 1 rõ ràng có liên quan trong phần mô tả bán hàng cho một thành phần khác là thành phần hữu cơ và khác với thành phần chính;

(iii) tất cả các nguyên liệu nông nghiệp khác đều là hữu cơ; Và

(iv) thực phẩm tuân thủ các điểm 1.5, 2.1(a), 2.1(b) và 2.2.1 của Phần IV Phụ lục II và các quy tắc đặt ra trong theo Điều 16(3).

Danh sách các thành phần nêu tại điểm (a), (b) và (c) của đoạn đầu tiên phải chỉ rõ thành phần nào là hữu cơ. Việc đề cập đến sản xuất hữu cơ chỉ có thể xuất hiện liên quan đến các thành phần hữu cơ.

Danh sách các thành phần nêu tại điểm (b) và (c) của điểm đầu tiên phải bao gồm chỉ dẫn về tổng tỷ lệ thành phần hữu cơ tương ứng với tổng lượng thành phần nông nghiệp.

Các thuật ngữ nêu tại khoản 1, khi được sử dụng trong danh sách các thành phần nêu tại điểm (a), (b) và (c) của điều khoản đầu tiên. đoạn của đoạn này và chỉ dẫn về tỷ lệ phần trăm được đề cập trong đoạn thứ ba của đoạn này phải có cùng màu sắc, kích thước và kiểu chữ giống hệt như các chỉ dẫn khác trong danh sách các thành phần.

6. Đối với thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến, các thuật ngữ nêu tại khoản 1 có thể được sử dụng trong mô tả bán hàng và trong danh sách các thành phần, với điều kiện là:

- (a) thức ăn đã qua chế biến tuân thủ các quy tắc sản xuất quy định tại Phần II, III và V của Phụ lục II và các quy tắc cụ thể quy định tại Điều 16(3);
- (b) tất cả các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp có trong thức ăn chế biến đều là hữu cơ; Và
- (c) ít nhất 95% chất khô của sản phẩm là hữu cơ.

7. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi:

- (a) Điều này bằng cách bổ sung thêm các quy định về ghi nhãn sản phẩm được liệt kê trong Phụ lục I, hoặc sửa đổi các quy tắc bổ sung đó; Và
 - (b) danh sách các thuật ngữ nêu tại Phụ lục IV, có tính đến sự phát triển ngôn ngữ tại các Quốc gia Thành viên.
8. Ủy ban có thể thông qua các đạo luật thực thi nhằm đặt ra các yêu cầu chi tiết cho việc áp dụng khoản 3 Điều này.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 31

Ghi nhãn sản phẩm, chất dùng trong trồng trọt

Bất kể phạm vi của Quy định này như được quy định tại Điều 2(1), các sản phẩm và chất được sử dụng trong các sản phẩm bảo vệ thực vật hoặc làm phân bón, chất điều hòa đất hoặc chất dinh dưỡng đã được cấp phép theo Điều 9 và 24 có thể có phần tham chiếu chỉ ra rằng những sản phẩm hoặc chất đã được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Quy định này.

Điều 32

Chỉ định bắt buộc

1. Trường hợp sản phẩm có các điều khoản như được đề cập tại Điều 30(1), bao gồm cả các sản phẩm được dán nhãn là sản phẩm đang chuyển đổi theo Điều 30(3):

- (a) mã số của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát mà người thực hiện hoạt động sản xuất hoặc chuẩn bị cuối cùng phải tuân theo cũng phải xuất hiện trên nhãn; Và
- (b) trong trường hợp thực phẩm đóng gói sẵn, logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu nêu tại Điều 33 cũng sẽ xuất hiện trên bao bì, trừ trường hợp nêu tại Điều 30(3) và các điểm (b) và (c) của Điều 30(5).

2. Khi sử dụng logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu, dấu hiệu về nơi nuôi trồng nguyên liệu nông nghiệp thô tạo nên sản phẩm đó phải xuất hiện trong cùng trường hình ảnh với logo và phải có một trong các đặc điểm sau: các hình thức, khi thích hợp:

- (a) 'Nông nghiệp EU', nơi nguyên liệu nông nghiệp thô được nuôi trồng trong Liên minh;
- (b) 'Nông nghiệp ngoài EU', nơi nguyên liệu nông nghiệp thô được trồng ở các nước thứ ba;
- (c) 'Nông nghiệp EU/không thuộc EU', trong đó một phần nguyên liệu nông nghiệp thô được trồng ở Liên minh và một phần nguyên liệu đó được trồng ở nước thứ ba.

Vì mục đích của đoạn đầu tiên, từ 'Nông nghiệp' có thể được thay thế bằng 'Nuôi trồng thủy sản' khi thích hợp và các từ 'EU' và 'không thuộc EU' có thể được thay thế hoặc bổ sung bằng tên của một quốc gia hoặc bằng tên của một quốc gia và một khu vực, nếu tất cả các nguyên liệu nông nghiệp thô tạo nên sản phẩm đều được trồng ở quốc gia đó và, nếu có, ở khu vực đó.

Đối với việc chỉ dẫn nơi nuôi trồng nguyên liệu thô nông nghiệp tạo nên sản phẩm, như đã đề cập trong tiểu đoạn thứ nhất và thứ ba, có thể bỏ qua số lượng nhỏ theo trọng lượng của các thành phần, với điều kiện là tổng lượng của các thành phần không được tính đến không vượt quá 5% tổng khối lượng nguyên liệu nông nghiệp.

Các từ 'EU' hoặc 'không thuộc EU' không được xuất hiện với màu sắc, kích thước và kiểu chữ nổi bật hơn tên sản phẩm.

3. Các chỉ dẫn nêu tại khoản 1 và 2 Điều này và Điều 33(3) phải được đánh dấu ở nơi dễ thấy sao cho dễ nhìn thấy và phải rõ ràng, dễ đọc và không thể xóa được.

4. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi khoản 2 Điều này và Điều 33(3) bằng cách bổ sung thêm các quy định về ghi nhãn hoặc sửa đổi các quy tắc bổ sung đó.

5. Ủy ban sẽ thông qua các đạo luật thực thi liên quan đến:

(a) những sắp xếp thực tế cho việc sử dụng, trình bày, bố cục và kích thước của các chỉ dẫn nêu tại điểm (a) của khoản 1 và khoản 2 của Điều này và tại Điều 33(3);

(b) việc ấn định mã số cho các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát;

(c) chỉ dẫn nơi trồng nguyên liệu nông nghiệp thô, theo đoạn 2 của điều này Điều và với Điều 33(3).

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 33

Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu

1. Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu có thể được sử dụng trong ghi nhãn, trình bày và quảng cáo các sản phẩm tuân thủ Quy định này.

Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu cũng có thể được sử dụng cho mục đích thông tin và giáo dục liên quan đến sự tồn tại và quảng cáo của chính logo đó, miễn là việc sử dụng đó không gây hiểu lầm cho người tiêu dùng về việc sản xuất hữu cơ của các sản phẩm cụ thể và với điều kiện rằng logo được sao chép theo các quy tắc nêu trong Phụ lục V. Trong trường hợp đó, các yêu cầu của Điều 32(2) và điểm 1.7 của Phụ lục V sẽ không được áp dụng.

Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu sẽ không được sử dụng cho thực phẩm đã qua chế biến như đã nêu tại điểm (b) và (c) của Điều 30(5) và cho các sản phẩm đang chuyển đổi như đã đề cập tại Điều 30(3).

2. Trừ khi được sử dụng theo tiểu đoạn thứ hai của đoạn 1, logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu là chứng thực chính thức theo Điều 86 và 91 của Quy định (EU) 2017/625.

3. Việc sử dụng logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu sẽ là tùy chọn đối với các sản phẩm nhập khẩu từ nước thứ ba. Khi logo đó xuất hiện trên nhãn của những sản phẩm đó thì dấu hiệu nêu tại Điều 32(2) cũng sẽ xuất hiện trên nhãn.

4. Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu phải tuân theo mẫu quy định tại Phụ lục V và phải tuân thủ các quy tắc quy định tại Phụ lục đó.

5. Logo quốc gia và logo riêng có thể được sử dụng trong ghi nhãn, trình bày và quảng cáo các sản phẩm tuân thủ Quy định này.

6. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi Phụ lục V liên quan đến logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu và các quy tắc liên quan.

CHƯƠNG V

CHỨNG NHẬN

Điều 34

Hệ thống chứng nhận

Trước khi đưa bất kỳ sản phẩm nào ra thị trường dưới dạng 'hữu cơ' hoặc 'đang chuyển đổi' hoặc trước giai đoạn chuyển đổi, 1. các nhà sản xuất và nhóm các nhà sản xuất được đề cập tại Điều 36 sản xuất, chuẩn bị, phân phối hoặc lưu trữ sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm trong- sản phẩm chuyển đổi, nhập khẩu sản phẩm đó từ nước thứ ba hoặc xuất khẩu sản phẩm đó sang nước thứ ba hoặc đưa sản phẩm đó ra thị trường, phải thông báo hoạt động của mình cho cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên nơi việc sản xuất đó được thực hiện và nơi sản phẩm đó được thực hiện. cam kết của họ phải tuân theo hệ thống kiểm soát.

Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã giao trách nhiệm hoặc ủy quyền một số nhiệm vụ kiểm soát chính thức nhất định hoặc một số nhiệm vụ nhất định liên quan đến các hoạt động chính thức khác cho nhiều cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, thì người thực hiện hoặc nhóm người thực hiện phải nêu rõ trong thông báo nêu tại điểm đầu tiên rằng cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát xác minh xem hoạt động của họ có tuân thủ Quy định này hay không và cung cấp chứng chỉ được nêu tại Điều 35(1).

2. Các nhà kinh doanh bán sản phẩm hữu cơ đóng gói sẵn trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc người sử dụng cuối cùng sẽ được miễn nghĩa vụ thông báo nêu tại khoản 1 Điều này và nghĩa vụ sở hữu giấy chứng nhận nêu tại Điều 35(2) với điều kiện là họ không sản xuất, chuẩn bị, lưu trữ ngoài điểm bán hàng hoặc nhập khẩu các sản phẩm đó từ nước thứ ba hoặc ký hợp đồng phụ cho các nhà điều hành khác để thực hiện các hoạt động đó.
3. Khi các nhà điều hành hoặc nhóm nhà điều hành ký hợp đồng thầu phụ bất kỳ hoạt động nào của họ với bên thứ ba thì cả nhà điều hành hoặc nhóm nhà điều hành và bên thứ ba mà các hoạt động đó được ký hợp đồng phụ phải tuân thủ đoạn 1, trừ khi nhà điều hành hoặc nhóm nhà điều hành đã tuyên bố trong thông báo nêu tại đoạn 1 rằng họ vẫn chịu trách nhiệm liên quan đến sản xuất hữu cơ và chưa chuyển giao trách nhiệm đó cho nhà thầu phụ. Trong những trường hợp như vậy, cơ quan có thẩm quyền hoặc, khi thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, phải xác minh rằng các hoạt động được thầu phụ tuân thủ Quy định này, trong bối cảnh hoạt động kiểm soát được thực hiện đối với người vận hành hoặc nhóm người vận hành đã ký hợp đồng phụ. hoạt động của họ.
4. Các Quốc gia Thành viên có thể chỉ định một cơ quan hoặc phê duyệt một cơ quan tiếp nhận các thông báo nêu tại khoản 1.
5. Người vận hành, nhóm người vận hành và nhà thầu phụ phải lưu giữ hồ sơ theo Quy định này về các hoạt động khác nhau mà họ tham gia.
6. Các Quốc gia Thành viên sẽ lưu giữ danh sách cập nhật bao gồm tên và địa chỉ của các nhà khai thác và nhóm các nhà khai thác đã thông báo về hoạt động của mình theo khoản 1 và sẽ công bố công khai theo cách thích hợp, bao gồm bằng các đường liên kết đến một trang web internet duy nhất, danh sách đầy đủ các dữ liệu này, cùng với thông tin liên quan đến các chứng chỉ được cấp cho các nhà khai thác và nhóm nhà khai thác theo Điều 35(1). Khi làm như vậy, các Quốc gia Thành viên phải tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Quy định (EU) 2016/679 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1).
7. Các Quốc gia Thành viên phải đảm bảo rằng bất kỳ nhà khai thác hoặc nhóm nhà khai thác nào tuân thủ Quy định này và trong trường hợp thu phí theo Điều 78 và 80 của Quy định (EU) 2017/625, họ sẽ phải trả một khoản phí hợp lý bao gồm chi phí kiểm soát có quyền được chi trả bởi hệ thống kiểm soát. Các Quốc gia Thành viên phải đảm bảo rằng mọi khoản phí có thể thu đều được công khai.
8. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi Phụ lục II liên quan đến các yêu cầu lưu giữ hồ sơ.
9. Ủy ban có thể áp dụng các đạo luật triển khai để cung cấp thông tin chi tiết và thông số kỹ thuật liên quan đến:
 - (a) hình thức và phương tiện kỹ thuật của thông báo nêu tại khoản 1;
 - (b) sắp xếp công bố các danh sách nêu tại khoản 6; Và
 - (c) các thủ tục và cơ chế công bố các khoản phí nêu tại khoản 7.Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 35

Giấy chứng nhận

1. Cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, khi thích hợp, phải cấp giấy chứng nhận cho bất kỳ nhà khai thác hoặc nhóm nhà khai thác nào đã thông báo hoạt động của mình theo Điều 34(1) và tuân thủ Quy định này. Giấy chứng nhận sẽ:
 - (a) được ban hành dưới dạng điện tử bất cứ khi nào có thể;
 - (b) ít nhất cho phép nhận dạng người điều hành hoặc nhóm người điều hành bao gồm danh sách thành viên, danh mục của các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận và thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận;
 - (c) chứng nhận rằng hoạt động được thông báo tuân thủ Quy định này; Và
 - (d) được ban hành theo mẫu quy định tại Phụ lục VI.
2. Không ảnh hưởng đến khoản 8 của Điều này và Điều 34(2), các nhà hoạt động và nhóm các nhà hoạt động không được đưa các sản phẩm nêu tại Điều 2(1) ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc các sản phẩm đang chuyển đổi trừ khi chúng đã được có giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này.

(1) Quy định (EU) 2016/679 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 27 tháng 4 năm 2016 về bảo vệ thể nhân liên quan đến việc xử lý dữ liệu cá nhân và về việc di chuyển tự do các dữ liệu đó và bãi bỏ Chỉ thị 95/46/EC (Chung Quy định bảo vệ dữ liệu) (OJ L 119, 4.5.2016, p. 1).

3. Giấy chứng nhận được đề cập trong Điều này phải là giấy chứng nhận chính thức theo nghĩa của điểm (a) Điều 86(1) của Quy định (EU) 2017/625.

4. Một nhà điều hành hoặc một nhóm nhà điều hành sẽ không được quyền xin chứng chỉ từ nhiều cơ quan kiểm soát liên quan đến các hoạt động được thực hiện tại cùng một Quốc gia Thành viên đối với cùng một loại sản phẩm, kể cả trường hợp mà nhà điều hành hoặc nhóm đó nhà điều hành hoạt động ở các giai đoạn khác nhau của sản xuất, chuẩn bị và phân phối.

5. Các thành viên của một nhóm người điều hành không được quyền xin chứng chỉ riêng cho bất kỳ hoạt động nào được chứng nhận bởi nhóm người điều hành mà họ là thành viên.

6. Nhà khai thác phải xác minh chứng chỉ của nhà khai thác là nhà cung cấp của họ.

7. Vì mục đích của khoản 1 và 4 Điều này, sản phẩm sẽ được phân loại theo các loại sau:

(a) thực vật và sản phẩm thực vật chưa qua chế biến, bao gồm hạt giống và các vật liệu nhân giống thực vật khác;

(b) vật nuôi và các sản phẩm chăn nuôi chưa qua chế biến;

(c) tảo và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản chưa qua chế biến;

(d) các sản phẩm nông nghiệp đã qua chế biến, bao gồm cả sản phẩm nuôi trồng thủy sản, dùng làm thực phẩm;

(e) thức ăn;

(f) rượu vang;

(g) các sản phẩm khác được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định này hoặc không thuộc các danh mục trước đó.

8. Các Quốc gia Thành viên có thể được miễn nghĩa vụ sở hữu giấy chứng nhận, quy định tại khoản 2, đối với các nhà kinh doanh bán các sản phẩm hữu cơ chưa đóng gói không phải là thức ăn chăn nuôi trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng, với điều kiện là các nhà kinh doanh đó không sản xuất, chuẩn bị, bảo quản không liên quan đến điểm bán hàng hoặc nhập khẩu các sản phẩm đó từ nước thứ ba hoặc ký hợp đồng phụ cho các hoạt động đó cho bên thứ ba và với điều kiện là:

(a) doanh số bán hàng đó không vượt quá 5.000 kg mỗi năm;

(b) doanh số bán hàng đó không thể hiện doanh thu hàng năm liên quan đến các sản phẩm hữu cơ chưa đóng gói vượt quá 20.000 EUR; hoặc

(c) chi phí chứng nhận tiềm năng của nhà điều hành vượt quá 2% tổng doanh thu của các sản phẩm hữu cơ chưa đóng gói được bán ra bởi nhà điều hành đó.

Nếu một Quốc gia Thành viên quyết định miễn trừ cho các nhà khai thác được đề cập trong đoạn đầu tiên, nước đó có thể đặt ra các giới hạn chặt chẽ hơn những giới hạn được đặt ra trong đoạn đầu tiên.

Các Quốc gia Thành viên sẽ thông báo cho Ủy ban và các Quốc gia Thành viên khác về bất kỳ quyết định nào miễn trừ cho các nhà khai thác theo tiêu đoạn đầu tiên và về các giới hạn mà các nhà khai thác đó được miễn trừ.

9. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi mẫu giấy chứng nhận quy định tại Phụ lục VI.

10. Ủy ban sẽ áp dụng các đạo luật triển khai nhằm cung cấp thông tin chi tiết và thông số kỹ thuật liên quan đến mẫu giấy chứng nhận nêu tại khoản 1 và các phương tiện kỹ thuật để cấp giấy chứng nhận.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 36

Nhóm nhà khai thác

1. Mỗi nhóm người vận hành có trách nhiệm:

(a) chỉ bao gồm các thành viên là nông dân hoặc người điều hành sản xuất tảo hoặc động vật nuôi trồng thủy sản và những người trong Ngoài ra có thể tham gia vào quá trình chế biến, chuẩn bị hoặc đưa ra thị trường thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi;

(b) chỉ bao gồm các thành viên:

(i) trong đó chi phí chứng nhận riêng lẻ chiếm hơn 2% doanh thu hoặc sản lượng tiêu chuẩn của sản xuất hữu cơ của mỗi thành viên và có doanh thu sản xuất hữu cơ hàng năm không quá 25.000 EUR hoặc có sản lượng tiêu chuẩn của sản xuất hữu cơ không quá EUR 15 000 mỗi năm; hoặc

(ii) người có mỗi cổ phần tối đa:

- năm ha,

- 0,5 ha, đối với nhà kính, hoặc
 - 15 ha, riêng trong trường hợp đồng cỏ thường xuyên;
- (c) được thành lập tại một Quốc gia Thành viên hoặc một nước thứ ba;
- (d) có tư cách pháp nhân;
- (e) chỉ bao gồm các thành viên có hoạt động sản xuất diễn ra gần nhau về mặt địa lý;
- (f) thiết lập một hệ thống tiếp thị chung cho các sản phẩm do nhóm sản xuất; Và
- (g) thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm một tập hợp các thủ tục và hoạt động kiểm soát được lập thành văn bản, theo đó một cá nhân hoặc tổ chức được xác định chịu trách nhiệm xác minh việc tuân thủ Quy định này của từng thành viên trong nhóm.

2. Cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, nếu thích hợp, sẽ thu hồi giấy chứng nhận nêu tại Điều 35 đối với toàn bộ nhóm nếu có thiếu sót trong việc thiết lập hoặc vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ nêu tại khoản 1, đặc biệt là liên quan đến việc không phát hiện hoặc giải quyết việc không tuân thủ của từng thành viên trong nhóm nhà điều hành, ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển đổi.

3. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi khoản 1 và 2 Điều này bằng cách bổ sung các điều khoản hoặc sửa đổi các điều khoản bổ sung đó, đặc biệt là liên quan đến:

- (a) trách nhiệm của từng thành viên trong một nhóm người khai thác;
- (b) tiêu chí để xác định khoảng cách địa lý của các thành viên trong nhóm, chẳng hạn như việc chia sẻ cơ sở vật chất hoặc trang web;
- (c) việc thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm phạm vi, nội dung và tần suất kiểm soát được thực hiện và các tiêu chí để xác định những thiếu sót trong việc thiết lập hoặc vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ.

4. Ủy ban có thể thông qua các đạo luật thực thi đặt ra các quy tắc cụ thể liên quan đến:

- (a) thành phần và quy mô của một nhóm người vận hành;
- (b) các tài liệu và hệ thống lưu trữ hồ sơ, hệ thống truy xuất nguồn gốc nội bộ và danh sách những người điều hành;
- (c) trao đổi thông tin giữa một nhóm nhà khai thác và các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát và giữa các Quốc gia Thành viên và Ủy ban.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

CHƯƠNG VI

KIỂM SOÁT CHÍNH THỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH THỨC KHÁC

Điều 37

Mối quan hệ với Quy định (EU) 2017/625 và các quy định bổ sung về kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác liên quan đến sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ

Các quy tắc cụ thể của Chương này sẽ được áp dụng, ngoài các quy tắc được nêu trong Quy định (EU) 2017/625, ngoại trừ các quy định khác trong Điều 40(2) của Quy định này và ngoài Điều 29 của Quy định này, ngoại trừ các quy định khác tại Điều 41(1) của Quy định này, đối với các biện pháp kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác được thực hiện để xác minh trong toàn bộ quá trình ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối rằng các sản phẩm nêu tại Điều 2(1) của Quy định này đã được sản xuất tuân thủ Quy định này.

Điều 38

Các quy định bổ sung về kiểm soát chính thức và các hành động do cơ quan có thẩm quyền thực hiện

Các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện theo Điều 9 của Quy định (EU) 2017/625 để xác minh

1. việc tuân thủ Quy định này sẽ bao gồm, đặc biệt:

- (a) việc xác minh việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa và phòng ngừa của người thực hiện, như đã đề cập tại Điều 9(6) và tại Điều 28 của Quy định này, ở mọi công đoạn sản xuất, pha chế và phân phối;

- (b) khi cơ sở nắm giữ bao gồm các đơn vị sản xuất phi hữu cơ hoặc đang chuyển đổi, việc xác minh hồ sơ và các biện pháp, thủ tục hoặc sắp xếp hiện có để đảm bảo sự phân tách rõ ràng và hiệu quả giữa sản xuất hữu cơ, sản xuất chuyển đổi và phi hữu cơ các đơn vị cũng như giữa các sản phẩm tương ứng do các đơn vị đó sản xuất với các chất và sản phẩm được sử dụng cho các đơn vị sản xuất hữu cơ, chuyển đổi và phi hữu cơ; việc xác minh đó sẽ bao gồm việc kiểm tra các bưu kiện mà giai đoạn trước đó đã được công nhận hồi tố là một phần của giai đoạn chuyển đổi và kiểm tra các đơn vị sản xuất phi hữu cơ;
- (c) khi các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và phi hữu cơ được người thực hiện đồng thời thu thập, được chuẩn bị hoặc bảo quản trong cùng đơn vị, khu vực hoặc cơ sở sơ chế hoặc được vận chuyển đến người thực hiện hoặc đơn vị khác, việc xác minh hồ sơ và các biện pháp, thủ tục hoặc sắp xếp tại chỗ để đảm bảo rằng các hoạt động được thực hiện tách biệt theo địa điểm hoặc thời gian, các biện pháp làm sạch phù hợp và khi thích hợp, các biện pháp ngăn ngừa sự thay thế sản phẩm được thực hiện, các sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm chuyển đổi được xác định tại mọi lúc và các sản phẩm hữu cơ, chuyển đổi và phi hữu cơ được lưu trữ trước và sau các hoạt động chuẩn bị, tách biệt nhau theo địa điểm hoặc thời gian;
- (d) xác minh việc thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ của các nhóm người vận hành;
- (e) trong trường hợp người khai thác được miễn nghĩa vụ thông báo theo Điều 34(2) của Quy định này hoặc nghĩa vụ sở hữu chứng chỉ theo Điều 35(8) của Quy định này, thì việc xác minh rằng các yêu cầu về miễn trừ đó đã được đáp ứng và việc xác minh các sản phẩm được bán bởi những nhà khai thác đó.

2. Các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện theo Điều 9 của Quy định (EU) 2017/625 để xác minh việc tuân thủ Quy định này phải được thực hiện trong toàn bộ quá trình ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối trên cơ sở khả năng không tuân thủ như được định nghĩa tại điểm (57) của Điều 3 của Quy định này, phải được xác định có tính đến, ngoài các yếu tố được đề cập tại Điều 9 của Quy định (EU) 2017/625, đặc biệt là các yếu tố sau:

- (a) loại hình, quy mô và cơ cấu của các nhà khai thác và nhóm các nhà khai thác;
- (b) khoảng thời gian mà người vận hành và nhóm người vận hành đã tham gia vào sản xuất hữu cơ, chuẩn bị và phân phối;
- (c) kết quả kiểm soát được thực hiện theo Điều này;
- (d) thời điểm liên quan đến các hoạt động được thực hiện;
- (e) chủng loại sản phẩm;
- (f) chủng loại, số lượng, giá trị của sản phẩm và sự phát triển của chúng theo thời gian;
- (g) khả năng trộn lẫn các sản phẩm hoặc nhiễm bẩn với các sản phẩm hoặc chất không được phép;
- (h) việc áp dụng các vi phạm hoặc ngoại lệ đối với các quy tắc của nhà khai thác và nhóm nhà khai thác;
- (i) các điểm quan trọng đối với việc không tuân thủ và khả năng không tuân thủ ở mọi giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối;
- (j) hoạt động thầu phụ.

Trong mọi trường hợp, tất cả người vận hành và nhóm người điều hành, ngoại trừ những người được đề cập tại Điều 34(2) và 35(8), phải được xác minh việc tuân thủ ít nhất mỗi năm một lần.

Việc xác minh sự tuân thủ phải bao gồm việc kiểm tra thực tế tại chỗ, trừ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- (a) các biện pháp kiểm soát trước đây của nhà điều hành hoặc nhóm nhà điều hành liên quan không phát hiện bất kỳ hành vi không tuân thủ nào ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi trong ít nhất ba năm liên tiếp; Và
- (b) nhà điều hành hoặc nhóm nhà khai thác liên quan đã được đánh giá dựa trên các yếu tố nêu tại khoản 2 Điều này và Điều 9 của Quy định (EU) 2017/625 là có khả năng không tuân thủ thấp.

Trong trường hợp này, thời gian giữa hai lần kiểm tra thực tế tại chỗ không quá 24 tháng.

4. Các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện theo Điều 9 của Quy định (EU) 2017/625 để xác minh việc tuân thủ Quy định này sẽ:
- (a) được thực hiện theo Điều 9(4) của Quy định (EU) 2017/625 đồng thời đảm bảo rằng tỷ lệ phần trăm tối thiểu của tất cả các biện pháp kiểm soát chính thức đối với nhà khai thác hoặc nhóm nhà khai thác được thực hiện mà không cần thông báo trước;
 - (b) đảm bảo rằng một tỷ lệ tối thiểu các biện pháp kiểm soát bổ sung đối với những biện pháp nêu tại khoản 3 của Điều này được thực hiện ngoài;
 - (c) được thực hiện bằng cách lấy số lượng mẫu tối thiểu đã được lấy theo điểm (h) của Điều 14 của Quy định (EU) 2017/625;
 - (d) đảm bảo rằng số lượng người vận hành tối thiểu là thành viên của một nhóm người vận hành được kiểm soát trong kết nối với việc xác minh sự tuân thủ nêu tại khoản 3 Điều này.
5. Việc cấp hoặc gia hạn giấy chứng nhận nêu tại Điều 35(1) phải dựa trên kết quả xác minh sự tuân thủ nêu tại các khoản 1 đến 4 của Điều này.
6. Biên bản bằng văn bản được lập về từng biện pháp kiểm soát chính thức đã được thực hiện để xác minh sự tuân thủ Quy định này theo Điều 13(1) của Quy định (EU) 2017/625 phải được nhà điều hành hoặc nhóm nhà điều hành ký xác nhận là xác nhận việc họ đã nhận được hồ sơ bằng văn bản đó.
7. Điều 13(1) của Quy định (EU) 2017/625 sẽ không áp dụng đối với các cuộc kiểm toán và thanh tra do cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong bối cảnh các hoạt động giám sát của họ đối với các cơ quan kiểm soát mà một số nhiệm vụ kiểm soát chính thức hoặc một số nhiệm vụ nhất định liên quan đến các hoạt động chính thức khác có liên quan được ủy quyền.
8. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54:
- (a) bổ sung Quy định này bằng cách đặt ra các tiêu chí và điều kiện cụ thể để thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức được tiến hành nhằm đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối cũng như tuân thủ Quy định này Quy định, liên quan đến:
 - (i) kiểm tra tài khoản chứng tử;
 - (ii) các biện pháp kiểm soát được thực hiện đối với các loại người vận hành cụ thể;
 - (iii) khi thích hợp, khoảng thời gian mà các biện pháp kiểm soát được quy định trong Quy định này, bao gồm cả việc kiểm tra thực tế tại chỗ được đề cập trong khoản 3 của Điều này, sẽ được thực hiện và các cơ sở cụ thể trong hoặc khu vực mà chúng sẽ được thực hiện;
 - (b) sửa đổi khoản 2 của Điều này bằng cách bổ sung thêm các yếu tố dựa trên kinh nghiệm thực tế hoặc bằng cách sửa đổi các các phần tử được thêm vào.
9. Ủy ban có thể thông qua các đạo luật thực thi để chỉ rõ:
- (a) tỷ lệ phần trăm tối thiểu của tất cả các hoạt động kiểm soát chính thức đối với nhà khai thác hoặc nhóm nhà khai thác sẽ được thực hiện mà không cần thông báo trước như đã nêu tại điểm (a) của khoản 4;
 - (b) tỷ lệ phần trăm tối thiểu của các biện pháp kiểm soát bổ sung được đề cập tại điểm (b) của khoản 4;
 - (c) số lượng mẫu tối thiểu nêu tại điểm (c) của khoản 4;
 - (d) số lượng tối thiểu các nhà khai thác là thành viên của một nhóm các nhà khai thác được đề cập tại điểm (d) của khoản 4.
- Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 39

Quy định bổ sung về các hành động được thực hiện bởi người vận hành và nhóm người vận hành

Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Điều 15 của Quy định (EU) 2017/625, các nhà khai thác và nhóm gồm 1. nhà khai thác phải:

- (a) lưu giữ hồ sơ để chứng minh sự tuân thủ Quy định này;
- (b) thực hiện mọi tuyên bố và thông tin liên lạc khác cần thiết cho hoạt động kiểm soát chính thức;
- (c) thực hiện các biện pháp thực tế phù hợp để đảm bảo tuân thủ Quy định này;
- (d) cung cấp, dưới hình thức tuyên bố được ký và cập nhật khi cần thiết:
 - (i) mô tả đầy đủ về đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc sản xuất đang chuyển đổi và các hoạt động sẽ được thực hiện theo Quy định này;
 - (ii) các biện pháp thực tế liên quan cần thực hiện để đảm bảo tuân thủ Quy định này;

(iii) cam kết:

- thông báo bằng văn bản và không chậm trễ cho người mua sản phẩm và trao đổi thông tin liên quan với cơ quan có thẩm quyền, hoặc, khi thích hợp, với cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, trong trường hợp có bằng chứng nghi ngờ về sự không tuân thủ, rằng không thể loại bỏ được nghi ngờ về việc không tuân thủ hoặc đã xác định được việc không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm được đề cập,
- chấp nhận chuyển giao hồ sơ kiểm soát trong trường hợp thay đổi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát hoặc, trong trường hợp rút khỏi sản xuất hữu cơ, việc lưu giữ hồ sơ kiểm soát trong ít nhất 5 năm bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cuối cùng ,
- thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan hoặc cơ quan được chỉ định phù hợp với Điều 34(4) trong trường hợp rút khỏi sản xuất hữu cơ và
- chấp nhận việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan hoặc cơ quan đó trong trường hợp các nhà thầu phụ chịu sự kiểm soát của các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khác nhau.

2. Ủy ban có thể áp dụng các đạo luật triển khai để cung cấp thông tin chi tiết và thông số kỹ thuật liên quan đến:

- (a) hồ sơ chứng minh việc tuân thủ Quy định này;
- (b) các tuyên bố và thông tin liên lạc khác cần thiết cho hoạt động kiểm soát chính thức;
- (c) các biện pháp thực tế liên quan để đảm bảo tuân thủ Quy định này.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 40

Quy định bổ sung về phân cấp nhiệm vụ kiểm soát chính thức và các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động chính thức khác

1. Cơ quan có thẩm quyền chỉ có thể ủy quyền cho cơ quan kiểm soát một số nhiệm vụ kiểm soát chính thức và một số nhiệm vụ nhất định liên quan đến các hoạt động chính thức khác nếu đáp ứng các điều kiện sau, ngoài những điều kiện nêu trong Chương III của Quy định (EU) 2017/625:

(a) việc ủy quyền có mô tả chi tiết về các nhiệm vụ kiểm soát chính thức được ủy quyền và các nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động chính thức khác, bao gồm nghĩa vụ báo cáo và các nghĩa vụ cụ thể khác, cũng như các điều kiện mà cơ quan kiểm soát có thể thực hiện chúng. Cụ thể, cơ quan kiểm soát phải trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước những nội dung sau:

(i) quy trình đánh giá rủi ro, cụ thể là xác định cơ sở về cường độ và tần suất xác minh sự tuân thủ của người vận hành và nhóm người vận hành, được thiết lập trên cơ sở các yếu tố được đề cập ở Điều 9 của Quy định (EU) 2017/625 và Điều 38 của Quy định này và phải tuân theo các biện pháp kiểm soát chính thức đối với người vận hành và nhóm người điều hành;

(ii) quy trình kiểm soát tiêu chuẩn, bao gồm mô tả chi tiết về các biện pháp kiểm soát mà cơ quan kiểm soát cam kết áp dụng đối với người thực hiện và nhóm người thực hiện chịu sự kiểm soát của cơ quan đó;

(iii) danh sách các biện pháp phù hợp với danh mục chung nêu tại Điều 41(4) và sẽ được áp dụng cho các nhà khai thác và nhóm các nhà khai thác trong trường hợp nghi ngờ hoặc xác định có hành vi không tuân thủ;

(iv) các cơ chế giám sát hiệu quả các nhiệm vụ kiểm soát chính thức và các nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động chính thức khác được thực hiện liên quan đến các nhà điều hành và các nhóm người điều hành cũng như các cơ chế báo cáo về những nhiệm vụ đó.

Cơ quan kiểm soát có trách nhiệm thông báo việc sửa đổi tiếp theo các nội dung nêu từ điểm (i) đến (iv) cho cơ quan có thẩm quyền;

(b) các cơ quan có thẩm quyền đó có sẵn các thủ tục và sắp xếp để đảm bảo sự giám sát của các cơ quan kiểm soát, bao gồm cả việc xác minh rằng các nhiệm vụ được giao được thực hiện một cách hiệu quả, độc lập và khách quan, đặc biệt là về cường độ và tần suất xác minh sự tuân thủ.

Í t nhất mỗi năm một lần, cơ quan có thẩm quyền phải, theo điểm (a) Điều 33 của Quy định (EU) 2017/625, tổ chức kiểm toán các cơ quan kiểm soát mà họ đã giao nhiệm vụ kiểm soát chính thức hoặc các nhiệm vụ liên quan đến quan chức khác.
các hoạt động.

2. Bằng cách vi phạm Điều 31(3) của Quy định (EU) 2017/625, cơ quan có thẩm quyền có thể ủy quyền cho cơ quan kiểm soát quyết định liên quan đến các nhiệm vụ quy định tại điểm (b) của Điều 138(1) và tại Điều 138(2) và (3) của Quy định đó.

3. Vì mục đích của điểm (b)(iv) Điều 29 của Quy định (EU) 2017/625, tiêu chuẩn cho việc ủy quyền một số nhiệm vụ kiểm soát chính thức và một số nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động chính thức khác để xác minh việc tuân thủ Quy định này có liên quan đến phạm vi của Quy định này là phiên bản được thông báo gần đây nhất của tiêu chuẩn hài hòa quốc tế về 'Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với các tổ chức chứng nhận sản phẩm, quy trình và dịch vụ', tài liệu tham khảo đã được công bố trên Tạp chí Chính thức của Liên minh châu Âu.

4. Cơ quan có thẩm quyền không được giao các nhiệm vụ kiểm soát chính thức sau đây và các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động chính thức khác cho cơ quan kiểm soát:

- (a) sự giám sát và kiểm toán của các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khác;
- (b) quyền cho phép những hạn chế khác ngoài những hạn chế đối với việc sử dụng vật liệu nhân giống thực vật không được lấy từ sản xuất hữu cơ;
- (c) thẩm quyền nhận thông báo về hoạt động của nhà khai thác hoặc nhóm nhà khai thác theo Điều 34(1) của Nghị định này Quy định;
- (d) đánh giá khả năng không tuân thủ các quy định của Quy định này nhằm xác định tần suất thực hiện kiểm tra thực tế đối với các lô hàng hữu cơ trước khi chúng được đưa vào lưu thông tự do vào Liên minh theo Điều 54 của Quy định (EU) 2017/625;
- (e) thiết lập danh mục chung các biện pháp nêu tại Điều 41(4) của Quy định này.

5. Cơ quan có thẩm quyền không được giao nhiệm vụ kiểm soát chính thức hoặc các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động chính thức khác cho thể nhân.

6. Cơ quan có thẩm quyền phải đảm bảo rằng thông tin nhận được từ các cơ quan kiểm soát theo Điều 32 của Quy định (EU) 2017/625 và thông tin về các biện pháp do cơ quan kiểm soát áp dụng trong trường hợp đã xác định hoặc có khả năng không tuân thủ sẽ được thu thập và sử dụng bởi cơ quan có thẩm quyền để giám sát hoạt động của các cơ quan kiểm soát đó.

7. Khi cơ quan có thẩm quyền đã rút toàn bộ hoặc một phần việc ủy quyền đối với một số nhiệm vụ kiểm soát chính thức nhất định hoặc một số nhiệm vụ nhất định liên quan đến các hoạt động chính thức khác theo điểm (b) của Điều 33 của Quy định (EU) 2017/625, thì cơ quan đó sẽ quyết định xem có các giấy chứng nhận do các cơ quan kiểm soát liên quan cấp trước ngày thu hồi một phần hoặc toàn bộ vẫn có hiệu lực và phải thông báo cho các nhà khai thác liên quan về quyết định đó.

8. Không ảnh hưởng đến điểm (b) Điều 33 của Quy định (EU) 2017/625, trước khi rút toàn bộ hoặc một phần việc giao nhiệm vụ kiểm soát chính thức hoặc các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động chính thức khác trong các trường hợp nêu tại điểm đó, cơ quan có thẩm quyền có thể đình chỉ toàn bộ hoặc một phần việc ủy quyền đó:

- (a) trong khoảng thời gian không quá 12 tháng, trong thời gian đó cơ quan kiểm soát phải khắc phục những thiếu sót được phát hiện trong quá trình kiểm toán và thanh tra hoặc giải quyết hành vi không tuân thủ trong việc chia sẻ thông tin với các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát khác, với cơ quan có thẩm quyền. Các cơ quan có thẩm quyền cũng như với Ủy ban theo quy định của Điều 43 Quy chế này; hoặc
- (b) trong khoảng thời gian mà việc công nhận được đề cập tại điểm (b)(iv) của Điều 29 của Quy định (EU) 2017/625, trong kết nối với Điều 40(3) của Quy định này, bị đình chỉ.

Trường hợp việc phân công nhiệm vụ kiểm soát chính thức hoặc các nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động chính thức khác bị đình chỉ thì các cơ quan kiểm soát liên quan không cấp các chứng chỉ nêu tại Điều 35 cho những phần đã bị đình chỉ. Cơ quan có thẩm quyền sẽ quyết định liệu các giấy chứng nhận do cơ quan kiểm soát liên quan cấp trước ngày đình chỉ một phần hoặc toàn bộ có còn hiệu lực hay không và phải thông báo cho các nhà khai thác liên quan về quyết định đó.

Không ảnh hưởng đến Điều 33 của Quy định (EU) 2017/625, các cơ quan có thẩm quyền sẽ dỡ bỏ việc đình chỉ việc giao nhiệm vụ kiểm soát chính thức hoặc các nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động chính thức khác càng sớm càng tốt sau khi cơ quan kiểm soát đã khắc phục được những thiếu sót hoặc không tuân thủ nêu tại điểm (a) của tiểu đoạn đầu tiên hoặc sau khi cơ quan công nhận đã dỡ bỏ việc đình chỉ công nhận được đề cập tại điểm (b) của tiểu đoạn đầu tiên.

9. Trường hợp cơ quan kiểm soát được cơ quan có thẩm quyền giao một số nhiệm vụ kiểm soát chính thức hoặc một số nhiệm vụ nhất định liên quan đến các hoạt động chính thức khác cũng đã được Ủy ban công nhận theo Điều 46(1) của Quy định này để thực hiện các hoạt động kiểm soát ở nước thứ ba và Ủy ban có ý định rút hoặc rút lại sự công nhận đối với cơ quan kiểm soát đó, các cơ quan có thẩm quyền sẽ tổ chức kiểm toán hoặc thanh tra cơ quan kiểm soát liên quan đến các hoạt động của cơ quan này tại (các) Quốc gia Thành viên liên quan theo điểm (a) của Điều 33 của Quy định (EU) 2017/625.

10. Cơ quan kiểm soát có trách nhiệm truyền tới cơ quan có thẩm quyền:

- (a) danh sách các nhà khai thác chịu sự kiểm soát của họ vào ngày 31 tháng 12 năm trước tính đến ngày 31 tháng 1 năm mỗi năm; và
- (b) thông tin về các biện pháp kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác được thực hiện trong năm trước để hỗ trợ việc chuẩn bị phân sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ của báo cáo thường niên được đề cập tại Điều 113 của Quy định (EU) 2017/625 trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

11. Ủy ban có quyền thông qua các văn bản ủy quyền theo Điều 54 bổ sung Quy định này về các điều kiện để ủy quyền các nhiệm vụ kiểm soát chính thức và các nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động chính thức khác cho các cơ quan kiểm soát ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này. bài viết này.

Điều 41

Quy định bổ sung về hành động trong trường hợp không tuân thủ

1. Theo Điều 29, khi cơ quan có thẩm quyền, hoặc khi thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát nghi ngờ hoặc nhận được thông tin chứng minh, bao gồm thông tin từ các cơ quan có thẩm quyền khác, hoặc, nếu thích hợp, từ các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khác, rằng một nhà sản xuất dự định sử dụng hoặc đưa ra thị trường một sản phẩm có thể không tuân thủ Quy định này nhưng có các điều khoản đề cập đến sản xuất hữu cơ hoặc khi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đó đã được nhà sản xuất thông báo về nghi ngờ không tuân thủ theo Điều 27:

- (a) phải ngay lập tức tiến hành một cuộc điều tra chính thức theo Quy định (EU) 2017/625 nhằm xác minh việc tuân thủ Quy định này; việc điều tra đó phải được hoàn thành càng sớm càng tốt, trong khoảng thời gian hợp lý và phải tính đến độ bền của sản phẩm cũng như mức độ phức tạp của vụ việc;
- (b) sẽ tạm thời cấm cả việc đưa ra thị trường các sản phẩm liên quan dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi và việc sử dụng chúng trong sản xuất hữu cơ trong khi chờ kết quả điều tra nêu tại điểm (a). Trước khi đưa ra quyết định như vậy, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khi thích hợp phải cho người điều hành cơ hội đưa ra ý kiến.

Trong trường hợp kết quả điều tra nêu tại điểm (a) của khoản 1 không cho thấy bất kỳ điểm nào không phải 2. việc tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi, nhà điều hành sẽ được phép sử dụng các sản phẩm liên quan hoặc đưa chúng ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi.

3. Các Quốc gia Thành viên sẽ thực hiện mọi biện pháp và đưa ra mọi biện pháp trừng phạt cần thiết để ngăn chặn việc sử dụng gian lận các chỉ dẫn được đề cập tại Chương IV của Quy định này.

4. Các cơ quan có thẩm quyền phải cung cấp một danh mục các biện pháp chung đối với các trường hợp nghi ngờ không tuân thủ và đã xác định được hành vi không tuân thủ để áp dụng trên lãnh thổ của mình, bao gồm cả các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát.

5. Ủy ban có thể áp dụng các đạo luật triển khai nhằm xác định các thỏa thuận thống nhất cho các trường hợp mà cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện các biện pháp liên quan đến hành vi nghi ngờ hoặc đã xác định là không tuân thủ.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 42

Quy định bổ sung về các biện pháp trong trường hợp không tuân thủ

1. Trong trường hợp việc không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi trong bất kỳ giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối nào, ví dụ như do sử dụng các sản phẩm, chất hoặc kỹ thuật không được phép hoặc trộn lẫn với các sản phẩm không được cấp phép. -các sản phẩm hữu cơ, cơ quan có thẩm quyền và, khi thích hợp, các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát, phải đảm bảo, ngoài các biện pháp được thực hiện theo Điều 138 của Quy định (EU) 2017/625, không đề cập đến sản phẩm hữu cơ. sản xuất trong việc dán nhãn và quảng cáo toàn bộ lô hàng hoặc quy trình sản xuất có liên quan.

2. Trong trường hợp có hành vi không tuân thủ nghiêm trọng, lặp đi lặp lại hoặc tiếp tục xảy ra, các cơ quan có thẩm quyền và khi thích hợp, các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát phải đảm bảo rằng các nhà điều hành hoặc các nhóm nhà điều hành có liên quan, ngoài các biện pháp nêu tại khoản 1 và bất kỳ biện pháp thích hợp nào được thực hiện đặc biệt theo Điều 138 của Quy định (EU) 2017/625, đều bị cấm tiếp thị các sản phẩm đề cập đến sản xuất hữu cơ trong một thời gian nhất định và giấy chứng nhận của chúng được đề cập tại Điều 35 sẽ bị đình chỉ hoặc thu hồi, sao cho phù hợp.

Điều 43

Quy định bổ sung về trao đổi thông tin

1. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại Điều 105(1) và Điều 106(1) của Quy định (EU) 2017/625, các cơ quan có thẩm quyền phải chia sẻ ngay thông tin với các cơ quan có thẩm quyền khác cũng như với Ủy ban về bất kỳ nghi ngờ nào về hành vi vi phạm pháp luật. Việc không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi.

Các cơ quan có thẩm quyền sẽ chia sẻ thông tin đó với các cơ quan có thẩm quyền khác và Ủy ban thông qua hệ thống máy tính cho phép trao đổi điện tử các tài liệu và thông tin do Ủy ban cung cấp.

Trong trường hợp phát hiện thấy có sự không tuân thủ hoặc nghi ngờ liên quan đến các sản phẩm thuộc quyền kiểm soát của các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khác, cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát đó phải thông báo ngay cho các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đó.

Cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát phải trao đổi các thông tin liên quan khác với các cơ quan kiểm soát khác và

3. cơ quan kiểm soát.

4. Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lý với nhu cầu đảm bảo rằng sản phẩm đã được sản xuất theo Quy định này, các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát phải trao đổi thông tin với các cơ quan có thẩm quyền khác cũng như với Ủy ban. Về kết quả kiểm soát của họ.

5. Các cơ quan có thẩm quyền sẽ trao đổi thông tin về hoạt động giám sát của các cơ quan kiểm soát với các cơ quan công nhận quốc gia như quy định tại điểm (11) Điều 2 của Quy định (EC) số 765/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1) .

6. Cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện các biện pháp thích hợp và thiết lập các thủ tục dạng văn bản để đảm bảo rằng thông tin về kết quả kiểm soát được truyền đạt tới cơ quan thanh toán phù hợp với nhu cầu của cơ quan nhằm mục đích Điều 58 của Quy định (EU) số 1306/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (2) và các đạo luật được thông qua trên cơ sở Điều khoản đó.

7. Ủy ban có thể áp dụng các văn bản triển khai nhằm xác định thông tin được cung cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát chịu trách nhiệm về kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác theo Điều này, những người nhận thông tin đó và các thủ tục liên quan theo đó thông tin này sẽ được cung cấp, bao gồm các chức năng của hệ thống máy tính được đề cập trong đoạn 1.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

CHƯƠNG VII

THƯƠNG MẠI VỚI CÁC NƯỚC THỨ BA

Điều 44

Xuất khẩu sản phẩm hữu cơ

1. Một sản phẩm có thể được xuất khẩu từ Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ và có thể mang biểu tượng sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu với điều kiện là sản phẩm đó tuân thủ các quy định về sản xuất hữu cơ theo Quy định này.

2. Ủy ban được trao quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền theo Điều 54 bổ sung Quy định này liên quan đến các tài liệu dành cho cơ quan hải quan ở nước thứ ba, đặc biệt liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận xuất khẩu hữu cơ dưới dạng điện tử bất cứ khi nào có thể và việc cung cấp đảm bảo các sản phẩm hữu cơ xuất khẩu tuân thủ Quy định này.

(1) Quy định (EC) số 765/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 9 tháng 7 năm 2008 đặt ra các yêu cầu về công nhận và giám sát thị trường liên quan đến việc tiếp thị sản phẩm và bãi bỏ Quy định (EEC) số 339/93 (OJ L 218, 8.13.2008, tr. 30).

(2) Quy định (EU) Số 1306/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 17 tháng 12 năm 2013 về tài chính, quản lý và giám sát chính sách nông nghiệp chung và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EEC) Số 352/78, (EC) Số 165/94, (EC) Số 2799/98, (EC) Số 814/2000, (EC) Số 1290/2005 và (EC) Số 485/2008 (OJ L 347, 20.12.2013, trang 549).

Điều 45

Nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi

1. Một sản phẩm có thể được nhập khẩu từ nước thứ ba với mục đích đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi, miễn là đáp ứng ba điều kiện sau:

(a) sản phẩm là sản phẩm được đề cập tại Điều 2(1);

(b) áp dụng một trong các trường hợp sau:

(i) sản phẩm tuân thủ Chương II, III và IV của Quy định này, đồng thời tất cả các nhà khai thác và nhóm nhà khai thác được đề cập tại Điều 36, bao gồm cả các nhà xuất khẩu ở nước thứ ba có liên quan, đều chịu sự kiểm soát của các cơ quan kiểm soát hoặc các cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46, và các cơ quan hoặc tổ chức đó đã cấp cho tất cả các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và nhà xuất khẩu đó giấy chứng nhận xác nhận rằng họ tuân thủ Quy định này;

(ii) trong trường hợp sản phẩm có nguồn gốc từ nước thứ ba được công nhận theo Điều 47, thì sản phẩm tuân thủ các điều kiện được quy định trong hiệp định thương mại có liên quan; hoặc

(iii) trong trường hợp sản phẩm đến từ nước thứ ba được công nhận theo Điều 48, sản phẩm đó tuân thủ các quy tắc sản xuất và kiểm soát tương đương của nước thứ ba đó và được nhập khẩu có giấy chứng nhận kiểm tra xác nhận sự tuân thủ này đã được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của nước thứ ba đó; Và

(c) các nhà khai thác ở các nước thứ ba có thể bất kỳ lúc nào cung cấp cho các nhà nhập khẩu và các cơ quan có thẩm quyền của Liên minh và các nước thứ ba đó những thông tin cho phép xác định các nhà khai thác là nhà cung cấp của họ và các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của những nước đó các nhà cung cấp, nhằm đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi có liên quan. Thông tin đó cũng phải được cung cấp cho cơ quan kiểm tra hoặc cơ quan kiểm tra của người nhập khẩu.

2. Ủy ban có thể, theo thủ tục quy định tại Điều 24(9), cấp giấy phép cụ thể cho việc sử dụng sản phẩm và chất ở các nước thứ ba và ở các khu vực xa nhất của Liên minh, có tính đến sự khác biệt trong cân bằng sinh thái trong sản xuất cây trồng hoặc vật nuôi, điều kiện khí hậu cụ thể, truyền thống và điều kiện địa phương ở những khu vực đó. Những ủy quyền cụ thể như vậy có thể được cấp với thời hạn hai năm có thể gia hạn và phải tuân theo các nguyên tắc nêu tại Chương II cũng như các tiêu chí nêu tại Điều 24(3) và (6).

3. Khi đưa ra các tiêu chí để xác định liệu một tình huống có đủ tiêu chuẩn là thảm họa hay không và khi đặt ra các quy tắc cụ thể về cách giải quyết các tình huống đó theo Điều 22, Ủy ban sẽ tính đến những khác biệt về cân bằng sinh thái, khí hậu và điều kiện địa phương ở các nước thứ ba và ở các khu vực xa nhất của Liên minh.

4. Ủy ban sẽ áp dụng các đạo luật triển khai để đặt ra các quy tắc cụ thể liên quan đến nội dung của các giấy chứng nhận nêu tại điểm (b) của khoản 1, thủ tục cần tuân thủ để cấp, xác minh và các phương tiện kỹ thuật để cấp giấy chứng nhận. Được ban hành, đặc biệt liên quan đến vai trò của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát, đảm bảo truy xuất nguồn gốc và tuân thủ các sản phẩm nhập khẩu dự định đưa vào thị trường Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi như đã đề cập tại đoạn 1.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

5. Việc tuân thủ các điều kiện và biện pháp nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm chuyển đổi nêu tại khoản 1 vào Liên minh phải được xác định rõ ràng tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 47(1) của Quy định (EU) 2017/ 625. Tần suất kiểm tra thực tế nêu tại Điều 49(2) của Quy định đó sẽ phụ thuộc vào khả năng không tuân thủ như được định nghĩa tại điểm (57) Điều 3 của Quy định này.

Điều 46

Công nhận cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát

1. Ủy ban có thể áp dụng các đạo luật thực thi để công nhận các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát có thẩm quyền tiến hành kiểm soát và cấp giấy chứng nhận hữu cơ ở nước thứ ba, hủy bỏ sự công nhận của các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát đó và thiết lập danh sách các cơ quan được công nhận cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

2. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát sẽ được công nhận theo khoản 1 Điều này để kiểm soát việc nhập khẩu các loại sản phẩm được liệt kê tại Điều 35(7) nếu chúng đáp ứng các tiêu chí sau:

- (a) họ được thành lập hợp pháp tại một Quốc gia Thành viên hoặc nước thứ ba;
- (b) họ có khả năng thực hiện các biện pháp kiểm soát để đảm bảo rằng các điều kiện nêu tại điểm (a), (b)(i) và (c) của Điều 45(1) và trong Điều này được đáp ứng liên quan đến các sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm chuyển đổi nhằm mục đích nhập khẩu vào Liên minh;
- (c) họ đưa ra những đảm bảo đầy đủ về tính khách quan và vô tư và không có bất kỳ xung đột lợi ích nào liên quan đến thực hiện nhiệm vụ kiểm soát của mình;
- (d) trong trường hợp các cơ quan kiểm soát, họ được công nhận theo tiêu chuẩn hài hòa liên quan về 'Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với các cơ quan chứng nhận sản phẩm, quy trình và dịch vụ', tài liệu tham khảo về tiêu chuẩn này đã được công bố trên Tạp chí Chính thức của Liên minh Châu Âu;
- (e) họ có chuyên môn, thiết bị và cơ sở hạ tầng cần thiết để thực hiện nhiệm vụ kiểm soát và có đủ số lượng đội ngũ nhân viên có trình độ và kinh nghiệm phù hợp; Và
- (f) họ đáp ứng bất kỳ tiêu chí bổ sung nào có thể được quy định trong đạo luật ủy quyền được thông qua theo đoạn 7.

3. Việc công nhận nêu tại điểm (d) khoản 2 chỉ có thể được cấp bởi:

- (a) cơ quan công nhận quốc gia trong Liên minh theo Quy định (EC) số 765/2008; hoặc
- (b) một cơ quan công nhận bên ngoài Liên minh là bên ký kết thỏa thuận công nhận đa phương dưới sự bảo trợ của Diễn đàn Công nhận Quốc tế.

4. Cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát phải gửi yêu cầu công nhận tới Ủy ban. Yêu cầu đó phải bao gồm một hồ sơ kỹ thuật chứa tất cả thông tin cần thiết để đảm bảo rằng các tiêu chí nêu tại khoản 2 được đáp ứng.

Cơ quan kiểm soát cung cấp báo cáo đánh giá mới nhất do cơ quan có thẩm quyền cấp và cơ quan kiểm soát cung cấp chứng chỉ công nhận do cơ quan công nhận cấp. Khi thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cũng phải cung cấp các báo cáo mới nhất về việc đánh giá, giám sát tại chỗ thường xuyên và đánh giá lại nhiều năm một lần các hoạt động của mình.

5. Dựa trên thông tin được đề cập tại khoản 4 và bất kỳ thông tin liên quan nào khác liên quan đến cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, Ủy ban sẽ đảm bảo sự giám sát phù hợp đối với các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận bằng cách thường xuyên xem xét hoạt động và sự công nhận của họ. Vì mục đích giám sát đó, Ủy ban có thể yêu cầu thông tin bổ sung từ các cơ quan công nhận hoặc cơ quan có thẩm quyền, nếu phù hợp.

6. Bản chất của việc giám sát nêu tại khoản 5 sẽ được xác định trên cơ sở đánh giá khả năng xảy ra hành vi không tuân thủ, đặc biệt có tính đến hoạt động của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, loại sản phẩm, và người vận hành dưới sự kiểm soát của nó và những thay đổi trong quy tắc sản xuất và các biện pháp kiểm soát.

Đặc biệt, việc công nhận của các cơ quan kiểm soát hoặc các cơ quan kiểm soát nêu tại khoản 1 sẽ bị hủy bỏ ngay lập tức, theo thủ tục nêu tại khoản đó, khi có những vi phạm nghiêm trọng hoặc lặp đi lặp lại liên quan đến chứng nhận hoặc các biện pháp kiểm soát và các hành động nêu trong theo đoạn 8 đã được phát hiện và khi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát liên quan không thực hiện hành động khắc phục phù hợp và kịp thời theo yêu cầu của Ủy ban trong khoảng thời gian do Ủy ban xác định. Khoảng thời gian đó sẽ được xác định tùy theo mức độ nghiêm trọng của vấn đề và nhìn chung không được ít hơn 30 ngày.

7. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54:

- (a) sửa đổi khoản 2 Điều này bằng cách bổ sung thêm các tiêu chí quy định trong đó về việc công nhận các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát nêu tại khoản 1 Điều này và về việc rút lại sự công nhận đó, hoặc bằng cách sửa đổi các tiêu chí bổ sung đó ;
- (b) bổ sung Quy định này về:
 - (i) việc thực hiện giám sát của các cơ quan kiểm soát và các cơ quan kiểm soát được Ủy ban công nhận theo khoản 1, bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ; Và
 - (ii) các hoạt động kiểm soát và hành động khác do các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát đó thực hiện.

8. Ủy ban có thể áp dụng các biện pháp triển khai để đảm bảo áp dụng các biện pháp được thực hiện liên quan đến các trường hợp nghi ngờ hoặc xác định không tuân thủ, đặc biệt là những trường hợp ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi được nhập khẩu theo sự công nhận quy định trong bài viết này. Các biện pháp đó có thể đặc biệt bao gồm việc xác minh tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi trước khi đưa sản phẩm ra thị trường trong Liên minh và, khi thích hợp, đình chỉ cấp phép đưa sản phẩm đó ra thị trường trong phạm vi Liên minh. Liên minh là sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

9. Trên cơ sở cấp bách hợp lý và hợp lý liên quan đến các hành vi không công bằng hoặc các hành vi không phù hợp với các nguyên tắc và quy định về sản xuất hữu cơ, bảo vệ niềm tin của người tiêu dùng hoặc bảo vệ cạnh tranh công bằng giữa các nhà sản xuất, Ủy ban sẽ áp dụng ngay các đạo luật thực thi có thể áp dụng được theo thủ tục nêu tại Điều 55(3) để thực hiện các biện pháp nêu tại khoản 8 Điều này hoặc quyết định rút lại sự công nhận của cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 47

Sự tương đương theo hiệp định thương mại

Nước thứ ba được công nhận nêu tại điểm (b)(ii) của Điều 45(1) là nước thứ ba được Liên minh công nhận theo một hiệp định thương mại là có hệ thống sản xuất đáp ứng các mục tiêu và nguyên tắc tương tự bằng cách áp dụng các quy tắc đảm bảo mức độ đảm bảo sự phù hợp tương tự như của Liên minh.

Điều 48

Tương đương theo Quy định (EC) số 834/2007

1. Nước thứ ba được công nhận nêu tại điểm (b)(iii) của Điều 45(1) là nước thứ ba đã được công nhận vì mục đích tương đương theo Điều 33(2) của Quy định (EC) số 834/2007, kể cả những biện pháp được công nhận theo biện pháp chuyển tiếp quy định tại Điều 58 của Quy định này.

Sự công nhận đó sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Trên cơ sở các báo cáo hàng năm được gửi tới Ủy ban trước ngày 31 tháng 3 hàng năm bởi các nước thứ ba nêu tại khoản 1 về việc thực hiện và thực thi các biện pháp kiểm soát do họ thiết lập, và trong bối cảnh bất kỳ thông tin khác nhận được, Ủy ban sẽ đảm bảo sự giám sát phù hợp đối với các nước thứ ba được công nhận bằng cách thường xuyên xem xét sự công nhận của họ. Vì mục đích này, Ủy ban có thể yêu cầu sự hỗ trợ của các Quốc gia Thành viên. Bản chất của việc giám sát sẽ được xác định trên cơ sở đánh giá khả năng không tuân thủ, đặc biệt có tính đến khối lượng xuất khẩu sang Liên minh từ nước thứ ba có liên quan, kết quả của các hoạt động giám sát và giám sát được thực hiện. của cơ quan có thẩm quyền và kết quả của các lần kiểm soát trước đó. Ủy ban sẽ thường xuyên báo cáo lên Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về kết quả hoạt động của mình.

ôn tập.

3. Ủy ban sẽ, thông qua đạo luật thực thi, thiết lập danh sách các nước thứ ba được đề cập tại khoản 1 và có thể sửa đổi danh sách đó bằng các đạo luật thực thi.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

4. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền theo Điều 54 bổ sung Quy định này liên quan đến thông tin được gửi bởi các nước thứ ba được liệt kê theo khoản 3 của Điều này cần thiết cho việc giám sát việc công nhận của họ bởi Ủy ban, cũng như việc Ủy ban thực hiện giám sát đó, bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ.

5. Ủy ban có thể áp dụng các biện pháp thực hiện để đảm bảo áp dụng các biện pháp liên quan đến các trường hợp nghi ngờ hoặc không tuân thủ, đặc biệt là những trường hợp ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi nhập khẩu từ nước thứ ba được đề cập tại Điều này. Các biện pháp đó có thể đặc biệt bao gồm việc xác minh tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi trước khi đưa sản phẩm ra thị trường trong Liên minh và, khi thích hợp, đình chỉ cấp phép đưa sản phẩm đó ra thị trường trong phạm vi Liên minh. Liên minh là sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 49

Báo cáo của Ủy ban về việc áp dụng Điều 47 và 48

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ủy ban sẽ trình báo cáo lên Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về tình hình áp dụng Điều 47 và 48, đặc biệt là về việc công nhận các nước thứ ba vì mục đích tương đương.

CHƯƠNG VIII

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

PHẦN 1

Tự do di chuyển các sản phẩm hữu cơ và đang chuyển đổi

Điều 50

Không cấm và không hạn chế tiếp thị các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi

Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm tra và cơ quan kiểm tra không được, vì lý do liên quan đến sản xuất, ghi nhãn hoặc trình bày sản phẩm, cấm hoặc hạn chế việc tiếp thị các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển hóa chịu sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khác. Cơ quan đặt tại một Quốc gia Thành viên khác nơi các sản phẩm đó tuân thủ Quy định này. Đặc biệt, sẽ không có hoạt động kiểm soát chính thức và hoạt động chính thức nào khác ngoài những hoạt động theo Quy định (EU) 2017/625 được thực hiện và sẽ không thu phí cho các hoạt động kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác ngoài những khoản được quy định trong Chương VI của Quy định đó.

PHẦN 2

Thông tin, báo cáo và các vi phạm liên quan

Điều 51

Thông tin liên quan đến lĩnh vực hữu cơ và thương mại

1. Hàng năm các Quốc gia Thành viên sẽ chuyển tới Ủy ban những thông tin cần thiết để thực hiện và giám sát việc áp dụng Quy định này. Trong chừng mực có thể, những thông tin đó phải dựa trên các nguồn dữ liệu đã được thiết lập. Ủy ban sẽ tính đến nhu cầu dữ liệu và sự phối hợp giữa các nguồn dữ liệu tiềm năng, đặc biệt là việc sử dụng chúng cho mục đích thống kê khi thích hợp.

2. Ủy ban sẽ áp dụng các đạo luật triển khai liên quan đến hệ thống được sử dụng để truyền thông tin nêu tại khoản 1, chi tiết của thông tin được truyền và ngày truyền thông tin đó.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

Điều 52

Thông tin liên quan đến cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát

1. Các Quốc gia Thành viên sẽ lưu giữ danh sách được cập nhật thường xuyên về:

(a) tên và địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền; Và

(b) tên, địa chỉ và mã số của cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát.

Các Quốc gia thành viên sẽ chuyển những danh sách đó và mọi thay đổi trong đó tới Ủy ban và công khai chúng, trừ khi việc truyền tải và công bố đó đã được thực hiện theo Điều 4(4) của Quy định (EU) 2017/625.

2. Dựa trên thông tin được cung cấp theo khoản 1, Ủy ban sẽ thường xuyên công bố trên internet danh sách cập nhật các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được đề cập tại điểm (b) của khoản 1.

Điều 53

Vi phạm, ủy quyền và báo cáo

1. Các trường hợp vi phạm việc sử dụng vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ và sử dụng động vật hữu cơ quy định tại điểm 1.8.5 Phần I Phụ lục II và các điểm 1.3.4.3 và 1.3.4.4 Phần II Phụ lục II, ngoại trừ điểm 1.3.4.4.2 Phần II Phụ lục II sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2035.

2. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2028, dựa trên các kết luận liên quan đến sự sẵn có của vật liệu và động vật sinh sản thực vật hữu cơ được trình bày trong báo cáo quy định tại đoạn 7 của Điều này, Ủy ban sẽ có quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi Điều này. Quy định bởi:

(a) chấm dứt các vi phạm nêu tại điểm 1.8.5 Phần I Phụ lục II và tại các điểm 1.3.4.3 và 1.3.4.4 Phần II Phụ lục II, ngoại trừ điểm 1.3.4.4.2 Phần II của Phụ lục II, sớm hơn ngày 31 tháng 12 năm 2035 hoặc gia hạn sau ngày đó; hoặc

(b) chấm dứt việc vi phạm nêu tại điểm 1.3.4.4.2 Phần II Phụ lục II.

3. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Ủy ban sẽ có quyền thông qua các đạo luật ủy quyền theo Điều 54 sửa đổi điểm (b) của Điều 26(2) để mở rộng phạm vi của hệ thống thông tin được đề cập tại Điều 26(2) cho gà mái tơ và điểm 1.3.4.3 của Phần II của Phụ lục II để đưa ra những hạn chế liên quan đến gà hậu bị dựa trên dữ liệu được thu thập theo hệ thống này.

4. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2025, Ủy ban sẽ có quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền theo Điều 54, dựa trên thông tin liên quan đến sự sẵn có của thức ăn chứa protein hữu cơ cho gia cầm và lợn do các Quốc gia Thành viên cung cấp theo đoạn 6 của Điều này Điều hoặc trình bày trong báo cáo nêu tại khoản 7 Điều này về việc chấm dứt việc cấp phép sử dụng thức ăn chứa protein phi hữu cơ trong dinh dưỡng gia cầm, lợn nêu tại các điểm 1.9.3.1(c) và 1.9.4.2(c) của Phần II Phụ lục II vào ngày sớm hơn ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc gia hạn sau ngày đó.

5. Khi gia hạn việc hạn chế hoặc ủy quyền nêu tại các khoản 2, 3 và 4, Ủy ban sẽ chỉ làm như vậy khi có thông tin, đặc biệt là thông tin do các Quốc gia Thành viên cung cấp theo khoản 6, xác nhận việc không có thông tin về thị trường Liên minh các vật liệu sinh sản thực vật, động vật hoặc thức ăn chăn nuôi có liên quan.

6. Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, các Quốc gia Thành viên sẽ cung cấp cho Ủy ban và các Quốc gia Thành viên khác:

(a) thông tin được cung cấp trong cơ sở dữ liệu nêu tại Điều 26(1) và trong các hệ thống nêu tại Điều 26(2) và, nếu phù hợp, trong các hệ thống nêu tại Điều 26(3);

(b) thông tin về các vi phạm được đưa ra theo điểm 1.8.5 Phần I Phụ lục II và các điểm 1.3.4.3 và 1.3.4.4 Phần II Phụ lục II; Và

(c) thông tin về sự sẵn có của thức ăn protein hữu cơ dành cho gia cầm và lợn trên thị trường Liên minh và về các giấy phép được cấp theo điểm 1.9.3.1(c) và 1.9.4.2(c) của Phần II của Phụ lục II.

7. Trước ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ủy ban sẽ trình báo cáo lên Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về sự sẵn có trên thị trường Liên minh và, nếu có liên quan, về nguyên nhân của khả năng tiếp cận hạn chế đối với:

(a) vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ;

(b) động vật hữu cơ thuộc phạm vi vi phạm nêu tại điểm 1.3.4.3 và 1.3.4.4 Phần II của Phụ lục II;

(c) thức ăn giàu protein hữu cơ dành cho dinh dưỡng của gia cầm và lợn phải được cấp phép nêu tại điểm 1.9.3.1(c) và 1.9.4.2(c) của Phần II của Phụ lục II.

Khi lập báo cáo đó, Ủy ban sẽ đặc biệt tính đến dữ liệu được thu thập theo Điều 26 và thông tin liên quan đến các vi phạm và cấp phép nêu tại khoản 6 Điều này.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THỦ TỤC, CHUYỂN TIẾP VÀ CUỐI CÙNG

PHẦN 1

Quy định thủ tục

Điều 54

Hoạt động của phái đoàn

1. Quyền thông qua các đạo luật ủy quyền được trao cho Ủy ban theo các điều kiện quy định tại Điều này.

2. Thẩm quyền thông qua các văn bản ủy quyền nêu tại Điều 2(6), Điều 9(11), Điều 10(5), Điều 12(2), Điều 13(3), Điều 14(2), Điều 15(2), Điều 16(2), Điều 17(2), Điều 18(2), Điều 19(2), Điều 21(1), Điều 22(1), Điều 23(2), Điều 24(6), Điều 30(7), Điều 32(4), Điều 33(6), Điều 34(8), Điều 35(9), Điều 36(3), Điều 38(8), Điều 40(11), Điều 44(2), Điều 46(7), Điều 48(4), Điều 53(2), (3) và (4), Điều 57(3) và Điều 58(2) sẽ được trao cho Ủy ban để giải quyết thời hạn 5 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2021. Ủy ban sẽ lập báo cáo về việc chuyển giao quyền lực không muộn hơn 9 tháng trước khi kết thúc thời hạn 5 năm. Việc chuyển giao quyền lực sẽ được ngừng gia hạn trong những khoảng thời gian có thời hạn như nhau, trừ khi Nghị viện hoặc Hội đồng Châu Âu phản đối việc gia hạn đó không muộn hơn ba tháng trước khi kết thúc mỗi giai đoạn.

3. Việc phân quyền nêu tại Điều 2(6), Điều 9(11), Điều 10(5), Điều 12(2), Điều 13(3), Điều 14(2), Điều 15(2), Điều 16(2), Điều 17(2), Điều 18(2), Điều 19(2), Điều 21(1), Điều 22(1), Điều 23(2), Điều 24(6), Điều 30(7), Điều 32(4), Điều 33(6), Điều 34(8), Điều 35(9), Điều 36(3), Điều 38(8), Điều 40(11), Điều 44(2), Điều 46(7), Điều 48(4), Điều 53(2), (3) và (4), Điều 57(3) và Điều 58(2) có thể bị Nghị viện Châu Âu thu hồi bất cứ lúc nào hoặc bởi Hội đồng. Quyết định thu hồi sẽ chấm dứt việc giao quyền được quy định trong quyết định đó. Nó sẽ có hiệu lực vào ngày sau khi công bố quyết định trên Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu hoặc vào một ngày sau đó được chỉ định trong đó. Nó sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của bất kỳ đạo luật ủy quyền nào đã có hiệu lực.

4. Trước khi thông qua đạo luật được ủy quyền, Ủy ban sẽ tham khảo ý kiến các chuyên gia do mỗi Quốc gia Thành viên chỉ định theo các nguyên tắc được đặt ra trong Thỏa thuận liên thể chế ngày 13 tháng 4 năm 2016 về Xây dựng Luật Tốt hơn.

5. Ngay sau khi thông qua đạo luật ủy quyền, Ủy ban sẽ đồng thời thông báo đạo luật đó cho Nghị viện Châu Âu và Hội đồng.

6. Đạo luật ủy quyền được thông qua theo Điều 2(6), Điều 9(11), Điều 10(5), Điều 12(2), Điều 13(3), Điều 14(2), Điều 15(2), Điều 16(2), Điều 17(2), Điều 18(2), Điều 19(2), Điều 21(1), Điều 22(1), Điều 23(2), Điều 24(6), Điều 30(7), Điều 32(4), Điều 33(6), Điều 34(8), Điều 35(9), Điều 36(3), Điều 38(8), Điều 40(11), Điều 44(2), Điều 46(7), Điều 48(4), Điều 53(2), (3) và (4), Điều 57(3) và Điều 58(2) sẽ chỉ có hiệu lực nếu không có sự phản đối nào được bày tỏ bởi Nghị viện Châu Âu hoặc bởi Hội đồng trong thời hạn hai tháng kể từ khi thông báo về đạo luật đó cho Nghị viện và Hội đồng Châu Âu hoặc nếu trước khi hết thời hạn đó, Nghị viện và Hội đồng Châu Âu đều đã thông báo cho Ủy ban rằng họ sẽ không phản đối. Thời hạn đó sẽ được kéo dài thêm hai tháng theo sáng kiến của Nghị viện hoặc Hội đồng Châu Âu.

Điều 55

Thủ tục ủy ban

1. Ủy ban sẽ được hỗ trợ bởi một ủy ban gọi là 'Ủy ban Sản xuất Hữu cơ'. Ủy ban đó sẽ là một ủy ban theo nghĩa của Quy định (EU) số 182/2011.

2. Khi tham chiếu đến đoạn này, Điều 5 của Quy định (EU) số 182/2011 sẽ được áp dụng.

3. Khi viện dẫn đến đoạn này, Điều 8 của Quy định (EU) số 182/2011, cùng với Điều 5 trong đó, sẽ được áp dụng.

4. Trong trường hợp Ủy ban không đưa ra ý kiến, Ủy ban sẽ không thông qua dự thảo đạo luật thực thi và đoạn thứ ba của Điều 5(4) của Quy định (EU) số 182/2011 sẽ được áp dụng.

PHẦN 2

Bãi bỏ và các điều khoản chuyển tiếp và cuối cùng

Điều 56

Bãi bỏ

Quy định (EC) số 834/2007 bị bãi bỏ.

Tuy nhiên, Quy định đó sẽ tiếp tục được áp dụng nhằm mục đích hoàn thành việc thẩm định các đơn đăng ký đang chờ xử lý từ các nước thứ ba, như quy định tại Điều 58 của Quy định này.

Việc tham chiếu đến Quy định bị bãi bỏ sẽ được hiểu là tham chiếu đến Quy định này.

Điều 57

Các biện pháp chuyển tiếp liên quan đến cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 33(3) của Quy định (EC) số 834/2007

1. Sự công nhận của cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được cấp theo Điều 33(3) của Quy định (EC) số 834/2007 sẽ hết hạn muộn nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.
2. Ủy ban sẽ, bằng đạo luật thực thi, thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 33(3) của Quy định (EC) số 834/2007 và có thể sửa đổi danh sách đó bằng cách thực hiện- hành vi cố vấn.

Những đạo luật thực thi đó sẽ được thông qua theo thủ tục kiểm tra được nêu tại Điều 55(2).

3. Ủy ban có quyền thông qua các văn bản ủy quyền theo Điều 54 bổ sung Quy định này liên quan đến thông tin cần thiết được gửi bởi các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát nêu tại khoản 2 Điều này cho mục đích của giám sát việc công nhận của họ bởi Ủy ban, cũng như việc Ủy ban thực hiện giám sát đó, bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ.

Điều 58

Các biện pháp chuyển tiếp liên quan đến đơn đăng ký từ nước thứ ba được nộp theo Điều 33(2) của Quy định (EC) số 834/2007

1. Ủy ban sẽ hoàn tất việc kiểm tra các đơn đăng ký từ các nước thứ ba đã được nộp theo Điều 33(2) của Quy định (EC) số 834/2007 và đang chờ xử lý vào ngày 17 tháng 6 năm 2018. Quy định đó sẽ áp dụng cho việc kiểm tra các đơn đăng ký đó các ứng dụng.
2. Ủy ban có quyền thông qua các đạo luật được ủy quyền theo Điều 54 bổ sung Quy định này bằng cách đặt ra các quy tắc thủ tục cần thiết để xem xét các đơn đăng ký nêu tại khoản 1 Điều này, bao gồm cả thông tin được nộp bởi Nước thứ ba.

Điều 59

Các biện pháp chuyển tiếp liên quan đến việc công nhận lần đầu cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát

Bằng cách trì hoãn ngày nộp đơn nêu tại đoạn thứ hai của Điều 61, Điều 46 sẽ được áp dụng từ ngày 17 tháng 6 năm 2018 trong trường hợp cần thiết để cho phép thừa nhận kịp thời các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát.

Điều 60

Các biện pháp chuyển tiếp đối với việc tồn kho các sản phẩm hữu cơ được sản xuất theo Quy định (EC) số 834/2007

Các sản phẩm được sản xuất theo Quy định (EC) số 834/2007 trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 có thể được đưa ra thị trường sau ngày đó cho đến khi hết hàng.

Điều 61

Hiệu lực và áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba sau ngày được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu.

Nó sẽ được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2021.

Quy định này sẽ có tính ràng buộc toàn bộ và được áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Làm tại Strasbourg, ngày 30 tháng 5 năm 2018.

Đối với Nghị viện Châu Âu

Tổng thống

A. TAJANI

Đối với Hội đồng

Tổng thống

L. PAVLOVA

PHỤ LỤC I

CÁC SẢN PHẨM KHÁC ĐƯỢC NÊU TẠI ĐIỀU 2(1)

- Nấm men dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi,
 - maté, ngô ngọt, lá nhỏ, lõi cọ, chồi hoa bia và các phần ăn được tương tự khác của thực vật và sản phẩm được sản xuất từ đó,
 - muối biển và các loại muối khác dùng làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi,
 - Kén tắm thích hợp để quay tơ,
 - gôm và nhựa tự nhiên,
 - sáp ong,
 - tinh dầu,
 - Nút bàn bằng lie tự nhiên, chưa kết tụ và không có chất kết dính,
 - bông, chưa chải thô hoặc chưa chải kỹ,
 - len, chưa chải thô hoặc chưa chải kỹ,
 - da sống và da chưa qua xử lý,
 - các chế phẩm thảo dược truyền thống dựa trên thực vật.
-

PHỤ LỤC II

QUY TẮC SẢN XUẤT CHI TIẾT TẠI CHƯƠNG III

Phần I: Quy luật sản xuất cây trồng

Ngoài các quy tắc sản xuất quy định tại Điều 9 đến Điều 12, các quy tắc quy định tại Phần này sẽ được áp dụng cho sản xuất thực vật hữu cơ.

1. Yêu cầu chung
- 1.1. Cây trồng hữu cơ, trừ cây trồng tự nhiên trong nước, phải được sản xuất trên đất sống, hoặc trong đất sống được trộn hoặc bón phân bằng các vật liệu, sản phẩm được phép sản xuất hữu cơ, liên quan đến lòng đất và đá gốc.
- 1.2. Sản xuất thủy canh, là phương pháp trồng cây không phát triển tự nhiên trong nước với rễ chỉ trong dung dịch dinh dưỡng hoặc trong môi trường trơ có thêm dung dịch dinh dưỡng, đều bị cấm.
- 1.3. Bằng cách vi phạm điểm 1.1, được phép tạo mầm bằng cách làm ẩm hạt và lấy đầu rau diếp xoắn bao gồm cả việc ngâm trong nước sạch.
- 1.4. Bằng cách vi phạm điểm 1.1, được phép thực hiện các hành vi sau:
 - (a) trồng cây để sản xuất cây cảnh và cây thảo được trong chậu để bán cùng với chậu cho người tiêu dùng
người tiêu dùng cuối cùng;
 - (b) trồng cây con hoặc cây cấy trong thùng để cấy tiếp.
- 1.5. Bằng cách xúc phạm điểm 1.1, chỉ được phép trồng cây trên các luống được phân định ranh giới trên các bề mặt đã được chứng nhận là hữu cơ cho hoạt động đó trước ngày 28 tháng 6 năm 2017 ở Phần Lan, Thụy Điển và Đan Mạch. Không được phép mở rộng các bề mặt đó.

Sự vi phạm đó sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Trước ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ủy ban sẽ trình báo cáo lên Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về việc sử dụng các luống được phân định ranh giới trong nông nghiệp hữu cơ. Báo cáo đó có thể kèm theo, khi thích hợp, bằng một đề xuất pháp lý về việc sử dụng các luống được phân định ranh giới trong nông nghiệp hữu cơ.
- 1.6. Tất cả các kỹ thuật sản xuất tại nhà máy được sử dụng phải ngăn ngừa hoặc giảm thiểu mọi nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.
- 1.7. chuyển đổi
 - 1.7.1. Để thực vật và sản phẩm thực vật được coi là sản phẩm hữu cơ, các quy tắc sản xuất nêu trong Quy định này phải được áp dụng đối với các thửa đất trong thời gian chuyển đổi ít nhất hai năm trước khi gieo hạt, hoặc trong trường hợp đồng cỏ hoặc cây lâu năm. thực ăn thô xanh, trong khoảng thời gian ít nhất hai năm trước khi sử dụng làm thức ăn hữu cơ, hoặc, trong trường hợp cây lâu năm không phải là thức ăn thô xanh, trong khoảng thời gian ít nhất ba năm trước khi thu hoạch sản phẩm hữu cơ lần đầu tiên.
 - 1.7.2. Trường hợp đất hoặc một hoặc nhiều thửa đất bị ô nhiễm bởi sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ thì cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định gia hạn thời gian chuyển đổi đối với đất hoặc thửa đất vượt quá thời hạn nêu tại điểm 1.7.1 .
 - 1.7.3. Trường hợp xử lý bằng sản phẩm, chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thời gian chuyển đổi mới theo quy định tại điểm 1.7.1.

Thời hạn đó có thể được rút ngắn trong hai trường hợp sau:

 - (a) xử lý bằng sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ như một phần của biện pháp kiểm soát bắt buộc đối với sâu bệnh hoặc cỏ dại, bao gồm sinh vật kiểm dịch hoặc loài xâm lấn, do cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên liên quan áp dụng;
 - (b) xử lý bằng sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ như một phần của quy trình khoa học các cuộc kiểm tra được cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên liên quan phê duyệt.

- 1.7.4. Trong các trường hợp nêu tại điểm 1.7.2 và 1.7.3, độ dài của thời gian chuyển đổi được xác định có tính đến các yêu cầu sau:
- (a) quá trình phân hủy sản phẩm hoặc chất liên quan phải đảm bảo, vào cuối giai đoạn chuyển đổi, mức dư lượng không đáng kể trong đất và, trong trường hợp là cây trồng lâu năm, trong thực vật;
- (b) sản phẩm thu hoạch sau quá trình xử lý không được đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang trong quá trình chuyển đổi.
- 1.7.4.1. Các Quốc gia Thành viên phải thông báo cho Ủy ban và các Quốc gia Thành viên khác về bất kỳ quyết định nào do họ đưa ra nhằm đưa ra các biện pháp bắt buộc liên quan đến việc xử lý bằng một sản phẩm hoặc một chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ.
- 1.7.4.2. Trong trường hợp xử lý bằng sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, điểm 1.7.5(b) sẽ không được áp dụng.
- 1.7.5. Đối với đất gắn với sản xuất chăn nuôi hữu cơ:
- (a) quy tắc chuyển đổi sẽ được áp dụng cho toàn bộ diện tích của đơn vị sản xuất thức ăn chăn nuôi sản xuất;
- (b) bất kể điểm (a), thời gian chuyển đổi có thể giảm xuống còn một năm đối với đồng cỏ và bãi chăn nuôi ngoài trời.
các khu vực được sử dụng bởi các loài không phải động vật ăn cỏ.
- 1.8. Nguồn gốc của thực vật bao gồm cả vật liệu sinh sản của thực vật
- 1.8.1. Để sản xuất thực vật và sản phẩm thực vật không phải là vật liệu sinh sản thực vật, chỉ được sử dụng vật liệu nhân giống thực vật hữu cơ.
- 1.8.2. Để có được vật liệu sinh sản thực vật hữu cơ dùng để sản xuất các sản phẩm không phải vật liệu sinh sản thực vật, cây mẹ và, nếu phù hợp, các cây khác dùng để sản xuất vật liệu sinh sản thực vật phải được sản xuất theo Quy định này trong ít nhất một thế hệ. hoặc, đối với cây lâu năm, ít nhất một thế hệ trong hai mùa sinh trưởng.
- 1.8.3. Khi lựa chọn vật liệu nhân giống cây trồng hữu cơ, người thực hiện phải ưu tiên vật liệu nhân giống cây trồng hữu cơ phù hợp với nông nghiệp hữu cơ.
- 1.8.4. Để sản xuất giống hữu cơ phù hợp với sản xuất hữu cơ, hoạt động chọn tạo giống hữu cơ được thực hiện trong điều kiện hữu cơ và tập trung vào việc nâng cao đa dạng di truyền, dựa vào khả năng sinh sản tự nhiên cũng như hiệu quả nông học, khả năng kháng bệnh và thích ứng với đất đai đa dạng của địa phương. và điều kiện khí hậu.
- Tất cả các hoạt động nhân giống ngoại trừ nuôi cấy mô phân sinh sẽ được thực hiện dưới sự quản lý hữu cơ được chứng nhận.
- 1.8.5. Sử dụng vật liệu sinh sản thực vật chuyển hóa và phi hữu cơ
- 1.8.5.1. Bằng cách xúc phạm điểm 1.8.1, trong đó dữ liệu được thu thập trong cơ sở dữ liệu được đề cập tại Điều 26(1) hoặc hệ thống được đề cập tại điểm (a) của Điều 26(2) cho thấy rằng nhu cầu định tính hoặc định lượng của cơ sở sản xuất về vật liệu nhân giống thực vật hữu cơ liên quan, từ cây giống, không được đáp ứng, cơ quan có thẩm quyền có thể cho phép sử dụng vật liệu nhân giống cây trồng chuyển đổi hoặc phi hữu cơ theo các điều kiện quy định tại các điểm 1.8.5.3, 1.8.5.4 và 1.8.5.5 .
- Trước khi yêu cầu bất kỳ sự vi phạm nào như vậy, nhà điều hành phải tham khảo cơ sở dữ liệu nêu tại Điều 26(1) hoặc hệ thống nêu tại điểm (a) của Điều 26(2) để xác minh xem yêu cầu của mình có hợp lý hay không.
- 1.8.5.2. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46(1) có thể ủy quyền cho các nhà sản xuất ở nước thứ ba sử dụng vật liệu nhân giống thực vật chuyển hóa hoặc phi hữu cơ trong một đơn vị sản xuất hữu cơ khi vật liệu nhân giống thực vật hữu cơ không có đủ chất lượng hoặc số lượng trên lãnh thổ của nước thứ ba nơi đặt trụ sở của nhà điều hành, theo các điều kiện quy định tại các điểm 1.8.5.3, 1.8.5.4 và 1.8.5.5.
- 1.8.5.3. Vật liệu sinh sản thực vật phi hữu cơ sẽ không được xử lý bằng các sản phẩm bảo vệ thực vật không phải là những sản phẩm được phép xử lý hạt giống theo Điều 24(1) của Quy định này, trừ khi việc xử lý hóa học đã được quy định theo Quy định (EU) 2016/ 2031 cho mục đích kiểm dịch thực vật bởi cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên liên quan đối với tất cả các giống của một loài nhất định trong khu vực sử dụng vật liệu sinh sản thực vật.
- 1.8.5.4. Việc cho phép sử dụng vật liệu nhân giống cây trồng chuyển đổi hoặc phi hữu cơ phải được cấp trước khi gieo trồng cây trồng.

- 1.8.5.5. Việc cho phép sử dụng vật liệu nhân giống thực vật chuyển đổi hoặc phi hữu cơ chỉ được cấp cho người sử dụng cá nhân trong một mùa tại một thời điểm và cơ quan có thẩm quyền cấp phép sẽ liệt kê số lượng vật liệu nhân giống thực vật được phép.
- 1.9. Quản lý đất và bón phân
- 1.9.1. Trong sản xuất thực vật hữu cơ, các biện pháp làm đất và canh tác phải được áp dụng để duy trì hoặc tăng cường chất hữu cơ trong đất, tăng cường độ ổn định của đất và đa dạng sinh học của đất, đồng thời ngăn chặn tình trạng nén chặt và xói mòn đất.
- 1.9.2. Độ phì nhiêu và hoạt động sinh học của đất được duy trì và tăng cường:
- (a) ngoại trừ trường hợp đồng cỏ hoặc thức ăn gia súc lâu năm, bằng cách sử dụng luân canh cây trồng nhiều năm, bao gồm cả cây họ đậu bắt buộc làm cây trồng chính hoặc cây che phủ cho cây trồng luân canh và cây phân xanh khác;
 - (b) trong trường hợp nhà kính hoặc cây lâu năm không phải thức ăn gia súc, bằng cách sử dụng phân xanh ngắn hạn cây trồng và cây họ đậu cũng như việc sử dụng đa dạng thực vật; Và
 - (c) trong mọi trường hợp, bằng cách bón phân chuồng hoặc chất hữu cơ, tốt nhất là cả hai đều được ủ phân, từ sản xuất hữu cơ.
- 1.9.3. Trong trường hợp không thể đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng bằng các biện pháp quy định tại điểm 1.9.1 và 1.9.2 thì chỉ được sử dụng phân bón và chất điều hòa đất đã được phép sử dụng theo Điều 24 trong sản xuất hữu cơ và chỉ với mục đích mức độ cần thiết. Người vận hành phải lưu giữ hồ sơ về việc sử dụng các sản phẩm đó.
- 1.9.4. Tổng lượng phân chuồng, theo quy định tại Chỉ thị 91/676/EEC, được sử dụng trong các cơ sở chuyển đổi và sản xuất hữu cơ không được vượt quá 170 kg nitơ/năm/ha diện tích nông nghiệp được sử dụng. Giới hạn đó chỉ áp dụng cho việc sử dụng phân chuồng, phân chuồng khô và phân gia cầm đã khử nước, phân động vật đã ủ, bao gồm phân gia cầm, phân chuồng đã ủ và phân động vật dạng lỏng.
- 1.9.5. Các nhà điều hành các cơ sở nông nghiệp có thể thiết lập các thỏa thuận hợp tác bằng văn bản độc quyền với các nhà điều hành các cơ sở và cơ sở nông nghiệp khác tuân thủ các quy tắc sản xuất hữu cơ nhằm mục đích rải phân dư thừa từ các đơn vị sản xuất hữu cơ. Giới hạn tối đa nêu tại điểm 1.9.4 được tính toán trên cơ sở tất cả các đơn vị sản xuất hữu cơ tham gia hợp tác.
- 1.9.6. Các chế phẩm vi sinh vật có thể được sử dụng để cải thiện tình trạng chung của đất hoặc cải thiện khả năng cung cấp chất dinh dưỡng trong đất hoặc trong cây trồng.
- 1.9.7. Để kích hoạt phân trộn, có thể sử dụng các chế phẩm có nguồn gốc thực vật thích hợp và các chế phẩm vi sinh vật.
- 1.9.8. Không được sử dụng phân đạm khoáng.
- 1.9.9. Các chế phẩm sinh động học có thể được sử dụng.
- 1.10. Quản lý sâu bệnh và cỏ dại
- 1.10.1. Việc ngăn ngừa thiệt hại do sâu bệnh và cỏ dại gây ra chủ yếu dựa vào việc bảo vệ bằng cách:
- Thiên địch,
 - việc lựa chọn loài, giống và vật liệu không đồng nhất,
 - cắt xoay,
 - các kỹ thuật canh tác như khử trùng sinh học, phương pháp cơ học và vật lý, và
 - các quá trình nhiệt như phơi nắng và, trong trường hợp cây trồng được bảo vệ, xử lý bằng hơi nước nóng đối với cây trồng. đất (đến độ sâu tối đa 10 cm).
- 1.10.2. Khi thực vật không thể được bảo vệ đầy đủ khỏi sâu bệnh bằng các biện pháp quy định tại điểm 1.10.1 hoặc trong trường hợp có mối đe dọa đối với cây trồng thì chỉ được sử dụng các sản phẩm và chất được cho phép theo Điều 9 và 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ, và chỉ trong phạm vi cần thiết. Người vận hành phải lưu giữ hồ sơ chứng minh sự cần thiết của việc sử dụng các sản phẩm đó.
- 1.10.3. Liên quan đến các sản phẩm và chất được sử dụng trong bẫy hoặc trong bộ phân phối các sản phẩm và chất không phải pheromone, bẫy hoặc bộ phân phối phải ngăn không cho sản phẩm và chất thải ra môi trường và phải ngăn chặn sự tiếp xúc giữa sản phẩm và chất với cây trồng đang được canh tác. . Tất cả các bẫy, kể cả bẫy pheromone, phải được thu gom sau khi sử dụng và phải được tiêu hủy một cách an toàn.

1.11. Sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng
Chỉ những sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng trong sản xuất thực vật được phép sử dụng theo Điều 24 trong sản xuất hữu cơ mới được sử dụng cho mục đích đó.

1.12. Nghĩa vụ lưu giữ hồ sơ
Người vận hành phải lưu giữ hồ sơ về các bước liên quan và số lượng thu hoạch.

1.13. Chuẩn bị sản phẩm chưa qua chế biến
Nếu các hoạt động chuẩn bị không phải chế biến được thực hiện tại nhà máy thì các yêu cầu chung nêu tại các điểm 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 và 2.2.3 của Phần IV sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích hợp cho các hoạt động đó.

2. Quy định chi tiết đối với thực vật và sản phẩm thực vật cụ thể

2.1. Quy định sản xuất nấm

Để sản xuất nấm, chất nền có thể được sử dụng nếu chúng chỉ bao gồm các thành phần sau:

a) Phân chuồng và phân động vật:

- (i) từ các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc từ các đơn vị đang chuyển đổi trong năm chuyển đổi thứ hai; hoặc
- (ii) nêu tại điểm 1.9.3, chỉ khi sản phẩm nêu tại điểm (i) không có sẵn, với điều kiện phân chuồng và phân động vật không vượt quá 25 % trọng lượng tổng thành phần của chất nền, không bao gồm vật liệu che phủ và lượng nước bổ sung trước khi ủ phân;
- (b) các sản phẩm có nguồn gốc nông nghiệp, trừ những sản phẩm nêu tại điểm (a), từ các đơn vị sản xuất hữu cơ;
- (c) than bùn, chưa được xử lý bằng sản phẩm hóa học;
- (d) gỗ, không được xử lý bằng sản phẩm hóa học sau khi chặt hạ;
- (e) sản phẩm khoáng sản nêu tại điểm 1.9.3, nước và đất.

2.2. Quy định về thu hái thực vật hoang dã

Việc thu hái thực vật hoang dã và các bộ phận của chúng mọc tự nhiên trong các khu vực tự nhiên, rừng và khu vực nông nghiệp được coi là sản xuất hữu cơ với điều kiện:

- (a) trong khoảng thời gian ít nhất ba năm trước khi thu hái, những khu vực đó không được xử lý bằng các sản phẩm hoặc chất khác ngoài những sản phẩm hoặc chất được cho phép theo Điều 9 và 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ;
- (b) việc thu hái không ảnh hưởng đến sự ổn định của môi trường sống tự nhiên hoặc việc duy trì các loài trong khu vực khu vực thu thập.

Phần II: Nội quy chăn nuôi

Ngoài các nguyên tắc sản xuất quy định tại Điều 9, 10, 11 và 14, các nguyên tắc quy định tại Phần này cũng được áp dụng cho chăn nuôi hữu cơ.

1. Yêu cầu chung

1.1. Trừ trường hợp nuôi ong, chăn nuôi không có đất, người nông dân có ý định sản xuất vật nuôi hữu cơ không quản lý đất nông nghiệp và chưa lập văn bản thỏa thuận hợp tác với người nông dân về việc sử dụng đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đơn vị sản xuất chuyển đổi để phục vụ chăn nuôi. Vật nuôi đó sẽ bị cấm.

1.2. chuyển đổi

1.2.1. Trong trường hợp bắt đầu đồng thời chuyển đổi đơn vị sản xuất, bao gồm đồng cỏ hoặc bất kỳ loại đất nào được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi và động vật hiện có trên đơn vị sản xuất này vào thời điểm bắt đầu giai đoạn chuyển đổi của đơn vị sản xuất này như đã đề cập tại điểm 1.7. 1 và 1.7.5(b) Phần I, động vật, sản phẩm động vật có thể được coi là hữu cơ khi kết thúc thời gian chuyển đổi đơn vị sản xuất, ngay cả khi thời gian chuyển đổi quy định tại điểm 1.2.2 của Phần này đối với loại của động vật liên quan dài hơn thời gian chuyển đổi của đơn vị sản xuất.

Bằng cách vi phạm điểm 1.4.3.1, trong trường hợp chuyển đổi đồng thời như vậy và trong giai đoạn chuyển đổi của đơn vị sản xuất, động vật có mặt trong đơn vị sản xuất này kể từ khi bắt đầu giai đoạn chuyển đổi có thể được cho ăn bằng thức ăn trong quá trình chuyển đổi được sản xuất tại đơn vị sản xuất đó. -chuyển đổi đơn vị sản xuất trong năm đầu tiên chuyển đổi và/hoặc với thức ăn theo điểm 1.4.3.1 và/hoặc với thức ăn hữu cơ.

Động vật phi hữu cơ có thể được đưa vào cơ sở sản xuất đang chuyển đổi sau khi bắt đầu giai đoạn chuyển đổi theo điểm 1.3.4.

1.2.2. Thời gian chuyển đổi cụ thể đối với loại hình chăn nuôi được quy định như sau:

(a) 12 tháng đối với động vật bò và ngựa để lấy thịt, và trong mọi trường hợp không ít hơn hơn 3/4 cuộc đời của họ;

(b) sáu tháng đối với động vật lấy trứng, dê, lợn và động vật lấy sữa sản xuất;

(c) 10 tuần đối với gia cầm để lấy thịt, ngoại trừ vịt Bắc Kinh, được đưa vào trước ba ngày cũ;

(d) bảy tuần đối với vịt Bắc Kinh được đưa vào trước khi chúng được ba ngày tuổi;

(e) sáu tuần đối với gia cầm để sản xuất trứng được đưa vào trước khi chúng được ba ngày tuổi;

(f) 12 tháng đối với ong.

Trong thời gian chuyển đổi, sáp sẽ được thay thế bằng sáp nuôi ong hữu cơ.

Tuy nhiên, sáp ong phi hữu cơ có thể được sử dụng:

(i) khi sáp ong từ nghề nuôi ong hữu cơ không có sẵn trên thị trường;

(ii) khi được chứng minh là không bị nhiễm bẩn bởi các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong môi trường hữu cơ sản xuất; Và

(iii) với điều kiện là nó phải xuất phát từ nắp;

(g) ba tháng đối với thỏ;

(h) 12 tháng đối với động vật có cổ.

1.3. Nguồn gốc của động vật

1.3.1. Không ảnh hưởng đến các quy định về chuyển đổi, vật nuôi hữu cơ được sinh ra, ấp và nuôi tại các cơ sở sản xuất hữu cơ.

1.3.2. Về chăn nuôi động vật hữu cơ:

(a) việc sao chép phải sử dụng các phương pháp tự nhiên; tuy nhiên, việc thụ tinh nhân tạo sẽ được phép;

(b) không được gây ra hoặc cản trở quá trình sinh sản bằng cách điều trị bằng hormone hoặc các chất khác có tác dụng tương tự, ngoại trừ dưới dạng hình thức điều trị thú y đối với từng động vật;

(c) không được sử dụng các hình thức sinh sản nhân tạo khác, như nhân bản vô tính và chuyển phôi;

(d) việc lựa chọn giống phải phù hợp với các nguyên tắc sản xuất hữu cơ, phải đảm bảo tiêu chuẩn cao về phúc lợi động vật và góp phần ngăn ngừa mọi đau khổ và tránh nhu cầu cắt xẻo động vật.

1.3.3. Khi lựa chọn giống hoặc chủng, người điều hành phải cân nhắc ưu tiên những giống hoặc chủng có mức độ đa dạng di truyền cao, khả năng thích ứng của động vật với điều kiện địa phương, giá trị giống, tuổi thọ, sức sống và khả năng chống lại bệnh tật hoặc các vấn đề sức khỏe của chúng. , tất cả đều không làm suy giảm phúc lợi của họ. Ngoài ra, việc lựa chọn giống, chủng vật nuôi phải tránh các bệnh hoặc vấn đề sức khỏe cụ thể liên quan đến một số giống, chủng được sử dụng trong chăn nuôi thâm canh, như hội chứng lợn bị stress, có thể dẫn đến thịt nhợt nhạt, tiết dịch (PSE), chết đột ngột. , sảy thai tự nhiên và những ca sinh nở khó khăn cần phải mổ lấy thai. Ưu tiên các giống, chủng bản địa.

Để chọn giống và chủng phù hợp với đoạn đầu tiên, người vận hành phải sử dụng thông tin có sẵn trong các hệ thống được đề cập tại Điều 26(3).

1.3.4. Sử dụng động vật vô cơ

1.3.4.1. Ngoại trừ điểm 1.3.1, vì mục đích chăn nuôi, động vật được nuôi không hữu cơ có thể được đưa đến cơ sở sản xuất hữu cơ khi giống có nguy cơ bị thất lạc trong chăn nuôi quy định tại điểm (b) Điều 28(10)) của Quy định (EU) số 1305/2013 và các đạo luật được thông qua trên cơ sở đó. Trong trường hợp như vậy, động vật thuộc các giống đó không nhất thiết phải là con cái.

1.3.4.2. Bằng cách xúc phạm điểm 1.3.1, đối với việc cải tạo các vườn ong, 20 % mỗi năm số ong chúa và đàn ong chúa có thể được thay thế bằng ong chúa và đàn ong vô cơ trong đơn vị sản xuất hữu cơ, với điều kiện là ong chúa và đàn ong chúa. được đặt trong các tổ ong bằng lược hoặc nền lược từ các cơ sở sản xuất hữu cơ. Trong mọi trường hợp, một đàn ong hoặc ong chúa có thể được thay thế mỗi năm bằng một đàn ong vô cơ hoặc một con ong chúa.

1.3.4.3. Bằng cách vi phạm điểm 1.3.1, trường hợp đàn được thành lập lần đầu tiên hoặc được đổi mới hoặc tái tổ hợp và khi không thể đáp ứng được nhu cầu về chất và lượng của người chăn nuôi, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định rằng gia cầm được nuôi không hữu cơ có thể được đưa vào cơ sở sản xuất gia cầm hữu cơ, với điều kiện gà mái tơ để sản xuất trứng và gia cầm để sản xuất thịt phải dưới ba ngày tuổi. Các sản phẩm có nguồn gốc từ chúng chỉ có thể được coi là hữu cơ nếu thời gian chuyển đổi quy định tại điểm 1.2 được tuân thủ.

1.3.4.4. Bằng cách vi phạm điểm 1.3.1, khi dữ liệu được thu thập trong hệ thống nêu tại điểm (b) của Điều 26(2) cho thấy nhu cầu định tính hoặc định lượng của người nông dân về động vật hữu cơ không được đáp ứng, cơ quan có thẩm quyền có thể cho phép đưa động vật phi hữu cơ vào cơ sở sản xuất hữu cơ với các điều kiện quy định tại các điểm 1.3.4.4.1 đến 1.3.4.4.4.

Trước khi yêu cầu bất kỳ sự hạn chế nào như vậy, người nông dân phải tham khảo dữ liệu được thu thập trong hệ thống nêu tại điểm (b) của Điều 26(2) để xác minh xem yêu cầu của mình có hợp lý hay không.

Đối với các nhà sản xuất ở nước thứ ba, cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46(1) có thể cho phép đưa động vật phi hữu cơ vào một đơn vị sản xuất hữu cơ khi động vật hữu cơ không có đủ chất lượng hoặc số lượng trong lãnh thổ của nước đó. quốc gia nơi đặt trụ sở của nhà điều hành.

1.3.4.4.1. Vì mục đích nhân giống, những con non phi hữu cơ có thể được đưa vào khi một đàn hoặc đàn được thành lập lần đầu tiên. Chúng được nuôi theo quy trình sản xuất hữu cơ ngay sau khi cai sữa. Ngoài ra, những hạn chế sau đây sẽ được áp dụng vào ngày những con vật đó nhập vào đàn hoặc đàn:

(a) động vật bò, ngựa và động vật cỏ tử cung phải dưới sáu tháng tuổi;

(b) động vật lấy trứng và dê phải dưới 60 ngày tuổi;

(c) lợn phải có trọng lượng dưới 35 kg;

(d) thỏ phải dưới ba tháng tuổi.

1.3.4.4.2. Vì mục đích nhân giống, các động vật đực trưởng thành không hữu cơ và động vật cái không sinh sản phi hữu cơ có thể được đưa vào để đổi mới đàn. Sau đó chúng sẽ được nuôi theo các quy tắc sản xuất hữu cơ. Ngoài ra, số lượng động vật cái phải chịu những hạn chế sau đây mỗi năm:

(a) có thể đưa vào tối đa 10% động vật ngựa hoặc bò trưởng thành và 20% động vật lợn trưởng thành, động vật buồng trứng, động vật dê, thỏ hoặc động vật cỏ tử cung;

(b) đối với các đơn vị có ít hơn 10 con ngựa, động vật cỏ tử cung hoặc động vật bò hoặc thỏ, hoặc có ít hơn năm con lợn, động vật buồng trứng hoặc động vật dê, bất kỳ sự gia hạn nào như vậy sẽ được giới hạn ở mức tối đa một con vật mỗi năm.

1.3.4.4.3. Tỷ lệ quy định tại điểm 1.3.4.4.2 có thể tăng lên tới 40% với điều kiện cơ quan có thẩm quyền có xác nhận rằng bất kỳ điều kiện nào sau đây được đáp ứng:

(a) việc mở rộng trang trại lớn đã được thực hiện;

(b) một giống đã được thay thế bằng một giống khác;

(c) một chuyên ngành chăn nuôi mới đã được bắt đầu.

1.3.4.4.4. Trong các trường hợp nêu tại các điểm 1.3.4.4.1, 1.3.4.4.2 và 1.3.4.4.3, động vật vô cơ chỉ được coi là hữu cơ nếu đã tuân thủ thời gian chuyển đổi quy định tại điểm 1.2. Giai đoạn chuyển đổi quy định tại điểm 1.2.2 phải bắt đầu sớm nhất sau khi động vật được đưa vào đơn vị sản xuất đang chuyển đổi.

1.3.4.4.5. Trong các trường hợp nêu từ điểm 1.3.4.4.1 đến 1.3.4.4.4, động vật vô cơ được nuôi tách biệt với vật nuôi khác hoặc được lưu giữ để nhận dạng cho đến hết thời gian chuyển đổi nêu tại điểm 1.3.4.4 .4.

1.4. Dinh dưỡng

1.4.1. Yêu cầu dinh dưỡng chung

Về dinh dưỡng, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) thức ăn cho vật nuôi phải được lấy chủ yếu từ trang trại nông nghiệp nơi động vật được nuôi dưỡng hoặc sẽ được lấy từ các cơ sở sản xuất hữu cơ hoặc chuyển đổi thuộc các trang trại khác trong cùng khu vực;
- (b) vật nuôi phải được cho ăn bằng thức ăn hữu cơ hoặc thức ăn chuyển hóa đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi ở các giai đoạn phát triển khác nhau; không được phép cho ăn hạn chế trong chăn nuôi trừ khi có lý do chính đáng;
- (c) không được nuôi gia súc trong điều kiện hoặc chế độ ăn có thể gây thiếu máu;
- (d) các biện pháp vỗ béo phải luôn tôn trọng chế độ dinh dưỡng bình thường của từng loài và động vật. phúc lợi ở từng giai đoạn của quá trình nuôi dưỡng; việc ép ăn bị cấm;
- (e) ngoại trừ lợn, gia cầm và ong, vật nuôi sẽ được tiếp cận thường xuyên với đồng cỏ bất cứ khi nào điều kiện cho phép hoặc sẽ được tiếp cận vĩnh viễn với thức ăn thô;
- (f) không được sử dụng chất kích thích tăng trưởng và axit amin tổng hợp;
- (g) động vật đang bú tốt nhất nên được nuôi bằng sữa mẹ trong thời gian tối thiểu do cơ quan quản lý quy định. Ủy ban theo điểm (a) của Điều 14(3); không được sử dụng các sản phẩm thay thế sữa có thành phần tổng hợp hóa học hoặc thành phần có nguồn gốc thực vật trong thời gian đó;
- (h) nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men phải là hữu cơ;
- (i) nguyên liệu thức ăn chăn nuôi phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc vi sinh vật hoặc khoáng chất, phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến chỉ có thể được sử dụng nếu chúng được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24 .

1.4.2. Chăn thả

1.4.2.1. Chăn thả trên đất hữu cơ

Không ảnh hưởng đến điểm 1.4.2.2, động vật hữu cơ được chăn thả trên đất hữu cơ. Tuy nhiên, động vật phi hữu cơ có thể sử dụng đồng cỏ hữu cơ trong một khoảng thời gian giới hạn mỗi năm với điều kiện chúng được nuôi theo cách thân thiện với môi trường trên vùng đất được hỗ trợ theo Điều 23, 25, 28, 30, 31 và 34 của Quy định (EU).) Số 1305/2013 và chúng không hiện diện trên đất hữu cơ cùng lúc với động vật hữu cơ.

1.4.2.2. Chăn thả trên đất chung và chuyển đổi con người

1.4.2.2.1. Động vật hữu cơ có thể chăn thả trên đất chung với điều kiện:

- (a) đất chung chưa được xử lý bằng các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ sản xuất ít nhất ba năm;
- (b) bất kỳ động vật phi hữu cơ nào sử dụng đất chung đều được nuôi theo cách thân thiện với môi trường trên đất được hỗ trợ theo Điều 23, 25, 28, 30, 31 và 34 của Quy định (EU) số 1305/2013;
- (c) bất kỳ sản phẩm chăn nuôi nào từ động vật hữu cơ được sản xuất trong thời kỳ những động vật đó được chăn thả trên đất chung không được coi là sản phẩm hữu cơ trừ khi có thể chứng minh được sự phân biệt đầy đủ với động vật phi hữu cơ.

1.4.2.2.2. Trong thời kỳ chuyển đổi con người, động vật hữu cơ có thể chăn thả trên đất phi hữu cơ khi chúng được di chuyển bằng đường bộ từ khu vực chăn thả này sang khu vực chăn thả khác. Trong thời gian đó, động vật hữu cơ phải được cách ly riêng với các động vật khác. Được phép sử dụng thức ăn vô cơ, dưới dạng cỏ và các loại thực vật khác mà động vật ăn cỏ:

- (a) tối đa 35 ngày bao gồm cả hành trình đi và về; hoặc
- (b) tối đa 10% tổng khẩu phần thức ăn mỗi năm, được tính bằng phần trăm chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp.

1.4.3. Nguồn cấp dữ liệu trong chuyển đổi

1.4.3.1. Đối với cơ sở nông nghiệp sản xuất vật nuôi hữu cơ:

(a) trung bình lên tới 25% công thức thức ăn của khẩu phần có thể bao gồm thức ăn đang chuyển đổi từ năm thứ hai chuyển đổi. Tỷ lệ phần trăm này có thể tăng lên 100% nếu thức ăn chuyển đổi này đến từ cơ sở nuôi giữ vật nuôi; Và

(b) tối đa 20% tổng lượng thức ăn trung bình dùng cho vật nuôi có thể bắt nguồn từ việc chăn thả hoặc thu hoạch đồng cỏ cố định, các mảnh đất làm thức ăn gia súc lâu năm hoặc cây protein được gieo trồng dưới sự quản lý hữu cơ trên đất trong năm đầu tiên chuyển đổi, với điều kiện là những đất đai là một phần của việc nắm giữ chính nó.

Khi sử dụng cả hai loại thức ăn chuyển hóa nêu tại điểm (a) và (b) để cho ăn thì tổng tỷ lệ kết hợp của các loại thức ăn đó không được vượt quá tỷ lệ cố định tại điểm (a).

1.4.3.2. Số liệu tại điểm 1.4.3.1 được tính hàng năm bằng phần trăm chất khô của thức ăn cây trồng nguồn gốc.

1.5. Chăm sóc sức khỏe

1.5.1. Phòng chống dịch bệnh

1.5.1.1. Việc phòng bệnh phải dựa trên việc lựa chọn giống và chủng, thực hành quản lý chăn nuôi, thức ăn chất lượng cao, tập luyện, mật độ thả giống thích hợp và chuồng nuôi đầy đủ và thích hợp được duy trì trong điều kiện vệ sinh.

1.5.1.2. Có thể sử dụng các sản phẩm thuốc thú y miễn dịch.

1.5.1.3. Các sản phẩm thuốc thú y đối chứng tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm thuốc kháng sinh và thuốc tiêm bolus của các phân tử hóa học đối chứng tổng hợp, sẽ không được sử dụng để điều trị phòng bệnh.

1.5.1.4. Không được sử dụng các chất thúc đẩy tăng trưởng hoặc sản xuất (bao gồm thuốc kháng sinh, thuốc cầu trùng và các chất hỗ trợ nhân tạo khác nhằm mục đích thúc đẩy tăng trưởng) và hormone và các chất tương tự nhằm mục đích kiểm soát sinh sản hoặc cho các mục đích khác (ví dụ: kích thích hoặc đồng thời động dục).

1.5.1.5. Trường hợp vật nuôi được lấy từ các cơ sở sản xuất phi hữu cơ thì phải áp dụng các biện pháp đặc biệt như xét nghiệm sàng lọc hoặc thời gian cách ly tùy theo hoàn cảnh địa phương.

1.5.1.6. Chỉ những sản phẩm dùng để làm sạch và khử trùng trong chuồng trại và cơ sở chăn nuôi được phép sử dụng theo Điều 24 trong sản xuất hữu cơ mới được sử dụng cho mục đích đó.

1.5.1.7. Chuồng trại, chuồng trại, thiết bị và dụng cụ phải được làm sạch và khử trùng đúng cách để ngăn ngừa lây nhiễm chéo và tích tụ các sinh vật mang mầm bệnh. Phân, nước tiểu và thức ăn thừa hoặc thức ăn rơi vãi phải được loại bỏ thường xuyên khi cần thiết để giảm thiểu mùi hôi và tránh thu hút côn trùng hoặc động vật gặm nhấm. Thuốc diệt chuột, chỉ được sử dụng trong bẫy, và các sản phẩm và chất được phép sử dụng theo Điều 9 và 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ có thể được sử dụng để diệt côn trùng và các loài gây hại khác trong các tòa nhà và các cơ sở khác nơi chăn nuôi gia súc.

1.5.2. Điều trị thú y

1.5.2.1. Trường hợp động vật bị ốm, bị thương dù đã có biện pháp phòng ngừa để bảo đảm sức khỏe thì phải điều trị ngay.

1.5.2.2. Bệnh phải được điều trị ngay để tránh gây đau khổ cho vật nuôi. Các sản phẩm thuốc thú y đối chứng tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, có thể được sử dụng khi cần thiết, trong những điều kiện nghiêm ngặt và thuộc trách nhiệm của bác sĩ thú y, khi việc sử dụng các sản phẩm trị liệu bằng thực vật, vi lượng đồng căn và các sản phẩm khác là không phù hợp. Đặc biệt, những hạn chế liên quan đến quá trình điều trị và thời gian cai nghiện sẽ được xác định.

1.5.2.3. Nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc khoáng sản được cấp phép theo Điều 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ, các chất phụ gia dinh dưỡng được cấp phép theo Điều 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ, và các sản phẩm trị liệu bằng thực vật và vi lượng đồng căn sẽ được ưu tiên sử dụng hơn là điều trị bằng các sản phẩm thuốc thú y đối chứng tổng hợp hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, với điều kiện là tác dụng điều trị của chúng có hiệu quả đối với loài động vật và tình trạng bệnh mà việc điều trị dự kiến.

- 1.5.2.4. Ngoại trừ tiêm chủng, điều trị ký sinh trùng và các chương trình diệt trừ bắt buộc, trong đó một động vật hoặc một nhóm động vật nhận được hơn ba đợt điều trị bằng các sản phẩm thuốc thú y đối chứng tổng hợp hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, trong vòng 12 tháng hoặc nhiều hơn một đợt điều trị. Nếu vòng đời sản xuất của chúng dưới một năm thì vật nuôi liên quan và sản phẩm có nguồn gốc từ vật nuôi đó không được bán dưới dạng sản phẩm hữu cơ và vật nuôi phải trải qua thời gian chuyển đổi nếu tại điểm 1.2.
- 1.5.2.5. Khoảng thời gian ngừng sử dụng thuốc thú y đối chứng tổng hợp hóa học cho động vật, bao gồm cả thuốc kháng sinh, trong điều kiện sử dụng bình thường và quá trình sản xuất thực phẩm được sản xuất hữu cơ từ động vật đó sẽ gấp đôi thời gian ngừng sử dụng được đề cập tại Điều 11 của Chỉ thị 2001/82/EC và phải có ít nhất 48 giờ.
- 1.5.2.6. Các phương pháp điều trị liên quan đến bảo vệ sức khỏe con người và động vật được áp dụng trên cơ sở luật pháp của Liên minh sẽ được cho phép.
- 1.6. Tập quán nhà ở và chăn nuôi
- 1.6.1. Cách nhiệt, sưởi ấm và thông gió của tòa nhà phải đảm bảo rằng sự lưu thông không khí, mức bụi, nhiệt độ, độ ẩm không khí tương đối và nồng độ khí được giữ trong giới hạn đảm bảo sức khỏe của động vật.
Tòa nhà phải có đủ thông gió tự nhiên và ánh sáng đi vào.
- 1.6.2. Không bắt buộc phải có nhà ở cho vật nuôi ở những khu vực có điều kiện khí hậu thích hợp cho phép động vật sống ngoài trời. Trong những trường hợp như vậy, động vật phải được tiếp cận nơi trú ẩn hoặc khu vực râm mát để bảo vệ chúng khỏi các điều kiện thời tiết bất lợi.
- 1.6.3. Mật độ thả giống trong các tòa nhà phải mang lại sự thoải mái, sức khỏe và nhu cầu cụ thể cho từng loài động vật và đặc biệt phụ thuộc vào loài, giống và độ tuổi của động vật. Nó cũng phải tính đến nhu cầu hành vi của động vật, đặc biệt phụ thuộc vào quy mô nhóm và giới tính của động vật. Mật độ phải đảm bảo phúc lợi cho động vật bằng cách cung cấp đủ không gian để chúng đứng tự nhiên, di chuyển, nằm dễ dàng, xoay người, chải lông, thực hiện mọi tư thế tự nhiên và thực hiện mọi chuyển động tự nhiên, chẳng hạn như đuổi người và vỗ cánh.
- 1.6.4. Bề mặt tối thiểu của các khu vực trong nhà và ngoài trời cũng như các chi tiết kỹ thuật liên quan đến nhà ở được quy định trong các đạo luật thực hiện nêu tại Điều 14(3) phải được tuân thủ.
- 1.6.5. Các khu vực ngoài trời có thể được che phủ một phần. Hiên không được coi là khu vực ngoài trời.
- 1.6.6. Tổng mật độ thả nuôi không vượt quá giới hạn 170 kg nitơ hữu cơ/năm và diện tích đất nông nghiệp.
- 1.6.7. Để xác định mật độ chăn nuôi phù hợp nêu tại điểm 1.6.6, cơ quan có thẩm quyền quy định đơn vị vật nuôi tương đương với giới hạn nêu tại điểm 1.6.6 theo số liệu tại từng yêu cầu cụ thể cho từng loại vật nuôi. Sản phẩm dành cho thú vật.
- 1.6.8. Không sử dụng lồng, hộp, sàn phẳng để chăn nuôi bất kỳ loài vật nuôi nào.
- 1.6.9. Khi vật nuôi được điều trị riêng lẻ vì lý do thú y, chúng phải được nhốt trong không gian có sàn vững chắc và phải được cung cấp rơm hoặc chất độn chuồng thích hợp. Con vật phải có khả năng xoay người dễ dàng và nằm ngửa thoải mái.
- 1.6.10. Vật nuôi hữu cơ không được nuôi trong chuồng trên đất quá ẩm ướt hoặc đầm lầy.
- 1.7. Phúc lợi động vật
- 1.7.1. Tất cả những người liên quan đến việc nuôi giữ và xử lý động vật trong quá trình vận chuyển và giết mổ phải có kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết liên quan đến sức khỏe và nhu cầu phúc lợi của động vật và phải được đào tạo đầy đủ, đặc biệt là theo yêu cầu trong Quy định của Hội đồng (EC) Số 1/2005 (1) và Quy định của Hội đồng số (EC) 1099/2009 (2), để đảm bảo áp dụng đúng các quy tắc được nêu trong Quy định này.
- 1.7.2. Thực hành chăn nuôi, bao gồm mật độ thả giống và điều kiện chuồng trại, phải đảm bảo đáp ứng các nhu cầu phát triển, sinh lý và tập tính của động vật.

(1) Quy định của Hội đồng (EC) Số 1/2005 ngày 22 tháng 12 năm 2004 về bảo vệ động vật trong quá trình vận chuyển và các hoạt động liên quan và sửa đổi Chỉ thị 64/432/EEC và 93/119/EC và Quy định (EC) số 1255/97 (OJ L 3, 5.1.2005, trang 1).

(2) Quy định của Hội đồng (EC) Số 1099/2009 ngày 24 tháng 9 năm 2009 về bảo vệ động vật tại thời điểm giết mổ (OJ L 303, 18.11.2009, tr. 1).

- 1.7.3. Vật nuôi phải được tiếp cận thường xuyên các khu vực ngoài trời cho phép động vật tập thể dục, tốt nhất là trên đồng cỏ, bất cứ khi nào thời tiết, điều kiện theo mùa và tình trạng mặt đất cho phép, trừ khi áp dụng các hạn chế và nghĩa vụ liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe con người và động vật. Cơ sở pháp luật của Liên minh.
- 1.7.4. Số lượng vật nuôi phải được hạn chế nhằm giảm thiểu tình trạng chăn thả quá mức, săn trộm đất, xói mòn và ô nhiễm do động vật gây ra hoặc do việc rải phân của chúng.
- 1.7.5. Việc buộc hoặc cách ly vật nuôi sẽ bị cấm, ngoại trừ liên quan đến từng động vật trong một thời gian giới hạn và trong chừng mực việc này là hợp lý vì lý do thú y. Việc cách ly vật nuôi chỉ có thể được cho phép và chỉ trong một khoảng thời gian giới hạn khi sự an toàn của người lao động bị ảnh hưởng hoặc vì lý do phúc lợi động vật. Cơ quan có thẩm quyền có thể cho phép buộc gia súc trong các trang trại có tối đa 50 con (không bao gồm đàn con) khi không thể giữ gia súc theo nhóm phù hợp với yêu cầu hành vi của chúng, miễn là chúng được tiếp cận đồng cỏ trong thời gian chăn thả, và được tiếp cận các khu vực ngoài trời ít nhất hai lần một tuần khi không thể chăn thả.
- 1.7.6. Thời gian vận chuyển vật nuôi sẽ được giảm thiểu.
- 1.7.7. Mọi sự đau đớn, đau đớn và đau khổ phải được tránh và được giữ ở mức tối thiểu trong suốt cuộc đời của động vật, kể cả tại thời điểm giết mổ.
- 1.7.8. Không ảnh hưởng đến sự phát triển trong luật của Liên minh về phúc lợi động vật, cắt đuôi cừu, cắt mỏ được thực hiện trong ba ngày đầu đời và cắt sừng có thể được cho phép một cách đặc biệt, nhưng chỉ trên cơ sở từng trường hợp cụ thể và chỉ khi những thực hành đó cải thiện sức khỏe, phúc lợi hoặc vệ sinh của vật nuôi hoặc ở những nơi có thể gây tổn hại đến sự an toàn của người lao động. Việc loại bỏ chỉ có thể được phép trong từng trường hợp khi nó cải thiện được sức khỏe, phúc lợi hoặc vệ sinh của vật nuôi hoặc khi sự an toàn của người lao động có thể bị tổn hại. Cơ quan có thẩm quyền chỉ được phép thực hiện các hoạt động đó khi người điều hành đã thông báo hợp lệ và giải thích rõ ràng về hoạt động đó cho cơ quan có thẩm quyền đó và khi hoạt động đó được thực hiện bởi nhân viên có trình độ.
- 1.7.9. Bất kỳ sự đau đớn nào đối với động vật phải được giảm thiểu đến mức tối thiểu bằng cách áp dụng biện pháp gây mê và/hoặc giảm đau phù hợp và bằng cách chỉ thực hiện từng ca phẫu thuật ở độ tuổi thích hợp nhất bởi nhân viên có trình độ.
- 1.7.10. Được phép thiên thể chất nhằm duy trì chất lượng sản phẩm và tập quán sản xuất truyền thống nhưng chỉ với các điều kiện nêu tại điểm 1.7.9.
- 1.7.11. Việc xếp và dỡ động vật phải được thực hiện mà không sử dụng bất kỳ loại kích thích điện hoặc kích thích gây đau đớn nào khác để ép buộc động vật. Việc sử dụng thuốc an thần đối chứng trước hoặc trong khi vận chuyển đều bị cấm.
- 1.8. Chuẩn bị sản phẩm chưa qua chế biến
- Nếu các hoạt động sơ chế không phải chế biến được thực hiện trên vật nuôi thì các yêu cầu chung nêu tại các điểm 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 và 2.2.3 của Phần IV sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích hợp cho các hoạt động đó.
- 1.9. Các quy tắc chung bổ sung
- 1.9.1. Đối với động vật bò, động vật có trứng, động vật có lông và động vật có ngựa
- 1.9.1.1. Dinh dưỡng
- Về dinh dưỡng, áp dụng các nguyên tắc sau:
- (a) ít nhất 60% thức ăn chăn nuôi phải đến từ chính trang trại hoặc, nếu điều này không khả thi hoặc thức ăn đó không có sẵn thì phải được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang chuyển đổi khác và các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng thức ăn và nguyên liệu thức ăn từ cùng một khu vực. Tỷ lệ này sẽ được nâng lên 70% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023;
- (b) động vật phải được tiếp cận đồng cỏ để chăn thả bất cứ khi nào điều kiện cho phép;
- (c) bất kể điểm (b), bò đực trên một tuổi phải được tiếp cận đồng cỏ hoặc khu chăn nuôi rộng rãi.
vùng không khí;
- (d) nơi động vật được tiếp cận đồng cỏ trong thời gian chăn thả và nơi hệ thống chuồng trại mùa đông cho phép động vật di chuyển tự do, nghĩa vụ cung cấp khu vực ngoài trời trong những tháng mùa đông có thể được miễn;
- (e) hệ thống chăn nuôi phải dựa trên việc sử dụng tối đa đồng cỏ chăn thả, dựa trên sự sẵn có của đồng cỏ trong các giai đoạn khác nhau trong năm;

- (f) ít nhất 60% chất khô trong khẩu phần ăn hàng ngày sẽ bao gồm thức ăn thô, thức ăn tươi hoặc khô hoặc thức ăn ủ chua. Tỷ lệ này có thể giảm xuống 50% đối với động vật chăn nuôi bò sữa trong thời gian tối đa là 3 tháng trong giai đoạn đầu cho con bú.

1.9.1.2. Tập quán nhà ở và chăn nuôi

Về thực hành nhà ở và chăn nuôi, áp dụng các quy định sau:

- (a) nhà ở phải có sàn nhẵn nhưng không trơn trượt;
- (b) nhà ở phải được cung cấp một khu vực nằm hoặc nghỉ ngơi thoải mái, sạch sẽ và khô ráo với kích thước vừa đủ, được xây dựng chắc chắn và không có thanh gỗ. Khu vực nghỉ ngơi phải được cung cấp nhiều giường khô rải đầy rác. Chất độn chuồng phải bao gồm rơm rạ hoặc vật liệu tự nhiên thích hợp khác. Chất độn chuồng có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng chất nào được cho phép theo Điều 24 như một loại phân bón hoặc chất điều hòa đất để sử dụng trong sản xuất hữu cơ;
- (c) bất kể điểm (a) của đoạn đầu tiên của Điều 3(1) và đoạn thứ hai của Điều 3(1) của Chỉ thị Hội đồng 2008/119/EC (1), việc nuôi bê con trong các hộp riêng lẻ sẽ bị cấm sau một tuần tuổi, trừ khi áp dụng cho từng động vật trong một thời gian giới hạn và trong chừng mực điều này là hợp lý cho lý do thú y;
- (d) khi bê con được điều trị riêng lẻ vì lý do thú y, nó phải được giữ trong không gian có sàn kiên cố và phải được lót rơm. Bê phải có khả năng xoay người dễ dàng và nằm thoải mái trong tư thế dài hết cỡ.

1.9.2. Đối với động vật cỏ tử cung

1.9.2.1. Dinh dưỡng

Về dinh dưỡng, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) ít nhất 60% thức ăn chăn nuôi phải đến từ chính trang trại hoặc, nếu điều này không khả thi hoặc thức ăn đó không có sẵn thì phải được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang chuyển đổi khác và các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng thức ăn và nguyên liệu thức ăn từ cùng một khu vực. Tỷ lệ này sẽ được nâng lên 70% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023;
- (b) động vật phải được tiếp cận đồng cỏ để chăn thả bất cứ khi nào điều kiện cho phép;
- (c) nơi động vật được tiếp cận đồng cỏ trong thời gian chăn thả và nơi hệ thống chuồng trại mùa đông cho phép động vật di chuyển tự do, nghĩa vụ cung cấp khu vực ngoài trời trong những tháng mùa đông có thể được miễn;
- (d) hệ thống chăn nuôi phải dựa trên việc sử dụng tối đa đồng cỏ chăn thả có tính đến sự sẵn có của đồng cỏ trong các giai đoạn khác nhau trong năm;
- (e) ít nhất 60% chất khô trong khẩu phần ăn hàng ngày sẽ bao gồm thức ăn thô, thức ăn tươi hoặc khô hoặc thức ăn ủ chua. Tỷ lệ này có thể giảm xuống 50% đối với động vật có cỏ tử cung cái trong quá trình sản xuất sữa trong thời gian tối đa là ba tháng trong giai đoạn đầu cho con bú;
- (f) việc chăn thả tự nhiên phải được đảm bảo trong chuồng trong thời kỳ cây cỏ phát triển. Chuồng không thể cung cấp thức ăn bằng không được chăn thả trong thời kỳ cây cỏ phát triển;
- (g) chỉ được phép cho ăn trong trường hợp thiếu vật nuôi do điều kiện thời tiết xấu;
- (h) vật nuôi được nuôi trong chuồng phải được cung cấp nước sạch và trong lành. Nếu không có nguồn nước tự nhiên mà động vật dễ dàng tiếp cận thì phải cung cấp nơi tưới nước.

1.9.2.2. Tập quán nhà ở và chăn nuôi

Về thực hành nhà ở và chăn nuôi, áp dụng các quy định sau:

- (a) động vật cỏ tử cung phải có nơi ẩn náu, nơi trú ẩn và hàng rào không gây hại cho động vật;
- (b) trong chuồng sưởi ấm, động vật phải có khả năng lăn lộn trong bùn để đảm bảo việc chăm sóc da và nhiệt độ cơ thể quy định;

(1) Chỉ thị của Hội đồng 2008/119/EC ngày 18 tháng 12 năm 2008 quy định các tiêu chuẩn tối thiểu để bảo vệ bê con (OJ L 10, 15.1.2009, tr. 7).

- (c) bất kỳ nhà ở nào cũng phải có sàn nhẵn nhưng không trơn trượt;
- (d) bất kỳ nhà ở nào cũng phải được cung cấp một khu vực nằm hoặc nghỉ ngơi thoải mái, sạch sẽ và khô ráo với kích thước vừa đủ, bao gồm kết cấu vững chắc không có thanh gỗ. Khu vực nghỉ ngơi phải được cung cấp nhiều giường khô rải đầy rác. Chất độn chuồng phải bao gồm rơm rạ hoặc vật liệu tự nhiên thích hợp khác. Chất độn chuồng có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng chất nào được cho phép theo Điều 24 như một loại phân bón hoặc chất điều hòa đất để sử dụng trong sản xuất hữu cơ;
- (e) nơi cho ăn phải được lắp đặt ở những khu vực được bảo vệ khỏi thời tiết và cả động vật và người chăm sóc chúng đều có thể tiếp cận được. Đất nơi đặt nơi cho ăn phải được gia cố, thiết bị cho ăn phải có mái che;
- (f) nếu không thể đảm bảo việc tiếp cận thức ăn thường xuyên thì nơi cho ăn phải được thiết kế sao cho tất cả động vật có thể ăn cùng một lúc.

1.9.3. Đối với động vật lợn

1.9.3.1. Dinh dưỡng

Về dinh dưỡng, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) ít nhất 30% thức ăn chăn nuôi phải đến từ chính trang trại hoặc, nếu điều này không khả thi hoặc thức ăn chăn nuôi đó không có sẵn thì phải được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang chuyển đổi khác và các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng thức ăn và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ cùng khu vực;
- (b) thức ăn thô, thức ăn tươi hoặc khô, hoặc thức ăn ủ chua sẽ được bổ sung vào khẩu phần ăn hàng ngày;
- (c) trong trường hợp người nông dân không thể có được thức ăn chứa protein hoàn toàn từ sản xuất hữu cơ và cơ quan có thẩm quyền đã xác nhận rằng thức ăn chứa protein hữu cơ không có đủ số lượng thì thức ăn có chứa protein phi hữu cơ có thể được sử dụng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 với điều kiện là các điều kiện sau đây đã hoàn thành:
 - (i) nó không có sẵn ở dạng hữu cơ;
 - (ii) nó được sản xuất hoặc chuẩn bị mà không sử dụng dung môi hóa học;
 - (iii) việc sử dụng nó chỉ giới hạn ở việc cho heo con nặng tới 35 kg ăn các hợp chất protein cụ thể; Và
 - (iv) tỷ lệ phần trăm tối đa được cho phép trong khoảng thời gian 12 tháng đối với những động vật đó không vượt quá 5%.
Tính tỷ lệ phần trăm chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp.

1.9.3.2. Tập quán nhà ở và chăn nuôi

Về thực hành nhà ở và chăn nuôi, áp dụng các quy định sau:

- (a) nhà ở phải có sàn nhẵn nhưng không trơn trượt;
- (b) nhà ở phải có khu vực nằm hoặc nghỉ ngơi thoải mái, sạch sẽ và khô ráo với kích thước vừa đủ, bao gồm kết cấu chắc chắn không có thanh gỗ. Khu vực nghỉ ngơi phải được cung cấp nhiều giường khô rải đầy rác. Chất độn chuồng phải bao gồm rơm rạ hoặc vật liệu tự nhiên thích hợp khác. Chất độn chuồng có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng chất nào được cho phép theo Điều 24 như một loại phân bón hoặc chất điều hòa đất để sử dụng trong sản xuất hữu cơ;
- (c) luôn phải có một chiếc luống làm bằng rơm hoặc vật liệu thích hợp khác đủ rộng để đảm bảo rằng tất cả lợn trong một cây bút có thể nằm cùng một lúc theo cách tốn nhiều không gian nhất;
- (d) lợn nái phải được nhốt theo nhóm, ngoại trừ giai đoạn cuối của thai kỳ và trong thời kỳ cho con bú, trong thời gian đó lợn nái phải được di chuyển tự do trong chuồng và chỉ bị hạn chế di chuyển trong thời gian ngắn;
- (e) không ảnh hưởng đến bất kỳ yêu cầu bổ sung nào về rơm, một vài ngày trước khi dự kiến đẻ, lợn nái phải được cung cấp một lượng rơm hoặc vật liệu tự nhiên phù hợp khác đủ để chúng có thể xây tổ;
- (f) các khu vực tập thể dục phải cho phép lợn đi tiêu và nhỏ rể. Với mục đích tạo rể, có thể sử dụng các chất nền khác nhau.

1.9.4. Dành cho gia cầm

1.9.4.1. Nguồn gốc của động vật

Để ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp nuôi thâm canh, gia cầm phải được nuôi cho đến khi đạt độ tuổi tối thiểu hoặc phải nuôi từ các giống gia cầm sinh trưởng chậm thích nghi với việc nuôi ngoài trời.

Cơ quan có thẩm quyền sẽ xác định tiêu chí về các chủng phát triển chậm hoặc lập danh sách các chủng đó và cung cấp thông tin này cho các nhà điều hành, các Quốc gia Thành viên khác và Ủy ban.

Trường hợp người chăn nuôi không sử dụng giống gia cầm sinh trưởng chậm thì tuổi giết mổ tối thiểu được quy định như sau:

- (a) 81 ngày đối với gà;
- (b) 150 ngày đối với mức giới hạn;
- (c) 49 ngày đối với vịt Bắc Kinh;
- (d) 70 ngày đối với vịt Muscovy cái;
- (e) 84 ngày đối với vịt Muscovy đực;
- (f) 92 ngày đối với vịt trời;
- (g) 94 ngày đối với gà sao;
- (h) 140 ngày đối với gà tây đực và ngỗng quay; Và
- (i) 100 ngày đối với gà tây cái.

1.9.4.2. Dinh dưỡng

Về dinh dưỡng, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) ít nhất 30% thức ăn chăn nuôi phải đến từ chính trang trại hoặc, nếu điều này không khả thi hoặc thức ăn chăn nuôi đó không có sẵn thì sẽ được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang chuyển đổi khác và các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng thức ăn và thức ăn chăn nuôi vật liệu từ cùng một khu vực;
- (b) thức ăn thô, thức ăn tươi hoặc khô, hoặc thức ăn ủ chua sẽ được bổ sung vào khẩu phần ăn hàng ngày;
- (c) trong trường hợp người nông dân không thể có được thức ăn chứa protein hoàn toàn từ hoạt động sản xuất hữu cơ dành cho các loài gia cầm và cơ quan có thẩm quyền đã xác nhận rằng thức ăn chứa protein hữu cơ không có đủ số lượng thì thức ăn có chứa protein phi hữu cơ có thể được sử dụng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với điều kiện là rằng các điều kiện sau đây được đáp ứng:
 - (i) nó không có sẵn ở dạng hữu cơ;
 - (ii) nó được sản xuất hoặc chuẩn bị mà không sử dụng dung môi hóa học;
 - (iii) việc sử dụng nó chỉ giới hạn ở việc cho gia cầm non ăn các hợp chất protein cụ thể; Và
 - (iv) tỷ lệ phần trăm tối đa được cho phép trong khoảng thời gian 12 tháng đối với những động vật đó không vượt quá 5%.
Tính tỷ lệ phần trăm chất khô của thức ăn có nguồn gốc nông nghiệp.

1.9.4.3. Phúc lợi động vật

Nghiêm cấm việc vật lông gia cầm sống.

1.9.4.4. Tập quán nhà ở và chăn nuôi

Về thực hành nhà ở và chăn nuôi, áp dụng các quy định sau:

- (a) ít nhất một phần ba diện tích sàn phải là kết cấu kiên cố, nghĩa là không được xây bằng thanh hoặc lưới và phải được phủ bằng vật liệu rác như rơm, dăm gỗ, cát hoặc cỏ;
- (b) trong chuồng nuôi gà đẻ, phải dành một phần diện tích sàn đủ lớn dành cho gà mái để thu gom phân chim;
- (c) các tòa nhà sẽ được dọn sạch vật nuôi giữa mỗi lứa gia cầm đã được nuôi. Các tòa nhà và phụ kiện phải được làm sạch và khử trùng trong thời gian này. Ngoài ra, khi việc nuôi từng lô gia cầm đã hoàn tất, các chuồng nuôi sẽ được để trống trong khoảng thời gian do các Quốc gia Thành viên quy định để cho phép thảm thực vật phát triển trở lại. Những yêu cầu đó sẽ không áp dụng khi gia cầm không được nuôi theo đợt, không được thả rông và được thả rông suốt cả ngày;

- (d) gia cầm phải được tiếp cận khu vực ngoài trời trong ít nhất một phần ba cuộc đời của chúng. Tuy nhiên, gà đẻ và gia cầm vỗ béo phải được tiếp cận khu vực ngoài trời trong ít nhất một phần ba cuộc đời của chúng, trừ khi các hạn chế tạm thời được áp dụng trên cơ sở luật pháp của Liên minh;
- (e) quyền tiếp cận không khí ngoài trời liên tục vào ban ngày phải được cung cấp càng sớm càng tốt trên thực tế và bất cứ khi nào điều kiện sinh lý và thể chất cho phép, trừ khi các hạn chế tạm thời được áp dụng trên cơ sở luật pháp của Liên minh;
- (f) bằng cách vi phạm điểm 1.6.5, trong trường hợp chăn nuôi gia cầm và gà mái tơ dưới 18 tuần tuổi, khi áp dụng các điều kiện quy định tại điểm 1.7.3 liên quan đến các hạn chế và nghĩa vụ liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe con người và động vật trên cơ sở đáp ứng luật pháp của Liên minh và ngăn chặn chim sinh sản và gà mái tơ dưới 18 tuần tuổi tiếp cận các khu vực ngoài trời, hiên sẽ được coi là khu vực ngoài trời và, trong những trường hợp như vậy, phải có hàng rào bằng lưới thép để giữ các loài chim khác ngoài;
- (g) các khu vực ngoài trời dành cho gia cầm phải cho phép gia cầm dễ dàng tiếp cận đủ số lượng máng uống;
- (h) khu vực ngoài trời dành cho gia cầm phải được che phủ chủ yếu bằng thảm thực vật;
- (i) trong các điều kiện mà nguồn thức ăn sẵn có ở khu vực chăn nuôi bị hạn chế, ví dụ, do tuyết bao phủ kéo dài hoặc điều kiện thời tiết khô cạn, việc cho ăn bổ sung thức ăn thô sẽ được đưa vào như một phần trong khẩu phần ăn của gia cầm;
- (j) khi gia cầm được nuôi trong nhà do những hạn chế hoặc nghĩa vụ áp đặt trên cơ sở luật pháp của Liên minh, chúng sẽ có quyền tiếp cận thường xuyên với đủ số lượng thức ăn thô và vật liệu phù hợp để đáp ứng nhu cầu đạo đức của chúng;
- (k) chim nước phải được tiếp cận suối, ao, hồ hoặc ao bất cứ khi nào thời tiết và điều kiện vệ sinh cho phép, để tôn trọng nhu cầu cụ thể của loài và yêu cầu về phúc lợi động vật; khi điều kiện thời tiết không cho phép tiếp cận như vậy, chúng phải được tiếp cận với nước để chúng có thể nhúng đầu vào đó để làm sạch bộ lông;
- (l) ánh sáng tự nhiên có thể được bổ sung bằng các biện pháp nhân tạo để cung cấp tối đa 16 giờ ánh sáng mỗi ngày, với thời gian nghỉ ban đêm liên tục không có ánh sáng nhân tạo ít nhất là 8 giờ;
- (m) tổng diện tích bề mặt có thể sử dụng để vỗ béo gia cầm trong chuồng nuôi gia cầm của bất kỳ cơ sở sản xuất nào sẽ không vượt quá 1.600 m²;
- (n) không được phép nuôi quá 3.000 con gà đẻ trong một ngăn của chuồng nuôi gia cầm.

1.9.5. Dành cho thỏ

1.9.5.1. Dinh dưỡng

Về dinh dưỡng, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) ít nhất 70% thức ăn chăn nuôi phải đến từ chính trang trại hoặc, nếu điều này không khả thi hoặc thức ăn chăn nuôi đó không có sẵn thì phải được sản xuất với sự hợp tác của các đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc đang chuyển đổi khác và các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng thức ăn và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ cùng khu vực;
- (b) thỏ sẽ được tiếp cận đồng cỏ để chăn thả bất cứ khi nào điều kiện cho phép;
- (c) hệ thống chăn nuôi phải dựa trên việc sử dụng tối đa đồng cỏ chăn thả có tính đến sự sẵn có của đồng cỏ trong các giai đoạn khác nhau trong năm;
- (d) thức ăn dạng sợi như rơm hoặc cỏ khô sẽ được cung cấp khi không đủ cỏ. Thức ăn thô xanh phải chiếm ít nhất 60% khẩu phần.

1.9.5.2. Tập quán nhà ở và chăn nuôi

Về thực hành nhà ở và chăn nuôi, áp dụng các quy định sau:

- (a) nhà ở phải có khu vực nằm hoặc nghỉ ngơi thoải mái, sạch sẽ và khô ráo với kích thước vừa đủ, bao gồm kết cấu vững chắc không có thanh gỗ. Khu vực nghỉ ngơi phải được cung cấp nhiều giường khô rải đầy rác. Chất độn chuồng phải bao gồm rơm rạ hoặc vật liệu tự nhiên thích hợp khác. Chất độn chuồng có thể được cải thiện và làm giàu bằng bất kỳ sản phẩm khoáng chất nào được cho phép theo Điều 24 như một loại phân bón hoặc chất điều hòa đất để sử dụng trong sản xuất hữu cơ;
- (b) thỏ phải được nuôi theo nhóm.

(c) các trang trại thỏ phải sử dụng các giống thỏ khỏe mạnh thích nghi với điều kiện ngoài trời;

(d) thỏ sẽ được tiếp cận:

- (i) nơi trú ẩn có mái che bao gồm cả những nơi ẩn náu tối tăm;
- (ii) đường chạy ngoài trời có thảm thực vật, tốt nhất là trên đồng cỏ;
- (iii) một bụi cao để họ có thể ngồi, bên trong hoặc bên ngoài;
- (iv) vật liệu làm tổ cho tất cả các con non.

1.9.6. Dành cho ong

1.9.6.1. Nguồn gốc của động vật

Đối với nghề nuôi ong, nên ưu tiên sử dụng *Apis mellifera* và các kiểu sinh thái địa phương của chúng.

1.9.6.2. Dinh dưỡng

Về dinh dưỡng, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) vào cuối mùa sản xuất, các tổ ong phải có đủ lượng mật ong và phấn hoa dự trữ cho đàn ong. ong sống sót qua mùa đông;
- (b) đàn ong chỉ có thể được cho ăn khi sự tồn tại của đàn ong bị đe dọa do điều kiện khí hậu. Trong trường hợp đó, đàn ong sẽ được cho ăn bằng mật ong hữu cơ, xi-rô đường hữu cơ hoặc đường hữu cơ.

1.9.6.3. Chăm sóc sức khỏe

Về chăm sóc sức khỏe, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) vì mục đích bảo vệ khung, tổ ong và tổ ong, đặc biệt khỏi các loài gây hại, chỉ được phép sử dụng thuốc diệt loài gặm nhấm trong bầy cũng như các sản phẩm và chất thích hợp được phép sử dụng theo Điều 9 và 24 trong sản xuất hữu cơ;
- (b) được phép áp dụng các biện pháp xử lý vật lý để khử trùng ong như dùng hơi nước hoặc ngọn lửa trực tiếp;
- (c) hành vi tiêu diệt con đực chỉ được phép nhằm mục đích cách ly sự lây nhiễm của loài *Varroa* hủy diệt;
- (d) nếu dù đã áp dụng mọi biện pháp phòng ngừa mà đàn bị bệnh hoặc bị nhiễm khuẩn thì chúng phải được điều trị ngay lập tức. và, nếu cần thiết, có thể được đặt trong những nơi nuôi ong cách ly;
- (e) axit formic, axit lactic, axit axetic và axit oxalic, cũng như tinh dầu bạc hà, thymol, eucalyptol hoặc long não, có thể được sử dụng trong trường hợp bị phá hoại bởi chất phá hoại *Varroa*;
- (f) nếu phương pháp xử lý được áp dụng bằng các sản phẩm trị liệu tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, trừ các sản phẩm và chất được phép sử dụng theo Điều 9 và 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ, thì trong thời gian xử lý đó, các khuẩn lạc đã được xử lý phải được cách ly. các nhà nuôi ong và tất cả sáp sẽ được thay thế bằng sáp từ nghề nuôi ong hữu cơ. Sau đó, thời hạn chuyển đổi 12 tháng quy định tại điểm 1.2.2 sẽ được áp dụng cho các thuộc địa đó.

1.9.6.4. Phúc lợi động vật

Đối với nghề nuôi ong, phải áp dụng thêm những nguyên tắc chung sau:

- (a) việc tiêu diệt ong trong tổ ong như một phương pháp liên quan đến việc thu hoạch các sản phẩm nuôi ong sẽ bị cấm;
- (b) nghiêm cấm việc cắt xén như cắt cánh ong chúa.

1.9.6.5. Tập quán nhà ở và chăn nuôi

Về thực hành nhà ở và chăn nuôi, áp dụng các quy định sau:

- (a) các vườn nuôi ong phải được đặt ở những khu vực đảm bảo có sẵn nguồn mật hoa và phấn hoa, chủ yếu bao gồm các loại cây trồng được sản xuất theo phương pháp hữu cơ hoặc, khi thích hợp, của thảm thực vật tự phát hoặc các khu rừng hoặc cây trồng được quản lý phi hữu cơ chỉ được xử lý bằng các phương pháp tác động môi trường thấp;
- (b) các nhà nuôi ong phải được đặt ở khoảng cách vừa đủ với các nguồn có thể dẫn đến ô nhiễm sản phẩm nuôi ong hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe của ong;

- (c) vị trí của các nhà nuôi ong phải sao cho trong bán kính 3 km tính từ địa điểm nuôi ong, nguồn mật hoa và phấn hoa về cơ bản bao gồm các cây trồng được sản xuất hữu cơ hoặc thảm thực vật tự phát hoặc các cây trồng được xử lý bằng các phương pháp tác động môi trường thấp tương đương với các phương pháp được cung cấp cho trong Điều 28 và 30 của Quy định (EU) số 1305/2013 không thể ảnh hưởng đến tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ của nghề nuôi ong. Yêu cầu đó không áp dụng ở nơi không có hoa hoặc đàn ong không hoạt động;
- (d) tổ ong và vật liệu sử dụng trong nuôi ong về cơ bản phải được làm bằng vật liệu tự nhiên không có rủi ro ô nhiễm môi trường hoặc các sản phẩm nuôi ong;
- (e) sáp ong cho nền móng mới sẽ được lấy từ các đơn vị sản xuất hữu cơ;
- (f) chỉ được phép sử dụng các sản phẩm tự nhiên như keo ong, sáp và dầu thực vật trong tổ ong;
- (g) không được sử dụng chất chống thấm hóa học tổng hợp trong quá trình khai thác mật ong;
- (h) không được sử dụng lược bỏ mẹ để lấy mật;
- (i) nghề nuôi ong sẽ không được coi là hữu cơ khi được thực hiện ở các vùng hoặc khu vực do Thành viên chỉ định Các Quốc gia là các vùng hoặc khu vực không thể nuôi ong hữu cơ.

Phần III: Quy chế sản xuất tảo và thủy sản

1. Yêu cầu chung
- 1.1. Hoạt động phải được thực hiện ở những địa điểm không bị ô nhiễm bởi các sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ hoặc với các chất gây ô nhiễm có thể làm tổn hại đến bản chất hữu cơ của sản phẩm.
- 1.2. Các đơn vị sản xuất hữu cơ và phi hữu cơ phải được tách biệt phù hợp theo khoảng cách tách biệt tối thiểu do các Quốc gia Thành viên quy định, nếu có. Các biện pháp phân tách như vậy phải dựa trên điều kiện tự nhiên, hệ thống phân phối nước riêng biệt, khoảng cách, dòng thủy triều, vị trí thượng nguồn và hạ nguồn của đơn vị sản xuất hữu cơ. Sản xuất tảo và nuôi trồng thủy sản sẽ không được coi là hữu cơ khi được thực hiện tại các địa điểm hoặc khu vực được cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên chỉ định là địa điểm hoặc khu vực không phù hợp cho các hoạt động đó.
- 1.3. Bất kỳ nhà điều hành mới nào đăng ký sản xuất hữu cơ và sản xuất hơn 20 tấn sản phẩm nuôi trồng thủy sản mỗi năm đều phải thực hiện đánh giá môi trường phù hợp với đơn vị sản xuất để xác định các điều kiện của đơn vị sản xuất và môi trường trực tiếp cũng như những tác động có thể xảy ra khi hoạt động của đơn vị đó. Người vận hành phải cung cấp bản đánh giá môi trường cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát. Nội dung đánh giá môi trường căn cứ vào Phụ lục IV Chỉ thị 2011/92/EU của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1). Nếu đơn vị sản xuất đã được đánh giá tương đương thì đánh giá đó có thể được sử dụng cho mục đích này.
- 1.4. Việc phá hủy rừng ngập mặn sẽ không được phép.
- 1.5. Nhà điều hành phải cung cấp kế hoạch quản lý bền vững tương ứng với đơn vị sản xuất nuôi trồng thủy sản và thu hoạch tảo.
- 1.6. Kế hoạch phải được cập nhật hàng năm và phải nêu chi tiết các tác động môi trường của hoạt động và giám sát môi trường sẽ được thực hiện, đồng thời phải liệt kê các biện pháp cần thực hiện để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thủy sinh và trên cạn xung quanh, bao gồm cả việc thải chất dinh dưỡng, nếu có thể, vào môi trường theo chu kỳ sản xuất hoặc mỗi năm. Kế hoạch phải ghi lại việc giám sát, sửa chữa các thiết bị kỹ thuật.
- 1.7. Các biện pháp phòng thủ và phòng ngừa được thực hiện chống lại động vật ăn thịt theo Chỉ thị 92/43/EEC và các quy định quốc gia phải được ghi lại trong kế hoạch quản lý bền vững.
- 1.8. Nếu có thể, phải phối hợp với các nhà khai thác lân cận trong việc xây dựng kế hoạch quản lý.
- 1.9. Các nhà điều hành hoạt động kinh doanh nuôi trồng thủy sản và tảo phải lập kế hoạch quản lý bền vững một kế hoạch giảm chất thải sẽ được đưa ra khi bắt đầu hoạt động. Nếu có thể, việc sử dụng nhiệt dư sẽ được giới hạn ở năng lượng từ các nguồn tái tạo.

(1) Chỉ thị 2011/92/EU của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 13 tháng 12 năm 2011 về đánh giá tác động của một số dự án công và tư nhân đối với môi trường (OJ L 26, 28.1.2012, trang 1).

- 1.10. Chuẩn bị sản phẩm chưa qua chế biến
- Nếu các hoạt động chuẩn bị, ngoài chế biến, được thực hiện trên tảo hoặc động vật nuôi trồng thủy sản thì các yêu cầu chung nêu tại các điểm 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 và 2.2.3 của Phần IV sẽ được áp dụng với những sửa đổi phù hợp cho các hoạt động đó.
2. Yêu cầu đối với tảo
- Ngoài các quy tắc sản xuất chung quy định tại Điều 9, 10, 11 và 15 và nếu có liên quan tại Mục 1 của Phần này, các quy tắc quy định tại Mục này sẽ áp dụng cho việc thu hái và sản xuất tảo hữu cơ. Những quy tắc đó phải được áp dụng với những sửa đổi phù hợp đối với việc sản xuất thực vật phù du.
- 2.1. chuyển đổi
- 2.1.1. Thời gian chuyển đổi một đơn vị sản xuất thu gom tảo là 6 tháng.
- 2.1.2. Thời gian chuyển đổi một đơn vị sản xuất sang nuôi trồng tảo là khoảng thời gian 6 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất đầy đủ, tùy theo thời gian nào dài hơn.
- 2.2. Quy tắc sản xuất tảo
- 2.2.1. Việc thu hái tảo hoang dã và các bộ phận của chúng được coi là sản xuất hữu cơ với điều kiện:
- (a) các khu vực trồng trọt phù hợp về mặt sức khỏe và có tình trạng sinh thái cao như được xác định bởi Chỉ thị 2000/60/EC hoặc có chất lượng tương đương với:
- các khu sản xuất được phân loại là A và B trong Quy định (EC) số 854/2004 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng (1), cho đến ngày 13 tháng 12 năm 2019, hoặc
 - các lĩnh vực phân loại tương ứng được quy định trong các đạo luật triển khai được Ủy ban thông qua theo Điều 18(8) của Quy định (EU) 2017/625, từ ngày 14 tháng 12 năm 2019;
- (b) việc thu hái không ảnh hưởng đáng kể đến sự ổn định của hệ sinh thái tự nhiên hoặc việc duy trì loài trong khu vực thu hái.
- 2.2.2. Việc nuôi trồng tảo phải diễn ra ở những khu vực có đặc điểm môi trường và sức khỏe ít nhất tương đương với những đặc điểm nêu tại điểm 2.2.1(a) để được coi là hữu cơ. Ngoài ra, phải áp dụng các quy tắc sản xuất sau:
- (a) các biện pháp thực hành bền vững phải được áp dụng trong tất cả các giai đoạn sản xuất, từ việc thu gom tảo non đến thu hoạch;
- (b) để đảm bảo duy trì nguồn gen rộng lớn, việc thu thập tảo non trong tự nhiên phải diễn ra thường xuyên để duy trì và tăng tính đa dạng của nguồn nuôi trong nhà;
- (c) không được sử dụng phân bón, ngoại trừ tại các cơ sở trong nhà và chỉ khi được phép theo quy định của pháp luật. Điều 24 về sử dụng trong sản xuất hữu cơ cho mục đích này.
- 2.3. Nuôi trồng tảo
- 2.3.1. Nuôi tảo trên biển chỉ được phép sử dụng các chất dinh dưỡng có trong tự nhiên trong môi trường hoặc từ hoạt động nuôi trồng thủy sản hữu cơ, tốt nhất là nằm gần đó như một phần của hệ thống nuôi ghép.
- 2.3.2. Ở các cơ sở trên đất nơi sử dụng nguồn dinh dưỡng bên ngoài, mức độ dinh dưỡng trong nước thải phải bằng hoặc thấp hơn mức nước chảy vào. Chỉ những chất dinh dưỡng có nguồn gốc thực vật hoặc khoáng chất được phép sử dụng theo Điều 24 trong sản xuất hữu cơ mới được phép sử dụng.
- 2.3.3. Mật độ nuôi hoặc cường độ hoạt động phải được ghi lại và phải duy trì tính toàn vẹn của môi trường nước bằng cách đảm bảo rằng không vượt quá số lượng tảo tối đa có thể hỗ trợ mà không gây tác động tiêu cực đến môi trường.
- 2.3.4. Dây thừng và các thiết bị khác dùng để trồng tảo phải được tái sử dụng hoặc tái chế nếu có thể.
- 2.4. Bộ sưu tập tảo hoang dã bền vững
- 2.4.1. Việc ước tính sinh khối một lần sẽ được thực hiện ngay từ khi bắt đầu thu thập tảo.

(1) Quy định (EC) số 854/2004 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 29 tháng 4 năm 2004 đặt ra các quy tắc cụ thể cho tổ chức các biện pháp kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm cho con người (OJ L 139, 30.4.2004, p. 206).

- 2.4.2. Các tài khoản chứng tử phải được lưu giữ trong đơn vị hoặc cơ sở và phải cho phép người vận hành xác định và cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát xác minh rằng người thu gom chỉ cung cấp tảo hoang dã được sản xuất theo Quy định này.
- 2.4.3. Việc thu gom phải được thực hiện sao cho lượng thu được không gây tác động đáng kể đến hiện trạng môi trường nước. Các biện pháp như kỹ thuật thu gom, kích thước tối thiểu, độ tuổi, chu kỳ sinh sản hoặc kích thước của tảo còn lại phải được thực hiện để đảm bảo tảo có thể tái sinh và ngăn chặn việc đánh bắt nhầm.
- 2.4.4. Nếu tảo được thu thập từ một khu vực thu gom chung hoặc chung, phải có bằng chứng tài liệu do cơ quan có thẩm quyền do Quốc gia Thành viên liên quan chỉ định cho thấy rằng tổng hoạt động thu thập tuân thủ Quy định này.
3. Yêu cầu đối với động vật nuôi trồng thủy sản
- Ngoài các quy tắc sản xuất chung quy định tại Điều 9, 10, 11 và 15 và nếu có liên quan tại Mục 1 của Phần này, các quy tắc quy định tại Mục này sẽ áp dụng cho sản xuất hữu cơ các loài cá, động vật giáp xác, động vật da gai, và nhuyễn thể. Những quy tắc đó cũng sẽ được áp dụng với những sửa đổi thích hợp đối với việc sản xuất động vật phù du, động vật giáp xác siêu nhỏ, luân trùng, giun và các động vật thủy sản khác làm thức ăn chăn nuôi.
- 3.1. Yêu cầu chung
- 3.1.1. chuyển đổi
- Thời gian chuyển đổi cơ sở sản xuất nuôi trồng thủy sản sau đây được áp dụng đối với các loại hình cơ sở nuôi trồng thủy sản sau đây, trong đó có đối tượng nuôi trồng thủy sản hiện có:
- (a) đối với các cơ sở không thể thoát nước, làm sạch và khử trùng, thời gian chuyển đổi là 24 tháng;
 - (b) đối với các cơ sở đã cạn nước hoặc bỏ hoang, thời gian chuyển đổi là 12 tháng;
 - (c) đối với các cơ sở đã được xả nước, làm sạch và khử trùng, thời gian chuyển đổi là sáu tháng;
 - (d) đối với các cơ sở vùng nước mở, bao gồm cả các cơ sở sản xuất nhuyễn thể hai mảnh vỏ, thời gian chuyển đổi là ba tháng.
- 3.1.2. Nguồn gốc của động vật nuôi trồng thủy sản
- 3.1.2.1. Về nguồn gốc của động vật nuôi trồng thủy sản thực hiện theo nguyên tắc sau:
- (a) nuôi trồng thủy sản hữu cơ sẽ dựa trên việc nuôi đàn con có nguồn gốc từ tôm bố mẹ hữu cơ và từ các đơn vị sản xuất hữu cơ;
 - (b) các loài được trồng tại địa phương sẽ được sử dụng và việc nhân giống phải nhằm mục đích tạo ra các giống thích nghi tốt hơn với điều kiện sản xuất, đảm bảo sức khỏe và phúc lợi động vật tốt cũng như tận dụng tốt nguồn thức ăn. Bằng chứng tài liệu về nguồn gốc và cách xử lý của chúng phải được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền, hoặc, khi thích hợp, cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát;
 - (c) phải chọn những loài có sức sống tốt và có thể sản xuất được mà không gây thiệt hại đáng kể cho loài hoang dã cổ phiếu;
 - (d) vì mục đích nhân giống, động vật nuôi trồng thủy sản đánh bắt tự nhiên hoặc không hữu cơ chỉ có thể được đưa vào trại nuôi trong những trường hợp có lý do chính đáng khi không có giống hữu cơ hoặc khi nguồn gen mới cho mục đích nhân giống được đưa vào đơn vị sản xuất sau khi được ủy quyền đã được cơ quan có thẩm quyền cấp nhằm nâng cao tính thích hợp của nguồn gen. Những động vật như vậy phải được quản lý hữu cơ trong ít nhất ba tháng trước khi chúng có thể được sử dụng để nhân giống. Đối với động vật nằm trong Danh sách đỏ các loài có nguy cơ tuyệt chủng của IUCN, việc cấp phép sử dụng mẫu vật đánh bắt tự nhiên chỉ có thể được cấp trong bối cảnh các chương trình bảo tồn được cơ quan công quyền phụ trách nỗ lực bảo tồn có liên quan công nhận;
 - (e) vì mục đích nuôi trồng, việc đánh bắt cá giống nuôi trồng thủy sản hoang dã sẽ bị hạn chế cụ thể ở phạm vi trường hợp sau:
 - (i) dòng cá hoặc ấu trùng giáp xác và cá con tràn vào tự nhiên khi lấp ao, hệ thống ngăn chặn và thủng loa;

(ii) tái thả cá bột hoặc ấu trùng giáp xác của các loài không có trong Danh sách đỏ của IUCN về các loài có nguy cơ tuyệt chủng trong nuôi trồng thủy sản quảng canh trong vùng đất ngập nước, như ao nước lợ, vùng thủy triều và đầm phá ven biển, với điều kiện:

- việc bổ sung hàng lại phù hợp với các biện pháp quản lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo việc khai thác bền vững các loài liên quan, và
- vật nuôi được cho ăn hoàn toàn bằng thức ăn có sẵn tự nhiên trong môi trường.

Bằng cách xúc phạm điểm (a), các Quốc gia Thành viên có thể cho phép đưa vào một đơn vị sản xuất hữu cơ nhằm mục đích nuôi trồng tối đa 50% cá con phi hữu cơ của các loài không được phát triển thành hữu cơ trong Liên minh trước 1 Tháng 1 năm 2021, với điều kiện là ít nhất 2/3 thời gian sau của chu kỳ sản xuất được quản lý theo phương pháp quản lý hữu cơ. Sự vi phạm như vậy có thể được cấp trong thời gian tối đa là hai năm và sẽ không được gia hạn.

Đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản nằm ngoài Liên minh, việc vi phạm như vậy chỉ có thể được cấp bởi các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã được công nhận theo Điều 46(1) đối với các loài không được phát triển thành hữu cơ trên lãnh thổ của quốc gia nơi nuôi trồng thủy sản. Năm giữ năm ở hoặc Liên minh. Sự xúc phạm như vậy có thể được cấp trong thời gian tối đa là hai năm và sẽ không được gia hạn.

3.1.2.2. Về chăn nuôi, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) không được sử dụng hormone và các chất dẫn xuất hormone;
- (b) không được sử dụng việc sản xuất nhân tạo các chủng đơn tính, ngoại trừ bằng cách phân loại thủ công, việc tạo ra đa bội, lai nhân tạo và nhân bản;
- (c) các chủng thích hợp sẽ được chọn.

3.1.3. Dinh dưỡng

3.1.3.1. Đối với thức ăn cho cá, động vật giáp xác và động vật da gai, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) động vật phải được cho ăn thức ăn đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của động vật ở các giai đoạn phát triển khác nhau phát triển;
- (b) chế độ cho ăn phải được thiết kế với những ưu tiên sau:
 - (i) sức khỏe và phúc lợi động vật;
 - (ii) chất lượng sản phẩm cao, bao gồm cả thành phần dinh dưỡng của sản phẩm, đảm bảo chất lượng cao chất lượng của sản phẩm ăn được cuối cùng;
 - (iii) tác động môi trường thấp;
- (c) phần thức ăn thực vật phải là hữu cơ và phần thức ăn có nguồn gốc từ động vật thủy sản phải có nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản hữu cơ hoặc từ nghề cá đã được chứng nhận là bền vững theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền công nhận phù hợp với các nguyên tắc đặt ra trong Quy định (EU) số 1380/2013;
- (d) nguyên liệu thức ăn chăn nuôi phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, động vật, tảo hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc khoáng chất hoặc vi sinh vật, phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến chỉ được sử dụng nếu chúng được cho phép theo quy định này. Quy định sử dụng trong sản xuất hữu cơ;
- (e) không được sử dụng chất kích thích tăng trưởng và axit amin tổng hợp.

3.1.3.2. Đối với nhuyễn thể hai mảnh vỏ và các loài khác không được con người cho ăn mà ăn sinh vật phù du tự nhiên thì áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) những động vật ăn lọc đó sẽ nhận được tất cả các yêu cầu dinh dưỡng từ thiên nhiên, trừ trường hợp cá con được nuôi tại trại giống, vườn ương;
- (b) các vùng trồng trọt phải phù hợp về mặt sức khỏe và phải có tình trạng sinh thái cao như được xác định theo Chỉ thị 2000/60/EC hoặc có tình trạng môi trường tốt như được xác định theo Chỉ thị 2008/56/EC hoặc có chất lượng tương đương ĐẾN:
 - các khu sản xuất được phân loại là A trong Quy định (EC) số 854/2004, cho đến ngày 13 tháng 12 năm 2019, hoặc

- các lĩnh vực phân loại tương ứng được quy định trong các đạo luật triển khai được Ủy ban thông qua theo Điều 18(8) của Quy định (EU) 2017/625, từ ngày 14 tháng 12 năm 2019.

3.1.3.3. Quy định cụ thể về thức ăn cho thủy sản ăn thịt

Thức ăn cho động vật thủy sản ăn thịt được ưu tiên cung cấp nguồn như sau:

- (a) thức ăn hữu cơ có nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản;
- (b) bột cá và dầu cá từ thức ăn vụn nuôi trồng thủy sản hữu cơ có nguồn gốc từ cá, động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm;
- (c) bột cá, dầu cá và nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc từ cá có nguồn gốc từ cá vụn, động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm đã được đánh bắt để tiêu thụ cho con người trong nghề cá bền vững;
- (d) bột cá, dầu cá và nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc từ cá có nguồn gốc từ cá nguyên con, động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm được đánh bắt bằng nghề cá bền vững và không được sử dụng làm thực phẩm cho con người;
- (e) nguyên liệu thức ăn hữu cơ có nguồn gốc thực vật hoặc động vật; nguyên liệu thực vật không được vượt quá 60% tổng số thành phần.

3.1.3.4. Quy định cụ thể về thức ăn cho một số loài thủy sản

Trong giai đoạn nuôi thương phẩm, cá ở vùng nước nội địa, tôm he, tôm nước ngọt và cá nước ngọt nhiệt đới được cho ăn như sau:

- a) Cho ăn bằng thức ăn tự nhiên có trong ao, hồ;
- (b) khi thức ăn tự nhiên nêu tại điểm (a) không có đủ số lượng, thức ăn hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tốt nhất là được trồng ngay tại trang trại hoặc có thể sử dụng tảo. Người kinh doanh phải lưu giữ bằng chứng bằng văn bản về nhu cầu sử dụng thức ăn bổ sung;
- (c) bổ sung thức ăn tự nhiên theo điểm (b):
 - (i) khẩu phần ăn của tôm he và tôm nước ngọt (*Macrobrachium* spp.) có thể bao gồm một tối đa 25% bột cá và 10% dầu cá có nguồn gốc từ nghề cá bền vững;
 - (ii) khẩu phần thức ăn của cá da trơn (*Pangasius* spp.) có thể bao gồm tối đa 10% bột cá hoặc cá dầu có nguồn gốc từ nghề cá bền vững.

3.1.4. Chăm sóc sức khỏe

3.1.4.1. Phòng chống dịch bệnh

Về phòng bệnh, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) việc phòng bệnh phải dựa trên việc giữ vật nuôi trong điều kiện tối ưu bằng cách chọn địa điểm thích hợp, có tính đến các yêu cầu của loài về chất lượng nước, dòng chảy và tỷ lệ trao đổi chất tốt, thiết kế chuồng trại tối ưu, việc áp dụng các biện pháp thực hành quản lý và chăn nuôi tốt, bao gồm thường xuyên vệ sinh và khử trùng cơ sở, thức ăn chất lượng cao, mật độ thả giống thích hợp, lựa chọn giống và dòng;
- (b) có thể sử dụng thuốc thú y miễn dịch;
- (c) kế hoạch quản lý sức khỏe động vật phải nêu chi tiết các biện pháp an toàn sinh học và phòng chống dịch bệnh, bao gồm thỏa thuận bằng văn bản về tư vấn sức khỏe, tương ứng với đơn vị sản xuất, với các dịch vụ thú y nuôi trồng thủy sản đủ tiêu chuẩn, những người sẽ đến thăm trang trại với tần suất không ít hơn một lần mỗi năm hoặc, đối với động vật có vỏ hai mảnh vỏ, không ít hơn hai năm một lần;
- (d) hệ thống chữa đưng, thiết bị và dụng cụ phải được làm sạch và khử trùng đúng cách;
- (e) các sinh vật gây ô nhiễm sinh học chỉ được loại bỏ bằng các biện pháp vật lý hoặc bằng tay và khi thích hợp sẽ được đưa trở lại biển ở khoảng cách xa trang trại;
- (f) chỉ những chất dùng để làm sạch và khử trùng thiết bị và cơ sở được phép sử dụng theo Điều 24 trong sản xuất hữu cơ mới được phép sử dụng;

(g) đối với việc bỏ hoang, các quy tắc sau sẽ được áp dụng:

(i) cơ quan có thẩm quyền, hoặc, khi thích hợp, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, phải xác định xem việc bỏ hoang có cần thiết hay không và phải xác định khoảng thời gian thích hợp sẽ được áp dụng và ghi lại sau mỗi chu kỳ sản xuất trong các hệ thống chứa nước hở trên biển;

(ii) không bắt buộc phải nuôi dưỡng thể hai mảnh vỏ;

(iii) trong quá trình bỏ hoang, lồng hoặc công trình khác dùng để chặn nuôi thủy sản bị bỏ trống, khử trùng và để trống trước khi sử dụng lại;

(h) khi thích hợp, thức ăn thừa cho cá, phân và động vật chết phải được loại bỏ kịp thời để tránh mọi nguy cơ gây thiệt hại đáng kể về môi trường liên quan đến chất lượng nước, giảm thiểu rủi ro dịch bệnh và tránh thu hút côn trùng hoặc động vật gặm nhấm;

(i) chỉ được phép sử dụng tia cực tím và ozon trong trại giống và vườn ương;

(j) để kiểm soát sinh học các loài ngoại ký sinh, ưu tiên sử dụng cá làm sạch và sử dụng dung dịch nước ngọt, nước biển và natri clorua.

3.1.4.2. Điều trị thú y

Đối với việc xử lý thú y phải áp dụng các nguyên tắc sau:

(a) bệnh phải được chữa trị ngay để tránh gây đau đớn cho vật nuôi. Các sản phẩm thuốc thú y đối chứng tổng hợp về mặt hóa học, bao gồm cả thuốc kháng sinh, có thể được sử dụng khi cần thiết, trong những điều kiện nghiêm ngặt và thuộc trách nhiệm của bác sĩ thú y, khi việc sử dụng các sản phẩm trị liệu bằng thực vật, vi lượng đồng căn và các sản phẩm khác là không phù hợp. Khi thích hợp, các hạn chế đối với các đợt điều trị và thời gian cai nghiện sẽ được xác định;

(b) các biện pháp xử lý liên quan đến bảo vệ sức khỏe con người và động vật được áp dụng trên cơ sở luật pháp của Liên minh sẽ được phép;

(c) khi bắt chấp các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo sức khỏe động vật nêu tại điểm 3.1.4.1 mà có vấn đề về sức khỏe phát sinh thì các biện pháp xử lý thú y có thể được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:

(i) các chất từ thực vật, động vật hoặc khoáng chất ở dạng pha loãng vi lượng đồng căn;

(ii) thực vật và chiết xuất của chúng không có tác dụng gây mê; Và

(iii) các chất như nguyên tố vi lượng, kim loại, chất kích thích miễn dịch tự nhiên hoặc chế phẩm sinh học được cấp phép;

(d) việc sử dụng các phương pháp điều trị đối chứng sẽ được giới hạn ở hai đợt điều trị mỗi năm, ngoại trừ việc tiêm chủng và các chương trình diệt trừ bắt buộc. Tuy nhiên, trong trường hợp chu kỳ sản xuất dưới một năm, sẽ áp dụng giới hạn một lần điều trị đối chứng. Khi vượt quá giới hạn chỉ định đối với phương pháp điều trị đối chứng, động vật nuôi trồng thủy sản có liên quan sẽ không được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ;

(e) việc sử dụng các biện pháp xử lý ký sinh trùng, ngoài các chương trình kiểm soát bắt buộc do các Quốc gia Thành viên thực hiện, sẽ được giới hạn ở mức hai lần mỗi năm hoặc một lần mỗi năm nếu chu kỳ sản xuất dưới 18 tháng;

(f) thời gian thu hồi đối với các phương pháp điều trị thú y đối kháng và điều trị ký sinh trùng theo điểm (d), bao gồm cả các phương pháp điều trị theo chương trình kiểm soát và diệt trừ bắt buộc, sẽ gấp đôi thời gian thu hồi được nêu tại Điều 11 của Chỉ thị 2001/82/EC hoặc, trong trường hợp khoảng thời gian này không được chỉ định là 48 giờ;

(g) bất kỳ việc sử dụng sản phẩm thuốc thú y nào đều phải được khai báo với cơ quan có thẩm quyền, hoặc, nếu thích hợp, với cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, trước khi động vật được bán trên thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ. Hàng đã qua xử lý phải được xác định rõ ràng.

3.1.5. Tập quán nhà ở và chăn nuôi

3.1.5.1. Cấm các cơ sở sản xuất động vật nuôi trồng thủy sản tuần hoàn khép kín, ngoại trừ các trại sản xuất giống và vườn ương hoặc cơ sở sản xuất các loài dùng làm thức ăn hữu cơ.

3.1.5.2. Chỉ được phép làm nóng hoặc làm mát nước nhân tạo trong các trại giống và vườn ươm. Lỗ khoan tự nhiên nước có thể được sử dụng để làm nóng hoặc làm mát nước ở tất cả các giai đoạn sản xuất.

3.1.5.3. Môi trường chăn nuôi thủy sản phải được thiết kế sao cho phù hợp với nhu cầu cụ thể của loài, động vật nuôi trồng thủy sản:

(a) có đủ không gian cho chúng sinh sống và có mật độ thả giống phù hợp được quy định trong đề cập đến các hành vi được đề cập tại Điều 15(3);

(b) được giữ trong nước có chất lượng tốt, cùng với những điều khác, có lưu lượng và tỷ lệ trao đổi thích hợp, lượng oxy vừa đủ và duy trì hàm lượng chất chuyển hóa ở mức thấp;

(c) được nuôi trong điều kiện nhiệt độ và ánh sáng phù hợp với yêu cầu của loài và có tính đến vị trí địa lý.

Khi xem xét ảnh hưởng của mật độ thả nuôi đến sức khỏe của cá được nuôi, tình trạng của cá (chẳng hạn như tổn thương vây, các vết thương khác, tốc độ tăng trưởng, hành vi biểu hiện và sức khỏe tổng thể) và chất lượng nước phải được theo dõi và tính đến.

Đối với cá nước ngọt, loại đáy phải càng gần với điều kiện tự nhiên càng tốt.

Đối với cá chép và các loài tương tự:

- đáy là đất tự nhiên,

- việc bón phân hữu cơ và khoáng chất cho ao hồ chỉ được thực hiện bằng phân bón và chất điều hòa đất đã được cấp phép theo Điều 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ, với lượng bón tối đa là 20 kg nitơ/ha,

- các phương pháp xử lý liên quan đến hóa chất tổng hợp để kiểm soát các loài thực vật thủy sinh và độ che phủ thực vật có trong vùng nước sản xuất đều bị cấm.

3.1.5.4. Việc thiết kế và xây dựng các hệ thống ngăn chặn thủy sinh phải cung cấp tốc độ dòng chảy và các thông số hóa lý để bảo vệ sức khỏe và phúc lợi của động vật cũng như đáp ứng nhu cầu hành vi của chúng.

Các đặc điểm cụ thể của hệ thống sản xuất và hệ thống ngăn chặn các loài hoặc nhóm loài được quy định trong các đạo luật thực hiện nêu tại Điều 15(3) phải được tuân thủ.

3.1.5.5. Cơ sở nuôi trên cạn phải đáp ứng các điều kiện sau:

(a) hệ thống dòng chảy qua phải cho phép giám sát và kiểm soát tốc độ dòng chảy và chất lượng nước của cả nước chảy vào và chảy ra;

(b) ít nhất 10 % diện tích chu vi ('giao diện đất-nước') phải có thảm thực vật tự nhiên.

3.1.5.6. Hệ thống ngăn chặn trên biển phải đáp ứng các điều kiện sau:

(a) chúng phải được đặt ở nơi có lưu lượng nước, độ sâu và tỷ lệ trao đổi giữa nước và vùng nước đủ để giảm thiểu tác động tác động đến đáy biển và vùng nước xung quanh;

(b) chúng phải có thiết kế, kết cấu và bảo trì lồng phù hợp liên quan đến khả năng tiếp xúc với môi trường hoạt động.

3.1.5.7. Hệ thống ngăn chặn phải được thiết kế, bố trí và vận hành để giảm thiểu rủi ro xảy ra sự cố thoát hiểm.

3.1.5.8. Nếu cá hoặc động vật giáp xác trốn thoát, phải thực hiện hành động thích hợp để giảm tác động đến hệ sinh thái địa phương, bao gồm cả việc thu hồi khi thích hợp. Hồ sơ phải được lưu giữ.

3.1.5.9. Đối với nuôi trồng thủy sản trong ao, bể hoặc mương, trang trại phải trang bị giường lọc tự nhiên, ao lắng, bộ lọc sinh học hoặc bộ lọc cơ học để thu gom chất thải dinh dưỡng hoặc sử dụng tảo, động vật (hai mảnh vỏ) góp phần nâng cao chất lượng thức ăn chăn nuôi. nước thải. Việc giám sát nước thải phải được thực hiện định kỳ khi thích hợp.

3.1.6. Phúc lợi động vật

3.1.6.1. Tất cả những người tham gia nuôi trồng thủy sản phải có kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết như liên quan đến sức khỏe và nhu cầu phúc lợi của những động vật đó.

3.1.6.2. Việc xử lý động vật nuôi trồng thủy sản phải được giảm thiểu và phải được thực hiện hết sức thận trọng. Phải sử dụng thiết bị và quy trình phù hợp để tránh căng thẳng và hư hỏng vật lý liên quan đến quy trình xử lý. Tóm bố mẹ phải được xử lý theo cách giảm thiểu thiệt hại về thể chất và căng thẳng, đồng thời phải được xử lý dưới hình thức gây mê khi thích hợp. Hoạt động phân loại phải được giữ ở mức tối thiểu và chỉ được sử dụng khi cần thiết để đảm bảo phúc lợi cho cá.

3.1.6.3. Những hạn chế sau đây sẽ được áp dụng cho việc sử dụng ánh sáng nhân tạo:

(a) để kéo dài độ dài ngày tự nhiên, nó không được vượt quá mức tối đa phù hợp với nhu cầu tập quán, điều kiện địa lý và sức khỏe chung của động vật; mức tối đa này không được vượt quá 14 giờ mỗi ngày, trừ khi cần thiết cho mục đích sinh sản;

(b) phải tránh những thay đổi đột ngột về cường độ ánh sáng tại thời điểm chuyển đổi bằng cách sử dụng đèn có thể điều chỉnh độ sáng hoặc ánh sáng nền.

3.1.6.4. Được phép sục khí để đảm bảo phúc lợi và sức khỏe động vật. Thiết bị sục khí cơ học tốt nhất nên được cung cấp năng lượng từ các nguồn năng lượng tái tạo.

3.1.6.5. Chỉ có thể sử dụng oxy cho các mục đích sử dụng liên quan đến các yêu cầu về sức khỏe và phúc lợi động vật và trong các giai đoạn quan trọng của quá trình sản xuất, sản xuất, vận chuyển và chỉ trong các trường hợp sau:

(a) các trường hợp đặc biệt về sự thay đổi nhiệt độ, giảm áp suất khí quyển hoặc ô nhiễm nước do tai nạn;

(b) các thủ tục quản lý hàng tồn kho không thường xuyên, chẳng hạn như lấy mẫu và phân loại;

(c) để đảm bảo sự sống còn của đàn trang trại.

3.1.6.6. Phải thực hiện các biện pháp thích hợp để duy trì thời gian vận chuyển động vật nuôi trồng thủy sản đến địa điểm tối thiểu.

3.1.6.7. Mọi đau khổ phải được hạn chế ở mức tối thiểu trong suốt cuộc đời của động vật, kể cả vào thời điểm giết mổ.

3.1.6.8. Việc cắt bỏ cuống mắt, bao gồm tất cả các phương pháp tương tự như thắt, rạch và véo, đều bị cấm.

3.1.6.9. Kỹ thuật giết mổ phải làm cho cá bất tỉnh và không còn cảm giác đau đớn ngay lập tức. Việc xử lý trước khi giết mổ phải được thực hiện theo cách tránh được thương tích trong khi vẫn giữ được sự đau khổ và căng thẳng ở mức tối thiểu. Sự khác biệt về quy mô thu hoạch, loài và địa điểm sản xuất phải được tính đến khi xem xét các phương pháp giết mổ tối ưu.

3.2. Quy tắc chi tiết cho động vật thân mềm

3.2.1. Nguồn gốc của hạt giống

Về nguồn gốc của hạt giống áp dụng nguyên tắc sau:

(a) giống tự nhiên từ bên ngoài ranh giới của đơn vị sản xuất có thể được sử dụng trong trường hợp động vật có vỏ hai mảnh vỏ, miễn là không gây thiệt hại đáng kể cho môi trường, với điều kiện là luật pháp địa phương cho phép và với điều kiện là giống tự nhiên có nguồn gốc từ :

(i) các bãi bồi không có khả năng tồn tại trong thời tiết mùa đông hoặc dư thừa so với yêu cầu; hoặc

(ii) sự lắng đọng tự nhiên của hạt giống động vật có vỏ trên người thu gom;

(b) đối với hầu cốc (*Crassostrea gigas*), ưu tiên nuôi giống được lai tạo chọn lọc để giảm sinh sản trong tự nhiên;

(c) hồ sơ phải được lưu giữ về cách thức, địa điểm và thời điểm thu thập hạt giống tự nhiên để cho phép truy xuất nguồn gốc khu vực thu gom;

(d) hạt giống tự nhiên chỉ có thể được thu thập sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện việc đó.

3.2.2. Tập quán nhà ở và chăn nuôi

Về thực hành nhà ở và chăn nuôi, áp dụng các quy định sau:

- (a) việc sản xuất có thể được thực hiện ở cùng khu vực nước với sản xuất cá có vây và tảo hữu cơ, trong một hệ thống nuôi ghép phải được ghi lại trong kế hoạch quản lý bền vững. Nhuyễn thể hai mảnh vỏ cũng có thể được nuôi cùng với động vật thân mềm chân bụng, chẳng hạn như cây dừa cạn, trong nuôi ghép;
- (b) việc sản xuất nhuyễn thể hai mảnh vỏ hữu cơ phải được thực hiện trong các khu vực được giới hạn bằng cột, phao hoặc các điểm đánh dấu rõ ràng khác và nếu thích hợp, phải được hạn chế bằng túi lưới, lồng hoặc các phương tiện nhân tạo khác;
- (c) các trang trại nuôi động vật có vỏ hữu cơ phải giảm thiểu rủi ro đối với các loài được quan tâm bảo tồn. Nếu sử dụng lưới săn mồi, thiết kế của chúng không được để cho chim lặn bị tổn hại.

3.2.3. Canh tác

Về trồng trọt phải tuân theo những nguyên tắc sau:

- (a) nuôi trồng trên dây trai và các phương pháp khác được liệt kê trong các đạo luật thực hiện nêu tại Điều 15(3) có thể được sử dụng trong sản xuất hữu cơ;
- (b) chỉ được phép nuôi nhuyễn thể ở tầng đáy khi không gây ra tác động đáng kể nào đến môi trường tại các địa điểm thu gom và nuôi trồng. Một cuộc khảo sát và báo cáo hỗ trợ bằng chứng về tác động môi trường tối thiểu phải được bổ sung thành một chương riêng trong kế hoạch quản lý bền vững và phải được nhà điều hành cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền hoặc, nếu thích hợp, cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát trước khi thực hiện. bắt đầu các hoạt động.

3.2.4. Sự quản lý

Về quản lý, áp dụng các nguyên tắc sau:

- (a) việc sản xuất phải sử dụng mật độ thả nuôi không vượt quá mật độ thả nuôi nhuyễn thể vô cơ tại địa phương. Việc phân loại, tỉa thưa và điều chỉnh mật độ thả giống phải được thực hiện theo sinh khối để đảm bảo phúc lợi vật nuôi và chất lượng sản phẩm cao;
- (b) sinh vật gây bám bản sinh học phải được loại bỏ bằng các biện pháp vật lý hoặc bằng tay và khi thích hợp sẽ được đưa trở lại biển cách xa các trang trại nuôi nhuyễn thể. Động vật thân mềm có thể được xử lý một lần trong chu kỳ sản xuất bằng dung dịch vôi để kiểm soát các sinh vật gây ô nhiễm cạnh tranh.

3.2.5. Quy tắc nuôi hàu cụ thể

Được phép trồng trong túi trên giàn. Những công trình hoặc công trình khác chứa hàu phải được bố trí sao cho tránh hình thành một rào cản hoàn toàn dọc theo bờ biển. Nguyên liệu phải được bố trí cẩn thận trên các luống phù hợp với dòng thủy triều để tối ưu hóa sản xuất. Việc sản xuất phải đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong các đạo luật thực hiện nêu tại Điều 15(3).

Phần IV: Quy định sản xuất thực phẩm đã qua chế biến

Ngoài các quy tắc sản xuất chung quy định tại Điều 9, 11 và 16, các quy tắc quy định tại Phần này sẽ được áp dụng cho sản xuất hữu cơ thực phẩm đã qua chế biến.

1. Yêu cầu chung đối với sản xuất thực phẩm chế biến

- 1.1. Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến và các chất và thành phần khác được sử dụng để chế biến thực phẩm và bất kỳ phương pháp chế biến nào được áp dụng, chẳng hạn như hun khói, phải tuân thủ các nguyên tắc thực hành sản xuất tốt (1).
- 1.2. Các nhà hoạt động sản xuất thực phẩm đã qua chế biến phải thiết lập và cập nhật các quy trình thích hợp dựa trên việc xác định một cách có hệ thống các bước chế biến quan trọng.

(1) Thực hành sản xuất tốt (GMP) như được định nghĩa tại Điều 3(a) của Quy định của Ủy ban (EC) số 2023/2006 ngày 22 tháng 12 năm 2006 về thực hành sản xuất tốt đối với nguyên liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm (OJ L 384, 29.12.2006, tr. 75).

- 1.3. Việc áp dụng các quy trình nêu tại điểm 1.2 phải đảm bảo rằng sản phẩm gia công được sản xuất luôn tuân thủ Quy định này.
- 1.4. Người điều hành phải tuân thủ và thực hiện các thủ tục nêu tại điểm 1.2, và đặc biệt không ảnh hưởng đến Điều 28, phải:
- (a) thực hiện các biện pháp phòng ngừa;
 - (b) thực hiện các biện pháp làm sạch phù hợp, giám sát tính hiệu quả của chúng và lưu giữ hồ sơ về các hoạt động đó;
 - (c) đảm bảo rằng các sản phẩm phi hữu cơ không được đưa ra thị trường với dấu hiệu đề cập đến sản phẩm hữu cơ sản xuất.
- 1.5. Việc chuẩn bị các sản phẩm hữu cơ đã qua chế biến, sản phẩm chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ phải được tách biệt nhau về thời gian và không gian. Khi các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa và phi hữu cơ, ở bất kỳ dạng kết hợp nào, được chuẩn bị hoặc bảo quản trong đơn vị chuẩn bị liên quan, người thực hiện phải:
- (a) thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát nếu thích hợp;
 - (b) thực hiện các hoạt động liên tục cho đến khi hoàn thành quá trình sản xuất, tách biệt tại chỗ hoặc thời gian với các hoạt động tương tự được thực hiện trên bất kỳ loại sản phẩm nào khác (hữu cơ, chuyển đổi hoặc phi hữu cơ);
 - (c) bảo quản các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm đang chuyển đổi và phi hữu cơ trước và sau hoạt động, tách biệt nhau về địa điểm hoặc thời gian;
 - (d) luôn có sẵn sổ đăng ký cập nhật về tất cả các hoạt động và số lượng được xử lý;
 - (e) thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo nhận dạng lô hàng và tránh sự trộn lẫn hoặc trao đổi giữa các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm không chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ;
 - (f) chỉ thực hiện các hoạt động trên các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển hóa sau khi đã làm sạch quy trình sản xuất phù hợp thiết bị.
- 1.6. Các sản phẩm, chất và kỹ thuật phục hồi các đặc tính bị mất trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm hữu cơ, khác phục kết quả do sơ suất trong quá trình chế biến thực phẩm hữu cơ hoặc có thể gây hiểu nhầm về bản chất thực sự của sản phẩm dự định đưa ra thị trường là thực phẩm hữu cơ thì không được sử dụng.
2. Yêu cầu chi tiết đối với sản xuất thực phẩm chế biến
- 2.1. Các điều kiện sau đây phải được áp dụng đối với thành phần của thực phẩm hữu cơ đã qua chế biến:
- (a) sản phẩm phải được sản xuất chủ yếu từ nguyên liệu nông nghiệp hoặc các sản phẩm dùng làm thực phẩm được liệt kê trong Phụ lục I; để xác định một sản phẩm có được sản xuất chủ yếu từ các sản phẩm đó hay không thì không tính đến nước và muối bổ sung;
 - (b) thành phần hữu cơ không được xuất hiện cùng với thành phần đó ở dạng phi hữu cơ;
 - (c) một thành phần đang chuyển đổi sẽ không xuất hiện cùng với thành phần đó ở dạng hữu cơ hoặc không phải dạng hữu cơ.
- 2.2. Sử dụng một số sản phẩm và chất trong chế biến thực phẩm
- 2.2.1. Chỉ các phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến và các thành phần nông nghiệp phi hữu cơ được phép sử dụng theo Điều 24 hoặc Điều 25 trong sản xuất hữu cơ và các sản phẩm và chất nêu tại điểm 2.2.2 mới có thể được sử dụng trong chế biến thực phẩm, ngoại trừ của các sản phẩm và chất thuộc lĩnh vực rượu vang phải áp dụng điểm 2 của Phần VI, và ngoại trừ men thì áp dụng điểm 1.3 của Phần VII.
- 2.2.2. Trong quá trình chế biến thực phẩm, có thể sử dụng các sản phẩm và chất sau:
- (a) các chế phẩm vi sinh vật và enzym thực phẩm thường được sử dụng trong chế biến thực phẩm, với điều kiện là enzym thực phẩm được sử dụng làm phụ gia thực phẩm đã được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24;
 - (b) các chất và sản phẩm được xác định tại điểm (c) và (d)(i) Điều 3(2) của Quy định (EC) số 1334/2008 đã được dán nhãn là chất tạo hương liệu tự nhiên hoặc chế phẩm tạo hương liệu tự nhiên theo Điều khoản 16(2), (3) và (4) của Quy định đó;

- (c) màu để dập thịt và vỏ trứng theo Điều 17 của Quy định (EC) số 1333/2008;
- (d) màu tự nhiên và chất phủ tự nhiên để tạo màu trang trí truyền thống cho vỏ trứng luộc được sản xuất với mục đích đưa chúng ra thị trường vào một thời điểm nhất định trong năm;
- (e) nước uống và muối hữu cơ hoặc phi hữu cơ (với natri clorua hoặc kali clorua là thành phần cơ bản) thường được sử dụng trong chế biến thực phẩm;
- (f) khoáng chất (bao gồm các nguyên tố vi lượng), vitamin, axit amin và vi chất dinh dưỡng, với điều kiện:
- (i) việc sử dụng chúng trong thực phẩm để tiêu dùng thông thường là 'bắt buộc trực tiếp về mặt pháp lý', nghĩa là được yêu cầu trực tiếp bởi các điều khoản của luật Liên minh hoặc các điều khoản của luật quốc gia tương thích với luật Liên minh, với hậu quả là thực phẩm không thể được đặt lưu hành trên thị trường dưới dạng thực phẩm để tiêu dùng thông thường nếu không bổ sung các khoáng chất, vitamin, axit amin, vi chất dinh dưỡng đó; hoặc
- (ii) đối với thực phẩm được đưa ra thị trường có đặc điểm hoặc tác dụng cụ thể liên quan đến sức khỏe hoặc dinh dưỡng hoặc liên quan đến nhu cầu của các nhóm người tiêu dùng cụ thể:
- đối với các sản phẩm nêu tại điểm (a) và (b) Điều 1(1) của Quy định (EU) số 609/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1) việc sử dụng chúng được cho phép bởi Quy định đó và các đạo luật được thông qua trên cơ sở Điều 11(1) của Quy định đó đối với các sản phẩm liên quan, hoặc
 - trong các sản phẩm được quản lý bởi Chỉ thị của Ủy ban 2006/125/EC (2), việc sử dụng chúng được ủy quyền bởi Ủy ban đó Chỉ thị.

2.2.3. Chỉ những sản phẩm làm sạch và khử trùng được cấp phép theo Điều 24 để sử dụng trong quá trình chế biến mới được sử dụng cho mục đích đó.

2.2.4. Với mục đích tính toán nêu tại Điều 30(5), các quy tắc sau sẽ được áp dụng:

- (a) một số phụ gia thực phẩm nhất định được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ theo Điều 24 sẽ được tính là thành phần nông nghiệp;
- (b) các chế phẩm và chất nêu tại các điểm (a), (c), (d), (e) và (f) của điểm 2.2.2 sẽ không được tính theo nguyên liệu nông nghiệp;
- (c) Men và các sản phẩm từ men được tính là nguyên liệu nông nghiệp.

Phần V: Quy định sản xuất thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến

Ngoài các quy tắc sản xuất chung quy định tại Điều 9, 11 và 17, các quy tắc quy định tại Phần này sẽ được áp dụng cho sản xuất hữu cơ thức ăn chăn nuôi đã qua chế biến.

1. Yêu cầu chung đối với sản xuất thức ăn chế biến
 - 1.1. Phụ gia thức ăn chăn nuôi, chất hỗ trợ chế biến và các chất và thành phần khác được sử dụng để chế biến thức ăn và mọi phương pháp chế biến được sử dụng, chẳng hạn như hun khói, phải tuân thủ các nguyên tắc thực hành sản xuất tốt.
 - 1.2. Các nhà điều hành sản xuất thức ăn đã qua chế biến phải thiết lập và cập nhật các quy trình thích hợp dựa trên việc xác định một cách có hệ thống các bước xử lý quan trọng.
 - 1.3. Việc áp dụng các quy trình nêu tại điểm 1.2 phải đảm bảo rằng sản phẩm gia công được sản xuất luôn tuân thủ Quy định này.
 - 1.4. Người điều hành phải tuân thủ và thực hiện các thủ tục nêu tại điểm 1.2, và không ảnh hưởng đến Điều 28, đặc biệt phải:
 - (a) thực hiện các biện pháp phòng ngừa;
 - (b) thực hiện các biện pháp làm sạch phù hợp, giám sát tính hiệu quả của chúng và lưu giữ hồ sơ về các hoạt động đó;

(1) Quy định (EU) số 609/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 12 tháng 6 năm 2013 về thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, thực phẩm dành cho mục đích y tế đặc biệt và chế độ ăn thay thế hoàn toàn để kiểm soát cân nặng và bãi bỏ Chỉ thị 92 của Hội đồng /52/EEC, Chỉ thị 96/8/EC của Ủy ban, 1999/21/EC, 2006/125/EC và 2006/141/EC, Chỉ thị 2009/39/EC của Nghị viện Châu Âu và các Quy định của Hội đồng và Ủy ban (EC) Số 41/2009 và (EC) Số 953/2009 (OJ L 181, 29.6.2013, trang 35).

(2) Chỉ thị của Ủy ban 2006/125/EC ngày 5 tháng 12 năm 2006 về thực phẩm chế biến từ ngũ cốc và thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ (OJ L 339, 6.12.2006, trang 16).

- (c) đảm bảo rằng các sản phẩm phi hữu cơ không được đưa ra thị trường với dấu hiệu đề cập đến sản phẩm hữu cơ sản xuất.
- 1.5. Việc chuẩn bị các sản phẩm hữu cơ đã qua chế biến, sản phẩm chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ phải được tách biệt nhau về thời gian và không gian. Khi các sản phẩm hữu cơ, không chuyển hóa và phi hữu cơ, ở bất kỳ dạng kết hợp nào, được chuẩn bị hoặc bảo quản trong đơn vị chuẩn bị liên quan, người thực hiện phải:
- (a) thông báo cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát;
- (b) thực hiện các hoạt động liên tục cho đến khi hoàn thành quá trình sản xuất, tách biệt tại chỗ hoặc thời gian với các hoạt động tương tự được thực hiện trên bất kỳ loại sản phẩm nào khác (hữu cơ, chuyển đổi hoặc phi hữu cơ);
- (c) bảo quản các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm đang chuyển đổi và phi hữu cơ trước và sau hoạt động, tách biệt nhau về địa điểm hoặc thời gian;
- (d) luôn có sẵn sổ đăng ký cập nhật về tất cả các hoạt động và số lượng được xử lý;
- (e) thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo nhận dạng lô hàng và tránh sự trộn lẫn hoặc trao đổi giữa các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm không chuyển hóa và sản phẩm phi hữu cơ;
- (f) chỉ thực hiện các hoạt động trên các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển hóa sau khi đã làm sạch quy trình sản xuất phù hợp thiết bị.
2. Yêu cầu chi tiết để sản xuất thức ăn chế biến
- 2.1. Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi hữu cơ hoặc nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chuyển hóa không được đưa đồng thời các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tương tự được sản xuất bằng phương pháp phi hữu cơ vào thành phần của sản phẩm thức ăn chăn nuôi hữu cơ.
- 2.2. Bất kỳ nguyên liệu thức ăn nào được sử dụng hoặc chế biến trong sản xuất hữu cơ đều không được xử lý bằng dung môi tổng hợp hóa học.
- 2.3. Chỉ những nguyên liệu thức ăn phi hữu cơ có nguồn gốc thực vật, tảo, động vật hoặc nấm men, nguyên liệu thức ăn có nguồn gốc khoáng sản, phụ gia thức ăn chăn nuôi và chất hỗ trợ chế biến được cấp phép theo Điều 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ mới có thể được sử dụng trong chế biến thức ăn chăn nuôi.
- 2.4. Chỉ những sản phẩm làm sạch và khử trùng được cấp phép theo Điều 24 để sử dụng trong quá trình chế biến mới được sử dụng cho mục đích đó.

Phần VI: Rượu

1. Phạm vi
- 1.1. Ngoài các quy tắc sản xuất chung quy định tại các Điều 9, 10, 11, 16 và 18, các quy tắc quy định tại Phần này sẽ được áp dụng cho việc sản xuất hữu cơ các sản phẩm của ngành rượu vang nêu tại điểm (1) của Điều 1(2) của Quy định (EU) số 1308/2013.
- 1.2. Quy định của Ủy ban (EC) số 606/2009 (1) và (EC) số 607/2009 (2) sẽ được áp dụng, ngoại trừ những quy định rõ ràng khác trong Phần này.
2. Sử dụng một số sản phẩm và chất
- 2.1. Sản phẩm của ngành rượu phải được sản xuất từ nguyên liệu hữu cơ.
- 2.2. Chỉ những sản phẩm và chất được phép sử dụng theo Điều 24 trong sản xuất hữu cơ mới có thể được sử dụng để sản xuất các sản phẩm của ngành rượu vang, kể cả trong quá trình thực hành, xử lý và xử lý rượu vang, tuân theo các điều kiện và hạn chế được nêu trong Quy định (EU) số 1308/2013 và Quy định (EC) số 606/2009, và đặc biệt là trong Phụ lục IA của Quy định sau.

(1) Quy định của Ủy ban (EC) số 606/2009 ngày 10 tháng 7 năm 2009 đặt ra một số quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 479/2008 liên quan đến các loại sản phẩm nhỏ, thực hành về rượu vang và các hạn chế áp dụng (OJ L 193, 24.7.2009, trang 1).

(2) Quy định của Ủy ban (EC) số 607/2009 ngày 14 tháng 7 năm 2009 đặt ra các quy tắc chi tiết nhất định để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 479/2008 liên quan đến tên gọi được bảo hộ về xuất xứ và chỉ dẫn địa lý, thuật ngữ truyền thống, ghi nhãn và cách trình bày của một số sản phẩm ngành rượu vang (OJ L 193, 24.7.2009, p. 60).

3. Thực hành và hạn chế về khoa học
- 3.1. Không ảnh hưởng đến Mục 1 và 2 của Phần này cũng như các lệnh cấm và hạn chế cụ thể được quy định tại các điểm 3.2, 3.3 và 3.4, chỉ các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị về mặt y học, bao gồm cả các hạn chế được quy định tại Điều 80 và Điều 83(2) của Quy định (EU) Số 1308/2013, tại Điều 3, Điều 5 đến Điều 9 và Điều 11 đến Điều 14 của Quy định (EC) số 606/2009, và trong các Phụ lục của Quy định được sử dụng trước ngày 1 tháng 8 năm 2010 sẽ được cho phép.
- 3.2. Việc sử dụng các phương pháp, quy trình và phương pháp điều trị bệnh sau đây sẽ bị cấm:
- (a) cô đặc một phần thông qua làm mát theo điểm (c) Mục B.1 Phần I Phụ lục VIII của Quy định (EU) số 1308/2013;
 - (b) loại bỏ sulfur dioxide bằng các quá trình vật lý theo điểm 8 của Phụ lục IA đối với Quy định (EC) số 606/2009;
 - (c) xử lý điện phân để đảm bảo tính ổn định cao răng của rượu theo điểm 36 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009;
 - (d) khử một phần rượu vang theo điểm 40 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009;
 - (e) xử lý bằng chất trao đổi cation để đảm bảo tính ổn định cao răng của rượu theo điểm 43 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009.
- 3.3. Việc sử dụng các thực hành, quy trình và phương pháp điều trị về mặt y học sau đây được cho phép trong các điều kiện sau:
- (a) xử lý nhiệt theo điểm 2 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009, với điều kiện là nhiệt độ không vượt quá 75 ° C;
 - (b) ly tâm và lọc có hoặc không có chất lọc trợ theo điểm 3 của Phụ lục IA của Quy định (EC) số 606/2009, với điều kiện là kích thước của các lỗ không nhỏ hơn 0,2 micromet.
- 3.4. Bất kỳ sửa đổi nào được đưa ra sau ngày 1 tháng 8 năm 2010 liên quan đến các thực hành, quy trình và biện pháp xử lý rượu vang được quy định trong Quy định (EC) số 1234/2007 hoặc Quy định (EC) số 606/2009 chỉ có thể áp dụng cho việc sản xuất rượu vang hữu cơ sau khi các biện pháp đó đã được đưa vào như được cho phép trong Phần này và, nếu được yêu cầu, sau khi đánh giá theo Điều 24 của Quy định này.

Phần VII: Nấm men dùng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi

Ngoài các quy tắc sản xuất chung quy định tại các Điều 9, 11, 16, 17 và 19, các quy tắc quy định tại Phần này sẽ áp dụng cho sản xuất men hữu cơ dùng làm thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi.

1. Yêu cầu chung
- 1.1. Để sản xuất men hữu cơ, chỉ sử dụng chất nền được sản xuất hữu cơ. Tuy nhiên, cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, được phép bổ sung tới 5% chiết xuất nấm men phi hữu cơ hoặc dịch tự phân vào chất nền (tính theo trọng lượng của chất khô) để sản xuất men hữu cơ khi người vận hành không thể thu được chiết xuất nấm men hoặc dịch tự phân từ sản xuất hữu cơ.
- 1.2. Nấm men hữu cơ không được có mặt trong thực phẩm hữu cơ hoặc thức ăn chăn nuôi cùng với nấm men vô cơ.
- 1.3. Các sản phẩm và chất sau đây có thể được sử dụng trong sản xuất, làm bánh kẹo và bào chế men hữu cơ:
- (a) chất hỗ trợ chế biến được cấp phép theo Điều 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ;
 - (b) các sản phẩm, chất nêu tại điểm (a), (b) và (e) điểm 2.2.2 Phần IV.
- 1.4. Chỉ những sản phẩm làm sạch và khử trùng được cấp phép theo Điều 24 để sử dụng trong quá trình chế biến mới được sử dụng cho mục đích đó.

PHỤ LỤC III

THU GOM, ĐÓNG GÓI, VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN SẢN PHẨM

1. Thu gom sản phẩm và vận chuyển đến đơn vị pha chế

Người vận hành chỉ có thể tiến hành thu thập đồng thời các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển hóa và phi hữu cơ khi đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn bất kỳ sự trộn lẫn hoặc trao đổi nào có thể xảy ra giữa các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm chuyển đổi và phi hữu cơ và để đảm bảo nhận dạng được sản phẩm các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi. Người vận hành phải lưu giữ các thông tin liên quan đến ngày, giờ thu gom, chu trình và ngày giờ tiếp nhận sản phẩm cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát.

2. Đóng gói và vận chuyển sản phẩm đến đơn vị, đơn vị khác

2.1. Nhà điều hành phải đảm bảo rằng các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển hóa được vận chuyển đến các nhà điều hành hoặc đơn vị khác, kể cả người bán buôn và người bán lẻ, chỉ trong bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện thích hợp được đóng kín sao cho không thể thay thế nội dung mà không thao tác hoặc làm hỏng sản phẩm. Con dấu và được cung cấp nhãn nêu rõ, không ảnh hưởng đến bất kỳ dấu hiệu nào khác theo yêu cầu của luật Liên minh:

(a) tên và địa chỉ của người điều hành và, nếu khác, của chủ sở hữu hoặc người bán sản phẩm;

(b) tên sản phẩm hoặc mô tả về thức ăn hỗn hợp kèm theo tham chiếu đến chất hữu cơ sản xuất;

(c) tên hoặc mã số của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát mà người điều hành phải tuân theo; Và

(d) nếu phù hợp, dấu hiệu nhận biết lô hàng theo hệ thống đánh dấu đã được phê duyệt ở cấp quốc gia hoặc được cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đồng ý và cho phép liên kết lô hàng với các hồ sơ nêu tại Điều 34(5).

Thông tin được đề cập từ các điểm (a) đến (d) cũng có thể được trình bày trong tài liệu đi kèm, nếu tài liệu đó có thể được liên kết chắc chắn với bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển sản phẩm. Tài liệu kèm theo này phải bao gồm thông tin về nhà cung cấp hoặc nhà vận chuyển.

2.2. Không yêu cầu đóng kín bao bì, thùng chứa, phương tiện vận chuyển trong các trường hợp:

(a) việc vận chuyển diễn ra trực tiếp giữa hai nhà khai thác, cả hai đều chịu sự kiểm soát hữu cơ hệ thống;

(b) việc vận chuyển chỉ bao gồm các sản phẩm hữu cơ hoặc chỉ đang trong quá trình chuyển hóa;

(c) sản phẩm có kèm theo tài liệu cung cấp thông tin được yêu cầu theo điểm 2.1; Và

(d) cả người vận chuyển nhanh và người điều hành tiếp nhận đều lưu giữ hồ sơ tài liệu về các hoạt động vận tải đó đối với cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát.

3. Các quy định đặc biệt về vận chuyển thức ăn chăn nuôi đến cơ sở sản xuất, sơ chế hoặc kho bảo quản khác

Khi vận chuyển thức ăn chăn nuôi đến cơ sở sản xuất, chuẩn bị hoặc cơ sở bảo quản khác, người vận hành phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

(a) trong quá trình vận chuyển, thức ăn được sản xuất hữu cơ, thức ăn chuyển hóa và thức ăn phi hữu cơ đều có hiệu quả về mặt vật lý. lý thân;

(b) phương tiện hoặc container đã vận chuyển các sản phẩm phi hữu cơ chỉ được sử dụng để vận chuyển các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi nếu:

(i) các biện pháp làm sạch phù hợp, tính hiệu quả đã được kiểm tra, đã được thực hiện trước khi bắt đầu vận chuyển các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi và người điều hành lưu giữ hồ sơ về các hoạt động đó;

(ii) tất cả các biện pháp thích hợp đều được thực hiện, tùy thuộc vào rủi ro được đánh giá theo các thỏa thuận kiểm soát và khi cần thiết, nhà điều hành đảm bảo rằng các sản phẩm phi hữu cơ không thể được đưa ra thị trường với dấu hiệu đề cập đến sản xuất hữu cơ;

(iii) người khai thác lưu giữ hồ sơ tài liệu về các hoạt động vận tải đó cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan điều khiển;

(c) việc vận chuyển thức ăn hữu cơ thành phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi đang chuyển đổi được tách biệt về mặt vật lý hoặc kịp thời với việc vận chuyển các thành phẩm khác;

(d) trong quá trình vận chuyển, số lượng sản phẩm lúc bắt đầu và từng số lượng riêng lẻ được giao trong một đợt giao hàng đều được ghi lại.

4. Vận chuyển cá sống

4.1. Cá sống phải được vận chuyển trong các bể thích hợp có nước sạch đáp ứng nhu cầu sinh lý của chúng về nhiệt độ và oxy hòa tan.

4.2. Trước khi vận chuyển cá và sản phẩm cá hữu cơ, bể chứa phải được làm sạch, khử trùng và tráng nước kỹ lưỡng.

4.3. Phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm căng thẳng. Trong quá trình vận chuyển, mật độ không được đạt tới mức có hại cho đến loài.

4.4. Hồ sơ về các hoạt động nêu tại điểm 4.1, 4.2 và 4.3 phải được lưu giữ.

5. Tiếp nhận sản phẩm từ các đơn vị vận hành khác

Khi nhận được sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi, người thực hiện phải kiểm tra việc đóng kín bao bì, thùng chứa hoặc phương tiện vận chuyển nếu cần thiết và sự hiện diện của các chỉ dẫn nêu trong Phần 2.

Người thực hiện phải kiểm tra chéo thông tin trên nhãn nêu tại Mục 2 với thông tin trên các tài liệu kèm theo. Kết quả của những xác minh đó phải được đề cập rõ ràng trong hồ sơ nêu tại Điều 34(5).

6. Quy định đặc biệt về tiếp nhận sản phẩm từ nước thứ ba

Khi các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi được nhập khẩu từ nước thứ ba, chúng phải được vận chuyển trong bao bì hoặc thùng chứa thích hợp, đóng kín theo cách ngăn ngừa việc thay thế nội dung và mang thông tin nhận dạng của nhà xuất khẩu cũng như bất kỳ nhãn hiệu và số nào khác. Dùng để nhận biết lô hàng và phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm soát nhập khẩu từ nước thứ ba nếu thích hợp.

Khi nhận được một sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi được nhập khẩu từ nước thứ ba, thể nhân hoặc pháp nhân nhận lô hàng nhập khẩu đó để chuẩn bị hoặc tiếp thị tiếp theo phải kiểm tra việc đóng kín bao bì hoặc thùng chứa và, trong trường hợp sản phẩm nhập khẩu theo điểm (b)(iii) của Điều 45(1), phải kiểm tra xem giấy chứng nhận kiểm tra nêu tại Điều đó có bao gồm loại sản phẩm có trong lô hàng hay không. Kết quả của việc xác minh này phải được đề cập rõ ràng trong hồ sơ nêu tại Điều 34(5).

7. Bảo quản sản phẩm

- 7.1. Khu vực bảo quản sản phẩm phải được quản lý theo cách đảm bảo nhận dạng được lô hàng và tránh mọi sự trộn lẫn hoặc nhiễm bẩn với các sản phẩm hoặc chất không phù hợp với các quy tắc sản xuất hữu cơ. Các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển đổi phải luôn được nhận dạng rõ ràng.
 - 7.2. Không có sản phẩm hoặc chất đầu vào nào ngoài những sản phẩm hoặc chất được cho phép theo Điều 9 và 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ sẽ được lưu giữ trong các cơ sở sản xuất thực vật và vật nuôi hữu cơ hoặc đang chuyển đổi.
 - 7.3. Các sản phẩm thuốc thú y dị ứng, bao gồm cả thuốc kháng sinh, có thể được bảo quản trong các cơ sở nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản với điều kiện là chúng được bác sĩ thú y kê đơn liên quan đến việc điều trị nêu tại điểm 1.5.2.2 của Phần II và 3.1.4.2(a) của Phần III. của Phụ lục II, rằng chúng được lưu trữ ở nơi được giám sát và chúng được ghi vào hồ sơ nêu tại Điều 34(5).
 - 7.4. Trường hợp người vận hành xử lý các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm đang chuyển đổi hoặc phi hữu cơ theo bất kỳ cách kết hợp nào và các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi được lưu trữ trong các cơ sở bảo quản, trong đó cũng lưu trữ các sản phẩm nông nghiệp hoặc thực phẩm khác:
 - (a) các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển hóa phải được tách biệt khỏi các sản phẩm nông nghiệp hoặc thực phẩm khác;
 - (b) mọi biện pháp sẽ được thực hiện để đảm bảo nhận dạng chuyển hàng và tránh nhầm lẫn hoặc trao đổi giữa các sản phẩm hữu cơ, chuyển đổi và phi hữu cơ;
 - (c) các biện pháp làm sạch phù hợp, tính hiệu quả của chúng đã được kiểm tra, phải được thực hiện trước khi bảo quản các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển hóa và người thực hiện phải lưu giữ hồ sơ về các hoạt động đó.
 - 7.5. Chỉ những sản phẩm làm sạch và khử trùng được cấp phép theo Điều 24 để sử dụng trong sản xuất hữu cơ mới được phép sử dụng. được sử dụng trong các cơ sở lưu trữ cho mục đích đó.
-

PHỤ LỤC IV

CÁC ĐIỀU KHOẢN NẾU U TẠI ĐIỀU 30

BG: sinh học.

LÀ: sinh thái, sinh học, hữu cơ.

CS: sinh thái, sinh học.

VN: hữu cơ.

CỦA: sinh thái, sinh học.

VN: hữu cơ, hữu cơ.

ANH TA: sinh học.

VN: hữu cơ.

Pháp: sinh học.

VN: hữu cơ.

Nhân sự: hữu cơ.

NÓ: sinh học.

LV: sinh học, sinh thái.

LT: sinh thái.

ANH TA: sinh học, sinh thái.

VN: hữu cơ.

VN: hữu cơ.

NL: sinh học.

PL: sinh thái.

PT: sinh học.

RO: sinh thái.

SK: sinh thái, sinh học.

SL: sinh thái.

LÀ: tự nhiên.

tiền văn: sinh thái.

PHỤ LỤC V

LOGO SẢN XUẤT HỮU CƠ LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ MÃ SỐ

1. Biểu tượng

1.1. Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu sẽ tuân theo mẫu dưới đây:



1.2. Màu tham chiếu trong Pantone là Xanh lá Pantone số 376 và Xanh lục (50 % Lục lam + 100 % Vàng), khi bốn-quả trình màu sắc được sử dụng.

1.3. Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu cũng có thể được sử dụng với màu đen và trắng như minh họa, chỉ ở những nơi có không thể áp dụng nó bằng màu sắc:



1.4. Nếu màu nền của bao bì hoặc nhãn tối thì các ký hiệu có thể được sử dụng ở định dạng âm, sử dụng màu nền của bao bì hoặc nhãn.

1.5. Nếu logo được sử dụng có màu trên nền màu khiến khó nhìn thấy thì có thể sử dụng đường phân cách bên ngoài xung quanh logo để cải thiện độ tương phản với màu nền.

- 1.6. Khi có chỉ dẫn bằng một màu duy nhất trên bao bì, logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu có thể được sử dụng cùng màu.
- 1.7. Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu phải có chiều cao ít nhất là 9 mm và chiều rộng ít nhất là 13,5 mm; tỷ lệ chiều cao/chiều rộng luôn là 1:1,5. Ngoại lệ, kích thước tối thiểu có thể giảm xuống độ cao 6 mm đối với các gói hàng rất nhỏ.
- 1.8. Logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu có thể được liên kết với các yếu tố đồ họa hoặc văn bản đề cập đến sản xuất hữu cơ với điều kiện chúng không sửa đổi hoặc thay đổi bản chất của logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu cũng như bất kỳ dấu hiệu nào được xác định theo quy định. với Điều 32. Khi liên kết với các logo quốc gia hoặc tư nhân sử dụng màu xanh lá cây khác với màu tham chiếu được quy định tại điểm 1.2, logo sản xuất hữu cơ của Liên minh Châu Âu có thể được sử dụng bằng màu không tham chiếu đó.

2. Mã số

Định dạng chung của mã số như sau:

AB-CDE-999

Ở đâu:

- (a) 'AB' là mã ISO của quốc gia nơi thực hiện các hoạt động kiểm soát;
- (b) 'CDE' là một thuật ngữ, được biểu thị bằng ba chữ cái do Ủy ban hoặc từng Quốc gia Thành viên quyết định, như 'bio' hoặc 'öko' hoặc 'org' hoặc 'eko' nhằm thiết lập mối liên hệ với sản xuất hữu cơ; Và
- (c) '999' là số tham chiếu, được biểu thị bằng tối đa ba chữ số, được chỉ định bởi:
- (i) cơ quan có thẩm quyền của mỗi Quốc gia Thành viên đối với các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được giao nhiệm vụ kiểm soát;
- (ii) Ủy ban, gửi:
- cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được Ủy ban công nhận theo Điều 46,
 - cho cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba được Ủy ban công nhận theo Điều 48.

PHỤ LỤC VI

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN

Giấy chứng nhận theo Điều 35(1) của Quy định (EU) 2018/848 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ

1. Document number:	
2. (tick one box as appropriate) <input type="checkbox"/> Operator <input type="checkbox"/> Group of operators – see annex	3. Name and address of operator or group of operators:
4. Activit(y)(ies) of the operator or group of operators (choose as appropriate): <input type="checkbox"/> Agricultural production <input type="checkbox"/> Preparation <input type="checkbox"/> Distribution <input type="checkbox"/> Storing <input type="checkbox"/> Import <input type="checkbox"/> Export <input type="checkbox"/> Placing on the market	5. Name, address and code number of control authority or control body of the operator or group of operators:
6. Categor(y)(ies) of products as referred to in Article 35(7) of Regulation (EU) 2018/848 and production methods (choose as appropriate):	
— unprocessed plants and plant products, including seeds and other plant reproductive material Production method: <input type="checkbox"/> organic production excluding during the conversion period <input type="checkbox"/> production during the conversion period <input type="checkbox"/> organic production with non-organic production (pursuant to Article 9(7) of Regulation (EU) 2018/848 or in the case of preparation, distribution, storing, import, export, placing on the market)	Certificate validity period from to
— livestock and unprocessed livestock products Production method: <input type="checkbox"/> organic production excluding during the conversion period <input type="checkbox"/> production during the conversion period <input type="checkbox"/> organic production with non-organic production (pursuant to Article 9(7) of Regulation (EU) 2018/848 or in the case of preparation, distribution, storing, import, export, placing on the market)	Certificate validity period from to
— algae and unprocessed aquaculture products Production method: <input type="checkbox"/> organic production excluding during the conversion period <input type="checkbox"/> production during the conversion period <input type="checkbox"/> organic production with non-organic production (pursuant to Article 9(7) of Regulation (EU) 2018/848 or in the case of preparation, distribution, storing, import, export, placing on the market)	Certificate validity period from to

<p>— processed agricultural products, including aquaculture products, for use as food</p> <p>Production method:</p> <p><input type="checkbox"/> production of organic products</p> <p><input type="checkbox"/> production of in-conversion products</p> <p><input type="checkbox"/> organic production with non-organic production (pursuant to Article 9(7) of Regulation (EU) 2018/848 or in the case of preparation, distribution, storing, import, export, placing on the market)</p>	Certificate validity period from to
<p>— feed</p> <p>Production method:</p> <p><input type="checkbox"/> production of organic products</p> <p><input type="checkbox"/> production of in-conversion products</p> <p><input type="checkbox"/> organic production with non-organic production (pursuant to Article 9(7) of Regulation (EU) 2018/848 or in the case of preparation, distribution, storing, import, export, placing on the market)</p>	Certificate validity period from to
<p>— wine</p> <p>Production method:</p> <p><input type="checkbox"/> production of organic products</p> <p><input type="checkbox"/> production of in-conversion products</p> <p><input type="checkbox"/> organic production with non-organic production (pursuant to Article 9(7) of Regulation (EU) 2018/848 or in the case of preparation, distribution, storing, import, export, placing on the market)</p>	Certificate validity period from to
<p>— other products listed in Annex I to Regulation (EU) 2018/848 or not covered by previous categories (please specify):</p> <p>Production method:</p> <p><input type="checkbox"/> production of organic products</p> <p><input type="checkbox"/> production of in-conversion products</p> <p><input type="checkbox"/> organic production with non-organic production (pursuant to Article 9(7) of Regulation (EU) 2018/848 or in the case of preparation, distribution, storing, import, export, placing on the market)</p>	Certificate validity period from to
<p>This document has been issued in accordance with Regulation (EU) 2018/848 to certify that the operator or group of operators (choose as appropriate) meets the requirements of that Regulation.</p>	
<p>Date, place:</p>	
<p>Signature on behalf of the issuing control authority or control body:</p>	

Phụ lục - Danh sách thành viên nhóm nhà khai thác theo quy định tại Điều 36 của Quy định (EU) 2018/848

Tên thành viên	Địa chỉ